# Chủ đề 1.THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Ngày 24-10-1945, bản Hiến chương Liên Hợp Quốc chính thức có hiệu lực, đánh dấu sự thành lập của Liên Hợp Quốc. | X |  |
| 2 | Sự thông qua và có hiệu lực của Hiến chương Liên Hợp Quốc đã thiết lập một nền tảng pháp lý cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới. | X |  |
| 3 | Sự ra đời của Liên Hợp Quốc đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong việc xây dựng hệ thống an ninh tập toàn cầu, nhằm ngăn chặn xung đột và bảo bình quốc tế. | X |  |
| 4 | Hiến chương Liên Hợp Quốc được ký kết ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc mà không gặp phải bất kỳ sự phản đối hay tranh luận nào từ các đại biểu tham gia. |  | X |
| 5 | Liên hợp quốc đã đưa ra văn bản quan trọng nhằm thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân thế giới. | X |  |
| 6 | Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc giúp tổ chức này thực thi nhiệm vụ bảo vệ nền hoà bình của các nước thuộc địa. |  | X |
| 7 | Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc năm 1960 đã có tác động tiêu cực đến phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. |  | X |
| 8 | Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc năm 1960 là một trong những văn bản quan trọng thể hiện vai trò và đóng góp của LHQ vì sự tiến bộ của nhân loại. | X |  |
| 9 | Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai. |  | X |
| 10 | Liên Xô, Mỹ, Anh đóng vai trò chủ yếu/quan trọng nhất cho sự ra đời của tổ chức Liên hợp quốc. | X |  |
| 11 | Quá trình thành lập Liên hợp quốc diễn ra kéo dài với nhiều sự kiện quan trọng thể hiện sự nỗ lực vì hòa bình chung của cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 12 | Ý tưởng thành lập Liên hợp quốc gắn liền với quá trình thiết lập và hoạt động của phe Đồng minh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 13 | Một trong những mục tiêu chính của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. | X |  |
| 14 | Liên hợp quốc có quyền can thiệp vào các vấn đề nội bộ của các quốc gia thành viên mà không cần sự đồng ý của các quốc gia đó. |  | X |
| 15 | Mỗi quốc gia thành viên của Liên hợp quốc đều có quyền phủ quyết các quyết định của Đại hội đồng. |  | X |
| 16 | Tính chất đa phương của Liên hợp quốc được thể hiện thông qua việc kết nạp các thành viên theo những thể chế chính trị khác nhau nhằm đặt lợi ích kinh tế lên hàng đầu. |  | X |
| 17 | Hiện nay, Liên hợp quốc cần được nâng cao quyền lực, phương tiện vũ khí và tài chính để tiếp tục duy trì ổn định, an ninh quốc tế trong bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp. |  | X |
| 18 | Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia. | X |  |
| 19 | Thực tiễn quan hệ quốc tế trong thời kì Chiến tranh lạnh cho thấy các nước có thể chế chính trị khác nhau có vai trò như nhau đối với sự hình thành Trật tự thế giới đa cực. |  | X |
| 20 | Sau Chiến tranh lạnh, bản đồ chính trị thế giới được phân chia theo hướng có lợi cho các nước thuộc địa, phụ thuộc. |  | X |
| 21 | Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức lớn cho các nước đang phát triển. | X |  |
| 22 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta có tác động hai mặt đối với phong trào cách mạng thế giới. | X |  |
| 23 | Một trong những đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được thiết lập sau Chiến tranh lạnh là thế giới bị chia thành hai hệ thống  xã hội đối lập. |  | X |
| 24 | Nhân tố đóng vai trò quyết định đến sự hình thành trật tự thế giới hiện nay là cuộc chạy đua sức mạnh quốc gia tổng hợp, trong đó sức mạnh kinh tế là trụ cột. | X |  |
| 25 | Đặc trưng nổi bật của trật tự hai cực I-an-ta là thế giới bị chia thành hai phe đối đầu do Mỹ và Trung Quốc đứng đầu mỗi phe. |  | X |
| 26 | Trong quan hệ quốc tế luôn có sự cạnh tranh về quyền lực giữa các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia lớn trên thế giới. | X |  |
| 27 | Do tàn dư của Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa Mỹ và Nga hiện nay đang căng thẳng đặc biệt về vấn đề ô nhiễm môi trường. |  | X |
| 28 | Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ Chiến tranh lạnh bắt nguồn từ sự đối lập sâu sắc về mục tiêu, lợi ích và chiến lược giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. | X |  |
| 29 | Trật tự hai cực I-an-ta đã dẫn đến tình trạng đối đầu Đông - Tây và cuộc Chiến tranh lạnh kéo dài trong gần bốn thập kỷ nửa sau thế kỉ XX. |  | X |
| 30 | Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) được xem là hội nghị khởi đầu cho việc hình thành một trật tự thế giới mới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc trên toàn thế giới. | X |  |
| 31 | Việc Mỹ đề ra “Kế hoạch Mác-san” còn Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đã tạo ra sự đối đầu về chính trị, quân sự giữa hai hệ thống xã hội đối lập. |  | X |
| 32 | Mối quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển từ đồng minh chiến lược sang cạnh tranh và đối đầu. |  | X |
| 33 | Sự thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va thể hiện sự xói mòn của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. |  | X |
| 34 | Các cuộc chiến tranh cục bộ trong thập niên 50 của thế kỉ XX đã làm thay đổi thế và lực theo hướng có lợi cho Mỹ. |  | X |
| 35 | Một trong những nhân tố làm cho Trật tự thế giới hai cực I- an –ta bắt đầu rạn nứt là thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc (1949). | X |  |
| 36 | Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ. | X |  |
| 37 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã làm xói mòn và dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của trật tự hai cực Ianta. |  | X |
| 38 | Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX là do sự tài trợ, giúp đỡ vô điều kiện của Mỹ. |  | X |
| 39 | Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản là một trong những nguyên nhân buộc Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 40 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã đe dọa đến sự tồn tại của Liên Xô và Mỹ. |  | X |
| 41 | Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, tình trạng căng thẳng của Chiến tranh lạnh diễn ra gay gắt và có sự đối đầu quân sự trực tiếp giữa hai siêu cường Mĩ với Liên Xô. |  | X |
| 42 | Cục diện hai phe kết thúc bắt nguồn từ sự suy giảm tương đối sức mạnh của hai cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 43 | Điểm chung của các trật tự thế giới trong thế kỉ XX là đều suy yếu, sụp đổ khi có sự hòa hoàn, thỏa hiệp giữa các siêu cường. |  | X |
| 44 | Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là một biểu hiện của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. | X |  |
| 45 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta chính thức sụp đổ hoàn toàn khi Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 46 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta chỉ bắt đầu xói mòn khi xu hướng hòa hoãn giữa Mỹ và Liên Xô bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX |  | X |
| 47 | Sức mạnh/tiềm lực về chính trị - quân sự có vai trò quan trọng, quyết định nhất đối với sự phát triển của một quốc gia cả trong và sau thời kỳ Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 48 | Hợp tác và cạnh tranh về kinh tế là một nội dung thể hiện xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 49 | Cuộc Chiến tranh lạnh đã làm thay đổi mối quan hệ giữa các cường quốc từng là đồng minh chiến lược trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít. |  | X |
| 50 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, sau đó là Trật tự thế giới hai cực I- an-ta sụp đổ nhưng những di chứng của nó vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới. | X |  |
| 51 | Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là giai đoạn trên thế giới xuất hiện nhiều liên minh quân sự đối lập. | X |  |
| 52 | Chiến tranh lạnh là sự đối đầu căng thẳng về quân sự, chính trị, kinh tế… giữa hai cực, hai phe và không có hồi kết. |  | X |
| 53 | Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, mối quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô đã chuyển dần từ cạnh tranh, đối đầu sang đối thoại, hòa hoãn. | X |  |
| 54 | Sự tan rã của Liên Xô và sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc là những nhân tố tác động đến sự hình thành Trật tự thế giới mới theo xu thế đa cực. | X |  |
| 55 | Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, các trật tự thế giới đều được hình thành trên cơ sở thỏa thuận về sự phân chia quyền lực giữa các cường quốc. |  | X |
| 56 | Cuộc Chiến tranh lạnh (1947-1989) là một trong những nhân tố chi phối nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 57 | Trong thời kì Chiến tranh lạnh (1947-1989) đã diễn ra cuộc chạy đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô. | X |  |
| 58 | Trong những năm 1947-1989, hầu hết các cuộc chiến tranh cục bộ đều mang dấu ấn của Chiến tranh lạnh, với sự can thiệp, hậu thuẫn và trực tiếp đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô. |  | X |
| 59 | Những bất đồng tại Hội nghị I-an-ta là khởi nguồn của sự đối đầu giữa các cường quốc trong phe Đồng minh, dẫn tới tình trạng Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 60 | Năm 1991, Liên Xô đã sụp đổ nhưng nhiều nước vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã chứng tỏ sức sống của hệ thống xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 61 | Liên Xô tan rã (1991) là tổn thất to lớn của phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. | X |  |
| 62 | Nhân tố Mỹ và Liên Xô có vai trò chi phối đối với sự xác lập, phát triển và chấm dứt của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. | X |  |
| 63 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị xói mòn và sụp đổ trong thập niên 1980. |  | X |
| 64 | Chiến tranh lạnh kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố Mỹ và Liên Xô vẫn là quyết định. | X |  |
| 65 | Việc Liên Xô tan rã (1991) đã chính thức chấm dứt cục diện hai cực, hai phe và các cuộc chiến tranh cục bộ. |  | X |
| 66 | Trong các quyết định của Hội nghị Ianta, quyết định đưa đến sự phân chia hai cực trong quan hệ quốc tế là Liên Xô tham gia chống Nhật ở châu Á sau khi kết thúc chiến tranh ở châu Âu |  | X |
| 67 | Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô làm cho chủ nghĩa xã hội không còn tồn tại với tư cách là hệ thống trên thế giới. | X |  |
| 68 | Sự hình thành Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh chịu tác động bởi mục tiêu chiến lược của các cường quốc. | X |  |
| 69 | Sự hình thành và phát triển của các Trật tự thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh đều chứng tỏ Liên hợp quốc là tổ chức duy nhất quyết định điều tiết quan hệ quốc tế. |  | X |
| 70 | Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12 - 1989) đánh dấu kết thúc hoàn toàn cuộc đối đầu quân sự tại châu Âu. |  | X |
| 71 | Tổng thống Mỹ R. Nich-xơn có chuyến thăm chính thức đầu tiên tới Liên Xô đã mở đầu cho sự xói mòn và đi đến sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta. |  | X |
| 72 | Trong trật tự thế giới hai cực I – an – ta đã diễn ra cuộc đối đầu gay gắt, quyết liệt giữa hai cực Xô – Mỹ, làm cho thế giới luôn phức tạp, căng thẳng. | X |  |
| 73 | Với trật tự hai cực I – an – ta, Liên Xô và Mỹ đã đạt được những mục tiêu cơ bản chi phối cục diện thế giới, đồng thời trật tự này đã xâm phạm đến chủ quyền, lãnh thổ và lợi ích của nhiều nước. | X |  |
| 74 | Trong sự đối đầu 2 cực I – an – ta, cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai cực, hai phe là chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945-1954). |  | X |
| 75 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I – an – ta gắn liền với sự đối đầu giữa hai hệ thống xã hội đối lập là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa | X |  |
| 76 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là nhân tố hàng đầu chi phối quan hệ quốc tế phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 77 | Sự tan rã của Liên Xô khiến cho chủ nghĩa xã hội không còn tồn tại, Chiến tranh lạnh thực sự chấm dứt. |  | X |
| 78 | Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là một trong những nguyên nhân sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I an-ta. | X |  |
| 79 | Sự khác nhau về ý thức hệ và sự chạy đua về lợi ích tranh giành ảnh hưởng trong thời kì Chiến tranh lạnh đã được thay thế hoàn toàn bằng cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp. |  | X |
| 80 | “Đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột” nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi, giúp các nước lớn vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới. | X |  |
| 81 | Sự kết thúc Chiến tranh lạnh với sự phát triển của cách mạng khoa – công nghệ đã dẫn tới sự ra đời của xu thế toàn cầu hóa. |  | X |
| 82 | Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện vào đầu những năm 80 là hệ quả trực tiếp của phong trào giải phóng dân tộc. |  | X |
| 83 | Bản chất của toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu. | X |  |
| 84 | Trong xu thế toàn cầu hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định cần tranh thủ thời cơ vượt qua thách thức để phát triển | X |  |
| 85 | Thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 86 | Trong thời kì Chiến tranh lạnh, việc hợp tác về kinh tế - chính trị làm suy yếu tiềm lực phát triển của từng nước. |  | X |
| 87 | Tình trạng đối đầu về chính trị - quân sự của Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất. | X |  |
| 88 | Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh đã dẫn tới sự ra đời của xu thế toàn cầu hóa và một thời kỳ hội nhập quốc tế toàn cầu thực sự. |  | X |
| 89 | Sự sụp đổ của hai hệ thống chính trị-xã hội năm 1991 đã đưa đến sự hình thành của trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm. |  | X |
| 90 | Hòa bình, hợp tác và không cạnh tranh là dòng chảy chính của thời đại, phổ biến của sự phát triển thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 91 | Tiềm lực an ninh, quốc phòng là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo chỗ đứng vững chắc của mỗi quốc gia trong trật tự thế giới mới sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. |  | X |
| 92 | Sau thời kì Chiến tranh lạnh, các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. | X |  |
| 93 | Sau Chiến tranh lạnh, Mỹ đã bước đầu thành công trong việc xóa bỏ trật tự thế giới đa cực và thiết lập trật tự thế giới đơn cực. |  | X |
| 94 | Từ năm 1991, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong thời kỳ Chiến tranh lạnh là chạy đua vũ trang được thay thế bằng cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp. | X |  |
| 95 | Tương quan lực lượng giữa các cường quốc là một trong những nhân tố tác động đến việc hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 96 | Sau Chiến tranh lạnh, trật tự đa cực nhiều trung tâm dần hình thành với ưu thế tuyệt đối thuộc về Mỹ và Trung Quốc. |  | X |
| 97 | Trong mọi cuộc xung đột lợi ích sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia trên thế giới sử dụng thoả hiệp là biện pháp duy nhất để giải quyết các tranh chấp quốc tế. |  | X |
| 98 | Chính sách đối ngoại của các quốc gia sau Chiến tranh lạnh cần phải điều chỉnh để phù hợp với tình hình thế giới hiện nay. | X |  |
| 99 | “Đối thoại, thoả hiệp và tránh xung đột” là xu thế phát triển duy nhất của thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 100 | Sự điều chỉnh quan hệ với nhau và việc xây dựng chính sách đối ngoại của hầu hết các cường quốc sau Chiến tranh lạnh để nhằm mục tiêu xây dựng một “trật tự thế giới đa cực”. | X |  |
| 101 | Trật tự hai cực I-an-ta đã làm cho thế giới bị chia rẽ sâu sắc, hình thành hai phe đối lập về chính trị, kinh tế và quân sự do Mỹ và Liên Xô đứng đầu. | X |  |
| 102 | Chiến tranh lạnh tuy không diễn ra sự đối đầu trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng để lại hậu quả nặng nề qua các cuộc chiến tranh ủy nhiệm tại nhiều khu vực. | X |  |
| 103 | Hội đồng Bảo an là cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới. |  | X |
| 104 | Vị thế của các nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc phản ánh cán cân quyền lực của các cường quốc trong trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 105 | Theo nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sẽ chắc chắn được thông qua khi không có nước nào bỏ phiếu chống. | X |  |
| 106 | Trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, các cường quốc đã điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột quân sự trực tiếp. | X |  |
| 107 | Sự hình thành trật tự thế giới mới là một trong những nhân tố tác động đưa đến quyết định tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 108 | Trong xu thế trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia tùy thuộc chủ yếu vào sức mạnh quân sự, chính trị/ |  | X |
| 109 | Sự ra đời của Liên hợp quốc là kết quả của những nỗ lực vì hoà bình chung của cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 110 | Việc ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất quan điểm thành lập Liên hợp quốc chứng tỏ tổ chức này chỉ phục vụ lợi ích của các nước thắng trận |  | X |
| 111 | Sự gia tăng sức mạnh trong nhiều lĩnh vực đã đưa Mĩ, Trung Quốc, Liên Bang Nga, Ấn Độ trở thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 112 | Từ sau Chiến tranh lạnh, sự suy giảm vị thế của Mỹ là nhân tố quyết định hình thành xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 113 | Sự hình thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế tạo thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam hiện nay. | X |  |
| 114 | Trong xu thế đa cực, Mianma đang phục hồi mạnh mẽ và trở thành một trong những cường quốc hàng đầu thế giới về quân sự, khoa học, kĩ thuật |  | X |
| 115 | Liên hợp quốc quy định các nước thành viên chỉ phải tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của 5 cường quốc (Liên Xô,  Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc). |  | X |
| 116 | Hiến chương Liên hợp quốc có nhiều nguyên tắc, trong đó nhấn mạnh việc được can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia. |  | X |
| 117 | Trong trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc là những nước đang có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới. | X |  |
| 118 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ là nguyên nhân trực tiếp, tạo cơ hội cho Trung Quốc vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. |  | X |
| 119 | Phát huy thành công sức mạnh nội lực là yếu tố quyết định để các nước khẳng định trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm. | X |  |
| 120 | Trong xu thế đa cực và xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia có nhiều thời cơ lớn, nhưng cũng có không ít thách thức và rào cản. | X |  |
| 121 | Tổ chức Liên hợp quốc ra đời đã mở đầu cho sự xuất hiện của các hoạt động ngoại giao song phương hiện đại. |  | X |
| 122 | Tổ chức Liên hợp quốc có những đóng góp đáng kể vào tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. | X |  |
| 123 | Trong thế giới sau Chiến tranh lạnh, chiến tranh, xung đột sắc tộc và tôn giáo chỉ còn diễn ra ở khu vực Trung Đông. |  | X |
| 124 | Trong xu thế đa cực sau Chiến tranh lạnh, các nước điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy quân sự làm trọng tâm để xác lập vị thế trong trật tự thế giới mới. |  | X |
| 125 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, Trật tự thế giới hai cực l-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết quan hệ quốc tế bằng giải pháp hoà bình. | X |  |
| 126 | Trong quan hệ quốc tế, khái niệm đa cực chỉ trạng thái địa – chính trị toàn cầu với ba trung tâm quyền lực chi phối là Mỹ, Liên bang Nga và Trung Quốc. |  | X |
| 127 | Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 128 | Để có thể trở thành một cực trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, các nước phải có chiến lược xây dựng sức mạnh tổng hợp, trong đó sức mạnh kinh tế là trụ cột. | X |  |
| 129 | Đặc trưng quan trọng nhất của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh là việc các nước tiếp tục chạy đua vũ trang để khẳng định sức mạnh của quốc gia. |  | X |
| 130 | Chỉ khi thật sự chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị- xã hội đối lập thì các quốc gia mới chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường. |  | X |
| 131 | Trong kỳ Chiến tranh lạnh, phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu. | X |  |
| 132 | Đức, Nhật Bản và một số quốc gia không lựa chọn phương thức đối đầu về chính trị - quân sự trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 133 | Các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. | X |  |
| 134 | Các quốc gia thành viên Liên hợp quốc chỉ có thể sử dụng vũ lực để bảo vệ lãnh thổ và nền độc lập chính trị. |  | X |
| 135 | Việc từ bỏ đe doạ vũ lực hoặc sử dụng vũ lực của các quốc gia thành viên Liên hợp quốc có thể giúp duy trì an ninh quốc tế. | X |  |
| 136 | Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thực hiện nguyên tắc từ bỏ sử dụng vũ lực, sẽ không còn tranh chấp quốc tế xảy ra. |  | X |
| 137 | Liên hợp quốc ra đời xuất phát từ khát vọng hòa bình của nhân loại. | X |  |
| 138 | Mỹ, Anh, Liên Xô vừa mâu thuẫn, vừa hợp tác với nhau trong vấn đề thành lập và duy trì hoạt động của Liên hợp quốc. | X |  |
| 139 | Việt Nam và Liên hợp quốc đều đóng góp cho sự phát triển thông qua việc khởi xướng và thực hiện các mục tiêu thiên niên kỉ. |  | X |
| 140 | Trong các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu. | X |  |
| 141 | Hiện nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng phương pháp hòa bình. | X |  |
| 142 | Các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản và Đức đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 143 | Sự phát triển của các cường quốc ảnh hưởng đến trật tự thế giới nhưng không liên quan đến cách mạng khoa học - kỹ thuật. |  | X |
| 144 | Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh luôn cố định và không bị thay đổi bởi bất kỳ yếu tố nào. |  | X |
| 145 | Sự sụp đổ của Nhật Bản, Nga và sự chững lại của Liên minh châu Âu (EU) đã tạo ưu thế cho sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. |  | X |
| 146 | Sự vươn lên của Trung Quốc cho thấy hệ thống xã hội chủ nghĩa vẫn là một trung tâm trong xu thế đa cực. |  | X |
| 147 | Trong thế giới đa cực, các cường quốc vừa hợp tác nhưng cũng vừa cạnh tranh nhằm vươn lên khẳng định vị trí của mình. | X |  |
| 148 | Việc Mĩ và Liên Xô kí các hiệp ước cắt giảm vũ khí đã mở ra bước đột phá đầu tiên tấn công vào Trật tự thế giới hai cực I-anta. |  | X |
| 149 | Tất cả các cuộc chiến tranh ở thế kỉ XX đều bị ảnh hưởng, chi phối bởi cuộc Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 150 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, quan hệ quốc tế chuyển từ xu thế “đối đầu” sang xu thế “đối thoại”. | X |  |
| 151 | Tổ chức Liên Hợp Quốc ra đời là kết quả đấu tranh gay gắt từ các hội nghị quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai. |  | X |
| 152 | Năm 2014, Việt Nam bắt đầu cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. | X |  |
| 153 | Đại hội đồng Liên hợp quốc có thẩm quyền rộng trong các lĩnh vực hợp tác chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, có quyền thảo luận và đưa ra kiến nghị về các vấn đề thuộc phạm vi Hiến chương. | X |  |
| 154 | Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên Hợp Quốc sau khi đã gia nhập ASEAN và ngày càng có nhiều đóng góp trong các vấn đề chung của thế giới. |  | X |
| 155 | Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là Ban thư ký. |  | X |
| 156 | Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội là một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc. |  | X |
| 157 | Hiến chương Liên hợp quốc không được xem là văn kiện quan trọng vì nó được xem là điều ước quốc tế nhằm đảm bảo quyền cơ bản của con người. |  | X |
| 158 | Đại hội đồng là cơ quan quan trọng nhất của Liên Hợp Quốc vì thành viên có quyền phủ quyết các dự thảo nghị quyết của Liên hợp quốc. |  | X |
| 159 | Hội đồng Bảo an có 15 thành viên, gồm 5 thành viên thường trực (Anh, Mỹ, Nga, Pháp, Trung Quốc) và 10 thành viên không thường trực với nhiệm kỳ 2 năm. | X |  |
| 160 | Tại Hội nghị Tê-hê-ran ba nước Anh, Mĩ, Liên Xô đã khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc. | X |  |
| 161 | Các tổ chức IMF, WHO, WTO, FAO, ILO, IMO, UNESCO đều là tổ chức thuộc Liên hợp quốc. | X |  |
| 162 | Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc là một trong những vai trò to lớn trong quá trình hoạt động của Liên hợp quốc. |  | X |
| 163 | Vai trò của Liên hợp quốc là trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc, điều phối các nỗ lực quốc tế vì mục tiêu chung |  | X |
| 164 | Mục tiêu duy trì an ninh hòa bình thế giới là mục tiêu được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác. | X |  |
| 165 | Hiến chương Liên hợp quốc là điều ước quốc tế, tuyên bố mục đích, tôn chỉ, cơ cấu tổ chức và các nguyên tắc hoạt động. | X |  |
| 166 | Sau khi giành độc lập từ tay thực dân, đế quốc, các nước Đông Nam Á đều gia nhập Liên hợp quốc ngay sau đó. |  | X |
| 167 | Mối quan hệ giữa các thành viên của tổ chức Liên hợp quốc được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc. | X |  |
| 168 | Liên hợp quốc xác định một trong những nguyên tắc hoạt động là “Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình vì mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh thế giới. | X |  |
| 169 | Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc trong bối cảnh Xu thế hòa hoãn Đông-Tây đang diễn ra, quan hệ quốc tế dần hòa dịu. | X |  |
| 170 | Sau khi hoàn thành công cuộc đổi mới với phương châm hiện đại hóa đất nước, Việt Nam đã chính thức gia nhập Liên hợp quốc. | X |  |
| 171 | Tổ chức Liên hợp quốc khi mới thành lập (1945) ***không*** đề ra mục đích, nhiệm vụ xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. | X |  |
| 172 | Việc phát triển kinh tế, hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế ***không phải*** công cụ chủ yếu phát triển kinh tế các nước thành viên. |  | X |
| 173 | Cơ sở pháp lý giải quyết tranh chấp biển đông dựa trên Hiến chương Liên hợp quốc. | X |  |
| 174 | Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới là cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc. |  | X |
| 175 | Kết hợp nội lực dân tộc với những tiềm năng của Liên Hợp Quốc phát huy tối đa hiệu quả hợp tác trên tất cả các lĩnh vực là một trong những lợi thế của Việt Nam trong những năm vận động giải phóng dân tộc. |  | X |
| 176 | Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hợp tác với hệ thống Liên Hợp Quốc nói riêng, với các cơ chế đa phương khu vực và thế giới nói chung. | X |  |
| 177 | Liên hợp quốc là một tổ chức đa phương toàn cầu, nhằm duy trì hòa bình, an ninh và phát triển bền vững. | X |  |
| 178 | Việc bảo đảm quyền con người và thúc đẩy sự phát triển của Liên hợp quốc đều có mối liên hệ mật thiết với hòa bình và an ninh thế giới. | X |  |
| 179 | Với vai trò là trụ cột trung tâm của hệ thống đa phương hiện đại, Liên hợp quốc có sự hiện diện phủ khắp toàn cầu và hoạt động ở cả những địa bàn khó khăn nhất. | X |  |
| 180 | Đoàn sĩ quan Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại Nam Xu-đăng năm 2021 chứng tỏ Việt Nam tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế. | X |  |
| 181 | Bản chất của toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu | X |  |
| 182 | Sự hình thành trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan. | X |  |
| 183 | Trong xu thế đa cực, thế giới chứng kiến sự nổi lên của các nước Trung Quốc, Nga, Ấn Độ. | X |  |
| 184 | Nhật Bản và các nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong xu thế đa cực. | X |  |
| 185 | Sau Chiến tranh lạnh, Ấn Độ với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và nhanh nhất thế giới ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới. |  | X |
| 186 | Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa là điều kiện quyết định sự hình thành trật tự thế giới đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 187 | Trong xu thế đa cực, quá trình hội nhập quốc tế chỉ diễn ra ở các nước lớn, các trung tâm kinh tế tài chính lớn. |  | X |
| 188 | Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang xu thế đa cực với sự vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc. | X |  |
| 189 | Xây dựng sức mạnh tổng hợp của các quốc gia thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc. | X |  |
| 190 | Sau chiến tranh lạnh, trong sự phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. |  |  |
| 191 | Sau chiến tranh lạnh, các nước lớn chỉ tập trung phát triển kinh tế nhằm tạo ra môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế hàng đầu trong trật tự đa cực. |  | X |
| 192 | Sau chiến tranh lạnh, tất cả các quốc gia đều đang ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và tập trung mọi sức lực vào ưu tiên phát triển kinh tế. | X |  |
| 193 | Sau Chiến tranh lạnh, Các nước ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh của mỗi quốc gia là một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính lành mạnh và một nền công nghệ có trình độ cao. | X |  |
| 194 | Mối quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh mang tính hai mặt, nổi bật là: mâu thuẫn và hài hòa, cạnh tranh và hợp tác, tiếp xúc và hạn chế... |  | X |
| 195 | Xu thế toàn cầu hóa đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho xu thế đối đầu giữa các nước có cùng chế độ chính trị trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 196 | Cục diện thế giới theo xu thế “đa trung tâm” cũng như sự can dự của nhiều nước lớn sau Chiến tranh lạnh đặt ra những thách thức đối với các nước vừa và nhỏ trong việc giữ vững độc lập, tự chủ. | X |  |
| 197 | Trong cục diện thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, các nước vừa và nhỏ trong đó có Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng, tác động đến. |  | X |
| 198 | Liên Xô và Mỹ đều suy giảm vị thế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh vì phương thức đối đầu chính trị - quân sự. | X |  |
| 199 | Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh cho tất cả các quốc gia là không nên tập trung vào phát triển quân sự, quốc phòng đất nước. |  | X |
| 200 | Kinh tế và khoa học – kĩ thuật là hai yếu tố chủ yếu tạo nên sức mạnh tổng hợp của một quốc gia sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt. | X |  |
| 201 | Sau thời kì chiến tranh lạnh, Xô - Mỹ lấy đối đầu về chính trị - quân sự là chủ yếu, trong khi đó Đức và Nhật Bản lại lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chủ yếu. |  | X |
| 202 | Chiến tranh lạnh tuy không diễn ra sự đối đầu trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng để lại hậu quả nặng nề qua các cuộc chiến tranh ủy nhiệm tại nhiều khu vực. | X |  |
| 203 | Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ Chiến tranh lạnh bắt nguồn từ sự đối lập sâu sắc về mục tiêu, lợi ích và chiến lược giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. |  | X |
| 204 | Trật tự hai cực I-an-ta đã làm cho thế giới bị chia rẽ sâu sắc, hình thành hai phe đối lập về chính trị, kinh tế và quân sự do Mỹ và Liên Xô đứng đầu. | X |  |
| 204 | Tuyên ngôn đã tạo cơ sở pháp lí để nhân dân Việt Nam tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước. | X |  |
| 206 | Tuyên ngôn được thông qua là sự kiện đánh dấu chủ nghĩa thực dân bị thủ tiêu hoàn toàn trên thế giới. |  | X |
| 207 | Đại hội đồng Liên hợp quốc là một diễn đàn hợp tác quốc tế lớn và là cơ quan giữ vai trò chủ yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. |  | X |
| 208 | Sự tồn tại của trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh đã ảnh hưởng sâu sắc, làm cho cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật trên thế giới bị chững lại. |  | X |
| 209 | Sự ra đời và phát triển của các quốc gia độc lập sau năm 1945 đã góp phần hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 210 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 buộc Mỹ phải từ bỏ những đặc quyền ở vùng Đông Bắc nước này. |  | X |
| 211 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 212 | Trong Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Liên Xô giành được nhiều quyền lợi, qua đó, mở rộng được hệ thống thuộc địa ở châu Âu và châu Á. |  | X |
| 213 | Trật tự hai cực I-an-ta đã tác động và làm biến đổi sâu sắc đến quan hệ quốc tế, để lại những di chứng ở thời điểm hiện tại. | X |  |
| 214 | Điểm tương đồng của Trật tự đa cực và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là đều hình thành sau các cuộc chiến tranh thế giới. |  | X |
| 215 | Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Nga và Trung Quốc là những trung tâm quyền lực có vai trò, vị trí quan trọng đối với thế giới. | X |  |
| 216 | Thế giới phát triển nhanh chóng theo hướng đa cực từ những năm 50 của thế kỷ XX. |  | X |
| 217 | Một trong những điểm chung của các trật tự thế giới được hình thành trong và sau Chiến tranh lạnh là đều thiết lập trên cơ sở thực lực của các nước trên thế giới. | X |  |
| 218 | Hợp tác và cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế - công nghệ là con đường mang lại hiệu quả cao hơn cho sự phát triển của các quốc gia. | X |  |
| 219 | Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bài học từ Chiến tranh lạnh cho thấy quốc gia nào càng tập trung vào quân sự thì càng dễ có vị thế cao trên trường quốc tế. |  | X |
| 220 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập không phải là nguyên nhân làm suy yếu Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. |  | X |
| 221 | Sự suy yếu của Mỹ và Liên Xô do chạy đua vũ trang là nguyên nhân dẫn đến việc hai nước phải điều chỉnh chính sách đối ngoại và giảm căng thẳng. | X |  |
| 222 | Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba chỉ ảnh hưởng đến Liên Xô và Mỹ, không tác động đến các nước khác. |  | X |
| 223 | Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu làm giảm vai trò dẫn đầu về kinh tế của Mỹ và Liên Xô trên thế giới. | X |  |
| 224 | Sau Chiến tranh lạnh, xu hướng thế giới chuyển dịch sang cục diện “đa cực” là cơ sở để nhiều quốc gia theo đuổi chủ nghĩa đa phương, coi trọng đối ngoại đa phương. | X |  |
| 225 | Sự gia tăng sức mạnh trong nhiều lĩnh vực đã đưa Trung Quốc, Liên Bang Nga, Ấn Độ trở thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 226 | Từ sau Chiến tranh lạnh, sự suy giảm vị thế của Mỹ là nhân tố quyết định hình thành xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 227 | Sự hình thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế tạo thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam hiện nay. | X |  |
| 228 | Ngay sau Chiến tranh lạnh, trật tư đa cực đã được xác lập và trở thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới. |  | X |
| 229 | Liên hợp quốc đã góp phần chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai và đảm bảo hòa bình bền vừng cho nhân loại. |  | X |
| 230 | Từ khi gia nhập Liên hợp quốc, Việt Nam không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề dân tộc. |  | X |
| 231 | Những hoạt động của Việt Nam đã góp phần phát huy vai trò của Liên hợp quốc trong việc đàm phán để chấm dứt chiến tranh thế giới. |  | X |
| 232 | Việt Nam đã vận dụng sáng tạo nguyên tắc của Liên hợp quốc để xây dựng đường lối đối ngoại ngả về phe xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 233 | Sự hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh chỉ chịu tác động từ đối đầu Đông – Tây. |  | X |
| 234 | Thực tiễn cho thấy các trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai đều chịu sự chi phối bởi lợi ích quốc gia, dân tộc. | X |  |
| 235 | Sau Chiến tranh lạnh, trật tự thế giới được hình thành không dựa vào so sánh lực lượng giữa hai hệ thống xã hội đối lập nhau | X |  |
| 236 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 thể hiện sự suy yếu và sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 237 | Sự lớn mạnh của các quốc gia không phân biệt thể chế chính trị góp phần dẫn đến sự xói mòn và sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-ta. | X |  |
| 238 | Sự hình thành và tồn tại của trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh cho thấy sự phân tuyến triệt để giữa hai hệ thống xã hội đối lập. | X |  |
| 239 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự phát triển của Nhật Bản, Tây Âu góp phần đặt cơ sở để hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 240 | Sau Chiến tranh lạnh, đấu tranh về hệ tư tưởng không còn, đánh dấu môi trường an ninh quốc tế phát triển hoà bình, ổn định. |  | X |
| 241 | Mâu thuẫn về lợi ích dân tộc là yếu tố hàng đầu, duy nhất tác động đến việc hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 242 | Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ, Nga, Trung Quốc là những cường quốc có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới. | X |  |
| 243 | Quyết định của Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) đã gây nhiều bất lợi cho phong trào cách mạng thế giới. | X |  |
| 244 | Mối quan hệ giữa tam cường (Liên Xô, Anh, Mỹ) trước và trong Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) là vừa mâu thuẫn, vừa thống nhất. | X |  |
| 245 | Trật cực I-an-ta là nhân tố chủ yếu tác động và chi phối các quan hệ quốc tế trong thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI. |  | X |
| 246 | Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia thành viên là mục tiêu hàng đầu và tổng quát của Liên hợp quốc. |  | X |
| 247 | Vì quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình dựa trên luật pháp quốc tế nên Liên hợp quốc có thể chi phối chủ yếu các trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai. |  | X |
| 248 | Dựa trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc nên Liên hợp quốc có thể giải quyết được mọi tranh chấp quốc tế bằng biện pháp phù hợp cùng cổ hoà bình thế giới. |  | X |
| 249 | Hiến chương của Liên hợp quốc bình đẳng chủ quyền chỉ dành cho các các cường quốc trên thế giới. |  | X |
| 250 | Liên hợp quốc chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ và độc lập chính trị chứng tỏ sự phân tuyến triệt để của trật tự thế giới hình thành sau Chiến tranh lạnh. |  | X |

# 

# Chủ đề 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, yêu cầu hợp tác để cùng phát triển giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á là yêu cầu tất yếu, phù hợp. | X |  |
| 2 | Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a là những quốc gia sớm có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á | X |  |
| 3 | Tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là tổ chức hợp tác khu vực ra đời sớm nhất và thành công nhất. |  | X |
| 4 | Giải quyết hài hoà lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực là một thách thức lớn của tổ chức ASEAN. | X |  |
| 5 | Tổ chức ASEAN nhất trí lấy phương tức “tăng cường ảnh hưởng lẫn nhau” để duy trì sự đoàn kết nội bộ. |  | X |
| 6 | Nguyên tắc “không can thiệp” và “đồng thuận” vừa là thuận lợi vừa là khó khăn đối với ASEAN. | X |  |
| 7 | Nguyên tắc hoạt động của ASEAN là có sự nhất trí và đồng thuận của năm quốc gia sáng lập. |  | X |
| 8 | Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều có nền kinh tế phát triển. |  | X |
| 9 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 chứng tỏ sự khác biệt về ý thức hệ có thể hóa giai. | X |  |
| 10 | Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại. | X |  |
| 11 | Quá trình phát triển từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đến Cộng đồng ASEAN phản ánh xu thế phát triển tất yếu của quan hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 12 | Quá trình mở rộng thành viên của Cộng đồng ASEAN diễn ra lâu dài do tác động của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 13 | Giai đoạn 1967-1976 (1976-...), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của Cộng đồng ASEAN. ASEAN |  | X |
| 14 | Tổ chức ASEAN có chủ trương mở rộng lĩnh vực hợp tác để tăng cường sức mạnh nội khối. | X |  |
| 15 | “Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập” khẳng định nguyên tắc không can thiệp và đa số đồng thuận của ASEAN. |  | X |
| 16 | “Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập” thể hiện quyết tâm duy trì hòa bình trong khu vực của các nước ASEAN. | X |  |
| 17 | Ngay sau khi đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, Việt Nam đã gia nhập vào tổ chức ASEAN. |  | X |
| 18 | Việt Nam gia nhập ASEAN là mốc đánh dấu sự tham gia của toàn bộ các nước Đông Nam Á vào tổ chức. |  | X |
| 19 | Việt Nam gia nhập ASEAN là một biểu hiện của đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 - 1995. | X |  |
| 20 | Hiến chương ASEAN là văn kiện pháp lí đầu tiên, quan trọng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |  | X |
| 21 | Hiến chương ASEAN là cơ sở pháp lý cho hoạt động của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). | X |  |
| 22 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN là một tổ chức hợp tác ở khu vực Đông Nam Á được thành lập năm 1967. | X |  |
| 23 | Ngay từ khi mới thành lập, ASEAN đã trở thành một tổ chức có vị thế và uy tín trên trường quốc tế. |  | X |
| 24 | Sau Chiến tranh lạnh, những chuyển biến phức tạp của thế giới đã buộc các nước ASEAN phải chuyển trọng tâm sang hợp tác an ninh, chính trị. |  | X |
| 25 | Vấn đề Biển Đông là nhân tố duy nhất tạo ra nguy cơ chia rẽ trong quan hệ giữa các nước ASEAN. |  | X |
| 26 | Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh đã tạo những điều kiện thuận lợi để tổ chức khu vực ở Đông Nam Á phát triển và mở rộng. | X |  |
| 27 | Giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, với nhiều cơ chế hợp tác với, ASEAN dần nâng cao vai trò và sức mạnh của mình, chi phối các quan hệ quốc tế. |  | X |
| 28 | Hiện nay, ASEAN là một trong những tổ chức liên kết khu vực thành công nhất thế giới. | X |  |
| 29 | Quá trình khu vực hóa của các nước Đông Nam Á được hoàn thành chỉ trong chưa đầy 10 năm kể từ khi tổ chức ASEAN được thành lập. |  | X |
| 30 | Trong quá trình phát triển, ASEAN đã từng bước xóa bỏ những bất đồng giữa các nước thành viên, gắn kết khu vực và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. | X |  |
| 31 | Quá trình mở rộng thành viên của ASEAN chịu tác động của bối cảnh Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 32 | Cộng đồng ASEAN hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý là Tuyên bố Kuala Lumpur. |  | X |
| 33 | Yếu tố quyết định đến sự hoạt động hiệu quả của tổ chức ASEAN là sự nỗ lực hoạt động của các thành viên. | X |  |
| 34 | Quá trình phát triển thành viên từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn ra nhanh chóng và thuận lợi. |  | X |
| 35 | Các trụ cột của Cộng đồng ASEAN đều nhằm đảm bảo hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung của khu vực. | X |  |
| 36 | Hiệp ước Ba-li (1976) đã xác định những nguyên tắc hoạt động, tạo cơ sở pháp lí cho quan hệ hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN. | X |  |
| 37 | Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN khởi nguồn từ khi Hiến chương ASEAN được thông qua vào năm 2007. |  | X |
| 38 | Khi Việt Nam gia nhập ASEAN, các nước Mỹ, Nhật Bản, Nga, EU lần lượt bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. |  | X |
| 39 | ASEAN được thành lập trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài. | X |  |
| 40 | Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là cơ sở để đưa tổ chức trở thành một liên minh chính trị - quân sự. |  | X |
| 41 | Việt Nam gia nhập ASEAN trong bối cảnh thế giới đã chấm dứt Chiến tranh lạnh và xuất hiện các xu thế mới mang tính tích cực. | X |  |
| 42 | Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN đã đóng vai trò là nhân tố quyết định đối với việc kết nạp các nước còn lại ở Đông Nam Á vào ASEAN. |  | X |
| 43 | Gia nhập ASEAN năm 1995 là sự kiện đánh dấu Việt Nam bắt đầu tiến trình hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện đồng bộ. |  | X |
| 44 | ASEAN mong muốn xây dựng một cộng đồng các nước Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. | X |  |
| 45 | Nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có những điểm tuơng đồng với nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc. | X |  |
| 46 | Tinh thần hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia Đông Nam Á là nền tảng giúp ASEAN giữ vững ổn định khu vực trong suốt quá trình phát triển. | X |  |
| 47 | ASEAN hướng đến mục tiêu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua cạnh tranh giữa các quốc gia. |  | X |
| 48 | Một trong những mục đích thành lập của của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là duy trì hòa bình ổn định khu vực. | X |  |
| 49 | Ngay từ khi ra đời Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã hướng đến xây dựng một cộng đồng vì hòa bình và thịnh vượng. | X |  |
| 50 | Tuyên bố ASEAN được chính thức thông qua tại Băng Cốc (Thái Lan) trong Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản. |  | X |
| 51 | Tuyên bố ASEAN xác định việc xây dựng một tổ chức khu vực phát triển toàn diện theo những nguyên tắc riêng. |  | X |
| 52 | Tuyên bố ASEAN trở thành khuôn khổ cho những thoả thuận của việc thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính. |  | X |
| 53 | Một trong những nhân tố đưa đến sự thành công của ASEAN là sự chia sẻ lợi ích, tầm nhìn và quyết tâm của các nước thành viên. | X |  |
| 54 | Các nước thành viên ASEAN không có điểm khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, có sự tương đồng về quá trình đấu tranh giành độc lập. |  | X |
| 55 | Do quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước diễn ra lâu dài đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển, mở rộng thành viên của ASEAN. | X |  |
| 56 | Ngay sau khi giành được độc lập, Việt Nam đã gia nhập ASEAN và góp phần tạo dựng nên mái nhà chung ASEAN ngày càng ổn định và phát triển. |  | X |
| 57 | Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không tồn tại lâu là do không thống nhất được giá cả và thị trường tiêu thụ hàng hoá. |  | X |
| 58 | Yếu tố thứ yếu để thành lập và mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và lãnh thổ của nhau. |  | X |
| 59 | Quá trình hình thành và phát triển của ASEAN không chịu tác động bởi cách mạng khoa học công nghệ. |  | X |
| 60 | Hiện nay, các thành viên của ASEAN đều là những quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 61 | Là thành viên của ASEAN, Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 62 | Sự kiện Cam-pu-chia gia nhập ASEAN năm 1999 đã đưa tổ chức này trở thành tổ chức “toàn châu Á”. |  | X |
| 63 | Việc gia nhập ASEAN mang lại cho Việt Nam nhiều lợi ích to lớn, giúp Việt Nam hiện thực hóa chủ trương mở rộng và đa dạng hóa trong quan hệ hợp tác quốc tế. | X |  |
| 64 | Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) đánh dấu sự kết thúc thời kì đối đầu giữa các nước sáng lập ASEAN với các nước Đông Dương. | X |  |
| 65 | Việc trở thành thành viên của ASEAN đóng vai trò quyết định đối với những thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới đất nước |  | X |
| 66 | Việc gia nhập ASEAN (1995) mang lại nhiều lợi ích to lớn, là bước đột phá quan trọng để Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. | X |  |
| 67 | Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) đã đặt cơ sở cho quá trình giải quyết vấn đề xung đột ở Cam-pu-chia, đẩy nhanh mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành ngôi nhà chung của các quốc gia Đông Nam Á. |  | X |
| 68 | ASEAN vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình, thống nhất và trung lập của Đông Nam Á. | X |  |
| 69 | ASEAN hiện nay là một cộng đồng với mức độ hợp tác, liên kết ngày càng sâu rộng trên cả 3 trụ cột an ninh - chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội. | X |  |
| 70 | Việc thành lập Cộng đồng ASEAN đã tăng cường sự hợp tác giữa các nước ASEAN, đưa tổ chức này phát triển lên một tầm cao mới. | X |  |
| 71 | Năm 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập nhằm mục đích thay thế dần cho tổ chức ASEAN. |  | X |
| 72 | Với tư cách là thành viên ASEAN, Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản. |  | X |
| 73 | Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN là một trong những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa trên thế giới. |  | X |
| 74 | Gia nhập ASEAN năm 1995 là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực. | X |  |
| 75 | Mục tiêu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao. | X |  |
| 76 | Tuyên bố Bali II đã xác định rõ mục tiêu của việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN. | X |  |
| 77 | Cộng đồng Kinh tế ASEAN ra đời đã hoàn thành quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các nước ASEAN. |  | X |
| 78 | Sự gia nhập của các nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam- pu-chia) vào ASEAN không ảnh hưởng đến cục diện chính trị và kinh tế khu vực. |  | X |
| 79 | Việt Nam có thể tận dụng vai trò thành viên ASEAN để mở rộng thị trường xuất khẩu trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 80 | Sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam không còn tham gia các tổ chức quốc tế khác vì đã có một khuôn khổ hợp tác khu vực vững chắc. |  | X |
| 81 | Việt Nam gia nhập ASEAN là sự mốc khởi đầu cho quá trình liên kết khu vực ở Đông Nam Á sau năm 1945. |  | X |
| 82 | Khi gia nhập tổ chức ASEAN, các nước trong khu vực có nhiều cơ hội để hợp tác, cùng phấn đấu xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định và phát triển. | X |  |
| 83 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu bước phát triển mới, đặt cơ sở cho quá trình giải quyết vấn đề xung đột ở Cam-pu-chia. |  | X |
| 84 | Với việc gia nhập ASEAN năm 1995, Việt Nam đã hoàn thành quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. |  | X |
| 85 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN mở đầu cho quá trình hòa giải giữa nhóm các nước sáng lập ASEAN và ba nước Đông Dương. |  | X |
| 86 | Việt Nam gia nhập ASEAN đã giải quyết được những bất đồng về chính trị và lợi ích kinh tế trong hợp tác nội khối của ASEAN. |  | X |
| 87 | Việt Nam gia nhập ASEAN là sự kiện quyết định, đưa đến thay đổi căn bản và toàn diện cho ASEAN. |  | X |
| 88 | Việt Nam gia nhập ASEAN là dấu mốc quan trọng của Việt Nam trong quá trình hội nhập khu virc. | X |  |
| 89 | Việt Nam cần liên minh quân sự chặt chẽ với các nước trong tổ chức ASEAN để cùng nhau hợp tác và phát triển. |  | X |
| 90 | Nguyên tắc điều phối hoạt động của ASEAN là biểu hiện rõ nét việc dung hoà lợi ích của các nước thành viên. | X |  |
| 91 | Việc kết nạp thành viên của ASEAN lâu dài và trở ngại do thể chế chính trị các nước có sự khác nhau. |  | X |
| 92 | ASEAN là một tổ chức khu vực lớn nhất thế giới, trong đó việc kết nạp thành viên không có sự phân biệt thể chế chính trị. |  | X |
| 93 | Nguyên tắc hoạt động của ASEAN khá chặt chẽ là cơ sở để thúc đẩy sự hợp tác, phát triển của tổ chức này. | X |  |
| 94 | Việc Việt Nam gia nhập thành công ASEAN năm 1995 đã chứng minh sự khác biệt về thể chế chính trị không còn là rào cản trong việc kết nạp thành viên của tổ chức. | X |  |
| 95 | Năm 1967, khi mới thành lập, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) gồm có 5 thành viên: Xin-ga-po, Mi-an-ma, In-đô- nê-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan. |  | X |
| 96 | Năm 1999, việc Cam-pu-chia gia nhập là sự kiện giúp ASEAN trở thành “ngôi nhà chung” của toàn bộ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 97 | Quá trình mở rộng và kết nạp thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại bởi những tác động của cục diện Chiến tranh lạnh và “vấn đề Cam-pu-chia”. | X |  |
| 98 | Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á đặt ra nhiều thách thức đối với Cộng đồng ASEAN trong việc duy trì liên kết nội khối. | X |  |
| 99 | Đầu thế kỉ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của ASEAN góp phần thúc đẩy xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 100 | Tăng cường hợp tác nội khối sâu sắc và chặt chẽ hơn vì lợi ích chung của Cộng đồng là cơ sở để ASEAN tránh nguy cơ bị lôi kéo vào “quỹ đạo chi phối” của các cường quốc. | X |  |
| 101 | Cộng đồng ASEAN được ra đời trong bối cảnh các cường quốc trên thế giới đang nỗ lực khẳng định vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. | X |  |
| 102 | Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ở Châu Á – Thái Bình Dương là môi trường thuận lợi để Cộng đồng ASEAN phát triển. |  | X |
| 103 | Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN là một dấu ấn lịch sử, chuẩn bị nền tảng, định hướng và khuôn khổ cho ASEAN bước vào giai đoạn mới. | X |  |
| 104 | Cộng đồng ASEAN ra đời là di chứng của quá trình đối đầu Đông – Tây trong trật tự hai cực Ianta từ 1945 đến 1991. |  | X |
| 105 | Cộng đồng ASEAN chú trọng phát triển con người, tiến tới xây dựng một nền văn hóa chung của tất cả các nước trong khu vực. |  | X |
| 106 | Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN phù hợp với xu thế liên kết khu vực trong bối cảnh mới. | X |  |
| 107 | Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN phản ánh quy luật tất yếu của sự hợp tác giữa các nước trong xu thế hòa hoãn Đông - Tây. |  | X |
| 108 | ASEAN là một tổ chức liên kết khu vực toàn châu Á, được thành lập vào thập niên 60 của thế kỉ XIX. |  | X |
| 109 | Tổ chức ASEAN được thành lập trong bối cảnh xu thế liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. |  | X |
| 110 | Những nước sáng lập tổ chức ASEAN có trình độ phát triển tương đối đồng đều nhưng đối lập nhau về thể chế chính trị. |  | X |
| 111 | Tổ chức ASEAN được thành lập nhằm đối phó với những thách thức về an ninh và kinh tế từ bên trong và bên ngoài. | X |  |
| 112 | Trong xu thế đa cực và xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia trong Cộng đồng ASEAN sẽ có nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc. | X |  |
| 113 | Quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn ra lâu dài và gặp nhiều khó khăn là do có sự can thiệp của các cường quốc lớn trên thế giới vào công việc nội bộ của khu vực. | X |  |
| 114 | Để đẩy mạnh hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên, ASEAN luôn thực hiện phương châm “Thống nhất trong đa dạng”, vừa phát huy điểm tương đồng vừa khắc phục điểm khác biệt mỗi nước. | X |  |
| 115 | Đến năm 1999, ASEAN đã trở thành ASEAN toàn Đông Nam Á. | X |  |
| 116 | Tự cường khu vực vừa là mục tiêu và cách thức để các nước ASEAN hội nhập trong bối cảnh quốc tế có nhiều phức tạp. | X |  |
| 117 | Tự cường, thống nhất trong mục tiêu là đặc điểm chung của Liên hợp quốc, ASEAN và mọi tổ chức trong quá trình phát triển. |  | X |
| 118 | Mục đích thành lập của ASEAN nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp, tuân thủ *Hiến chương Liên hợp quốc*. | X |  |
| 119 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời xuất phát từ nhu cầu liên kết, hợp tác chống ngoại xâm của các quốc gia trong khu vực. |  | X |
| 120 | Cam-pu-chia gia nhập ASEAN (4 - 1999) đánh dấu bước ngoặt đầu tiên của khu vực Đông Nam Á, vị thế của ASEAN được nâng cao trên trường quốc tế. |  | X |
| 121 | *Tuyên bố Ba-li II (2003)* và *Hiến chương ASEAN (2007)* đã xây dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho việc thành lập và hoạt động của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 122 | Một trong những mục đích của tổ chức ASEAN là hợp tác, giúp đỡ giữa các nước thành viên nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. | X |  |
| 123 | Tôn chỉ và mục đích thành lập của tổ chức ASEAN được thể hiện rõ trong *Tuyên bố ASEAN.* | X |  |
| 124 | ASEAN chủ trương liên kết, hợp tác giữa các nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau và tiến tới nhất thể hóa tất cả các nước thành viên. |  | X |
| 125 | Mục tiêu thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực của tổ chức ASEAN không chỉ đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của các nước thành viên mà còn là điều kiện thứ yếu cho sự hợp tác và phát triển. |  | X |
| 126 | Nhận định “quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN đã trải qua những bước thăng trầm" chỉ phù hợp khi nói đến quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN giai đoạn từ năm 1967 đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX. |  | X |
| 127 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) được xem là mốc đánh dấu thời điểm hoàn thành mục tiêu “mở rộng thành viên ra tất cả các nước trong khu vực" theo Tuyên bố Băng Cốc năm 1967. |  | X |
| 128 | Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trải qua những bước thăng trầm là do vấn đề Cam-pu-chia. | X |  |
| 129 | Năm 2020, ASEAN chính thức được chuyển thành Cộng đồng ASEAN. |  | X |
| 130 | Theo văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, các nước Đông Nam Á phải xóa bỏ bản sắc văn hóa riêng của mình. |  | X |
| 131 | Một trong những mục tiêu được nêu ra trong văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 là hiểu rõ di sản văn hóa của mỗi quốc gia. | X |  |
| 132 | Hiệp ước Ba-li (1976) và Hiến chương ASEAN (2007) là những văn kiện đánh dấu bước ngoặt trong quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. | X |  |
| 133 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Cộng đồng ASEAN là hai tổ chức riêng biệt. |  | X |
| 134 | Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức ASEAN làm chấm dứt sự đối đầu ở khu vực Đông Nam Á trong thời kì Chiến tranh lạnh và tác động của xu thế toàn cầu hoá. |  | X |
| 135 | Quá trình ra đời và phát triển của ASEAN chịu sự chi phối hoàn toàn của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 136 | Hiện nay, ASEAN là một trong những tổ chức liên kết khu vực lớn nhất thế giới. | X |  |
| 137 | Kể từ khi thành lập đến nay, ASEAN có nhiều nỗ lực trong việc kiến tạo hòa bình, thịnh vượng cho khu vực từng bị nô dịch, thống trị của chủ nghĩa thực dân. | X |  |
| 138 | Sự phát triển của ASEAN góp phần kiềm chế ảnh hưởng của các nước lớn vào khu vực Đông Nam Á, nhất là sự trỗi dậy một cách hòa bình của Trung Quốc. | X |  |
| 139 | ASEAN là một liên minh phát triển đến nhất thể hoá, ít phải đối mặt với các thách thức, mang lại hòa bình, thịnh vượng cho người dân sống tại khu vực. |  | X |
| 140 | Lịch sử và văn hoá Đông Nam Á là nhân tố ảnh hưởng đến nguyên tắc hoạt động, mục tiêu, định hướng phát triển của tổ chức liên kết khu vực ASEAN. | X |  |
| 141 | Các quốc gia thành viên có nhiều đóng góp trong tiến trình hình thành và phát triển của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 142 | Cộng đồng ASEAN đã thành công ngăn chặn sự ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực. |  | X |
| 143 | Tháng 11-2015, cùng với việc tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025. | X |  |
| 144 | Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 nhằm xây dựng ASEAN thành cộng đồng mạnh về kinh tế và quân sự. |  | X |
| 145 | Trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI, ASEAN sẽ trở thành một tổ chức khu vực mạnh nhất toàn cầu. |  | X |
| 146 | Trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN, Việt Nam tổ chức nhiều hội nghị, góp phần tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 147 | Năm 2010, Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN. | X |  |
| 148 | Việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN đã góp phần quan trọng, chủ yếu để nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của đất nước Việt Nam. |  | X |
| 149 | Trong Năm Chủ tịch ASEAN 2010 của Việt Nam, quan hệ giữa ASEAN với các đối tác theo khuôn khổ ASEAN+1 được đẩy mạnh và nâng cấp. | X |  |
| 150 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu bước phát triển của quá trình hòa giải, phát triển của Đông Nam Á. | X |  |
| 151 | Việc Việt Nam gia nhập ASEAN không có ảnh hưởng đến vị trí và vai trò của ASEAN trong khu vực Đông Nam Á. |  | X |
| 152 | Tư duy của thời kỳ "sau Chiến tranh lạnh" là yếu tố quan trọng giúp Việt Nam gia nhập ASEAN dù trước đó có nhiều tranh cãi. | X |  |
| 153 | VN gia nhập ASEAN đã mở ra triển vọng liên kết toàn khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 154 | Gia nhập ASEAN thể hiện sự chủ động của Việt Nam trong việc chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang vừa đấu tranh vừa hợp tác cùng tồn tại hòa bình. | X |  |
| 155 | Sau khi hoàn thành quá trình khu vực hóa, ASEAN phát triển thành tổ chức siêu quốc gia dưới hình thức một cộng đồng hợp tác toàn diện và sâu rộng. |  | X |
| 156 | Việc ASEAN trở thành một “trung tâm quyền lực mới” phản ánh sự chuyển dịch vai trò từ các cường quốc sang các tổ chức khu vực trong trật tự thế giới đa cực. |  | X |
| 157 | Từ Tuyên bố Băng cốc (1967) đến Tuyên bố Ba-li II (2003), tổ chức ASEAN đã xây dựng hoàn thiện cơ sở pháp lý cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN. |  | X |
| 158 | Các văn kiện từ năm 1997 đến 2015 chọ thấy ASEAN đã hiện thực hóa quá trình xây dựng Cộng đồng từ định hướng đến hành động, thể hiện sự thích ứng kịp thời trước trật tự thế giới mới đang dần kiến tạo. | X |  |
| 159 | Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập sau quá trình nỗ lực, chuẩn bị lâu dài, phản ánh sự trưởng thành về mặt tổ chức và tư duy hội nhập của ASEAN. | X |  |
| 160 | Trên cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam đã đề xuất và dẫn dắt ASEAN hoàn thành những văn kiện quan trọng, góp phần định hướng phát triển tương lai của ASEAN. | X |  |
| 161 | Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN (1995) mở ra triển vọng cho sự kết nạp các nước ở khu vực Đông Nam Á và châu Á. |  | X |
| 162 | Việc thành lập Cộng đồng ASEAN năm 2015 phản ánh xu thế liên kết khu vực sâu rộng và phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. | X |  |
| 163 | Hiệp ước Bali được kí kết, năm 1976 là sự kiện mở ra bước ngoặt phát triển của ASEAN. | X |  |
| 164 | Năm 1984, Bru-nây chính thức là thành viên thứ 5 của tổ chức ASEAN. |  | X |
| 165 | Việc 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh dấu bước phát triển trong liên kết toàn thế giới với nhau. |  | X |
| 166 | Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh những bất ổn của khu vực Đông Nam Á đã được giải quyết. |  | X |
| 167 | Mối quan tâm chủ yếu của tổ chức ASEAN trong 25 năm đầu thành lập là hợp tác kinh tế, văn hóa; giúp Việt Nam chống Mỹ xâm lược. |  | X |
| 168 | Mục tiêu hòa bình, hợp tác và phát triển của tổ chức ASEAN là phù hợp với xu thế của thế giới và lợi ích của các nước Đông Nam Á. | X |  |
| 169 | Năm nước thành viên sáng lập ASEAN có điểm chung là đã giành được độc lập dân tộc. | X |  |
| 170 | Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết đã tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 171 | Việc mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN diễn ra lâu dài và nhiều trở ngại do tác động của cuộc cách mạng 4.0. |  | X |
| 172 | Việt Nam là một trong những thành viên tiên phong, tích cực và trách nhiệm với nhiều hành động thể biến ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN thành hiện thực. | X |  |
| 173 | Việc ASEAN đóng vai trò trung tâm trong tiến trình liên kết khu vực Đông Nam Á là kết quả trực tiếp từ việc ký Tuyên bố Băng Cốc năm 1967. |  | X |
| 174 | Việc ký kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á đã mở đường cho quá trình mở rộng thành viên của ASEAN. | X |  |
| 175 | Sau khi Cộng đồng ASEAN được thành lập, tổ chức này đã giảm cường độ hợp tác nội khối để tập trung nhiều hơn vào quan hệ với các đối tác bên ngoài. |  | X |
| 176 | Tăng cường hợp tác nội khối sâu sắc và chặt chẽ hơn vì lợi ích chung của Cộng đồng là cơ sở để ASEAN tránh nguy cơ bị lôi kéo vào “quỹ đạo chỉ phối” của các cường quốc. | X |  |
| 177 | Đầu thế kỉ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của ASEAN góp phần thúc đẩy xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 178 | Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á đặt ra nhiều thách thức đối với Cộng đồng ASEAN trong việc duy trì liên kết nội khối. | X |  |
| 179 | Cộng đồng ASEAN được hình thành trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội. | X |  |
| 180 | Tuyên bố Ba-li II là văn kiện đầu tiên chính thức đặt nền móng cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột. | X |  |
| 181 | Mục tiêu chung của Cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN. | X |  |
| 182 | Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực Châu Á- Thái Bình Dương không phải là thách thức lớn nhất từ bên ngoài đối với ASEAN. |  | X |
| 183 | Các nước thành viên ASEAN có thể gắn kết và vượt qua khác biệt chính trị, kinh tế, văn hóa chủ yếu vì không có sự mâu thuẫn và xung đột về ý thức hệ. |  | X |
| 184 | Để tăng cường sự đoàn kết và hợp tác trong khu vực, các nước ASEAN chú trọng việc phát huy những điểm tương đồng và vượt qua những điểm khác biệt. | X |  |
| 185 | Việc chia sẻ lợi ích cơ bản, tầm nhìn và quyết tâm là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công của tổ chức ASEAN trong 41 năm qua. | X |  |
| 186 | Nguyện vọng chung về một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác đã góp phần định hướng và thúc đẩy sự hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN. | X |  |
| 187 | ASEAN cần dành ưu tiên cao nhất cho duy trì đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm để cùng nhau vượt qua thách thức, xây dựng cộng đồng tự cường cho tất cả người dân. | X |  |
| 188 | Việt Nam là một trong những nước thành viên của ASEAN và đã có những đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển đồng đều trong khu vực. | X |  |
| 189 | Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 là một kế hoạch chiến lược của ASEAN để thúc đẩy hợp tác và tích hợp trong khu vực. | X |  |
| 190 | ASEAN thúc đẩy vấn đề Biển Đông trong các chương trình nghị sự với các đối tác đối ngoại, nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực và có trách nhiệm của các nước lớn, để duy trì hòa bình, ổn định, và hợp tác ở Biển Đông. | X |  |
| 191 | Việc tham gia tích cực trong giải quyết vấn đề Biển Đông góp phần thể hiện khả năng quản lý xung đột nói chung ở khu vực của ASEAN. | X |  |
| 192 | ASEAN đang đàm phán COC với Trung Quốc để tạo ra một khuôn khổ pháp lý và hành vi có ràng buộc cho các bên ở Biển Đông. | X |  |
| 193 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu sự thay đổi cục diện ở Đông Nam Á sau 50 năm kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. | X |  |
| 194 | Việt Nam đã sử dụng nguyên tắc của Liên hợp quốc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình để giải quyết vấn đề chủ quyền biên giới, biển, hải đảo. | X |  |
| 195 | Hiến chương ASEAN được công bố vào năm 2007, là văn bản pháp lý cao nhất của ASEAN, quy định các nguyên tắc, mục tiêu, cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của ASEAN. | X |  |
| 196 | Chức Chủ tịch ASEAN được luân phiên hằng năm giữa các quốc gia thành viên theo thứ tự bảng chữ cái tên tiếng Anh của các nước. | X |  |
| 197 | Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN) được ra vào năm 1971, nhằm khẳng định sự độc lập và chủ quyền của các nước Đông Nam Á trước các cường quốc ngoài khu vực. | X |  |
| 198 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) khi mới thành lập (1967) *không* đề ra mục đích, nhiệm vụ xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. |  | X |
| 199 | Hội nghị Thượng đỉnh gồm Thủ tướng các quốc gia thành viên; là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN |  | X |
| 200 | Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN là một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại của Việt Nam, mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên và đóng góp vào hòa bình và phát triển trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |

**Chủ đề 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI**

**PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình ở châu Á. | X |  |
| 2 | Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam có điều kiện hòa bình và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 3 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đưa đến sự sụp đổ của chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam. |  | X |
| 4 | Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. | X |  |
| 5 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam để lại bài học về chớp thời cơ, tiến hành cách mạng bạo lực bằng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. | X |  |
| 6 | Bài học về chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được vận dụng chủ yếu trong việc xây dụng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. | X |  |
| 7 | Cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra một cách nhanh gọn, ít đổ máu, bằng phương pháp hòa bình. |  | X |
| 8 | Cách mạng tháng Tám (1945) là một sự kiện lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam, mở ra kỉ nguyên cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 9 | Đảng Cộng sản Đông Dương có vai trò to lớn trong lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công. | X |  |
| 10 | Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đã cổ vũ tinh thần đấu tranh chống thực dân của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. | X |  |
| 11 | Trong Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam, lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định, lực lượng vũ trang giữ vai trò quan trọng đưa cách mạng giành thắng lợi. | X |  |
| 12 | Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thực dân Pháp và phát xít Nhật. |  | X |
| 13 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945) là “thời cơ có một không hai” để Đảng Cộng sản Việt Nam phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền |  | X |
| 14 | Đặc điểm nổi bật về phương thức giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam là cách mạng bạo lực, có kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh nghị trường. |  | X |
| 15 | Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời là kết quả của cuộc nổi dậy trên cả hai địa bàn ở nông thôn và thành thị. | X |  |
| 16 | Cuộc khởi nghĩa toàn dân với lực lượng vũ trang là chủ lực, quyết định đã đưa đến thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. |  | X |
| 17 | Nhân dân Hà Nội, Huế, Sài Gòn giành chính quyền có tác động lớn đến các địa phương trong cả nước, đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của Cách mạng tháng Tám. |  | X |
| 18 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang đặc điểm độc đáo là có sự kết hợp giữa sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân. |  | X |
| 19 | Tiến trình của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam phát triển từ chiến tranh du kích cục bộ ở địa phương lên chiến tranh chính quy trên phạm vi cả nước. |  | X |
| 20 | Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở các địa phương, thắng lợi ở mỗi địa phương có vai trò, vị trí như nhau. |  | X |
| 21 | Phát xít Đức đầu hàng năm 1945 đã tạo ra thời cơ thuận lợi "ngàn năm có một" cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 22 | Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 23 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò quyết định) là một nhận thức khoa học. | X |  |
| 24 | Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết phát động toàn quốc đứng lên chống can thiệp Mĩ. |  | X |
| 25 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là kết quả của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại. | X |  |
| 26 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã lật đổ chính quyền thực dân Pháp và phong kiến ở Việt Nam, đưa nhân dân lao động lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng. |  | X |
| 27 | Sự đầu hàng của phát xít Nhật (tháng 8-1945) tác động mạnh đến quân Nhật và tay sai ở Đông Dương. | X |  |
| 28 | Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhận định chính xác thời cơ, kiên quyết phát động nhân dân khởi nghĩa khi quân Đồng minh tiến vào Đông Dương. |  | X |
| 29 | Điều kiện khách quan thuận lợi là yếu tố tiên quyết để một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền có thể bùng nổ và giành được thắng lợi ở Việt Nam năm 1945. |  | X |
| 30 | Kết hợp tận dụng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là bài học từ thực tiễn Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. | X |  |
| 31 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chế độ quân chủ ở Việt Nam sụp đổ. | X |  |
| 32 | Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị đã tác động tích cực đến tiến trình giành chính quyền trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám. |  | X |
| 33 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã giáng đòn nặng nề làm suy yếu và dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống đế quốc chủ nghĩa. |  | X |
| 34 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình mang tính chất dân chủ mới. | X |  |
| 35 | Sự kiện Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện đã tác động mạnh đến Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, làm cho Chính phủ này rệu rã, sụp đổ. |  | X |
| 36 | Sự kết hợp giữa điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi đã đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đến thành công. | X |  |
| 37 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN giành thắng lợi đã khẳng định vai trò lãnh đạo của chính đảng vô sản trong cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc. |  | X |
| 38 | Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. |  | X |
| 39 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam chứng minh sức mạnh đoàn kết các lực lượng cách mạng trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 40 | Giai cấp lao động là lực lượng lãnh đạo của cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. |  | X |
| 41 | Vua Bảo Đại thoái vị chứng tỏ chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ. | X |  |
| 42 | Thành công của Cách mạng tháng Tám là do Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhanh chóng chớp thời cơ khi Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. |  | X |
| 43 | Tinh thần đoàn kết của toàn dân là nhân tố quan trọng để giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. | X |  |
| 44 | Sự chuẩn bị lực lượng để giành lại độc lập tự do của nhân dân Việt Nam bắt đầu được chuẩn bị từ 4 năm trước khi phát xít Nhật tan rã. |  | X |
| 45 | Tuyên ngôn Độc lập được Hồ Chí Minh viết để kêu gọi nhân dân toàn quốc tham gia kháng chiến chống Nhật trở lại xâm lược. |  | X |
| 46 | Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. | X |  |
| 47 | Mỗi quan hệ biện chứng giữa nội lực và ngoại lực, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đã được Hồ Chí Minh vận dụng thành công vào thực tiễn cách mạng Việt Nam năm 1945. | X |  |
| 48 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước. | X |  |
| 49 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam là nước đầu tiên ở một chính quốc giành chính quyền với sự lãnh đạo của chính đảng vô sản. |  | X |
| 50 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch chủ động phản công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 51 | Các chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, Biên giới thu - đông năm 1950 cho thấy sự chuyển biến về thế và lực của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 52 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã thực hiện được chủ trương “điều địch để đánh địch”, góp phần củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. | X |  |
| 53 | Mục tiêu của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. |  | X |
| 54 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, Việt Nam có trách nhiệm giúp đỡ Miên và Lào hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. |  | X |
| 55 | Sự đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương là nguyên nhân quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). |  | X |
| 56 | Trong xây dựng đất nước hiện nay, ba nước Đông Dương cần phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện nhau. |  | X |
| 57 | Kẻ thù chung của nhân dân Việt, Miên, Lào trong giai đoạn 1945 – 1954 không phải là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. |  | X |
| 58 | Nối tiếp cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945), cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp. |  | X |
| 59 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 là thắng lợi quân sự mở đầu của quân dân ta trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. | X |  |
| 60 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 trong năm 1946 – 1947 đã bảo vệ an toàn cơ quan đầu não và những đô thị trọng yếu, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. |  | X |
| 61 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 trong năm 1946 - 1947 là chiến dịch do quân dân VN chủ động tiến hành, đạt được tất cả mục tiêu ban đầu đề ra. |  | X |
| 62 | Chế độ dân chủ nhân dân chỉ được xây dựng hoàn chỉnh sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) kết thúc. |  | X |
| 63 | Đặc điểm của cách mạng Việt Nam thời kì 1945 – 1954 là thực hiện hai nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 64 | Một trong những nhiệm vụ cơ bản của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. |  | X |
| 65 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô đã tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước đi vào kháng chiến lâu dài, củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 66 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô cuối năm 1946 đầu năm 1947 đã tạo ra cục diện mới có lợi cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. |  | X |
| 67 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô cuối năm 1946 đã làm thất bại âm mưu mở rộng đánh chiếm miền Bắc của thực dân Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến. |  | X |
| 68 | Với thắng lợi của chiến dịch Biên giới (1950), quân dân Việt Nam đã thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của kẻ thù. | X |  |
| 69 | Trong chiến dịch Biên giới (1950), lần đầu tiên lực lượng kháng chiến Việt Nam thực hiện đánh công kiên và có hợp đồng quân binh chủng ở quy mô trận đánh đơn lẻ. | X |  |
| 70 | Với chiến thắng Biên giới (1950), quân dân Việt Nam đã tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở chiến trường chính Bắc Bộ và làm chủ chiến trường chính. |  | X |
| 71 | Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), quân dân Việt Nam chủ động bao vây, đánh lấn, tổ chức tiến công làm sụp đổ hệ thống các tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. |  | X |
| 72 | Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta về quân sự, chuyển cuộc kháng chiến từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy. |  | X |
| 73 | Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương. |  | X |
| 74 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” được Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo trong bối cảnh Pháp đã tấn công và đánh chiếm được thủ đô Hà Nội. |  | X |
| 75 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh quyết tâm đầu tranh của nhân dân Việt Nam để giữ vững nền độc lập non trẻ vừa giành được. | X |  |
| 76 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn bản duy nhất xác định nội dung đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược. |  | X |
| 77 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện khát vọng hòa bình và sự nhân nhượng đến giới hạn cuối cùng của Việt Nam đối với thực dân Pháp. | X |  |
| 78 | Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam khẳng định sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc. | X |  |
| 79 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân trên thế giới. |  | X |
| 80 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam là thắng lợi duy nhất mang tầm vóc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc. |  | X |
| 81 | Với chiến thắng của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, thể bao vây của thực dân Pháp đối với căn cứ Việt Bắc đã bị phá vỡ. | X |  |
| 82 | Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, quân dân Việt Nam đã phát huy thành công nghệ thuật "đánh điểm, diệt viện" để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. | X |  |
| 83 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã tạo ra thời cơ cho quân dân Việt Nam chuyền từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn Đông Dương. |  | X |
| 84 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch tiến công có quy mô lớn nhất của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 85 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, bộ đội chủ lực của Việt Nam đã mở nhiều chiến dịch tiến công quân Pháp và mở màn là chiến dịch Điện Biên Phủ. |  | X |
| 86 | Nghệ thuật lựa chọn trận quyết chiến chiến lược trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là bài học kinh nghiệm đặc sắc, cần được vận dụng sáng tạo trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 87 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” được thực hiện trong tất cả các chiến dịch để đưa tới sự phá sản của Kế hoạch Na-va. |  | X |
| 88 | “Hậu phương tại chỗ” là nhân tố trực tiếp và quyết định hàng đầu làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng thời khẳng định tư tưởng đúng đắn “lấy dân làm gốc” của Đảng. |  | X |
| 89 | Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân, thắng lợi của đường lối xây dựng hậu phương vững chắc, “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. | X |  |
| 90 | Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lần đầu tiên quân đội Việt Nam sử dụng lối đánh công kiên và hợp đồng binh chủng. |  | X |
| 91 | Thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì của quân dân Việt Nam. |  | X |
| 92 | Thất bại ở Đông Khê năm 1950 đã buộc Pháp phải chuyển từ kế hoạch Rơve sang kế hoạch Nava. |  | X |
| 93 | Khi quân dân Việt Nam chiếm được Đông Khê năm 1950, quân Pháp phải cho quân rút khỏi Cao Bằng để bảo toàn lực lượng. | X |  |
| 94 | Chiến thắng Đông Khê năm 1950 đã làm cho hệ thống phòng thủ trên đường số 4 của Pháp bị chia cắt làm đôi. | X |  |
| 95 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam đã đứng vào hàng ngũ tiên phong trong cuộc đấu tranh vì độc lập, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. | X |  |
| 96 | Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới. |  | X |
| 97 | Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là cuộc chiến tranh nhân dân đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 98 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã kế tục nhiệm vụ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 bằng hình thức mới trong điều kiện lịch sử mới. | X |  |
| 99 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1945 đã chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp. |  | X |
| 100 | Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là nhân tố quyết định dẫn tới thắng lợi ở Điện Biên Phủ năm 1954. |  | X |
| 101 | Nghị quyết 15 (1959) do Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra, xác định nhiệm vụ cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. |  | X |
| 102 | Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng miền Nam Việt Nam góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền Nam – Bắc. | X |  |
| 103 | Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì lực lượng vũ trang ở miền Nam đã lớn mạnh. |  | X |
| 104 | Từ năm 1961 đến năm 1968, đế quốc Mỹ lần lượt triển khai hai chiến lược chiến tranh ở miền Nam VN là chiến lược chiến tranh đặc biệt và chiến tranh cục bộ. | X |  |
| 105 | Nhân dân Việt Nam đánh thắng các bước leo thang chiến tranh của Mỹ (1961-1968) góp phần làm phá sản chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt" dưới thời Tổng thống Truman. |  | X |
| 106 | Các chiến lược chiến tranh Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam đề nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 107 | Sau năm 1975, Mỹ thực hiện âm mưu xâm lược và thống trị miền Nam Việt Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. |  | X |
| 108 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 có sự kết hợp giữa chiến tranh cách mạng với khởi nghĩa, trong đó đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định đến thắng lợi cuối cùng. | X |  |
| 109 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 gồm ba chiến dịch: Buôn Ma Thuột, Huế - Đà Nẵng và Hồ Chí Minh. |  | X |
| 110 | Các chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 có điểm tương đồng về hướng tiến công, đối tượng tiến công, kết quả cuối cùng. |  | X |
| 111 | Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954), Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để thực hiện tổng tuyển cử thống nhất đất nước ở VN. |  | X |
| 112 | Những chính sách của Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm là một trong những nguyên nhân dẫn tới phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam. | X |  |
| 113 | Phong trào Đồng khởi, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và Hiệp định Pa-ri được kí kết là những thắng lợi mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 114 | Đặc điểm lớn nhất và độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam (1954-1975) là dưới sự lãnh đạo của một chính Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ở hai miền Nam - Bắc thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau nhưng cùng chung mục đích cuối cùng. |  | X |
| 115 | Cuộc chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam (1954-1975) không chịu sự tác động của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 116 | Trong giai đoạn 1965 - 1968, nhân dân miền Nam Việt Nam phải chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. |  | X |
| 117 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ. |  | X |
| 118 | Các chiến lược chiến tranh Mỹ triển khai ở miền Nam phản ánh bản chất ngoan cố trong việc tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam. | X |  |
| 119 | Việc Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm là biểu hiện Mỹ đã phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương. | X |  |
| 120 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) thắng lợi không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc Việt Nam mà còn tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới. | X |  |
| 121 | Hiện nay, Mỹ vẫn tìm cách cô lập Việt Nam với thế giới; đồng thời lợi dụng vấn đề dân quyền và tự do tôn giáo để can thiệp vào Việt Nam. |  | X |
| 122 | Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) đã thực hiện được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam về độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất về lãnh thổ và Nhà nước. |  | X |
| 123 | Trong những năm 1954 - 1975, miền Nam Việt Nam là tiền tuyến lớn, có vai trò trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. | X |  |
| 124 | Từ năm 1954 đến năm 1975, cách mạng hai miền Bắc - Nam có mối quan hệ mật thiết nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước. | X |  |
| 125 | Mùa xuân năm 1975, quân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 126 | Cuộc “tổng tiến công và nổi dậy long trời lở đất” đã kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng của VN trong thế kỉ XX, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. | X |  |
| 127 | Các cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đều kết hợp sức mạnh quân sự và chính trị của toàn dân tộc, góp phần bảo vệ miền Bắc. | X |  |
| 128 | Thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. |  | X |
| 129 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã tạo nên bước ngoặt đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của Việt Nam. |  | X |
| 130 | Ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari là biểu hiện xuống thang chiến tranh của Mỹ sau đòn tiến công năm 1968 của Việt Nam. | X |  |
| 131 | Kể từ năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam diễn ra với cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. | X |  |
| 132 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 của quân dân miền Nam đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. | X |  |
| 133 | Quá trình từ “khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng” của Việt Nam gắn liền với sự thay đổi về quy mô, vai trò của lực lượng chủ yếu và tính chất cơ bản của cuộc kháng chiến. |  | X |
| 134 | Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Việt Nam đã đánh bại nhiều chiến lược chiến tranh của Mỹ, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới. | X |  |
| 135 | Kết hợp tiến công địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao là đặc điểm nổi bật của cuộc kháng chiến chống Mỹ được phát triển sáng tạo từ đầu cuộc kháng chiến. |  | X |
| 136 | Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), phương pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh của nhân dân VN tách rời, độc lập với nhau. |  | X |
| 137 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất, phản ánh rõ nét nhất mâu thuẫn Đông - Tây trong quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 138 | Với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, Việt Nam đã xoá bỏ sự chia cắt đất nước, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp thống nhất đất nước cả về mặt lãnh thổ và nhà nước. |  | X |
| 139 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã làm tan rã toàn bộ chính quyền và quân đội Sài Gòn. | X |  |
| 140 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân Việt Nam (1954 – 1975) đánh dấu sự sụp đổ chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ trên toàn thế giới. |  | X |
| 141 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 9175) của nhân dân Việt Nam là một sự kiện có tính thời đại sâu sắc. | X |  |
| 142 | Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), phong trào “Đồng khởi” (1959- 1960), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |  | X |
| 143 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) có tính thời đại sâu sắc vì đã chống lại kẻ thù lớn nhất của thời đại, kẻ thù chung của cả loài người tiến bộ. | X |  |
| 144 | Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam bước đầu được hình thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). |  | X |
| 145 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” là minh chứng cho sức mạnh, bản lĩnh và trí tuệ của Việt Nam; tạo cơ sở cho Đảng Lao động Việt Nam đi đến quyết định mở mặt trận ngoại giao để “vừa đánh, vừa đàm” với Mỹ. |  | X |
| 146 | Thực tiễn kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả trong sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. | X |  |
| 147 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng đã được vận dụng sáng tạo, hiệu quả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 148 | Thời cơ chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 chính thức xuất hiện ngay sau phong trào Đồng khởi năm 1960. |  | X |
| 149 | Quá trình đề ra và hoàn thiện chủ trương giải phóng miền Nam Việt Nam cho thấy sự kịp thời, đúng đắn, sáng tạo và nhân văn của Đảng trong việc giải quyết vấn đề thời cơ. | X |  |
| 150 | Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 - 1979) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào thời kì Đổi mới. |  | X |
| 151 | Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX đã chấm dứt mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. |  | X |
| 152 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm Mậu Thân (1968) của quân và dân Việt Nam đã mở ra khả năng sớm kết thúc chiến tranh thông qua con đường đàm phán. | X |  |
| 153 | Ngày 17 – 02 – 1979, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam chính thức bắt đầu. | X |  |
| 154 | Trước sức chiến đấu của quân dân Việt Nam, tháng 3 – 1979, quân Trung Quốc phải rút quân nhưng tình hình biên giới còn rất phức tạp. | X |  |
| 155 | Ngay sau Đại thắng Xuân 1975, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Cam-pu-chia xuất hiện một số dấu hiệu bất ổn. | X |  |
| 156 | Chính quyền Pôn Pốt đã phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam dưới sự trợ giúp của quân đội các nước Đồng minh. |  | X |
| 157 | Mặc dù nước Việt Nam cố gắng tận dụng mọi khả năng đàm phán, nhưng chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc vẫn nổ ra. | X |  |
| 158 | Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam nổ ra trong bối cảnh quốc tế hoàn toàn thuận lợi. |  | X |
| 159 | Từ thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của Việt Nam, phải nêu cao tinh thần cảnh giác, giải quyết tốt các  mối quan hệ giữa các đối tác và đối tượng. | X |  |
| 160 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc đã bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc Việt Nam. | X |  |
| 161 | Hai cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc thể hiện sự phối hợp chiến đấu của nhân dân Việt Nam và Liên Xô. |  | X |
| 162 | Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, nhân dân Việt Nam còn thực hiện nhiệm vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia. | X |  |
| 163 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc đã góp phần bảo vệ hòa bình ổn định của khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 164 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” 1972 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 165 | Bài học về việc chớp thời cơ từ chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân miền Bắc 1972 vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. | X |  |
| 166 | Ngày 19-12-1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. | X |  |
| 167 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Việt Nam là cuộc chiến tranh chính nghĩa. | X |  |
| 168 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ như một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn vì làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân. |  | X |
| 169 | Thuận lợi cơ bản của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau cách mạng tháng Tám là nhân dân đã giành quyền làm chủ. | X |  |
| 170 | Núp dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội các nước đế quốc ra sức chống phá cách mạng sau năm 1945. | X |  |
| 171 | Trước khi Nghị Quyết 15 (1959) ra đời, nhân dân miền Nam Việt Nam chủ yếu đấu tranh chống Mỹ - Diệm bằng hình thức chính trị. | X |  |
| 172 | Nghị quyết 15 (1959) chỉ ra một cách toàn diện con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, thể hiện đúng đắn độc lập, tự chủ và quyết đoán của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 173 | Thực hiện Nghị quyết 15 (1959), quân dân miền Nam phát động phong trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”. |  | X |
| 174 | Thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” chính là biểu hiện cụ thể, sinh động của sự vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 vào thực tiễn đấu tranh của các cấp ủy Đảng và nhân dân miền Nam. | X |  |
| 175 | Nghị quyết của Hội nghị 15 BCHTƯ Đảng đã chỉ ra con đường đấu tranh chống Mĩ và chính quyền tay sai của nhân dân miền Nam. | X |  |
| 176 | Nguyên nhân khách quan dẫn đến phong trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam Việt Nam là nghị quyết của Hội nghị 15 BCHTƯ Đảng. |  | X |
| 177 | Phong trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam (1959-1960) là kết quả của việc tiến hành bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân, trong đó đối tượng chủ yếu phong kiến tay sai. |  | X |
| 178 | Nghị quyết 15 (1959) làm xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. |  | X |
| 179 | Việt Nam khởi đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước khi chưa có được sự công nhận của các nước trên thế giới. |  | X |
| 180 | “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” thể hiện cách mạng Việt Nam đã hoàn thành triệt để nhiệm vụ dân chủ nhân dân. |  | X |
| 181 | Chiến thắng Phước Long là trận trinh sát chiến lược, đưa kháng chiến chống Mỹ từ tiến công bước sang tổng tiến công chiến lược. |  | X |
| 182 | Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 là đòn quân sự quyết định buộc Mỹ ký Hiệp định, chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. |  | X |
| 183 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc năm 1975 đã chấm dứt mọi cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. |  | X |
| 184 | Ý chí thống nhất đất nước của Việt Nam đã tạo nên chiến công vĩ đại cho thế giới trong thế kỉ XX. | X |  |
| 185 | Thắng lợi ở Việt Bắc thu – đông năm 1947 là mốc khởi đầu quá trình chuyển hóa lực lượng giữa ta và Pháp. | X |  |
| 186 | Nhật Bản là kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. | X |  |
| 187 | Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra khi kẻ thù của nhân dân Việt Nam đã suy yếu hoàn toàn. | X |  |
| 188 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava-nỗ lực quân sự cao nhất và cuối cùng của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Duơng. | X |  |
| 189 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã cổ vũ và ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhất là ở châu Phi. | X |  |
| 190 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là minh chứng điển hình cho sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng chứng minh cho chân lý của thời đại. | X |  |
| 191 | Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. | X |  |
| 192 | Thắng lợi của chiến dịch Điên Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Pa-ri. |  | X |
| 193 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là kết quả của quá trình chuẩn bị lực lượng suốt 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 194 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đã mở ra bước ngoặt vĩ đại đầu tiên trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam ở thế kỉ XX. |  | X |
| 195 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính chất dân chủ điển hình vì đã chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam. |  | X |
| 196 | Phát huy sức mạnh toàn dân là phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc, nhân tố quyết định thắng lợi của của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 197 | Huy động được sức mạnh toàn dân là cơ sở tiến hành được cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp của dân tộc. | X |  |
| 198 | Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp *(1945-1954) ở* Việt Nam chịu sự tác động của xu thế hòa hoãn Đông – Tây. |  | X |
| 199 | “Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh” là nét độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). | X |  |
| 200 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là minh chứng điển hình cho việc sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu mới. |  | X |
| 201 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền trên cả nước. |  | X |
| 202 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là điển hình của nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và chủ động trong mọi tình huống của Đảng Cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 203 | Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Mặt trận Việt Minh đã phối hợp với quân Đồng minh cùng tham gia giành chính quyền. |  | X |
| 204 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam để lại bài học kinh nghiệm về việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 205 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy trong đó lực lượng chủ yếu là lực lượng vũ trang ba thứ quân. |  | X |
| 206 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, quân dân Việt Nam tiến hành đánh công kiên đồng loạt vào các vị trí quan trọng nhằm thực hiện phương châm “Đánh nhanh giải quyết nhanh”. |  | X |
| 207 | Với thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 quân đội Việt Nam đã đập tan kế hoạch Rơ-ve. |  | X |
| 208 | Tính “linh hoạt” của phương châm tác chiến trong Đông - Xuân 1953 - 1954 thể hiện ở việc thay đổi chiến lược tiến công của Đảng Cộng sản Việt Nam trước sức mạnh kẻ thù. |  | X |
| 209 | Trong cuộc tiến công Đông - Xuân 1953 - 1954, quân dân Việt Nam đã sử dụng chiến thuật đánh vận động và kế sách “Điều địch để đánh địch”. | X |  |
| 210 | Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, chuẩn bị những điều kiện cho chiến dịch Điện Biên Phủ. |  | X |
| 211 | Hướng tiến công chủ yếu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là đánh vào chỗ địch mạnh nhất nhưng đang có sơ hở. | X |  |
| 212 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 chứng tỏ quân dân ta đủ khả năng và thời cơ tiến công liên tục, lâu dài vào trung tâm đầu não của kẻ thù để giành thắng lợi. |  | X |
| 213 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về Việt Nam |  | X |
| 214 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là sự kết hợp đỉnh cao của đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. | X |  |
| 215 | Ngay khi triển khai kế hoạch Na-va, Pháp – Mỹ đã nhận định Điện Biên Phủ phải là trọng tâm của kế hoạch này. |  | X |
| 216 | Để quay trở lại cai trị Việt Nam lần thứ hai, thực dân Pháp đã nhờ sự hỗ trợ của quân đội các nước Anh - Ấn và Nhật Bản. | X |  |
| 217 | Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam cho thấy, chúng ta chưa từng đàm phán với kẻ thù mà luôn sử dụng bạo lực cách mạng. |  | X |
| 218 | Kế sách đánh giặc*“*vườn không nhà trống*”* từ thời phong kiến đã được tiếp tục kế thừa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | X |  |
| 219 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã gây ra cơn “địa chấn chính trị” ngay trong lòng nước Mỹ, khiến phong trào phản chiến ở Mỹ và phương Tây bùng nổ mạnh mẽ. | X |  |
| 220 | Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Mỹ phải chuyển từ chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” để rút dần quân khỏi Việt Nam. | X |  |
| 221 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là thắng lợi quân sự trọn vẹn, là thành công lớn về chính trị và chiến lược, mở ra cục diện mới có lợi cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 222 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã đẩy Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào thế phòng ngự bị động, phải điều chỉnh chiến thuật từ “quét và giữ” sang “tìm và diệt”. |  | X |
| 223 | Căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đều là nơi có thể bị đối phương bao vây, tiến công. | X |  |
| 224 | Thời kì 1945-1954, hậu phương chiến tranh nhân dân ở Việt Nam là vùng tự do rộng lớn, ổn định về không gian trong suốt cuộc kháng chiến. |  | X |
| 225 | Hậu phương chiến lược trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) không phải là trận địa tiến công của kẻ thù để đạt được mục tiêu quân sự, chính trị. |  | X |
| 226 | Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là chiến dịch quân sự tiến công lớn đầu tiên do Việt Nam chủ động mở ra trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). |  | X |
| 227 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với Hiệp định Giơ- ne-vơ góp phần mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. | X |  |
| 228 | Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược đông - xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 của quân và dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch chiến tranh cuối cùng của thực dân Pháp ở Đông Dương. | X |  |
| 229 | Hình thái khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa. | X |  |
| 230 | Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, lực lượng vũ trang giữ vai trò xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị. | X |  |
| 231 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam không mang tính chất bạo lực vì diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu. |  | X |
| 232 | Thất bại của thực dân Pháp trong thu - đông năm 1947 đã buộc Chính phủ Pháp phải từ bỏ hoàn toàn âm mưu tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc. |  | X |
| 233 | Trong những năm 1954 - 1960, nhân dân miền Bắc Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ trọng tâm là chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ. |  | X |
| 234 | Chiến thắng Đường 14 - Phước Long (6 - 1 - 1975) của quân và dân miền Nam Việt Nam cho thấy sự suy yếu, bất lực của quân đội Sài Gòn. | X |  |
| 235 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1975 là mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khẳng định tính tất thắng của ta. |  | X |
| 236 | Nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. | X |  |
| 237 | Sự kiện Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã xoá bỏ mọi tàn dư của chế độ cũ – chủ nghĩa thực dân và phong kiến ở Việt Nam. |  | X |
| 239 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 240 | Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang nhiều tính chất khác nhau, trong đó tính chất dân chủ và nhân văn là điển hình. |  | X |
| 241 | Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng là kết hợp sức mạnh các lực lượng dân tộc và giành chính quyền trên cả hai địa bàn chiến lược. | X |  |
| 242 | Thời cơ của Tổng khởi nghĩa trong cách mạng tháng Tám được tính từ khi Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương (9-3-1945). |  | X |
| 243 | Bối cảnh nổ ra cuộc Tổng khởi nghĩa trong cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự đan xen giữa thời cơ và nguy cơ. | X |  |
| 244 | Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945 đã lập nên chính quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo đầu tiên trên thế giới. |  | X |
| 245 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công là thắng lợi đầu tiên của một dân tộc bị áp bức, do chính đảng tư sản lãnh đạo đã đứng lên giải phóng. |  | X |
| 246 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. | X |  |
| 247 | Mặc dù thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu và hành động quay trở lại xâm lược ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi. |  | X |
| 248 | Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. | X |  |
| 249 | Việc chuyển phương án từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc" đã góp phần đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1945 ở Việt Nam. | X |  |
| 250 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam không nhận được sự ủng hộ của nhân dân dân tiến bộ Pháp. |  | X |
| 251 | Rừng núi không phải là địa bàn thực dân Pháp lựa chọn mở các cuộc tấn công vì lo sợ chiến tranh du kích của Việt Nam. |  | X |
| 252 | Bên cạnh cuộc tấn công quân sự năm 1947, Pháp vẫn ưu tiên thiết lập sự cai trị ở các vùng đồng bằng, đô thị. | X |  |
| 253 | Vào sáng ngày 30-1-1968, một đơn vị đặc công Việt Cộng đã tấn công Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn. | X |  |
| 254 | Cuộc tấn công Đại sứ quán Mỹ ngày 30-1-1968 có tác động lớn đến cuộc chiến tranh Việt Nam. | X |  |
| 255 | Cuộc tấn công vào Đại sứ quán Mỹ trong Tết Mậu Thân 1968 không có tác động gì đến dư luận quốc tế về chiến tranh Việt Nam. |  | X |
| 256 | Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để trì hoãn việc thống nhất đất nước ở Việt Nam. |  | X |
| 257 | Từ thực tiễn đất nước và sự phá hoại của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu chỉ sử dụng hình thức đấu tranh hoà bình sẽ không thể thống nhất Tổ quốc. | X |  |
| 258 | Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975 đã hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho cả dân tộc. | X |  |
| 259 | Bài học chớp thời cơ trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam chỉ phù hợp trong chiến tranh, không có ý nghĩa đối với thời đại hòa bình và hội nhập hiện nay. |  | X |
| 260 | Tinh thần dám hy sinh vì độc lập dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở thành bài học quý báu cho thế hệ trẻ ngày nay trong việc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. | X |  |
| 261 | Những tàn tích của chế độ quân chủ ở Việt Nam đã bị sụp đổ hoàn toàn vào năm 1945 và không còn để lại hậu quả gì. |  | X |
| 262 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ có ý nghĩa lớn đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với thế giới. | X |  |
| 263 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính dân tộc và dân chủ, đã góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân và phát xít. | X |  |
| 264 | Trong thời kì 1954 – 1975 ở Việt Nam, cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước. | X |  |
| 265 | Cách mạng miền Nam có tác động tích cực đối với cách mạng miền Bắc trong thời kì 1954 – 1975 ở Việt Nam. | X |  |
| 266 | Trong giai đoạn 1954 – 1975, Việt Nam chủ trương dùng chiến tranh cách mạng để hoàn thành mục tiêu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước | X |  |
| 267 | Trong giai đoạn 1954 – 1975, cách mạng Việt Nam góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân vì đã ngăn ngừa âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ. |  | X |
| 268 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ là minh chứng cho sức mạnh của đoàn kết quốc tế trong việc hỗ trợ các phong trào giải phóng dân tộc. | X |  |
| 269 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam (1954 – 1975) đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu. |  | X |
| 270 | Bản Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố sự ra đời của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. |  | X |
| 271 | Hậu phương chiến lược trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là nơi đứng chân an toàn tuyệt đối của cơ quan đầu não chỉ huy của nhân dân Việt Nam. |  |  |
| 272 | Thực tiễn cho thấy căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám (1945) và hậu phương trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là nơi tập hợp, xây dựng khối đoàn kết. | X |  |
| 273 | Những thắng lợi quân sự trên cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam phát triển từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy. | X |  |
| 274 | Chiến dịch Biên giới của quân dân Việt Nam năm 1950 thắng lợi tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán. |  | X |
| 275 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã tạo điều kiện cho ta đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận chính trị. | X |  |
| 276 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược. |  | X |
| 277 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn mới. | X |  |
| 278 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 buộc Mĩ phải leo thang trở lại chiến tranh xâm lược. |  | X |
| 279 | Trong những năm 60 của thế kỉ XX, nhân dân miền Nam Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. | X |  |
| 280 | Việc đánh phá miền Bắc trong những năm 1964 -1965 chứng tỏ đế quốc Mĩ xuống thang trong chiến tranh Việt Nam. |  | X |
| 281 | Ba sẵn sàng là phong trào của thanh niên Việt Nam mang đậm tinh thần dân tộc vì một miền Bắc Việt Nam độc lập dân chủ và giàu mạnh, hội nhập với quốc tế. |  | X |
| 282 | Tại lễ thoái vị của cựu hoàng Bảo Đại, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng là Quốc kì của nước Việt Nam mới. |  | X |
| 283 | Một trong những nhiệm vụ dân chủ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam. | X |  |
| 284 | Chế độ phong kiến Việt Nam bị sụp đổ, nhưng Bảo Đại không bị tiêu diệt chứng tỏ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã gác lại nhiệm vụ chống phong kiến. |  | X |
| 285 | Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất trong khi đang tiến hành chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh*. |  | X |
| 286 | Các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ cho thấy bước phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam, là sự chuyển biến về thế và lực của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 287 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1953, quân dân Việt Nam mở các chiến dịch lớn: Hòa Bình, Tây |  | X |
|  | Bắc, Thượng Lào,…nhằm giữ vững quyền chủ động trên toàn chiến trường Đông Dương. |  |  |
| 288 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947, quân dân Việt Nam mở nhiều chiến dịch tiến công và phản công. | X |  |
| 289 | Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp sang hình thái kết hợp giữa chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích. | X |  |
| 290 | Từ cuối năm 1959 những điều kiện chính trị - xã hội để phong trào Đồng khởi nổ ra đã xuất hiện. | X |  |
| 291 | Phong trào Đồng khởi diễn ra dựa trên sức mạnh của lực lượng vũ trang tại địa bàn nông thôn là chủ yếu. |  | X |
| 292 | Phong trào Đồng khởi nổ ra khi chính quyền địch không còn khả năng thống trị ở nhiều vùng nông thôn miền Nam. |  | X |
| 293 | Biểu hiện của giai cấp thống trị khi phong trào Đồng khởi diễn ra tương đồng với biểu hiện của giai cấp thống trị khi Đảng quyết định phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 294 | Chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận” là các chiến thuật mới, được Mỹ sử dụng phổ biến trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. | X |  |
| 295 | Chiến thắng Ấp Bắc năm 1963 đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận”, dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”. | X |  |
| 296 | Chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” được coi là các hình thức chiến thuật “át chủ bài” của Mỹ, giúp chính quyền và quân đội Sài Gòn giành ưu thế tuyệt đối trên chiến trường. |  | X |
| 297 | Cuộc chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam (1954-1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất và duy nhất diễn ra trong thời kỳ chiến tranh Lạnh. |  | X |
| 298 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam trên phạm vi cả nước. | X |  |
| 299 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn vì đã góp phần làm thất bại âm mưu của Mỹ trong chiến lược toàn cầu. | X |  |
| 300 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” 1972 và Điện Biên Phủ 1954 đều là những thắng lợi quân sự buộc địch phải kí hiệp định và kết thúc chiến tranh. |  | X |
| 301 | Phong trào Đồng khởi đã mở ra bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, làm sụp đổ chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. |  | X |
| 302 | Thắng lợi của phong trào Đồng khởi năm 1960 đã chứng tỏ được bản lĩnh, tinh thần đấu tranh anh dũng của quân và dân miền Nam Việt Nam trước sự gia tăng đàn áp từ kẻ thù. | X |  |
| 303 | Phong trào Đồng khởi của quân dân miền Nam thắng lợi là kết quả đấu tranh của lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang, trong đó đấu tranh vũ trang là chủ yếu. |  | X |
| 304 | Hai cuộc kháng chiến chống thực dân ở Việt Nam (1945-1954 và 1954-1975) thực chất là một quá trình tiến hành chiến tranh cách mạng diễn ra lâu dài, phức tạp. | x |  |
| 305 | Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20-12- 1960) là kết quả của thắng lợi của phong trào Đồng khởi. | X |  |
| 306 | Cách mạng tháng Tám thành công là kết quả của sự kết hợp giữa nhân tố chủ quan và khách quan, trong nhân tố chủ quan giữ vai trò quyết định. | X |  |
| 307 | Khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam bắt đầu hình thành từ khi Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập và phát triển lên đỉnh cao nhất là trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 308 | Một trong những địa phương giành được chính quyền muộn nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là Sài Gòn. |  | X |
| 309 | Chiến dịch Biên giới không chỉ góp phần khai thông biên giới Việt - Trung, mà còn kết thúc thời kì chiến đấu chống Pháp trong vòng vây. | X |  |
| 310 | Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch tiến công lớn nhất, quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | X |  |
| 311 | Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 nhằm thăm dò ý chí và ngăn chặn các kế hoạch chống Mỹ của quân dân miền Bắc. |  | X |
| 312 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam, các chiến dịch Việt Bắc thu - đông, Biên giới thu - đông và Điện Biên Phủ có điểm tương đồng là các chiến dịch có tư tưởng chủ động tiến công, đánh vào cứ điểm lớn của Pháp. |  | X |
| 313 | Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 của quân dân Việt Nam giành thắng lợi đã chấm dứt hoàn toàn thế bao vây của quân Pháp đối với căn cứ địa Việt Bắc. |  | X |
| 314 | Từ thực tiễn đất nước Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương cho thấy con đường duy nhất để thống nhất  đấu nước không ngoài con đường đấu tranh hòa bình, ôn hòa. |  | X |
| 315 | Việc chống Mỹ và chính quyền tay sai để thống nhất đất nước là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, diễn ra xuyên suốt thời kì (1954-1975). | X |  |
| 316 | Ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari là biểu hiện xuống thang chiến tranh của Mỹ sau đòn tiến công năm 1968 của quân dân Việt Nam. | X |  |
| 317 | Kể từ năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam diễn ra với cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. | X |  |
| 318 | Ngày 18 và 19 - 12 - 1946, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngay sau khi cuộc đàm phán ở Phôngtennơblô (Pháp) thất bại. |  | X |
| 319 | Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam đã làm thất bại kế hoạch dồn dân lập “ấp chiến lược" của Mỹ. |  | X |
| 320 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã gây ra cơn “địa chấn chính trị” ngay trong lòng nước Mỹ, khiến phong trào phản chiến ở Mỹ và phương Tây bùng nổ mạnh mẽ. | X |  |
| 321 | Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Mỹ phải chuyển từ chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” sang chiến lược “VN hóa chiến tranh” để rút dần quân khỏi VN. | X |  |
| 322 | Chiến thắng đường 14-Phước Long (6-1-1975) của quân dân miền Nam cho thấy sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn. | X |  |
| 323 | Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh (1941) và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960) đều có mối liên hệ mật thiết với Quốc tế Cộng sản và phong trào cách mạng thế giới. |  | X |
| 324 | Tuyên ngôn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai miền đất nước trong bối cảnh cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe đế quốc diễn ra gay gắt. |  | X |
| 325 | Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trong bối cảnh Mỹ trực tiếp đưa quân Đồng minh tham gia cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. |  | X |
| 326 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: Kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 327 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã đưa Đảng Lao Động Việt Nam từ một đảng bí mật trở thành đảng cầm quyền. |  | X |
| 328 | Quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam trở nên căng thẳng ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1954). |  | X |
| 329 | Việc đưa quân tấn công biên giới phía Bắc Việt Nam của Trung Quốc năm 1979 đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền lãnh thổ Việt Nam. | X |  |
| 330 | Việc Trung Quốc đưa quân tấn công 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam (1979) được nhận dân thế giới ủng hộ. |  | X |
| 331 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam hiện nay bài học về hạn chế giao lưu, hợp tác với các nước láng giềng để tránh xảy ra xung đột. |  | X |
| 332 | Đường lối quân sự của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là đường lối khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân ở cả hai miền đất nước. |  | X |
| 333 | Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nền tảng của lực lượng vũ trang ba thứ quân là sức mạnh chính trị của quần chúng. | X |  |
| 334 | Đường lối quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ bao gồm cả việc bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và làm hậu thuẫn cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. | X |  |
| 335 | Mục tiêu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. | X |  |
| 336 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) cho thấy sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương là yếu tố quyết định thắng lợi sự nghiệp cách mạng của dân tộc. |  | X |
| 337 | Sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945 là thành quả chung của sự nghiệp cách mạng thế giới, xây dựng đúng với mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 338 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945 đã cho thấy sự thành công của việc thực hiện hai nhiệm vụ đồng thời, cùng lúc. |  | X |
| 339 | Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946 đánh dấu sự khởi đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. |  | X |
| 340 | Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quyết tâm không khoan nhượng với kẻ thù xâm lược của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 341 | Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hai miền được huy động cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam. | X |  |
| 342 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 nhằm thực hiện mục tiêu chủ yếu là đẩy mạnh cải cách kinh tế và tái thiết miền Bắc. |  | X |
| 343 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 chỉ có mục tiêu quân sự, không có mục tiêu chính trị. |  | X |
| 344 | Thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã mở ra thời kì đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán ở Giơ-ne-vo. |  | X |
| 345 | Thắng lợi của nhân dân ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là minh chứng của đường lối “lấy lực thắng thế”, “lấy ít địch nhiều". |  | X |
| 346 | Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 347 | Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 phản ánh rõ tư tưởng chủ động của Đảng Cộng sản ĐD trên mặt trận quân sự nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp. | X |  |
| 348 | Thất bại của thực dân Pháp trong thu - đông năm 1947 đã buộc Chính phủ Pháp phải từ bỏ hoàn toàn âm mưu tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc. |  | X |
| 349 | Điểm yếu của thực dân Pháp khi mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc trong thu - đông năm 1947 là khâu tiếp tế, vận chuyển, xa hậu phương, khó khăn trong bảo đảm hậu cần, tăng viện, ứng cứu. | X |  |
| 350 | Giai đoạn 1975 - 1979, nhân dân Việt Nam phải chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam. | X |  |
| 351 | Trong những năm 1954 - 1975, do đế quốc Mỹ là kẻ thù chính và gián tiếp, nên nhân dân Việt Nam vừa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa phải đấu tranh nhằm đánh đổ chính quyền tay sai. |  | X |
| 352 | Thực tiễn thời kì 1954 - 1975 cho thấy cách mạng là con đường duy nhất để nhân dân miền Nam cứu nước và cứu mình khỏi sự thống trị của đế quốc và phong kiến. | X |  |
| 353 | Xuất phát từ mong muốn giành độc lập và dân chủ bằng con đường hòa bình, nên trong những năm đầu sau khi Hiệp định Giơ | X |  |
|  | – ne – vơ được kí kết, Việt Nam luôn tìm cách để cữu vãn hòa bình, đẩy lùi chiến tranh. |  |  |
| 354 | Tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền trong kháng chiến chống Mĩ là sự kế tục và phát triển đường lối kháng chiến chống Pháp trong điều kiện lịch sử mới. | X |  |
| 356 | Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa được bắt đầu từ sau khi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước kết thúc. |  | X |
| 357 | Chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 làm phá sản kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp, đánh dấu sự chuyển hoá về quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ) giữa ta và địch. | X |  |
| 358 | Chiến thắng Biên Giới năm 1950 đánh dấu bước tiến nhảy vọt của quân đội Việt Nam về nghệ thuật chiến dịch, từ tiến công cứ điểm chuyển sang tiến công tập đoàn cứ điểm. |  | X |
| 359 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch quân dân Việt Nam chủ động phản công thực dân Pháp trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc. |  | X |
| 360 | Chiến thắng Biên giới Thu - Đông năm 1950 đã khẳng định tầm nhìn chiến lược, những quyết sách sáng tạo, hiệu quả của Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. |  | X |
| 361 | Hà Nội là địa phương đầu tiên giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 |  | X |
| 362 | Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Việt Nam đã khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. |  | X |
| 363 | Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra ở cả nông thôn và thành thị, thắng lợi ở thành thị có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi chung trong cả nước. | X |  |
| 364 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính chất cách mạng giải phóng dân tộc, đã giải quyết triệt để cả hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. |  | X |
| 365 | Châu Đốc và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 366 | Đảng và Việt Minh căn cứ tình hình cụ thể ở địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa từ ngày 14-8-1945, chứng tỏ sự linh hoạt trong lãnh đạo cách mạng. | X |  |
| 367 | Trong tiến trình Tổng khởi nghĩa, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn đề cao nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. |  | X |
| 368 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 bùng nổ nhằm chống kẻ thù là phát xít Nhật, bảo vệ nền độc lập dân tộc. |  | X |
| 369 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai là yếu tố khách quan thuận lợi để thời kì tiền khởi nghĩa ở Việt Nam bắt đầu. |  | X |
| 370 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai là yếu tố chủ quan thuận lợi để Việt Nam Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. |  | X |
| 371 | Chủ trương nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là tiến hành chiến tranh cách mạng. |  | X |
| 372 | Sự ủng hộ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã giúp Đảng Cộng sản Đông Dương có thêm quyết tâm để phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 373 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần thực hiện mục tiêu dân tộc và thời đại. | X |  |
| 374 | Thực tiễn cho thấy Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam diễn ra trên quy mô toàn quốc, giải quyết được triệt để mâu thuẫn cơ bản trong xã hội. |  | X |
| 375 | Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của chính đảng vô sản đã lên cầm quyền, có sự kết hợp đấu tranh vũ trang với chính trị. |  | X |
| 376 | Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước miền Bắc thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là gây dựng cơ sở bước đầu cho chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 377 | Trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), Nhân dân Việt Nam phát huy thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua thực hiện nhiệm vụ kiến quốc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân. | X |  |
| 378 | Việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tạo ra nền móng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này ở Việt Nam. | X |  |
| 379 | Lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng là một trong những biểu hiệu cho thấy thời cơ của Cách mạng tháng Tám (1945) đã chín muồi. | X |  |
| 380 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là điển hình của nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và đẩy lùi nguy cơ của Đảng hoàn thành ngay khi cách mạng thành công. |  | X |
| 381 | Điện Biên Phủ là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | X |  |
| 382 | Đường lối kháng chiến đúng đắn là nguyên nhân quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam. |  | X |
| 383 | Phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc cùng với sự ủng hộ của quốc tế đã giúp Việt Nam đánh bại các thế lực ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XX. |  | X |
| 384 | Một trong những kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX được vận dụng thành công vào cuộc kháng chiến chống Pháp thế kỉ XX là thực hiện chiến lược đánh lâu dài. |  | X |
| 385 | Nhờ việc phản công quân Pháp kịp thời mà Việt Nam đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch quân sự Rove của thực dân Pháp. |  | X |
| 386 | Chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đã đưa quân dân Việt Nam nắm quyền chi phối hoàn toàn cục diện chiến tranh trên chiến trường Đông Dương. |  | X |
| 387 | Chiến thắng Biên giới thu – đông năm có ý nghĩa bản lề quan trọng vì đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu của Pháp và đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng kháng chiến |  | X |
| 388 | Chiến dịch Việt Bắc và Biên giới là đều góp phần mở rộng hậu phương quốc tế trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). |  | X |
| 389 | Vận dụng triệt để kế “thanh dã” trong chiến dịch Điện Biên Phủ giúp quân dân Việt Nam đập tan hình thức tổ chức phòng ngự cao nhất, mạnh nhất của Pháp trên chiến trường Đông Dương. |  | X |
| 390 | Các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ cho thấy bước phát triển về địa bàn trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của quân dân Việt Nam. | X |  |
| 391 | Điểm nổi bật của Cách mạng tháng Tám (1945) và phong trào Đồng khởi (1959-1960) là tính dân tộc. | X |  |
| 392 | Điểm nổi bật của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) là giữ vững, phát huy thế tiến công trên chiến trường miền Nam. |  | X |
| 393 | Sự chiến đấu anh dũng của đồng bào Nam Bộ năm 1945 góp phần làm chậm quá trình thực hiện chiến thuật “tằm ăn lá” của Pháp. |  | X |
| 394 | Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ năm 1945 đi tiên phong trong cuộc trường chinh “ba ngàn ngày không nghỉ”, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của đồng bào và chiến sĩ cả nước. | X |  |
| 395 | Cuộc chiến đấu của đồng bào Nam Bộ năm 1945 góp phần tạo điều kiện cho nhân dân cả nước chuẩn bị lực lượng mọi mặt, chủ động bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. | X |  |
| 396 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là đỉnh cao chói lọi, kỳ tích vẻ vang duy nhất trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 397 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là chiến thắng vĩ đại nhất vì đã trực tiếp kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài. |  | X |
| 398 | Năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ đều trực tiếp thể hiện thiện chí hòa bình của dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 399 | Đặc điểm nổi bật của chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 ở Việt Nam là có sự phối hợp giữa tiến công và nổi dậy của quần chúng ở nhiều nơi. |  | X |
| 400 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước của nhân dân Việt Nam góp phần thực hiện nhiệm vụ của thời đại. | X |  |

# Chủ đề 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam từng bước vượt qua khủng hoảng kinh tế-xã hội, được xếp vào nhóm nước có thu nhập cao ở châu Á. |  | X |
| 2 | Giai đoạn 2011 - 2020, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. |  | X |
| 3 | Công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần tạo ra cơ đồ, tiềm lực và năng cao vị thế quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 4 | Với việc thực hiện Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế Việt Nam từng bước dịch chuyển theo chiều sâu, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và nông nghiệp. |  | X |
| 5 | Hoàn thành công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện tiên quyết đề Việt Nam tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế. |  | X |
| 6 | Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Việt Nam đã vượt qua khủng hoảng kinh tế toàn cầu và trở thành nền kinh tế lớn nhất khu vực. |  | X |
| 7 | Việt Nam đã chuyển đổi mô hình kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp hiện đại trong thời gian đại dịch COVID-19. |  | X |
| 8 | Thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam có được là do Việt Nam đã có sự học hỏi từ những thành công trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô và cải cách ở Trung Quốc. |  | X |
| 9 | Lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thiện ngay từ khi bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới. |  | X |
| 10 | Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam sau 35 năm thực hiện là tiền đề để nước ta bước vào “Kỷ nguyên phát triển mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam". | X |  |
| 11 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là Cương lĩnh chính trị đầu tiên trong lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt cơ sở cho đổi mới đất nước. |  | X |
| 12 | Một trong những bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là vừa mềm dẻo về nguyên tắc và chiến lược cách mạng vừa linh hoạt, sáng tạo trong sách lược. |  | X |
| 13 | Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống thế giới, Việt Nam vẫn giữ vững mục tiêu đi theo con đường chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 14 | Trước khi tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tuy có những sai lầm, khuyết điểm nhưng cũng đạt không ít thành tựu to lớn. | X |  |
| 15 | Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, kinh tế - xã hội Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng. | X |  |
| 16 | Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là vấn đề cấp bách có ý nghĩa sống còn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là phù hợp với xu thế chung của thời đại. | X |  |
| 17 | Trong 10 năm đầu của công cuộc Đổi mới, nông nghiệp giữ vai trò “trụ đỡ” nền kinh tế, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở giai đoạn tiếp theo. | X |  |
| 18 | Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định theo từng bước gắn với một nhiệm vụ cụ thể trong mỗi giai đoạn. |  | X |
| 19 | Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) đã đề ra, tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới toàn diện đất nước. |  | X |
| 20 | Trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa đóng vai trò người khởi xướng, lãnh đạo vừa là người sáng tạo và là chủ thể thực hiện. |  | X |
| 21 | Đường lối đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đề ra khi đất nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - chính trị. |  | X |
| 22 | Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, không có thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài. |  | X |
| 23 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. | X |  |
| 24 | Sự hình thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mốc đánh dấu sự hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. |  | X |
| 25 | Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, đưa đất nước phát triển về nhiều mặt. | X |  |
| 26 | Một trong những điểm tương đồng của cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1976) và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) là mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. | X |  |
| 27 | Trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986), trình độ của quan hệ sản xuất sẽ quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất và cơ sở vật chất – kĩ thuật. |  | X |
| 28 | Ở Việt Nam, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản (1986) đã mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 29 | Tình trạng “khủng hoảng kinh tế - xã hội” và “những nhược điểm của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội” là nguyên nhân khách |  | X |
|  | quan thôi thúc Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước. |  |  |
| 30 | Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay có sự bổ sung qua từng thời kì, chịu sự tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế. | X |  |
| 31 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm về việc không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, nhất quán tư tưởng giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng nhân dân. |  | X |
| 32 | Kể từ Đại hội VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu đề ra chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 33 | Việc xây dựng cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam đã thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa khi tiến hành công cuộc Đổi mới. |  | X |
| 34 | Chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng đã phát huy quyền làm chủ kinh tế, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của Nhân dân. | X |  |
| 35 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) cần phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế trong đó thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đóng vai trò chủ đạo. |  | X |
| 36 | Sau 10 năm đổi mới (1986 – 1996), Việt Nam đã có những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kì tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. |  | X |
| 37 | Việc “đẩy nhanh nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật” đã giúp Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế toàn diện trong giai đoạn 1991- 1995. |  | X |
| 38 | Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới và từng bước làm thay đổi cơ bản tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. | X |  |
| 39 | Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là điểm chung trong công cuộc Đối mới ở Việt Nam, cải cách mở cửa ở Trung Quốc và cải tổ ở Liên Xô. |  | X |
| 40 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) cho thấy quá trình thực hiện nhiệm vụ xuyên suốt độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 41 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) được thực hiện thống nhất bắt đầu từ hành động đến tư duy, quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 42 | Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam thời kì quá độ là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 43 | Ở Việt Nam, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo có thể giúp điều tiết và định hướng sự phát triển kinh tế theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 44 | Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thừa nhận sự phát triển có tính kế thừa của các hình thái kinh tế - xã hội đối lập nhau. | X |  |
| 45 | Chủ trương chấp nhận kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là một bước đi đúng đắn trong tiến trình đổi mới của Việt Nam. |  | X |
| 46 | Từ năm 1986, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền kinh tế nước ta đã là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại. |  | X |
| 47 | Từ thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) cho thấy phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm lợi ích của nhân dân là yếu tố quyết định thành công. |  | X |
| 48 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, Nhà nước làm chủ, Nhân dân quản lý, giám sát. |  | X |
| 49 | Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chứng tỏ công cuộc Đổi mới ở nước ta đã hoàn thành thắng lợi. |  | X |
| 50 | Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia giảm tỉ lệ đói nghèo tốt nhất. | X |  |
| 51 | Ngân sách Nhà nước là nguồn lực duy nhất để thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam. |  | X |
| 52 | Kết quả của công tác xóa đói, giảm nghèo đã góp phần đưa VN thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và vươn lên trở thành nước phát triển có thu nhập cao. |  | X |
| 53 | Những ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn và sự thay đổi về tư duy lãnh đạo là nguồn gốc hình thành đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 54 | Thái độ “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” giúp Đảng chỉ đúng những hạn chế, khuyết điểm, sai lầm, từ đó có những đột phá trong đổi mới tư duy, đặc biệt là đổi mới tư duy về kinh tế. | X |  |
| 55 | Đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay có sự điều chỉnh, bổ sung theo công cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước Đông Âu. |  | X |
| 56 | Kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điểm tương đồng giữa công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam và công cuộc cải tổ đất nước ở Liên Xô từ những năm 80 của thế kỉ XX. |  | X |
| 57 | Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, Việt Nam coi trọng xây dựng cơ chế quản lí kinh tế tập trung. |  | X |
| 58 | Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là một trong những mục tiêu của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 59 | Giữ vững ổn định chính trị là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1986 - 1996. |  | X |
| 60 | Từ việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam đã phá bỏ hoàn toàn thế bị bao vây, cấm vận. |  | X |
| 61 | Những hoạt động đối ngoại giai đoạn 1986 – 1996 là yếu tố quyết định để Việt Nam thực hiện ngay việc hội nhập quốc tế sâu rộng. |  | X |
| 62 | Từ Đại hội VI (1986) Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá đất nước nhằm thực hiện chiến lược “đi tắt đón đầu”. |  | X |
| 63 | Khác với mô hình công nghiệp hoá truyền thống, ngày nay công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá trong một nền kinh tế mở, trọng tâm vào phát triển công nghiệp nặng. |  | X |
| 64 | Đại hội IX (2001) của Đảng xác định mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao. |  | X |
| 65 | Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương “đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” trong bối cảnh đất nước đã vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, khống chế được nạn lạm phát. | X |  |
| 66 | Đường lối Đổi mới đất nước được đề ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam. |  | X |
| 67 | Trong công cuộc Đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng cả về lí luận và thực tiễn. | X |  |
| 68 | Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã phản ánh xu thế tất yếu phải đổi mới ở tất cả các quốc gia trên thế giới. |  | X |
| 69 | Phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất là một trong những nội dung của đường lối đổi mới đất nước ở Việt Nam giai đoạn 1986 - 1995 trên lĩnh vực kinh tế. |  | X |
| 70 | Về kinh tế, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đã hoàn thành các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. |  | X |
| 71 | Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa tư bản là bài học xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam và cũng là kinh nghiệm thành công của công cuộc đổi mới. |  | X |
| 72 | Quá trình đổi mới ở Việt Nam cho thấy có thể hoàn thành các mục tiêu đặt ra ngay cả trong điều kiện nguồn lực hạn chế nếu có nhận thức đúng đắn, có cam kết mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao. | X |  |
| 73 | Thành công của quá trình thực hiện đường lối đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu. | X |  |
| 74 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một quá trình thử nghiệm: vừa đổi mới, vừa nghiên cứu để thay đổi phương hướng chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |  | X |
| 75 | Cần phê phán quan điểm cho rằng đổi mới phải xoá bỏ những cái cũ có yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 76 | Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, đồng thời cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. | X |  |
| 77 | Thành tựu quan trọng trong công cuộc Đổi mới là sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hoàn thành trước thời hạn. |  | X |
| 78 | Các thành tựu trong quá trình Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một trong những cơ sở đề Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 79 | Trong đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định văn hóa là sức mạnh nội lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 80 | Để phát triển văn hóa, chỉ cần chú trọng bảo tồn các di sản truyền thống mà không cần đầu tư cho sự nghiệp văn hóa. |  | X |
| 81 | Đảng Cộng sản Việt Nam xác định con người là trung tâm, mục tiêu và động lực của sự phát triển văn hóa, xã hội. | X |  |
| 82 | Chính sách văn hóa đúng định hướng của Đảng góp phần tạo nên sự ổn định và lành mạnh xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. | X |  |
| 83 | Sự phá hoại của các thế lực thù địch bằng chiến lược “diễn biến hòa bình” là nguyên nhân chủ yếu buộc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới phải tiến hành đổi mới đất nước. |  | X |
| 84 | Việc Liên Xô và các nước Đông Âu rơi vào khủng hoảng toàn diện và trầm trọng đã chứng tỏ hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa không còn phù hợp. |  | X |
| 85 | Trong công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay), Việt Nam có những biện pháp, bước đi phù hợp và đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 86 | Để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, Việt Nam cần đổi mới cơ chế quản lý. | X |  |
| 87 | Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một tất yếu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 88 | Không thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản của đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 89 | Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được tiến hành xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. |  | X |
| 90 | Thành tựu đạt được trong 10 năm đầu tiến hành công cuộc Đổi mới (1986 – 1996) ở Việt Nam tạo cơ sở cần thiết để đất nước bước vào giai đoạn tiếp theo toàn diện hơn. | X |  |
| 91 | Những thành tựu to lớn Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới đã trở thành sức mạnh của dân tộc và thế giới hiện nay. | X |  |
| 92 | Đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ tháng 12-1986) được tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. | X |  |
| 93 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành một cách kiên định nhưng không bảo thủ, phát triển và mang tính kế thừa. | X |  |
| 94 | Thành tựu của 15 năm đổi mới (1986-2000) đã đưa Việt Nam vươn lên trở thành một cường quốc hùng mạnh trên thế giới. |  | X |
| 95 | Thành tựu của công cuộc Đổi mới (từ tháng 12-1986) chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, mọi bước đi đều hoàn toàn phù hợp. |  | X |
| 96 | Một trong những ý nghĩa quan trọng về thành tựu của Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là không ngừng nâng cao vị thế và sức mạnh tổng hợp của quốc gia | X |  |
| 97 | Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay, Đảng chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường theo hướng tư bản chủ nghĩa. |  | X |
| 98 | Nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam. |  | X |
| 99 | Trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, việc giữ nguyên cơ chế bao cấp sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam ổn định và phát triển bền vững hơn. |  | X |
| 100 | Trong thời đại chuyển đổi số, những nguyên tắc đổi mới từ năm 1986 không còn phù hợp và không thể vận dụng vào việc phát triển kinh tế hiện nay. |  | X |
| 101 | Sau 10 năm Đổi mới (1986 – 1996), Việt Nam đã bước đầu thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội. | X |  |
| 102 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được xác định là bỏ qua thời kì quá độ, tiến thẳng lên xã hội cộng sản. |  | X |
| 103 | Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định theo từng bước, gắn với các nhiệm vụ cụ thể trong mỗi giai đoạn. | X |  |
| 104 | Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập cấp trung học phổ thông trên toàn quốc từ năm 2010. |  | X |
| 105 | Việc hoàn thành một số mục tiêu Thiên niên kỉ đã góp phần nâng cao vị thế, ảnh thưởng của Việt Nam trên trường quốc tế. | X |  |
| 106 | Trong công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam luôn coi trọng sự phát triển hài hòa về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. | X |  |
| 107 | Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công với cách mạng thể hiện đạo lí và truyền thống tốt đẹp của nhân loại. |  | X |
| 108 | Những thành tựu của Việt Nam trong chiến tranh vệ quốc và đổi mới đất nước đã giúp Liên hợp quốc thực hiện thành công mục tiêu thiên niên kỉ. |  | X |
| 109 | Đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được ưu tiên bảo vệ trong chiến tranh và phát triển trong thời bình. | X |  |
| 110 | Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, là điều kiện thuận lợi để đổi mới chính trị. | X |  |
| 111 | Cần ưu tiên đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 chủ yếu vì chỉ có thể đổi mới các lĩnh vực khác sau khi đã xây dựng hoàn thiện điều kiện vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 112 | Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm phải nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 113 | Thực tiễn cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam có những bước đi phù hợp trong đổi mới chính trị, thận trọng nhưng không bảo thủ, trì trệ (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 114 | Cơ chế quản lý của Nhà nước tác động trực tiếp đến kết quả của quá trình phát triển kinh tế trong thực tiễn. | X |  |
| 115 | Quan niệm trước đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều hạn chế với mong muốn tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 116 | Sự quản lý của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là không cần thiết. |  | X |
| 117 | Các quy luật của kinh tế thị trường có thể không cần áp dụng đồng bộ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 118 | Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986 đến nay)là yếu tố quan trọng để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, | X |  |
| 119 | Đưa đất nước vượt qua tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội là nguyên nhân chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước năm 1986. | X |  |
| 120 | Đổi mới kinh tế (từ năm 1986 đến nay) là trọng tâm đã tạo ra những chuyển biến cơ bản, tạo nền tảng cho đổi mới trên các lĩnh vực khác. | X |  |
| 121 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một quá trình tất yếu để phát hiện những nhân tố mới và sửa chữa những sai lầm trong quá trình phát triển đất nước. | X |  |
| 122 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) có thể thực hiện mà không cần đấu tranh chống lại các thói quen cũ, bảo thủ, trì trệ trong xã hội. |  | X |
| 123 | Để đổi mới thành công, cần phải thường xuyên tự phê bình và đấu tranh chống lại những tư duy bảo thủ và giáo điều, đảm bảo sự linh hoạt và sáng tạo trong quá trình phát triển. | X |  |
| 124 | Quá trình đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đòi hỏi một cuộc cách mạng về tư tưởng, nơi mà mỗi cá nhân và tổ chức phải không ngừng tự đổi mới, vượt qua những giới hạn cũ để thích nghi với tình hình mới, tránh tha hóa biến chất. | X |  |
| 125 | Bài học kinh nghiệm được rút ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước là tôn trọng các quy luật kinh tế - xã hội, bám sát tình hình thực tiễn để đề ra chủ trương phù hợp. | X |  |
| 126 | Hơn 30 năm sau đổi mới, Việt Nam đạt nhiều thành tựu, trở thành một trong 20 nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. |  | X |
| 127 | Nền kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được hình thành và phát triển khi miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1954). |  | X |
| 128 | Việc chuyển đổi mô hình quản lý kinh tế sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa Việt Nam từng bước vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. | X |  |
| 129 | Bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nhằm phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần. | X |  |
| 130 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không có sự khác biệt với nền kinh tế thị trường ở các nước phương Tây. |  | X |
| 131 | Sự thay đổi về mô hình kinh tế đồng nghĩa với sự thay đổi về bản chất, mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển đất nước. |  | X |
| 132 | Mô hình kinh tế mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XXI là đã thể hiện rõ tính dân chủ, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể kinh tế, các lĩnh vực kinh tế. | X |  |
| 133 | Phát huy vai trò và năng lực của nhiều thành phần kinh tế ở Việt Nam trong cuộc Đổi mới (từ năm 1986) đã tạo nên nguồn lực tổng hợp để tăng cường sức mạnh nền kinh tế quốc dân. | X |  |
| 134 | Chủ trương xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 135 | Hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những thành tựu quan trọng có ý nghĩa chiến lược của công cuộc đổi mới ở Việt Nam. | X |  |
| 136 | Việc xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước tiến về nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kì quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 137 | Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nền tảng trong nền kinh tế thị trường tự do ở Việt Nam từ sau 1986. |  | X |
| 138 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành với những bước đi vững chắc và biện pháp phù hợp với thực tiễn. | X |  |
| 139 | Thực tiễn quá trình Đổi mới (1986 đến nay) cho thấy cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở Việt Nam là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. | X |  |
| 140 | Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng VN và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 141 | Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. | X |  |
| 142 | Từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đặc điểm duy nhất của cách mạng Việt Nam sau năm 1975. |  | X |
| 143 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hoàn toàn tách biệt với sự quản lý của nhà nước. |  | X |
| 144 | Trong quá trình đổi mới (từ năm 1986 đến nay), chính trị là lĩnh vực trọng tâm, được Việt Nam tập trung đổi mới mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu ấn tượng. |  | X |
| 145 | Thành tựu nổi bật nhất của giai đoạn (2001-2005) là đã triệt để hoàn thành công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. |  | X |
| 146 | Thành tựu trong giai đoạn (2001 – 2005) có được do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành và triển khai trong thực tiễn. | X |  |
| 147 | Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát triển từ chính sách Kinh tế mới của Lê nin. | X |  |
| 148 | Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố quan trọng, giúp nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ từ trước đến nay và chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái. |  | X |
| 149 | Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đã làm thay đổi hoàn toàn cơ cấu các ngành trong nền kinh tế của Việt Nam. |  | X |
| 150 | Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay) là nhanh chóng đưa Việt Nam trở thành cường quốc công nghiệp hiện đại, thu nhập cao. |  | X |
| 151 | Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường là phương thức để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành cường quốc số 1 thế giới. |  | X |
| 152 | Trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể luôn bổ sung cho nhau vì có sự thống nhất về kế hoạch và chương trình phát triển. |  | X |
| 153 | Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn khách quan, sáng tạo, phù hợp với xu thế vận động chung của hầu hết các nước trên thế giới. |  | X |
| 154 | Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | X |  |
| 155 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải tuân thủ các nguyên tắc và giá trị của chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 156 | Từ năm 1986, nhà nước cần chỉ huy nền kinh tế bằng hành chính và mệnh lệnh để sử dụng, cải tạo có hiệu quả các thành phần kinh tế khác nhau. |  | X |
| 157 | Việc đổi mới nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là yếu tố quan trọng góp phần phát huy tiềm lực của đất nước trong thời kỳ quá độ. | X |  |
| 158 | Bảo đảm hài hoà giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển là nguyên tắc để thực hiện thành công sự nghiệp Đổi mới đất nước. | X |  |
| 159 | So với những năm trước Đổi mới, Việt Nam ngày nay đã có sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện, vị thế quốc tế nâng cao. | X |  |
| 160 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được nhân dân ta thực hiện từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới. |  | X |
| 161 | Đảng Cộng sản VN xác định kinh tế là nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới từ năm 1986 chủ yếu do hỗ trợ Cam-pu-chia trở thành gánh nặng kinh tế với đất nước. |  | X |
| 162 | Những thành tựu Việt Nam đạt được trong gần 40 năm tiến hành công cuộc Đổi mới (từ 1986 đến nay) đã khẳng định vai trò của Việt Nam với sự phát triển của các nước Đông Dương. |  | X |
| 163 | Việt Nam cần vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp để thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 164 | Kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước là bài học kinh nghiệm quan trọng hàng đầu trong quá trình Đổi mới. |  | X |
| 165 | Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc Đổi mới đất nước. | X |  |
| 166 | Một đất nước Việt Nam phát triển toàn diện phải đảm bảo quyền lợi về kinh tế, văn hóa xã hội và sự ổn định nền chính trị của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. | X |  |
| 167 | Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. | X |  |
| 168 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật, lấy kinh tế đầu tư ngước ngoài làm trọng tâm. |  | X |
| 169 | Trong một đất nước Việt Nam phát triển phải xây dựng một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về người lãnh đạo do nhân dân bầu ra và phục vụ lợi ích của nhân dân. | X |  |
| 170 | Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho đất nước Việt Nam trong việc tiến hành công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay là tham gia các liên minh quân sự để tìm kiếm sự ủng hộ. |  | X |
| 171 | Thành tựu Việt Nam đạt được trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1986 - 1990) của công cuộc Đổi mới đất nước đã |  | X |
|  | chứng tỏ Việt Nam đã đổi mới thành công, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. |  |  |
| 172 | Tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được đảm bảo và tăng cường, đó là thành tựu cơ bản của đổi mới về xã hội ở Việt Nam. |  | X |
| 173 | Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,... được đẩy mạnh, là thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam. | X |  |
| 174 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển. | X |  |
| 175 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, nhiều vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết triệt để và đạt được những kết quả nổi bật. |  | X |
| 176 | Một trong những mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở Việt Nam (1996 - 2001) là cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. | X |  |
| 177 | Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. | X |  |
| 178 | Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giữ vai trò chủ đạo. |  | X |
| 179 | Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nội dung cơ bản trong đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế. | X |  |
| 180 | Trong giai đoạn 1996-2006, công cuộc đổi mới ở Việt Nam tiếp tục được tiến hành đồng bộ toàn diện, trọng tâm không phải là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. |  | X |
| 181 | Chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá được đề ra ngay từ khởi đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) |  | X |
| 182 | Đảng cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu đổi mới ở Việt Nam là xây dựng một nước nông nghiệp hiện đại, tiên tiến. |  | X |
| 183 | Đại hội VIII (1996) của Đảng đề ra chủ trương "đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” trong bối cảnh đất nước còn chưa vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội. |  | X |
| 184 | Khác với mô hình công nghiệp hoá truyền thống, ngày nay công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá trong một nền kinh tế mở, trong đó thành phần kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo. |  | X |
| 185 | “Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu và dự trữ ngoại hối tăng mạnh” là biểu hiện thành công trong cải cách thể chế và chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam được đề ra từ sau năm 1975. |  | X |
| 186 | Thành tựu về kinh tế trong công cuộc Đổi mới chứng tỏ sự vận dụng lí luận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào thực tiễn Việt Nam là đúng đắn, trở thành đường lối phát triển của các quốc gia trên thế giới. |  | X |
| 187 | Năm 2020, hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng, đứng vững trong bối cảnh khủng hoảng thương mại quốc tế trên toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19. | X |  |
| 188 | Quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI (12-1986) là phải thống nhất và tập trung. |  | X |
| 189 | Trong quá trình Đổi mới đất nước, Việt Nam đã phát huy cao độ nỗ lực của dân tộc, kiên trì mục tiêu và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 190 | Trong quá trình Đổi mới đất nước, thế và lực của Việt Nam vẫn còn yếu nên cần phải tiếp tục thực hiện nền kinh tế bao cấp do nhà nước quản lý. |  | X |
| 191 | Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) tổng kết Việt Nam hoàn thành việc hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. |  | X |
| 192 | Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là quá trình thay đổi mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội trước những biến động của thế giới. |  | X |
| 193 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn về việc thay đổi phương hướng chiến lược của cách mạng. |  | X |
| 194 | Thành tựu công cuộc Đổi mới là cơ sở để Việt Nam thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các nước lớn như Pháp, Mỹ, Nhật Bản... | X |  |
| 195 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới đã bổ sung, phát triển lí luận và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. | X |  |
| 196 | Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô là yếu tố quyết định để Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới năm 1986. |  | X |
| 197 | Kinh tế tư nhân hiện nay được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 198 | Đảng Cộng sản VN có những chính sách, chủ trương để kinh tế tư nhân được giải phóng, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ trong quá trình đổi mới. | X |  |
| 199 | Việc điều chỉnh thế đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực sau khi tiến hành Đổi mới nhằm xây dựng thế phòng thủ hợp lý, vững chắc trên cả nước. | X |  |
| 200 | Phương án, kế hoạch phòng thủ chiến lược của Việt Nam sau khi tiến hành Đổi mới được giữ nguyên, không thay đổi dù tình hình thực tiễn có biến động. |  | X |
| 201 | Sau khi tiến hành Đổi mới, Việt Nam không còn chú trọng đến quốc phòng mà chuyển hoàn toàn sang phát triển kinh tế. |  | X |
| 202 | Sau khi tiến hành Đổi mới, Việt Nam tăng cường mở rộng liên minh quân sự với các nước lớn nhằm củng cố thế trận quốc phòng. |  | X |
| 203 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chỉ tuân theo các quy luật kinh tế thị trường, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguyên tắc nào khác. |  | X |
| 204 | Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, không có sự tồn tại của thành phần kinh tế tập thể. |  | X |
| 205 | Kinh tế thị trường ở Việt Nam không có điểm khác biệt so với mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển. |  | X |
| 206 | Lần đầu tiên trong Nghị quyết số 04-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII, 1993) nhấn mạnh giáo dục và đào tạo là mặt trận hàng đầu. |  | X |
| 207 | Việc thực hiện nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp là phù hợp trong thời kì Đổi mới. |  | X |
| 208 | Việc chuyển sang cơ chế thị trường nhằm phát huy tối đa sức mạnh của các tổ chức và cá nhân để phục vụ sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. |  | X |
| 209 | Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) xác định yếu tố thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển đất nước là văn hóa. | X |  |
| 210 | Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam hiện nay là xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 211 | Kinh tế thị trường ở Việt Nam không có điểm tương đồng so với mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển. |  | X |
| 212 | Trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hiện nay, kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. |  | X |
| 213 | Từ Đại hội VI đến Đại hội IX, quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự nghiệp đổi mới đất nước ngày càng toàn diện, sâu sắc. | X |  |
| 214 | Sự thay đổi toàn diện của Việt Nam sau năm 1986 chủ yếu là do Đảng đã đề ra đường lối đúng đắn trong cuộc cách mạng vô sản. |  | X |
| 215 | Do thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với đường lối đổi mới nên Việt Nam đã bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. |  | X |
| 216 | Trong công cuộc đổi mới, việc thực hiện kết hợp đa dạng hóa với xác lập và củng cố quan hệ với các đối tác đã giúp Việt Nam tạo được thế đối ngoại cân bằng, vững chắc và ổn định. | X |  |
| 217 | Trong tình hình thế giới hiện nay, Việt Nam trở thành nơi thu hút mạnh các nhà đầu tư nước ngoài là do Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam tập trung trọng tâm vào đổi mới hệ thống chính trị. |  | X |
| 218 | Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục vận dụng và phát huy một cách sáng tạo chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) trong tình hình mới. | X |  |
| 219 | Một trong những điểm mới của Đại hội Đảng lần thứ XIII là chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế. |  | X |
| 220 | Việt Nam bắt đầu hội nhập quốc tế từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 221 | Lợi ích quốc gia dân tộc là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 222 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh hệ thống xã hội chủ nghĩa sẽ tiếp tục có đột phá về thế và lực. |  | X |
| 223 | Sự nghiệp đổi mới đất nước của Việt Nam đã làm thay đổi cơ bản, toàn diện tình hình kinh tế, xã hội đất nước. | X |  |
| 224 | Phát huy nội lực, đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam. | X |  |
| 225 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam cho thấy quá trình thực hiện nhiệm vụ xuyên suốt độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 226 | Công cuộc Đổi mới thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân đã giúp Việt Nam hoàn thành mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 227 | Đảm bảo an ninh xã hội, an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội trong công cuộc Đôi mới đất nước là nhiệm vụ hàng đầu của riêng lực lượng vũ trang Việt Nam. |  | X |
| 228 | Mục đích của công cuộc đổi mới là khắc phục những hạn yếu, yếu kém trong lãnh đạo của Đảng, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng. | X |  |
| 229 | Đại hội Đảng lần thứ VI của Đảng xác định nhiệm vụ chung của thời kì đầu công cuộc đổi mới là xây dựng thành công cái đích CNCH. |  | X |
| 230 | Đổi mới không thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. | X |  |
| 231 | Đảm bảo mục tiêu chủ nghĩa xã hội trên cơ sở học tập các bước đi và biện pháp của các nước xây dựng CNXH thành công là một trong những chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kì Đổi mới. | X |  |
| 232 | Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay hướng tới mục tiêu ba chương trình kinh tế lớn (Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu), thực hiện cơ chế kinh tế thị trường. |  | X |
| 233 | Đổi mới đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực nhằm tạo đẩy mạnh hội nhập quốc tế cho Việt nam ở giai đoạn tiếp theo. | X |  |
| 234 | Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cần khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong nhân dân. | X |  |
| 235 | Đổi mới đồng thời trên nhiều lĩnh vực nhằm phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời. |  | X |
| 236 | Hòa bình, ổn định là khát vọng của dân tộc Việt Nam từ thời trung đại đến hiện tại và trong tương lai. | X |  |
| 237 | Đường lối xuyên suốt đi lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam qua các thời kì khác nhau đều hướng tới sự phát triên vì con người. | X |  |
| 238 | Đường lối của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam thực hiện xoá bỏ mọi thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa nhằm phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. |  | X |
| 239 | Mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa lí tường theo nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lê nin đã được Việt Nam xây dựng thành công ngay khi tiến hành công cuộc Đổi mới. |  | X |
| 240 | Hiện tượng “cá lớn nuốt cá bé” không còn trên phạm vi toàn thế giới khi Việt Nam quyết định đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 241 | Đường lối Đồi mới đất nước được đề ra tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 242 | Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước là đã hoàn thiện con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 243 | Nhờ thực hiện đường lối đổi mới mà Việt Nam xóa bỏ được tình trạng phân hóa giai cấp và sự bóc lột trong xã hội. |  | X |
| 244 | Đổi mới là một cuộc cách mạng cả về tư duy và thực tiễn, là bước tiến trong nhận thức về con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | X |  |
| 245 | Trong đổi mới về kinh tế, Việt Nam khẳng định sự nhất quán phải đổi mới về cơ chế chính sách và công tác quản lí xã hội của Đảng. |  | X |
| 246 | Đổi mới kinh tế là cơ bản, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là điểm chung trong công cuộc cải cách mở của ở Trung Quốc, cải tổ ở Liên Xô và Đổi mới ở Việt Nam. |  | X |
| 247 | Thực tiễn quá trình đổi mới ở Việt Nam cho thấy, đồi mới tư duy được xác định trên cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. | X |  |
| 248 | Đồi mới là sự tiếp nối quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đã hoàn thành. |  | X |
| 249 | Sản xuất hàng hoá là thành tựu của riêng chủ nghĩa tư bản và phù hợp với quá trình Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. |  | X |
| 250 | Nghị quyết kì Đại hội VII của Đảng góp phần quan trọng vào hoạch định đường lối Đổi mới, làm rõ nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | X |  |

# 

# Chủ đề 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Nguyên tắc cao nhất trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay là phục vụ lợi ích kinh tế. |  | X |
| 2 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1986 đến nay được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. | X |  |
| 3 | Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới đã giúp Việt Nam đã vươn lên trở thành một nền kinh tế có độ mở cao nhất thế giới, khẳng định vai trò tích cực trong chuỗi giá trị toàn cầu. |  | X |
| 4 | Công tác đối ngoại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn (từ năm 1986) đã góp phần nâng cao hiệu quả của hội nhập, tạo môi trường hòa bình và thêm nguồn lực cho phát triển đất nước. | X |  |
| 5 | Hiện nay, Việt Nam đã khẳng định được vị thế và có nhiều đóng góp quan trọng đối với các tổ chức quốc tế, là nhân tố quan trọng đóng góp cho hòa bình, ổn định của khu vực và thế giới. | X |  |
| 6 | Ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau năm 1945 dựa trên nguyên tắc hòa bình, hữu nghị, bình đẳng và hợp tác. | X |  |
| 7 | Trong thực tiễn chiến tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 1945-1975 ngoại giao trở thành mặt trận với sự tham gia toàn dân và đóng vai trò quyết định đến mọi thắng lợi. |  | X |
| 8 | Sau năm 1945, hoạt động ngoại giao của Nhà nước bắt đầu hình thành và phục vụ công cuộc “kháng chiến, kiến quốc”. | X |  |
| 9 | Đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi ra đời năm 1945 là “*cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”*. | X |  |
| 10 | Việt Nam hiện nay có quan hệ thương mại với hầu hết các quốc gia trên thế giới, trừ những nước trước đây là thực dân. |  | X |
| 11 | Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kì có hiệu lực từ ngày 10/12/2001 đã mở ra cơ hội xuất khẩu hàng hóa lớn nhất thế giới cho Việt Nam. |  | X |
| 12 | EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ coi Việt Nam là thị trường thương mại giàu tiềm năng của trong thế kỷ XXI. | X |  |
| 13 | Chương trình của Việt Minh xác định mục tiêu thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. | X |  |
| 14 | Mặt trận Việt Minh là một chủ thể đối ngoại của Việt Nam trong việc mở rộng quan hệ thương mại với các nước trên thế giới. |  | X |
| 15 | Việc mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới là bước đột phá trong mở rộng và phát triển về chiều sâu các mối quan hệ Đảng. |  | X |
| 16 | Việt Nam đã tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với nhiều nước là những đóng góp của Việt Nam cho Liên hợp quốc. |  | X |
| 17 | Cùng với ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, đối ngoại Đảng là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại từ năm 1945 đến nay). | X |  |
| 18 | Từ năm 1945, đối ngoại Đảng đã khẳng định những đóng góp có tính quyết định của Việt Nam cho phong trào cách mạng thế giới, cho hoà bình, ổn định của khu vực và toàn cầu. |  | X |
| 19 | Tham gia vào các tổ chức ASEM, APEC, WTO đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. | X |  |
| 20 | Với vai trò ngày càng to lớn và quan trọng trong các tổ chức quốc tế, Việt Nam sẽ giảm bớt được những áp lực cạnh tranh về thương mại và đầu tư. |  | X |
| 21 | Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra theo từng bước, từ hội nhập văn hóa, đến hội nhập kinh tế, đối ngoại. |  | X |
| 22 | Một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao Việt Nam từ sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975 là tìm hướng phá thế bị bao vây và cấm vận. | X |  |
| 23 | Việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng giải pháp quân sự đã tháo gỡ những trở ngại trong các quan hệ song phương và đa phương của Việt Nam. |  | X |
| 24 | Các hoạt động đối ngoại tích cực của Việt Nam sau năm 1975 đã đưa Việt Nam thoát khỏi mọi khó khăn, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. |  | X |
| 25 | Thành tựu của ngoại giao Việt Nam thời kì Đổi mới cho thấy việc cân bằng mối quan hệ với các nước lớn là vô cùng quan trọng để duy trì ổn định. | X |  |
| 26 | Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hỏa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, Việt Nam luôn luôn phụ thuộc vào các quốc gia khác. |  | X |
| 27 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1954-1975) có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. |  | X |
| 28 | Trong 10 năm đầu sau khi thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã cải thiện quan hệ đối ngoại với các nước Đông Nam Á và Trung Quốc. | X |  |
| 29 | “Vấn đề Campuchia” được giải quyết đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam hoá giải những vướng mắc trong quan hệ khu vực và quốc tế. | X |  |
| 30 | Tháng 7 năm 1995 là thời điểm thành công của ngoại giao Việt Nam khi bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. |  | X |
| 31 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay không chỉ nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới mà còn gắn với giao lưu văn hoá, hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm hoạ… | X |  |
| 32 | Việc kí kết Hiệp định Geneva (7-1954) kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 33 | Tất cả nước tham dự Hội nghị Geneva đã công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. |  | X |
| 34 | Hiệp định Geneva là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, đồng thời tạo cơ sở pháp lí quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước sau này. | X |  |
| 35 | So với Hiệp định Sơ bộ, Hiệp định Geneva là một bước tiến lớn, phản ánh trọn vẹn thắng lợi của cuộc kháng chiến, Việt Nam được giải phóng hoàn toàn tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 36 | Trong thời kì đổi mới (từ năm 1986 đến nay), Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. | X |  |
| 37 | Gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã mở đầu quá trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam. |  | X |
| 38 | Việt Nam chủ trương huy động nguồn ngoại lực để thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. | X |  |
| 39 | Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngoại giao đa phương là yếu tố quyết định để Việt Nam nâng cao vị thế kinh tế. |  | X |
| 40 | Việc thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại đã tạo ra cơ hội để Việt Nam nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. | X |  |
| 41 | Việc thực hiện chủ trương đối ngoại đa phương là phương thức hữu hiệu nhất để Việt Nam ứng phó với thế giới đầy biến động, đối đầu, chia rẽ. |  | X |
| 42 | Thiện chí của Đảng, Chính phủ VN Dân chủ cộng hòa trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền của Việt Nam. | X |  |
| 43 | Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa trở thành nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954). |  | X |
| 44 | Hiệp định Sơ bộ 6/3, Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Paris 1973 là những bước phát triển trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của VN. | X |  |
| 45 | Việc kí kết Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Paris 1973 chứng tỏ những cuộc thương lượng của các nước lớn không thể cản trở nguyện vọng thống nhất của một dân tộc. | X |  |
| 46 | Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Paris 1973 là những sự kiện đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 47 | Phương châm “lạt mềm buộc chặt” là một đặc điểm của ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. | X |  |
| 48 | Quan điểm đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay có sự kế thừa và phát huy tư tưởng đoàn kết quốc tế của chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 49 | Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn hiện nay góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. | X |  |
| 50 | Từ năm 2007, Việt Nam là thành viên chính thức của WTO. | X |  |
| 51 | Việc gia nhập WTO năm 2007 là nguồn lực quyết định giúp nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng cao như và tương đối bền vững như hiện nay. |  | X |
| 52 | Chính sách đối ngoại đóng vai trò quyết định trong việc giữ vững nền độc lập dân tộc, ổn định chính trị, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong khu vực. |  | X |
| 53 | Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và triệt để loại trừ đối tượng. |  | X |
| 54 | Đường lối đối ngoại của Việt Nam ngày càng có nhiều biến chuyển, thay đổi tư duy về “đối tượng” và “đối tác” trong quan hệ đối ngoại. | X |  |
| 55 | Trong những năm 30 của thế kỉ XX, Đảng Cộng sản Đông Dương có sự liên lạc với tổ chức Liên hợp quốc để tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam. |  | X |
| 56 | Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc trong 30 năm đầu thế kỉ XX đã góp phần củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. |  | X |
| 57 | Những kết quả trong tiến trình hội nhập quốc tế không chỉ giúp phát huy sức mạnh thời đại để phát triển kinh tế mà còn góp phần nâng cao vị thế chính trị của Việt Nam. | X |  |
| 58 | Trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), hội nhập kinh tế và hội nhập chính trị của Việt Nam luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó hội nhập chính trị là yếu tố tiên phong, hội nhập kinh tế là yếu tố chủ đạo. |  | X |
| 59 | Mở rộng quan hệ với các quốc gia, đối tác; kí kết và triển khai nhiều hiệp định thương mại tự do... là thành tựu nổi bật của Việt Nam trong lĩnh vực hội nhập quốc tế và mở rộng lãnh thổ. |  | X |
| 60 | Sức mạnh nội lực không ngừng phát triển đã tạo cơ sở vững chắc để Việt Nam chủ động hội nhập và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế chân chính. | X |  |
| 61 | Trong giai đoạn 1954 – 1964, chính sách đối ngoại của Việt Nam chỉ là đấu tranh đòi thực dân Pháp thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. |  | X |
| 62 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1968 đã vạch trần bản chất xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. | X |  |
| 63 | Một trong những mục tiêu quan trọng của hoạt động đối ngoại Việt Nam (1954-1968) là cô lập Mỹ trên trường quốc tế bằng cách tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, hòa bình, dân chủ trên thế giới. | X |  |
| 64 | Quan điểm đối ngoại của Đảng là cơ sở quan trọng để bảo vệ lợi ích của dân tộc ta trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 65 | Sự cứng rắn về sách lược, mềm dẻo về nguyên tắc trong chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1945 – 1946 đã loại bớt các thế lực chống phá cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 66 | Hoạt động ngoại giao của Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đẩy nhanh công cuộc chuẩn bị và đương đầu với thực dân Pháp. |  | X |
| 67 | Nền tảng của ngoại giao Việt Nam hiện đại không bao gồm chủ nghĩa yêu nước truyền thống và ý chí vì độc lập, tự do. |  | X |
| 68 | Những hoạt động đối ngoại đầu tiên của dân tộc Việt Nam đều hướng đến vùng Địa Trung Hải và khu vực Bắc Phi. |  | X |
| 69 | Chủ nghĩa yêu nước và ý chí sắt đá vì độc lập, tự do của dân tộc đã phát huy bản sắc văn hoá, mở rộng giao lưu với nước ngoài. | X |  |
| 70 | Hoạt động đối ngoại của dân tộc Việt Nam từ thuở dựng nước tập trung phục vụ cho mục tiêu tối cao là quyền độc lập và tự chủ. | X |  |
| 71 | Sau thất bại trong cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 12 ngày đêm (cuối năm 1972), Hoa kỳ phải kí *Hiệp định Pa-ri.* | X |  |
| 72 | Trong thời gian đàm phán với Hoa Kỳ, Việt Nam vừa đấu tranh tại hội nghị, vừa tiến công trên chiến trường. | X |  |
| 73 | Thực tiễn lịch sử chứng minh rằng thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trên bàn đàm phán. | X |  |
| 74 | Hiệp định Pa-ri được kí kết đã đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 75 | Đấu tranh ngoại giao là một mặt trận khẳng định giá trị những thắng lợi trên mặt trận quân sự để bảo vệ nền độc lập của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975. | X |  |
| 76 | Nguyên tắc của đấu tranh ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong thời kì 1945 - 1946 đúng với mọi giai đoạn cách mạng Việt Nam sau này. |  | X |
| 77 | Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đấu tranh ngoại giao trong giai đoạn 1945 - 1946 là giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 78 | Sách lược đối ngoại trong giai đoạn 1945 – 1946 xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau hiệp định Giơ-ne-vơ. |  | X |
| 79 | Sự mềm dẻo trong sách lược ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn 1945 – 1946 đã bảo vệ được chính quyền cách mạng và tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù. | X |  |
| 80 | Hiện nay, sự mềm dẻo trong chính sách đối ngoại trong giai đoạn 1945 – 1946 vẫn còn nguyên giá trị trong hoạt động ngoại giao của Việt Nam. | X |  |
| 81 | Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam sau năm 1945 là khẳng định Việt Nam là một quốc gia tự do, thuộc khối Liên hiệp Pháp. |  | X |
| 82 | Ngoại giao là một phương thức để thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc Việt Nam ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 83 | Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạt động đối ngoại là phải tích cực, chủ động, theo sát tình hình, tận dụng thời cơ để nâng cao vị thế. | X |  |
| 84 | Ngoại giao góp phần nâng cao vị thế đất nước, thậm chí có thể đi trước mở đường cho đấu tranh chính trị và quân sự. | X |  |
| 85 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 là sự thừa nhận nền độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. |  | X |
| 86 | Hội nghị Giơ-ne-vơ chỉ công nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, không đề cập đến Lào và Cam-pu-chia. |  | X |
| 87 | Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ năm 1946 và Hội nghị Giơ-ne-vơ đã giúp củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 88 | Hội nghị Giơ-ne-vơ đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc khẳng định vị thế quốc tế của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. | X |  |
| 89 | Hiệp định Pa-ri được kí kết là một thắng lợi ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 90 | Hiệp định Pa-ri được kí kết phản ánh thành quả trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 91 | Việc kí Hiệp định Pa-ri năm 1973 đã mở ra bước ngoặt đầu tiên, đưa tới sự chuyển biến về thế và lực có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam. |  | X |
| 92 | Về bản chất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc bằng thắng lợi của việc kí Hiệp định Pa-ri. |  | X |
| 93 | Một trong những thành tựu của ngoại giao Việt Nam sau Đổi mới là bình thường hoá quan hệ với Cam-pu-chia và Lào. |  | X |
| 94 | Bình thường hoá, thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ (1995) là cơ sở để Việt Nam giải quyết hài hòa “vấn đề Cam-pu-chia”. |  | X |
| 95 | Thành tựu về ngoại giao là một cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh công cuộc Đổi mới đất nước và vượt qua cuộc khủng hoảng. | X |  |
| 96 | Giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” là chìa khóa để Việt Nam khôi phục quan hệ với các nước trong khu vực và quốc tế. | X |  |
| 97 | Theo hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, Mỹ phải rút quân khỏi Việt Nam. | X |  |
| 98 | Với hiệp định Pa-ri năm 1973, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. |  | X |
| 99 | Từ xưa đến nay, hoạt động ngoại giao trên thực tế chỉ bao gồm các quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực. |  | X |
| 100 | Việt Nam đã thành công trong việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng giải pháp hoà bình. | X |  |
| 101 | Để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam đã huy động nhiều nguồn lực bên trong và bên ngoài. | X |  |
| 102 | Các hoạt động đối ngoại tích cực, sáng tạo của Việt Nam từ sau năm 1975 đã phá vỡ thế bị bao vây, cô lập và đưa Việt Nam từng bước hội nhập quốc tế. | X |  |
| 103 | Để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam luôn giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ, ngọn cờ chính nghĩa và tuyệt đối không nhân nhượng trong mọi vấn đề. |  | X |
| 104 | Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để các nước hội nhập với Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay. |  | X |
| 105 | Để phát triển bền vững, Việt Nam cần kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống và hiện đại. | X |  |
| 106 | Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 20 của thế kỉ XX có mục đích tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc. | X |  |
| 107 | Hoạt động đối ngoại sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917– 1920) đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản. |  | X |
| 108 | Hoạt động đối ngoại song phương trước đa phương đã góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. |  | X |
| 109 | Để thực hiện hội nhập và phát triển, Việt Nam cần thực hiện chính sách đối ngoại chung với các quốc gia trên thế giới. |  | X |
| 110 | Một trong những điểm mới của đường lối đổi mới đất nước ở Việt Nam là đặt lợi ích của dân tộc và nhân dân lên trên hết. |  | X |
| 111 | Từ ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo với Trung Hoa Dân quốc. | X |  |
| 112 | Với việc ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt – Pháp (14-9-1946), Pháp đã rút hết quân về nước. |  | X |
| 113 | Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên và một số nước Đông Âu đánh dấu Việt Nam thoát khỏi tình trạng bao vây, cô lập. | X |  |
| 114 | Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) có vai trò quyết định đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc. |  | X |
| 115 | Trong quan hệ với Trung Quốc từ sau năm 1975, Việt Nam kiên trì chính sách hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. | X |  |
| 116 | Liên quan đến các tranh chấp trên đất liền và trên biển với Trung Quốc, Việt Nam chủ trương giải quyết bằng các biện pháp hòa bình, tránh xung đột. | X |  |
| 117 | Đối với các tranh chấp trên đất liền và trên biển với Trung Quốc, Việt Nam chủ trương giải quyết bằng các biện pháp quân sự, không nhân nhượng. |  | X |
| 118 | Việt Nam chủ trương nhân nhượng Trung Quốc một số lợi ích trên Biển Đông để đổi lấy điều kiện thuận lợi về kinh tế trên đất liền. |  | X |
| 119 | Trong thời đại ngày nay, các quốc gia vừa và nhỏ luôn gặp những khó khăn khi tham gia các tổ chức quốc tế. |  | X |
| 120 | Sự tan rã của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một yếu tố thúc đẩy Việt Nam điều chỉnh chính sách đối ngoại. | X |  |
| 121 | Từ những năm 80 của thế kỉ XX, ngoại giao Việt Nam chuyển hẳn từ ngoại giao chính trị sang ngoại giao kinh tế. |  | X |
| 122 | Một trong những bài học từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là phải chủ động, sáng tạo, dựa vào nước ngoài để đưa ra chính sách. |  | X |
| 123 | Với việc Việt Nam là thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế của khu vực và thế giới góp phần huy động các nguồn lực bên ngoài đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. | X |  |
| 124 | Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc là bước đầu của quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. | X |  |
| 125 | Hiệp định Pari là thành tựu tiêu biểu trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam, đánh bại âm mưu “phân tuyến” của đối phương. | X |  |
| 126 | Thắng lợi của Hiệp định Pari cho thấy Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Nguỵ nhào”, tạo thời cơ mới cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 127 | Hiệp định Pari là biểu hiện của việc giải quyết các xung đột quốc tế bằng con đường hòa bình, tác động sâu sắc đến bước đường tiến lên của nhiều dân tộc. | X |  |
| 128 | Trong việc thực hiện đường lối đối ngoại, Việt Nam không phụ thuộc vào một quốc gia nào. | X |  |
| 129 | Một trong những điểm xuyên suốt của đường lối đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 là vì quyền lợi dân tộc nên không thể nhân nhượng. |  | X |
| 130 | Đối ngoại là một kênh để tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh là đúng đắn. | X |  |
| 131 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trước năm 1945 đã đặt nền móng cho ngoại giao VN. | X |  |
| 132 | Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu rộng ngay sau khi đất nước được thống nhất. |  | X |
| 133 | Các hoạt động đối ngoại phản ánh giữa VN và các nước không có sự tranh chấp. |  | X |
| 134 | Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam không gặp phải sự phản đối, cản trở của bất cứ nước nào. |  | X |
| 135 | Hiệp định Giơ-ne-vơ là cơ sở pháp lý quốc tế để Việt Nam nêu cao tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ. | X |  |
| 136 | Hiệp định Giơ-ne-vơ đã tạm thời chia cắt Việt Nam làm hai quốc gia, buộc Việt Nam tiến hành thống nhất đất nước. |  | X |
| 137 | Hiệp định Giơ-ne-vơ đã góp phần đưa đến đặc điểm độc đáo, sáng tạo về chiến lược cách mạng trong lịch sử Việt Nam. | X |  |
| 138 | Việt Nam thực hiện hội nhập một cách tuần tự từ hội nhập khu vực rồi đến hội nhập quốc tế. |  | X |
| 139 | Việc Việt Nam chính thức được kết nạp là thành viên thứ 7 của ASEAN năm 1995 chứng tỏ Việt Nam đã bước đầu “ phá vây” và tham gia vào xu thế toàn cầu hóa. |  | X |
| 140 | Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 là một minh chứng cho sự thành công trong điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng đa phương trong thời kì Đổi mới. | X |  |
| 141 | Đối ngoại song phương và đa phương từng bước được điều chỉnh từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 142 | Nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đang khẳng định Việt Nam (từ sau năm 1975 đến nay) là một cực trong trật tự thế giới đa cực. |  | X |
| 143 | Hiện nay Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng | X |  |
| 144 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 thể hiện sách lược mềm dẻo, linh hoạt của Đảng và Chính phủ Việt Nam. | X |  |
| 145 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đã ngăn cản hoàn toàn hành động xâm lược Việt Nam của các nước đế quốc. |  | X |
| 146 | Trong năm 1946, Việt Nam đã chủ động nhân nhượng về không gian để có thời gian đưa cách mạng tiến lên. | X |  |
| 147 | Hiệp định Pari là đỉnh cao của nghệ thuật “vừa đánh vừa đàm”, là minh chứng cho chủtrương “giành thắng lợi từng bước” trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của quân dân ta. | X |  |
| 148 | Với việc ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập. |  | X |
| 149 | Hiệp định Pari năm 1973 là hiệp định ngoại giao chính thức của 4 bên, nhưng thực chất là hai bên Mĩ và Việt Nam. | X |  |
| 150 | Một trong những thành công của Việt Nam trong việc phá thế bao vây, cấm vận (1995) là gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). |  | X |
| 151 | Năm 1995, Việt Nam bình thưởng hoá quan hệ với Trung Quốc, Mĩ và các nước ASEAN. |  | X |
| 152 | Đỉnh cao thắng lợi trên mặt trận ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương. |  | X |
| 153 | Thực hiện chủ trương “hòa để tiến”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lần lượt kí với phía Pháp Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước. | X |  |
| 154 | Với việc kí Hiệp định Sơ bộ (1946), Việt Nam đã nhân nhượng cho thực dân Pháp và can thiệp Mĩ về không gian để có thời gian chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài. |  | X |
| 155 | Những giải pháp ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn 1945 – 1946 đã giúp tránh được mọi cuộc xung đột quân sự với thực dân Pháp, giữ vững nền hòa bình của đất nước. |  | X |
| 156 | Trong thời kì hòa bình xây dựng đất nước, hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực. | X |  |
| 157 | Để hội nhập quốc tế vừa có bề rộng, vừa đi vào chiều sâu trong những năm đầu thế kỉ XXI, Việt Nam phải kết hợp giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa. | X |  |
| 158 | Nhờ hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, Việt Nam ngày càng có vị thế quốc tế quan trọng, trở thành cường quốc Đông Nam Á. |  | X |
| 159 | Chủ trương hội nhập quốc tế vừa có bề rộng, vừa đi vào chiều sâu, đến tháng 3-2025, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 12 nước, trong đó có những cường quốc quan trọng như Mỹ, Nga, Trung Quốc. | X |  |
| 160 | Sách lược ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm 1946 đã phá vỡ thế bị bao vây cô lập của cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 161 | Hiệp định Sơ bộ (1946) đã chuyển mối quan hệ Việt - Pháp từ đối đầu sang đối thoại. | X |  |
| 162 | Hoạt động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa trong những năm 1946-1954 đã góp phần buộc thực dân Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương. | X |  |
| 163 | Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, Việt Nam tham gia vào đời sống chính trị thế giới trong bối cảnh quan hệ quốc tế hoàn toàn thuận lợi. |  | X |
| 164 | Bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm 1980 là cần đa dạng hóa quan hệ và tham gia vào các liên minh chính trị-quân sự phù hợp. |  | X |
| 165 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam ở giai đoạn cuối của Chiến tranh lạnh đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cấm vận và bước đầu hội nhập quốc tế. |  | X |
| 166 | Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam những năm 70-80 của thế kỷ XX là tranh thủ đoàn kết với các nước có cùng chế độ chính trị. | X |  |
| 167 | Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1945 đã tranh thủ sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 168 | Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX nhằm mục tiêu chủ yếu là đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. |  | X |
| 169 | Trong giai đoạn 1941-1945, những cuộc tiếp xúc giữa đại diện của Mặt trận Việt Minh với Mỹ có tác dụng đối với cách mạng Việt Nam là góp phần chuẩn bị mọi điều kiện xây dựng khu giải phóng. |  | X |
| 170 | Với Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp (6/3/1946), Chính Phủ Việt Nam đã mượn bàn tay của Pháp để nhanh chóng đuổi quân Tưởng ra khỏi Việt Nam. | X |  |
| 171 | Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước là nước cờ ngoại giao xuất sắc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm tranh thủ thêm thời gian để xây dựng thực lực cho cuộc kháng chiến toàn quốc. | X |  |
| 172 | Việc ta ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ là thắng lợi về mặt ngoại giao sau khi ta giành được thắng lợi quyết định trên mặt trận quân sự. |  | X |
| 173 | Hiệp định Sơ bộ năm 1946 là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký kết nhận đầy đủ quyền tộc cơ bản của riêng nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 174 | Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khu vực đến toàn cầu là sự khẳng định và phát triển quan điểm về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 175 | Các hoạt động đối ngoại của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau năm 1945 đến năm 1954 phải tuân thủ nguyên tắc là giải quyết xung đột bằng thương lượng. |  | X |
| 176 | Củng cố và tăng cường quan hệ ngoại giao với Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa là một chủ trương đối ngoại của Đảng từ năm 1975 đến nay. | X |  |
| 177 | Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống đối với các nước láng giềng Lào, Cam-pu-chia. | X |  |
| 178 | Mục tiêu cao nhất và nhất quán trong chính sách đối ngoại của Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay là tự lực và hoà bình. |  | X |
| 179 | Từ đầu năm 1945 đến năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và Chính phủ một số nước, nhằm khẳng định mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước dân chủ trên thế giới. |  |  |
| 180 | Từ khi kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đến Tạm ước ngày 14- 9-1946 là thời gian quý giá để VN chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này. | X |  |
| 181 | Từ tháng 11-1946, khi đã có đầy đủ các điều kiện, thực dân Pháp trắng trợn tìm cách gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ Việt Nam. |  | X |
| 182 | Trước khi kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chính sách đối ngoại hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc. | X |  |
| 183 | Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. |  | X |
| 184 | Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên thế giới. |  | X |
| 185 | Trọng tâm trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1991 đến nay) là hợp tác toàn diện với Liên Xô để tạo điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 186 | Sự tan vỡ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và xu thế quốc tế hoá ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1991 - 1996. | X |  |
| 187 | Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn 1991 - 1996 góp phần hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước. |  | X |
| 188 | Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là trở thành ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc. |  | X |
| 189 | Việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946) của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tác dụng là nhận được viện trợ của Trung Quốc và Liên Xô. |  | X |
| 190 | Hiện nay, Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế, gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại góp phần xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia. | X |  |
| 191 | Đường lối ngoại giao “cây tre Việt Nam" thể hiện qua sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, ứng xử tỉnh tế và linh hoạt dựa trên cơ sở nền tảng lợi ích giai cấp và lực lượng lãnh đạo. |  | X |
| 192 | Đối ngoại độc lập với quân sự là đường lối ngoại giao của cha ông được kế thừa và phát huy trong nền ngoại giao hiện đại Việt Nam. |  | X |
| 193 | Khẳng định vai trò tiên phong của đối ngoại trong văn kiện Đại hội XIII là sự tiếp nối về tư duy đối ngoại của VN trên cơ sở thực tiễn phát triển và hội nhập của đất nước. | X |  |
| 194 | Quan điểm “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” thể hiện sự linh hoạt, chủ động trong đường lối đối ngoại của Việt Nam, đưa đối ngoại nhân dân thành trụ cột quyết định thành công Đổi mới đất nước. |  | X |
| 195 | Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân là ba trụ cột ngoại giao có ý nghĩa chiến lược được Đảng Cộng sản VN đề ra và thực hiện từ năm 1930 đến nay. |  | X |
| 196 | Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lí tập trung của Nhà nước. | X |  |
| 197 | Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, Việt Nam chỉ thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Nhật Bản. |  | X |
| 198 | Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm nhất của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). |  | X |
| 199 | Những năm 1921 - 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập tổ chức mang tính quốc tế là Mặt trận Việt Minh. |  | X |
| 200 | Từ năm 1986 đến nay, về hoạt động ngoại giao Việt Nam đạt được một trong những kết quả là tăng trưởng kinh tế ở mức khá cao. |  | X |
| 201 | Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1940) nhằm mục đích chủ yếu là thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Liên minh châu Âu. |  | X |
| 202 | Hiệp định Pa-ri là biểu hiện của việc giải quyết các xung đột quốc tế bằng con đường hòa bình, tác động sâu sắc đến bước đường tiến lên của nhiều dân tộc. | X |  |
| 203 | Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế được Chính phủ đề ra ngay khi cách mạng tháng Tám năm 1945 đang diễn ra. |  | X |
| 204 | Các hoạt động đối ngoại mà Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước 19-12-1946 nhằm mục đích xin gia nhập vào các tổ chức hòa bình quốc tế. |  | X |
| 205 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì 1954 – 1975 có ý nghĩa là mở đầu sự đoàn kết giữa ba nước Đông Dương. |  | X |
| 206 | Hoạt động đối ngoại thời kì 1945 - 1954 để lại cho công tác đối ngoại Việt Nam hiện nay bài học về hạn chế thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước không cùng thể chế chính trị. |  | X |
| 207 | Thời kì 1945 - 1954, những hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi. |  | X |
| 208 | Sự ra đời của Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào là một thành tựu về đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975. |  | X |
| 209 | Nguyên tắc hoà bình, hữu nghị, bình đẳng và hợp tác trong chủ trương đối ngoại của Việt Nam được bắt đầu đề ra từ Đại hội lần thứ VI của Đảng. |  | X |
| 210 | Việc quân đội Việt Nam rút khỏi Campuchia là một bước quan trọng trong việc giải quyết các vướng mắc trong quan hệ đối ngoại. | X |  |
| 211 | Hoạt động ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ đã tăng cường hậu phương quốc tế của ta, gắn Việt Nam với thế giới. | X |  |
| 212 | Trong những năm 1967-1973, tính chủ động của ngoại giao Việt Nam thể hiện ở việc vừa tiến công trực tiếp kẻ thù, vừa đoàn kết và giữ thế cân bằng với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 213 | Trong giai đoạn 1945 – 1975, đấu tranh ngoại giao tác động trở lại các mặt trận quân sự và chính trị nhưng không thể góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường. |  | X |
| 214 | Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (23- 27/1/1967) khẳng định thắng lợi trên mặt trận quân sự có ý nghĩa quyết định, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. | X |  |
| 215 | Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1954 – 1960 là gia nhập Tổ chức Liên hợp quốc và Liên minh châu Âu. |  | X |
| 216 | Đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới dựa trên lợi ích quốc gia- dân tộc với nền tảng xây dựng đối tác chiến lược toàn diện chỉ với các nước xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 217 | Phương châm chỉ đạo xuyên suốt đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới là nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. | X |  |
| 218 | Thực tiễn quá trình đổi mới cho thấy Việt Nam xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. | X |  |
| 219 | Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973) đều là những thắng lợi thể hiện sự chủ động, tự chủ, không chịu tác động của các nước lớn trong đấu tranh ngoại giao của Việt Nam |  | X |
| 220 | Hiệp định Pa-ri được kí kết đã tạo ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. | X |  |
| 221 | Với việc ký kết Hiệp định Pa-ri đã tạo ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” trên chiến trường miền Nam. |  | X |
| 222 | Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946, hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm tranh thủ điều kiện thuận lợi tiến hành công nghiệp hóa đất nước. |  | X |
| 223 | Trên mặt trận ngoại giao, thắng lợi có ý nghĩa cơ bản mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam là | X |  |
| 224 | Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam đã tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng miền Nam. | X |  |
| 225 | Hiệp định Paris năm 1973 là văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. |  | X |
| 226 | Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao. |  | X |
| 227 | Điểm giống nhau giữa Hiệp định Paris (1973) với Hiệp định Genève (1954) đều đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 228 | Hiệp định Pari được kí kết sau “hơn 18 năm kiên trì chiến đấu” là thắng lợi của Việt Nam trên mặt trận nông nghiệp. |  | X |
| 229 | Hiệp định Pari về VN được kí kết “là thắng lợi có ý nghĩa thời đại” vì góp phần đập tan cuộc phản kích lớn nhất của lực lượng phản cách mạng vào lực lượng cách mạng. | X |  |
| 230 | Một trong những mục tiêu của đối ngoại Việt Nam thời kì chống Mỹ, cứu nước là buộc các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. | X |  |
| 231 | Trong đấu tranh ngoại giao với Mỹ, Việt Nam luôn kết hợp giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ và ngọn cờ dân tộc chính nghĩa. | X |  |
| 232 | Việt Nam là dân tộc yêu chuộng hòa bình, dân chủ nhưng không bao giờ nhân nhượng đối phương trong quá trình đàm phán. |  | X |
| 233 | Phong trào Đông Du do Phan Châu Trinh khởi xướng thể hiện tinh thần yêu nước. |  | X |
| 234 | Hoạt động đối ngoại của bộ phận thanh niên yêu nước đầu thế kỉ XX thể hiện tính chất cách mạng, góp phần xác lập khuynh hướng mới trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam. | X |  |
| 235 | Phong trào Đông Du của thanh niên yêu nước đầu thế kỉ XX đã bước đầu xây dựng xây dựng mối liên hệ giữa phong trào yêu nước Việt Nam với cách mạng các nước châu Á và thế giới. | X |  |
| 236 | Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, cuộc chiến tranh của thực dân Pháp ở Đông Dương sẽ kết thúc ở một vài nơi. |  | X |
| 237 | Hiệp định Giơ-ne-vơ tạo ra thời kì phát triển mới cho cách mạng các nước Đông Dương vì các nước đã giành được độc lập, thống nhất hoàn toàn. |  | X |
| 238 | Hiệp định Giơ-ne vơ phản ánh tính phức tạp trong quan hệ quốc tế và thắng lợi từng bước của cách mạng Đông Dương. | X |  |
| 239 | Hiệp định Pari về Việt Nam đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử dân tộc vì đã mở ra khả năng giải quyết hòa bình cuộc chiến tranh Việt Nam. |  | X |
| 240 | Hiệp định Pari về Việt Nam làm xoay chuyển cục diện chiến tranh vì làm cho thời cơ chiến lược giải phóng miền Nam xuất hiện. |  | X |
| 241 | Hiệp định Sơ bộ là hiệp định chính thức đầu tiên giữa Việt Nam và Pháp trên lĩnh vực ngoại giao. |  | X |
| 242 | Việc kí Hiệp định Sơ bộ chứng tỏ Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ ChíMinh chủ trương tìm mọi cách đẩy lùi nguy cơ chiến tranh. | X |  |
| 243 | Để tránh cuộc chiến tranh, giữ hòa bình cho cả hai dân tộc, Việt Nam đã chủ động đàm phán với Pháp. | X |  |
| 244 | Việc ký Hiệp định Sơ bộ là bước nhân nhượng cần thiết và cuối cùng của Chính phủ và nhân dân Việt Nam để vãn hồi hòa bình. |  | X |
| 245 | Những thành quả của ngoại giao Việt Nam trong những năm 1968 – 1973 góp phần quyết định vào bảo vệ hoà bình, an ninh thế giới. |  | X |
| 246 | Đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước giai đoạn 1968 – 1973 là xuất hiện cục diện vừa đánh, vừa đám, ngoại giao trở thành mặt trận chủ yếu, quyết định. |  | X |
| 247 | Các hoạt động ngoại giao, vận động quốc tế của Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ đã tạo dựng được hoàn cảnh quốc tế thuận lợi và nguồn lực cả về vật chất, tinh thần | X |  |
| 248 | Với việc kí Hiệp định Sơ bộ năm 1946, Việt Nam và Pháp đã thể hiện rõ ý đồ muốn giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương bằng biện pháp hoà bình. |  | X |
| 249 | Một trong những ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ năm 1946 là góp phần giữ vững độc lập chủ quyền của Việt Nam. | X |  |
| 250 | “Buộc thực dân Pháp phải rút quân khỏi Việt Nam ngay lập tức” là một trong những ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ năm 1946. |  | X |

# 

# Chủ đề 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Lênin đã trực tiếp dẫn dắt, truyền bá con đường cứu nước duy nhất, đúng đắn nhất cho Nguyễn Tất Thành. |  | X |
| 2 | Bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của Nguyễn Tất Thành là tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 3 | Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã khẳng định sự lựa chọn con đường đúng đắn của Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh cho đất nước, cho dân tộc. | X |  |
| 4 | Tư tưởng chủ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng là không có gì quý hơn độc lập tự do. | X |  |
| 5 | Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản của Việt Nam. | X |  |
| 6 | Ở Việt Nam, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản (1929) là biểu hiện phát triển của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. |  | X |
| 7 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) đã hóa giải xung đột về hệ tư tưởng giữa các tổ chức cách mạng, phù hợp với nguyên tắc tổ chức của chính đảng Mác - Lênin. |  | X |
| 8 | Kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân là một trong những sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 9 | “Tâm tâm xã” là tổ chức do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, đóng vai trò trung gian chuyển tiếp để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 10 | Thành lập một tổ chức tiền thân, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ qua lao động thực tiễn là sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng. | X |  |
| 11 | Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng. |  | X |
| 12 | Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cứu nước mới cho dân tộc - con đường cứu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản | X |  |
| 13 | Việc Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước cho dân tộc (1920) đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. |  | X |
| 14 | Con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc xác định có sự khác biệt hoàn toàn so với các con đường cứu nước trước đó về mục tiêu và phương hướng tiến lên. | X |  |
| 15 | Việc Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước cho dân tộc (1920) đã mở đường cho việc giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. | X |  |
| 16 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam (7/1920) là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. |  | X |
| 17 | Nghị quyết 24C/18.65 của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 đã khuyến nghị các nước thành viên tham gia Kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 18 | Lý do chủ yếu UNESCO vinh danh chủ tịch Hồ Chí Minh là xuất phát từ tình cảm yêu mến của nhân dân ở những nước mà Người đã sống và hoạt động cách mạng. |  | X |
| 19 | Việc nhiều quốc gia vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là một thực tế lịch sử mang ý nghĩa sâu sắc, phản ánh tầm vóc quốc tế và giá trị tư tưởng mà Người để lại cho nhân loại. | X |  |
| 20 | Lịch sử không chỉ được viết nên bởi sức mạnh của quần chúng mà còn bởi những cá nhân kiệt xuất mang trong mình lý tưởng lớn, trái tim nhân ái, luôn hành động vì lợi ích chung. | X |  |
| 21 | Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XX đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng thế giới. |  | X |
| 22 | Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có những chuyển biến, việc học tập và phát huy các phẩm chất tốt đẹp của Hồ Chí Minh để xây dựng và bảo vệ tổ quốc là một điều vô cùng cần thiết. | X |  |
| 23 | Yếu tố quyết định tạo nên tên tuổi của Hồ Chí Minh là do những tư tưởng, quan điểm của Người đã trở thành kim chỉ nam cho các quốc gia độc lập trong quá trình xây dựng đất nước. |  | X |
| 24 | Trong những năm 1921 - 1930, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về lực lượng vũ trang cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 25 | Hồ Chí Minh được ca ngợi là nhà lãnh đạo kiệt xuất và là tấm gương sáng về đạo đức và trách nhiệm. | X |  |
| 26 | Tấm gương của Hồ Chí Minh không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân cụ thể mà còn truyền cảm hứng cho tất cả nhân dân thế giới. |  | X |
| 27 | Trong bối cảnh thế giới phức tạp, nhiều nhà lãnh đạo và chính trị gia đã noi theo tấm gương của Hồ Chí Minh để thực hiện tốt vai trò của mình. | X |  |
| 28 | Việc học tập tấm gương của Hồ Chí Minh có thể giúp các nhà lãnh đạo ngày nay định hướng đúng đắn trong quản lý đất nước và phục vụ lợi ích dân tộc. | X |  |
| 29 | Bằng những giải pháp ngoại giao mềm dẻo trong giai đoạn 1954 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xóa bỏ hoàn toàn mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. |  | X |
| 30 | Dưới thời Hồ Chí Minh, ngoại giao đã được nâng lên thành mặt trận và có vai trò quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |  | X |
| 31 | Đến nay tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại khoảng 20 nước trên thế giới. | X |  |
| 32 | Để bày tỏ sự kính ngưỡng sâu sắc dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, tất cả quốc gia trên thế giới đã bắt tay dựng tượng đài, lấy tên Người đặt cho nhiều công trình. |  | X |
| 33 | Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí vai trò đặc biệt đối với tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. |  | X |
| 34 | Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 35 | Nguyễn Ái Quốc đã hướng về phương Tây đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có nhiều hoạt động nổi bật tại Pháp. | X |  |
| 36 | Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam theo cách mạng vô sản. | X |  |
| 37 | Hầu hết các nước trên thế giới lúc bấy giờ đều đi theo con đường cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc truyền bá |  | X |
| 38 | Hồ Chí Minh xác định thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc từ khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. | X |  |
| 39 | Trong thời quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã không ngừng thiết lập quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với thế giới. | X |  |
| 40 | Hồ Chí Minh khẳng định con đường giải phóng cho tất cả các dân tộc trên thế giới không có con đường nào khác ngoài con đường chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 41 | Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp quan trọng cho cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. | X |  |
| 42 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 43 | “Đường Kách mệnh” được xuất bản đầu năm 1927 bởi Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. | X |  |
| 44 | “Đường Kách mệnh” chỉ phản ánh tội ác của thực dân Pháp mà không đưa ra phương hướng cách mạng. |  | X |
| 45 | “Đường Kách mệnh” cung cấp phương hướng rõ ràng cho việc giải phóng dân tộc, giúp nâng cao nhận thức về cách mạng. | X |  |
| 46 | “Đường Kách mệnh” cho thấy lý luận cách mạng cần gắn với thực tiễn dân tộc mới tạo ra chuyển biến thực sự. | X |  |
| 47 | Chính là chủ nghĩa yêu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. | X |  |
| 48 | Việc Nguyễn Ái Quốc “hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba” đã mở ra cơ hội mới trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước. |  | X |
| 49 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc được Luận cương của Lênin diễn ra trong bối cảnh Người đang học tập và hoạt động tại Liên Xô. |  | X |
| 50 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định chiến tranh chống Mỹ sẽ nhanh chóng kết thúc thắng lợi. |  | X |
| 51 | Hồ Chí Minh là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại. | X |  |
| 52 | Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ và hình thức khác nhau. | X |  |
| 53 | Năm 1976, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành “Thành phố Hồ Chí Minh” là một hình thức vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 54 | Không chỉ tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có góp phần quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục,… | X |  |
| 55 | UNESCO ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam vào đúng dịp kỉ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 56 | UNESCO ra nghị quyết yêu cầu các nước xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh. |  | X |
| 57 | Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa trong thời gian hoạt động ở Pháp. | X |  |
| 58 | Năm 1919 với bản *“Yêu sách của nhân dân An Nam”* Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định tìm được con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 59 | Trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc thấy được cần phải có sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. | X |  |
| 60 | Điểm nổi bật trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 61 | Di chúc của Hồ Chí Minh thể hiện sự trân trọng của Người đối với Nhân dân Việt Nam trên mọi miền của Tổ quốc. | X |  |
| 62 | Hồ Chí Minh đã góp phần lãnh đạo đồng bào các dân tộc đứng lên đánh đổ ách thống trị của các thế lực phong kiến phương Bắc và thực dân phương Tây. |  | X |
| 63 | Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam vì Người cho rằng cộng đồng các dân tộc Việt Nam mặc dù toàn sống ở miền núi nhưng luôn tin theo Đảng và giàu lòng yêu nước. |  | X |
| 64 | Theo Hồ Chí Minh từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam, lòng yêu nước của đồng bào các dân tộc được nảy sinh và phát huy cao độ, nhờ đó, Việt Nam đã giành nhiều thắng lợi lớn. |  | X |
| 65 | Hội nghị VIII (1941) là mốc đánh dấu lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo cách mạng tại Việt Nam. | X |  |
| 66 | Sự *“vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin”* thể hiện ở việc hội nghị chủ trương tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất để tập trung thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. | X |  |
| 67 | Hội nghị VIII (1941) chủ trương tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bỏ qua các nhiệm vụ dân chủ của cách mạng. |  | X |
| 68 | Cách mạng tháng Tám (1945) thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng chủ yếu được đề ra từ Hội nghị VIII (1941). | X |  |
| 69 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc giúp cho nhân dân tiến bộ Pháp hiểu rõ hơn cuộc chiến tranh của người Pháp ở Việt Nam. | X |  |
| 70 | Nguyễn Ái Quốc là nhà cách mạng Việt Nam có mặt và phát biểu tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp sau đó trở thành người cộng sản. | X |  |
| 71 | Sự kiện tại Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc ta. |  | X |
| 72 | Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định luôn cống hiến trọn đời mình cho nhân dân và Tổ quốc. | X |  |
| 73 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hoá lớn của nhân loại đã được UNESCO ghi danh. | X |  |
| 74 | Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ mà không tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới. |  | X |
| 75 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và các thuộc địa. |  | X |
| 76 | Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời chiến đấu không ngừng nghỉ không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn cho cả nhân dân lao động thế giới. | X |  |
| 77 | Năm 1911, Nguyễn Tất Thành bắt đầu thực hiện quá trình ra đi tìm đường cứu nước giải phóng đồng bào. | X |  |
| 78 | Điểm tương đồng trong hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các bậc tiền bối đi trước đều là nhận thức được hạn chế của khuynh hướng tư sản. |  | X |
| 79 | Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành song hành việc tìm đường cứu nước với việc chuẩn bị điều kiện cho sự thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 80 | Nguyễn Ái Quốc đã đặt cơ sở cho mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam và thế giới. | X |  |
| 81 | Để tạo dựng mối quan hệ với thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Quốc tế cộng sản. |  | X |
| 82 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tôc ở Việt Nam và trên thế giới là nhờ công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh. |  | X |
| 83 | Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh rất sâu sắc, phong phú cả về lý luận và thực tiễn. | X |  |
| 84 | Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc áp dụng cho tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 85 | Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trước hết là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. | X |  |
| 86 | Ý nghĩa quan trọng của việc Nguyễn Ái Quốc đọc bản Luận cương của Lê-nin là người đã khẳng định được con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 87 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã áp dụng nguyên bản chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 88 | Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có dấu ấn sâu sắc trong lòng nhân dân các nước thuộc địa. |  | X |
| 89 | Hồ Chí Minh là người soạn thảo và đọc Tuyên ngôn độc lập. | X |  |
| 90 | Trong năm 1945 – 1946, Hồ Chí Minh lực tìm kiếm sự công nhận, giúp đỡ từ cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 91 | Trong năm 1945 – 1946, Hồ Chí Minh tìm cách duy trì độc lập, tự do của Việt Nam bằng mọi giá. |  | X |
| 92 | Trong năm 1945 – 1946, với những biện pháp ngoại giao tích cực của chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ Việt Nam nhận được sự giúp đỡ của nhiều nước trên thế giới. |  | X |
| 93 | Công lao to lớn đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. |  | X |
| 94 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam một di sản vô giá là tư tưởng Hồ Chí Minh. | X |  |
| 95 | Di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh chỉ có giá trị trong thời kỳ kháng chiến và không còn phù hợp với thời đại hiện nay. |  | X |
| 96 | Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang được lan tỏa đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân. | X |  |
| 97 | Nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng viên định hướng đúng đắn trong việc đề ra và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội hiện đại. | X |  |
| 98 | Lí luận của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng giải phóng dân tộc là nền tảng tư tưởng dẫn đến sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 99 | Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX là đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để tìm cách cứu nước. | X |  |
| 100 | Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX là đều có quá trình khảo sát thực tiễn ở các nước phương Tây. |  | X |
| 101 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, cho sự tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. | X |  |
| 102 | Những cống hiến và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được nhân dân Việt Nam tiếp tục phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. | X |  |
| 103 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc thế giới và của cả nhân loại tiến bộ. |  | X |
| 104 | Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự kết hợp của nhiều nhân tố, trong đó truyền thống quân sự Việt Nam là nền tảng. | X |  |
| 105 | Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là tài sản vô giá đối với kho tàng khoa học quân sự Việt Nam và thế giới vì đã giúp tất cả các nước phát triển học thuyết quân sự hiện đại. |  | X |
| 106 | Để đúc kết nên tư tưởng quân sự của mình, Chủ tịch HCM từng học ở nhiều trường quân sự danh tiếng và từng trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn của quân đội VN. |  | X |
| 107 | Những hoạt động đối ngoại Nguyễn Ái Quốc đều hướng đến mục tiêu cuối cùng là giành độc lập cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 108 | Nguyễn Ái Quốc đã đứng trên lập trường của chiến sĩ cộng sản khi tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. |  | X |
| 109 | Đảng Cộng sản Việt Nam sau khi ra đời đã thành lập nhiều hình thức mặt trận dân tộc thống nhất khác nhau để phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. | X |  |
| 110 | Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là sách lược quan trọng cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh cụ thể. |  | X |
| 111 | Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (1920). |  | X |
| 112 | Hồ Chí Minh là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên thế giới. |  | X |
| 113 | Nguyễn Ái Quốc cùng với Tổng Bí thư Trần Phú là những người đồng sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. |  | X |
| 114 | Việc Hồ Chí Minh trở thành "một bộ phận của huyền thoại khi còn sống" cho thấy tầm vĩ đại và ngưỡng mộ đặc biệt của nhiều người đối với Người. | X |  |
| 115 | Các hoạt động tôn vinh Bác Hồ của nước ta đối với bạn bè thế giới nhằm củng cố lòng tin và tình hữu nghị, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, trong đó có hoạt động xây lăng ở tiêu biểu nhất. |  | X |
| 116 | Nội dung phản ánh đúng vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) là tìm kiếm được sự giúp đỡ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 117 | Nguyễn Ái Quốc đã đứng trên lập trường dân chủ tư sản khi tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. |  | X |
| 118 | Hồ Chí Minh lựa chọn tham gia các tổ chức chính trị mang tính quốc tế trong quá trình tìm đường cứu nước vì Người tin rằng chỉ liên minh với các nước tư bản mới có thể giành lại độc lập cho dân tộc. |  | X |
| 119 | Đầu thế kỉ XX, tình trạng khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước ở Việt Nam đã làm cho Nguyễn Tất Thành ít tin tưởng vào tinh thần yêu nước của nhân dân. |  | X |
| 120 | Sau khi tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị những tiền đề cho sự ra đời của một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam. | X |  |
| 121 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đánh dấu nhân dân lao động Việt Nam đã lên nắm chính quyền, làm chủ đất nước. |  | X |
| 122 | Ở Việt Nam, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) và đường lối Đổi mới đất nước (từ năm 1986) đều hướng đến thay đổi đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 123 | Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin của Nguyễn Ái Quốc vào một nước thuộc địa nửa phong kiến. | X |  |
| 124 | Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 125 | Nguyễn Ái Quốc đã chính thức xác lập và củng cố mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. | X |  |
| 126 | Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt Nam. | X |  |
| 127 | Hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản. |  | X |
| 128 | Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì đã để lại di sản to lớn trên lĩnh vực khoa học – kĩ thuật. | X |  |
| 129 | Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh dựa trên nguồn gốc lý luận là Chủ nghĩa Mác - Lênin. | X |  |
| 130 | Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, Hồ Chí Minh đã hoàn thiện lí luận xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 131 | Thắng lợi của quân dân VN trong Chiến tranh phá hoại miền Bắc cho thấy sự đúng đắn về chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh với tư tưởng Cách mạng không ngừng. | X |  |
| 132 | Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là Anh. |  | X |
| 133 | Tại đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. | X |  |
| 134 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, đánh dấu bước ngoặt về trong tư duy và hành động của Nguyễn Ái Quốc. | X |  |
| 135 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp chỉ có ý nghĩa đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, không tác động đến cách cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 136 | Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc ở trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 137 | Con đường giải phóng dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc tìm ra và lựa chọn là dân chủ tư sản. |  | X |
| 138 | Việc Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam đã mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 139 | Năm 2016, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | X |  |
| 140 | Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu và châu Phi để truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc. |  | X |
| 141 | Quyết định sang phương Tây trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành được lịch sử chứng minh là quyết định sáng suốt và phi thường. | X |  |
| 142 | Khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã hiểu rõ thế nào là tự do, bình đẳng, bác ái. Vì vậy, Người muốn đấu tranh giải phóng dân tộc. |  | X |
| 143 | Sự thất bại của các khuynh hướng cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành phải tìm con đường cứu nước mới. | X |  |
| 144 | Những hiểu biết sâu sắc về phương Tây đã giúp Nguyễn Tất Thành thấu hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và quyết định hướng đi đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước. |  | X |
| 145 | Cuộc đời cao thượng, trong sáng và đẹp đẽ của Hồ Chí Minh được khởi đầu từ khi Người tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 146 | Từ khi đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin, chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh có bước phát triển nhảy vọt: Người xác định gắn cứu nước đồng thời với cứu dân. |  | X |
| 147 | Một trong những sáng tạo điển hình của Hồ Chí Minh là nhận thức đúng vai trò lãnh đạo của chính đảng vô sản trong sự nghiệp cách mạng. |  | X |
| 148 | Việc Nguyễn Ái Quốc tham gia Quốc tế Cộng sản (12-1920) đã Chấm dứt thời kỳ bị cô lập của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. |  | X |
| 149 | Bước đi chiến lược của Nguyễn Ái Quốc nhằm chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sáng lập Hội Việt Nam Cách mang Thanh niên. | X |  |
| 150 | Việc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 151 | Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam. | X |  |
| 152 | Sự kết hợp giữa lòng yêu nước với chủ nghĩa dân tộc vô sản đã tạo nên nhân cách cao đẹp của Hồ Chí Minh. |  | X |
| 153 | Bằng việc khi nghiêng sang “tả”, lúc thiên về “hữu”, Hồ Chí Minh đã thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình chỉ đạo cách mạng. |  | X |
| 154 | Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây để tìm hiểu về những tiến bộ của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ. |  | X |
| 155 | Tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vừa chịu ảnh hưởng của cách mạng Pháp, vừa chịu ảnh hưởng của cách mạng Nga. | X |  |
| 156 | Nguyễn Ái Quốc đã chuyển từ lập trường yêu nước sang lập trường tư sản và đi đến chủ nghĩa cộng sản. |  | X |
| 157 | Hồ Chí Minh là hình ảnh đẹp về một chiến sĩ cộng sản quốc tế đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và con người. | X |  |
| 158 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc và di sản văn hoá thế giới. |  | X |
| 159 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh là nhà văn hoá kiệt xuất vì Tư tưởng của Người là tài sản chung của nhân loại, có giá trị vĩnh hằng, là niềm tự hào của các dân tộc. | X |  |
| 160 | Hồ Chí Minh trở thành danh nhân văn hóa thế giới vì Người đã khai sinh ra nền văn hóa Việt Nam. |  | X |
| 161 | Một trong những cống hiến lớn của Hồ Chí Minh là xóa bỏ được nạn dốt và phổ cập giáo dục tiểu học ở Việt Nam. |  | X |
| 162 | Sau khi lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, với việc xác định đúng vai trò của giáo dục, Hồ Chí Minh đã trở thành danh nhân văn hóa thế giới. |  | X |
| 163 | Nguyễn Ái Quốc cùng Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã biến thời cơ thành hành động cách mạng khi điều kiện thuận lợi ảnh hưởng tới vận mệnh dân tộc đến. | X |  |
| 164 | Sự chỉ đạo và hiệu triệu của Nguyễn Ái Quốc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần giúp nhân dân các nước Đông Dương giành độc lập. |  | X |
| 165 | Sự đúng đắn, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là giải quyết linh hoạt mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong điều kiện cụ thể của Việt Nam vào tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 166 | Là người sáng lập báo Thanh Niên, Nguyễn Ái Quốc đã khơi nguồn cho dòng báo chí cách mạng Việt Nam. | X |  |
| 167 | Qua nội dung của báo Thanh niên cho thấy vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc định hướng con đường giải phóng đất nước cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 168 | Những giá trị, tư tưởng của Hồ Chí Minh được thể hiện qua các bài báo cách mạng mang tính phổ quát, vượt thời đại như vấn đề giải phóng con người. | X |  |
| 169 | Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 có ảnh hưởng đến sự lựa chọn con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. | X |  |
| 170 | Nguyễn Ái Quốc chọn con đường cách mạng vô sản vì đây là con đường duy nhất đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. |  | X |
| 171 | Năm 1920, việc Nguyễn Ái Quốc lựa chọn được con đường cứu nước đúng đắn đã mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 172 | Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam và chủ nghĩa Cộng sản đều thống nhất trong quan điểm xóa bỏ sự phân chia giai cấp và áp bức trong xã hội. |  | X |
| 173 | Nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước. | X |  |
| 174 | Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết duy nhất mà Hồ Chí Minh tiếp xúc trong hành trình tìm đường cứu nước. |  | X |
| 175 | Cứu nước gắn liền với cứu dân là điểm mới và sáng tạo trong tư tường yêu nước của Hồ Chí Minh so với Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. |  | X |
| 176 | Khẳng định Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin có nghĩa là Hồ Chí Minh đã bổ sung và hoàn thiện học thuyết về chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 177 | Cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là đề ra đường lối của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 178 | Hồ Chí Minh được vinh danh anh hùng giải phóng dân tộc và một trong các vị tướng đại tài của thế giới vì những cống hiến của Người trong thế kỉ XX. |  | X |
| 179 | Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử với vai trò một nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế, một lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 180 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam vì Người đã loại bỏ được mọi bất công, bất bình đẳng ở Việt Nam và trên thế giới. |  | X |
| 181 | Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại vì giá trị tư tưởng, văn hoá của Người là sự kết tinh của giá trị văn hoá Việt Nam và sự hội tụ những giá trị văn hoá cao đẹp của các dân tộc trên thế giới. | X |  |
| 182 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc chân chính vì Người đã đấu tranh không ngừng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. | X |  |
| 183 | Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam và thời đại chống chủ nghĩa thực dân. | X |  |
| 184 | Hồ Chí Minh được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc là bởi vì Người đã lật đổ chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam. |  | X |
| 185 | Nhân dân thế giới ngưỡng mộ Hồ Chí Minh trước hết vì Người đã hiến dâng cuộc đời để mở đường cho sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động trên toàn thế giới. |  | X |
| 186 | Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. | X |  |
| 187 | Thực tiễn kháng chiến chống Mĩ (1954–1975) cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả trong sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. | X |  |
| 188 | Vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên Hồ Chí Minh đã xác định bạo lực cách mạng chỉ là bạo lực của Đảng Cộng sản, Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu giành và giữ chính quyền. |  | X |
| 189 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc đầu tiên của Việt Nam |  | X |
| 190 | Do thắng lợi của cách mạng Việt Nam gắn với công lao của Hồ Chí Minh nên dân tộc Việt Nam luôn khắc ghi cống hiến của Người. | X |  |
| 191 | Vì thực hiện đồng thời ngọn cờ độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa nên Việt Nam đã lật đổ được phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. |  | X |
| 192 | Hồ Chí Minh đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa, vì đây là con đường duy nhất hướng tới giành độc lập dân tộc. |  | X |
| 193 | Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước khi Việt Nam vừa mới bị thực dân Pháp xâm lược. |  | X |
| 194 | Động lực lớn nhất đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin là lòng yêu nước. | X |  |
| 195 | So với thế hệ tiền nhân, Nguyễn Ái Quốc có điểm khác biệt là tìm cách để lật đồ kẻ thù xâm lược. |  | X |
| 196 | Một trong những điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là đi đến sào huyệt của chủ nghĩa đế quốc để tìm cách đánh đổ chúng. | X |  |
| 197 | Cống hiến mang tính đột phá lý luận về cách mạng Việt Nam của chủ tịch Hồ ChíMinh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 198 | Nhờ chọn việc khẩn trương xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa nên Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945. |  | X |
| 199 | Chủ nghĩa xã hội phát triển, mở rộng liên tục từ khi cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công đã thúc đẩy sự phát triển của cách mạng thế giới. |  | X |
| 200 | Học thuyết Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh thống nhất với nhau ở điểm đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. |  | X |

# 

# ĐÁP ÁN

# Chủ đề 1.THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Ngày 24-10-1945, bản Hiến chương Liên Hợp Quốc chính thức  có hiệu lực, đánh dấu sự thành lập của Liên Hợp Quốc. | X |  |
| 2 | Sự thông qua và có hiệu lực của Hiến chương Liên Hợp Quốc đã  thiết lập một nền tảng pháp lý cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới. | X |  |
| 3 | Sự ra đời của Liên Hợp Quốc đánh dấu một bước ngoặt quan  trọng trong việc xây dựng hệ thống an ninh tập toàn cầu, nhằm ngăn chặn xung đột và bảo bình quốc tế. | X |  |
| 4 | Hiến chương Liên Hợp Quốc được ký kết ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc mà ~~không~~ gặp phải bất kỳ sự phản  đối hay tranh luận nào từ các đại biểu tham gia. |  | X |
| 5 | Liên hợp quốc đã đưa ra văn bản quan trọng nhằm thủ tiêu hệ  thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân thế giới. | X |  |
| 6 | Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc giúp tổ chức này  thực thi nhiệm vụ bảo vệ nền hoà bình của ~~các nước thuộc địa~~. |  | X |
| 7 | Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc năm 1960 đã có tác động ~~tiêu~~  ~~cực~~ đến phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. |  | X |
| 8 | Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc năm 1960 là một trong những  văn bản quan trọng thể hiện vai trò và đóng góp của Liên hợp quốc vì sự tiến bộ của nhân loại. | X |  |
| 9 | Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập để ~~nhanh chóng kết thúc~~  Chiến tranh thế giới thứ hai. |  | X |
| 10 | Liên Xô, Mỹ, Anh đóng vai trò chủ yếu/quan trọng nhất cho sự  ra đời của tổ chức Liên hợp quốc. | X |  |
| 11 | Quá trình thành lập Liên hợp quốc diễn ra kéo dài với nhiều sự kiện quan trọng thể hiện sự nỗ lực vì hòa bình chung của cộng  đồng quốc tế. | X |  |
| 12 | Ý tưởng thành lập Liên hợp quốc gắn liền với quá trình thiết lập và hoạt động của phe Đồng minh chống phát xít trong Chiến  tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 13 | Một trong những mục tiêu chính của Liên hợp quốc là duy trì hòa  bình và an ninh quốc tế. | X |  |
| 14 | Liên hợp quốc ~~có quyền can thiệp~~ vào các vấn đề nội bộ của các  quốc gia thành viên mà ~~không cần sự đồng ý~~ của các quốc gia đó. |  | X |
| 15 | Mỗi quốc gia thành viên của Liên hợp quốc đều có ~~quyền phủ~~  ~~quyết~~ các quyết định của Đại hội đồng. |  | X |
| 16 | Tính chất đa phương của Liên hợp quốc được thể hiện thông qua việc kết nạp các thành viên theo những thể chế chính trị khác  nhau nhằm đặt ~~lợi ích kinh tế lên hàng đầu~~. |  | X |
| 17 | Hiện nay, Liên hợp quốc cần được nâng cao quyền lực, ~~phương~~  ~~tiện vũ khí~~ và tài chính để tiếp tục duy trì ổn định, an ninh quốc tế trong bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp. |  | X |
| 18 | Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là tôn  trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia. | X |  |
| 19 | Thực tiễn quan hệ quốc tế trong thời kì Chiến tranh lạnh cho thấy  các nước có thể chế chính trị khác nhau có ~~vai trò như nhau~~ đối với sự hình thành Trật tự thế giới đa cực. |  | X |
| 20 | Sau Chiến tranh lạnh, bản đồ chính trị thế giới được phân chia  theo hướng có lợi cho các nước ~~thuộc địa, phụ thuộc.~~ |  | X |
| 21 | Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt  ra thách thức lớn cho các nước đang phát triển. | X |  |
| 22 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta có tác động hai mặt  đối với phong trào cách mạng thế giới. | X |  |
| 23 | Một trong những đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được thiết lập sau Chiến tranh lạnh là thế giới bị ~~chia thành hai hệ thống~~  ~~xã hội đối lập.~~ |  | X |
| 24 | Nhân tố đóng vai trò quyết định đến sự hình thành trật tự thế giới hiện nay là cuộc chạy đua sức mạnh quốc gia tổng hợp, trong đó  sức mạnh kinh tế là trụ cột. | X |  |
| 25 | Đặc trưng nổi bật của trật tự hai cực I-an-ta là thế giới bị chia  thành hai phe đối đầu do Mỹ và ~~Trung Quốc~~ đứng đầu mỗi phe. |  | X |
| 26 | Trong quan hệ quốc tế luôn có sự cạnh tranh về quyền lực giữa  các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia lớn trên thế giới. | X |  |
| 27 | Do tàn dư của Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa Mỹ và Nga hiện  nay đang căng thẳng đặc biệt về ~~vấn đề ô nhiễm môi trường~~. |  | X |
| 28 | Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ Chiến tranh lạnh bắt nguồn từ  sự đối lập sâu sắc về mục tiêu, lợi ích và chiến lược giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. | X |  |
| 29 | ~~Trật tự hai cực I-an-ta đã dẫn đến tình trạng đối đầu Đông - Tây~~  ~~và cuộc Chiến tranh lạnh~~ kéo dài trong gần bốn thập kỷ nửa sau thế kỉ XX. |  | X |
| 30 | Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) được xem là hội nghị khởi đầu cho  việc hình thành một trật tự thế giới mới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc trên toàn thế giới. | X |  |
| 31 | Việc Mỹ đề ra “Kế hoạch Mác-san” còn Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đã ~~tạo ra~~  ~~sự đối đầu về chính trị, quân sự~~ giữa hai hệ thống xã hội đối lập.   *Tạo ra sự đối đầu kinh tế, chính trị.* |  | X |
| 32 | Mối quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển từ ~~đồng minh chiến lược~~ sang cạnh tranh và đối  đầu. |  | X |
| 33 | Sự thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va thể hiện ~~sự xói mòn~~ của Trật tự thế giới hai  cực I-an-ta. |  | X |
| 34 | Các cuộc chiến tranh cục bộ trong thập niên 50 của thế kỉ XX đã  làm thay đổi thế và lực theo hướng ~~có lợi~~ cho Mỹ. |  | X |
| 35 | Một trong những nhân tố làm cho Trật tự thế giới hai cực I- an –  ta bắt đầu rạn nứt là thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc (1949). | X |  |
| 36 | Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm đảo lộn  chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ. | X |  |
| 37 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã làm xói mòn  và dẫn tới ~~sự sụp đổ hoàn toàn~~ của trật tự hai cực Ianta. |  | X |
| 38 | Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản trong những năm  70 của thế kỉ XX là do sự tài trợ, giúp đỡ ~~vô điều kiện~~ của Mỹ. |  | X |
| 39 | Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản là một trong những nguyên nhân buộc Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh  lạnh. | X |  |
| 40 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã ~~đe dọa đến~~  ~~sự tồn tại của Liên Xô~~ và Mỹ. |  | X |
| 41 | Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, tình trạng căng thẳng của Chiến tranh lạnh diễn ra gay gắt và có sự đối đầu ~~quân sự trực~~  ~~tiếp~~ giữa hai siêu cường Mĩ với Liên Xô. |  | X |
| 42 | Cục diện hai phe kết thúc bắt nguồn từ sự suy giảm tương đối sức  mạnh của hai cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 43 | Điểm chung của các trật tự thế giới trong thế kỉ XX là ~~đều~~ suy  yếu, sụp đổ khi có sự hòa hoàn, thỏa hiệp giữa các siêu cường. |  | X |
| 44 | Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là một biểu  hiện của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. | X |  |
| 45 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta chính thức ~~sụp đổ hoàn toàn~~ khi  Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 46 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta ~~chỉ~~ bắt đầu xói mòn khi xu hướng hòa hoãn giữa Mỹ và Liên Xô bắt đầu xuất hiện từ đầu những  năm 70 của thế kỷ XX |  | X |
| 47 | Sức mạnh/tiềm lực về chính trị - quân sự có vai trò quan trọng, quyết định nhất đối với sự phát triển của một quốc gia cả trong  và ~~sau thời kỳ Chiến tranh lạnh.~~ |  | X |
| 48 | Hợp tác và cạnh tranh về kinh tế là một nội dung thể hiện xu thế  phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 49 | Cuộc Chiến tranh lạnh đã làm thay đổi mối quan hệ giữa các  cường quốc từng là ~~đồng minh chiến lược~~ trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít. |  | X |
| 50 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, sau đó là Trật tự thế giới hai cực I- an-ta sụp đổ nhưng những di chứng của nó vẫn còn tiếp diễn ở  nhiều nơi trên thế giới. | X |  |
| 51 | Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là giai đoạn  trên thế giới xuất hiện nhiều liên minh quân sự đối lập. | X |  |
| 52 | Chiến tranh lạnh là sự đối đầu căng thẳng về quân sự, chính trị,  kinh tế… giữa hai cực, hai phe và ~~không có hồi kết.~~ |  | X |
| 53 | Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, mối quan hệ giữa Mỹ và  Liên Xô đã chuyển dần từ cạnh tranh, đối đầu sang đối thoại, hòa hoãn. | X |  |
| 54 | Sự tan rã của Liên Xô và sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc là những nhân tố tác động đến sự hình thành Trật tự thế giới mới  theo xu thế đa cực. | X |  |
| 55 | Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, ~~các~~ trật tự thế giới đều được hình thành trên cơ sở thỏa thuận về sự phân chia quyền  lực giữa các cường quốc. |  | X |
| 56 | Cuộc Chiến tranh lạnh (1947-1989) là một trong những nhân tố  chi phối nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 57 | Trong thời kì Chiến tranh lạnh (1947-1989) đã diễn ra cuộc chạy  đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô. | X |  |
| 58 | Trong những năm 1947-1989, hầu hết các cuộc chiến tranh cục bộ đều mang dấu ấn của Chiến tranh lạnh, với sự can thiệp, hậu  thuẫn và ~~trực tiếp đối đầu~~ giữa Mỹ và Liên Xô. |  | X |
| 59 | Những bất đồng tại Hội nghị I-an-ta là khởi nguồn của sự đối đầu  giữa các cường quốc trong phe Đồng minh, dẫn tới tình trạng Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 60 | Năm 1991, Liên Xô đã sụp đổ nhưng nhiều nước vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã chứng tỏ sức sống của ~~hệ thống~~  ~~xã hội chủ nghĩa.~~ |  | X |
| 61 | Liên Xô tan rã (1991) là tổn thất to lớn của phong trào đấu tranh  vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. | X |  |
| 62 | Nhân tố Mỹ và Liên Xô có vai trò chi phối đối với sự xác lập,  phát triển và chấm dứt của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. | X |  |
| 63 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta ~~bắt đầu~~ bị xói mòn và sụp đổ trong  thập niên 1980. |  | X |
| 64 | Chiến tranh lạnh kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố Mỹ  và Liên Xô vẫn là quyết định. | X |  |
| 65 | Việc Liên Xô tan rã (1991) đã chính thức chấm dứt cục diện hai  cực, hai phe và các ~~cuộc chiến tranh cục bộ.~~ |  | X |
| 66 | Trong các quyết định của Hội nghị Ianta, quyết định đưa đến sự phân chia hai cực trong quan hệ quốc tế là ~~Liên Xô tham gia chống Nhật~~  ~~ở châu Á sau khi kết thúc chiến tranh ở châu Âu~~ |  | X |
| 67 | Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô làm cho chủ nghĩa xã hội không còn tồn tại với tư cách là hệ thống trên  thế giới. | X |  |
| 68 | Sự hình thành Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh chịu tác  động bởi mục tiêu chiến lược của các cường quốc. | X |  |
| 69 | Sự hình thành và phát triển của các Trật tự thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh đều chứng tỏ Liên hợp quốc là tổ chức ~~duy nhất~~  quyết định điều tiết quan hệ quốc tế. |  | X |
| 70 | Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12 - 1989)  đánh dấu ~~kết thúc hoàn toàn~~ cuộc đối đầu quân sự tại châu Âu. |  | X |
| 71 | Tổng thống Mỹ R. Nich-xơn có chuyến thăm chính thức đầu tiên  tới Liên Xô đã ~~mở đầu~~ cho sự xói mòn và đi đến sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta. |  | X |
| 72 | Trong trật tự thế giới hai cực I – an – ta đã diễn ra cuộc đối đầu gay gắt, quyết liệt giữa hai cực Xô – Mỹ, làm cho thế giới luôn  phức tạp, căng thẳng. | X |  |
| 73 | Với trật tự hai cực I – an – ta, Liên Xô và Mỹ đã đạt được những  mục tiêu cơ bản chi phối cục diện thế giới, đồng thời trật tự này đã xâm phạm đến chủ quyền, lãnh thổ và lợi ích của nhiều nước. | X |  |
| 74 | Trong sự đối đầu 2 cực I – an – ta, cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai cực, hai phe là ~~chiến tranh xâm~~  ~~lược Đông Dương của Pháp (1945-1954).~~ |  | X |
| 75 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I – an – ta gắn liền với sự đối đầu giữa hai hệ thống xã hội đối lập là tư bản chủ nghĩa và xã  hội chủ nghĩa | X |  |
| 76 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là nhân tố hàng đầu chi phối quan  hệ quốc tế phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 77 | Sự tan rã của Liên Xô khiến cho ~~chủ nghĩa xã hội không còn tồn~~  ~~tại~~, Chiến tranh lạnh thực sự chấm dứt. |  | X |
| 78 | Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là một trong  những nguyên nhân sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I an-ta. | X |  |
| 79 | Sự khác nhau về ý thức hệ và sự chạy đua về lợi ích tranh giành ảnh hưởng trong thời kì Chiến tranh lạnh đã được ~~thay thế hoàn~~  ~~toàn~~ bằng cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp. |  | X |
| 80 | “Đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột” nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi, giúp các nước lớn vươn lên mạnh mẽ,  xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới. | X |  |
| 81 | Sự kết thúc Chiến tranh lạnh với sự phát triển của cách mạng  khoa – công nghệ đã dẫn tới ~~sự ra đời của xu thế toàn cầu hóa~~. |  | X |
| 82 | Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện vào đầu những năm 80 là ~~hệ quả~~  ~~trực tiếp của phong trào giải phóng dân tộc.~~ |  | X |
| 83 | Bản chất của toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc  và khu vực trên phạm vi toàn cầu. | X |  |
| 84 | Trong xu thế toàn cầu hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định  cần tranh thủ thời cơ vượt qua thách thức để phát triển | X |  |
| 85 | Thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật có vai trò quan trọng đối  với sự phát triển của một quốc gia sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 86 | Trong thời kì Chiến tranh lạnh, việc hợp tác về kinh tế - chính trị  làm ~~suy yếu tiềm lực~~ phát triển của từng nước. |  | X |
| 87 | Tình trạng đối đầu về chính trị - quân sự của Mỹ và Liên Xô trong  Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất. | X |  |
| 88 | Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh đã dẫn tới ~~sự ra đời của xu thế toàn~~  ~~cầu hóa~~ và một thời kỳ hội nhập quốc tế toàn cầu thực sự. |  | X |
| 89 | ~~Sự sụp đổ của hai hệ thống chính trị-xã hội~~ năm 1991 đã đưa đến  sự hình thành của trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm. |  | X |
| 90 | Hòa bình, hợp tác và ~~không cạnh tranh~~ là dòng chảy chính của  thời đại, phổ biến của sự phát triển thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 91 | Tiềm lực an ninh, quốc phòng là ~~yếu tố quan trọng nhất~~ đảm bảo chỗ đứng vững chắc của mỗi quốc gia trong trật tự thế giới mới  sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. |  | X |
| 92 | Sau thời kì Chiến tranh lạnh, các quốc gia điều chỉnh chiến lược  phát triển lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. | X |  |
| 93 | Sau Chiến tranh lạnh, Mỹ đã ~~bước đầu thành công~~ trong việc xóa  bỏ trật tự thế giới đa cực và ~~thiết lập trật tự thế giới đơn cực~~. |  | X |
| 94 | Từ năm 1991, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong thời kỳ Chiến tranh lạnh là chạy đua vũ trang được thay thế  bằng cuộc chạy đua về sức mạnh tổng hợp. | X |  |
| 95 | Tương quan lực lượng giữa các cường quốc là một trong những  nhân tố tác động đến việc hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 96 | Sau Chiến tranh lạnh, trật tự đa cực nhiều trung tâm dần hình  thành với ~~ưu thế tuyệt đối~~ thuộc về Mỹ và Trung Quốc. |  | X |
| 97 | Trong mọi cuộc xung đột lợi ích sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia trên thế giới sử dụng thoả hiệp là ~~biện pháp duy nhất~~ để giải  quyết các tranh chấp quốc tế. |  | X |
| 98 | Chính sách đối ngoại của các quốc gia sau Chiến tranh lạnh cần  phải điều chỉnh để phù hợp với tình hình thế giới hiện nay. | X |  |
| 99 | “Đối thoại, thoả hiệp và tránh xung đột” là xu thế phát triển ~~duy~~  ~~nhất~~ của thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 100 | Sự điều chỉnh quan hệ với nhau và việc xây dựng chính sách đối  ngoại của hầu hết các cường quốc sau Chiến tranh lạnh để nhằm mục tiêu xây dựng một “trật tự thế giới đa cực”. | X |  |
| 101 | Trật tự hai cực I-an-ta đã làm cho thế giới bị chia rẽ sâu sắc, hình thành hai phe đối lập về chính trị, kinh tế và quân sự do Mỹ và  Liên Xô đứng đầu. | X |  |
| 102 | Chiến tranh lạnh tuy không diễn ra sự đối đầu trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng để lại hậu quả nặng nề qua các cuộc chiến  tranh ủy nhiệm tại nhiều khu vực. | X |  |
| 103 | Hội đồng Bảo an là ~~cơ quan chuyên môn~~ của Liên hợp quốc giữ  vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới. |  | X |
| 104 | Vị thế của các nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên  hợp quốc phản ánh cán cân quyền lực của các cường quốc trong trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 105 | Theo nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sẽ chắc chắn được  thông qua khi không có nước nào bỏ phiếu chống. | X |  |
| 106 | Trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, các cường quốc đã điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thoả hiệp, tránh xung  đột quân sự trực tiếp. | X |  |
| 107 | Sự hình thành trật tự thế giới mới là một trong những ~~nhân tố tác~~  ~~động đưa đến quyết định tiến hành~~ công cuộc Đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 108 | Trong xu thế trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia tùy thuộc ~~chủ yếu~~ vào sức mạnh quân  sự, chính trị/ |  | X |
| 109 | Sự ra đời của Liên hợp quốc là kết quả của những nỗ lực vì hoà bình  chung của cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 110 | Việc ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất quan điểm thành lập Liên hợp quốc chứng tỏ tổ chức này ~~chỉ phục vụ lợi ích của các~~  ~~nước thắng trận~~ |  | X |
| 111 | Sự gia tăng sức mạnh trong nhiều lĩnh vực đã đưa ~~Mĩ~~, Trung Quốc, Liên Bang Nga, Ấn Độ trở thành những trung tâm quyền  lực mới trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 112 | Từ sau Chiến tranh lạnh, sự suy giảm vị thế của Mỹ là ~~nhân tố~~  ~~quyết định~~ hình thành xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 113 | Sự hình thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế tạo thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam  hiện nay. | X |  |
| 114 | Trong xu thế đa cực, ~~Mianma~~ đang phục hồi mạnh mẽ và trở  thành một trong những cường quốc hàng đầu thế giới về quân sự, khoa học, kĩ thuật |  | X |
| 115 | Liên hợp quốc quy định các nước thành viên ~~chỉ~~ phải tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của 5 cường quốc (Liên Xô,  Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc). |  | X |
| 116 | Hiến chương Liên hợp quốc có nhiều nguyên tắc, trong đó nhấn  mạnh việc ~~được can thiệp~~ vào công việc nội bộ của các quốc gia. |  | X |
| 117 | Trong trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc  là những nước đang có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới. | X |  |
| 118 | Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ là nguyên nhân ~~trực tiếp~~, tạo cơ hội cho Trung Quốc vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ  hai thế giới. |  | X |
| 119 | Phát huy thành công sức mạnh nội lực là yếu tố quyết định để các  nước khẳng định trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm. | X |  |
| 120 | Trong xu thế đa cực và xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia có nhiều  thời cơ lớn, nhưng cũng có không ít thách thức và rào cản. | X |  |
| 121 | Tổ chức Liên hợp quốc ra đời đã ~~mở đầu~~ cho sự xuất hiện của  các hoạt động ngoại giao ~~song phương~~ hiện đại. |  | X |
| 122 | Tổ chức Liên hợp quốc có những đóng góp đáng kể vào tiến trình  đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. | X |  |
| 123 | Trong thế giới sau Chiến tranh lạnh, chiến tranh, xung đột sắc tộc  và tôn giáo chỉ còn diễn ra ở ~~khu vực Trung Đông.~~ |  | X |
| 124 | Trong xu thế đa cực sau Chiến tranh lạnh, các nước điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy ~~quân sự~~ làm trọng tâm để xác lập vị thế  trong trật tự thế giới mới. |  | X |
| 125 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, Trật tự thế giới hai cực l-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết quan hệ quốc tế  bằng giải pháp hoà bình. | X |  |
| 126 | Trong quan hệ quốc tế, khái niệm đa cực chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với ba trung tâm quyền lực chi phối là ~~Mỹ, Liên bang~~  ~~Nga và Trung Quốc.~~ |  | X |
| 127 | Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau  Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 128 | Để có thể trở thành một cực trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, các nước phải có chiến lược xây dựng sức mạnh tổng hợp, trong  đó sức mạnh kinh tế là trụ cột. | X |  |
| 129 | Đặc trưng quan trọng nhất của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh là việc các nước ~~tiếp tục chạy đua vũ trang~~ để khẳng định  sức mạnh của quốc gia. |  | X |
| 130 | Chỉ khi thật sự chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị- xã hội đối lập thì các quốc gia mới chuyển sang ~~xây dựng nền~~  ~~kinh tế thị trường.~~ |  | X |
| 131 | Trong kỳ Chiến tranh lạnh, phương thức quan hệ quốc tế lấy đối  đầu chính trị - quân sự là chủ yếu. | X |  |
| 132 | Đức, Nhật Bản và một số quốc gia không lựa chọn phương thức  đối đầu về chính trị - quân sự trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 133 | Các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải giải quyết tranh chấp  quốc tế bằng biện pháp hoà bình. | X |  |
| 134 | Các quốc gia thành viên Liên hợp quốc ~~chỉ có thể sử dụng vũ lực~~  để bảo vệ lãnh thổ và nền độc lập chính trị. |  | X |
| 135 | Việc từ bỏ đe doạ vũ lực hoặc sử dụng vũ lực của các quốc gia  thành viên Liên hợp quốc có thể giúp duy trì an ninh quốc tế. | X |  |
| 136 | Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thực hiện nguyên  tắc từ bỏ sử dụng vũ lực, ~~sẽ không còn tranh chấp quốc tế xảy ra~~. |  | X |
| 137 | Liên hợp quốc ra đời xuất phát từ khát vọng hòa bình của nhân  loại. | X |  |
| 138 | Mỹ, Anh, Liên Xô vừa mâu thuẫn, vừa hợp tác với nhau trong  vấn đề thành lập và duy trì hoạt động của Liên hợp quốc. | X |  |
| 139 | Việt Nam và Liên hợp quốc đều đóng góp cho sự phát triển ~~thông~~  ~~qua việc khởi xướng và thực hiện~~ các mục tiêu thiên niên kỉ. |  | X |
| 140 | Trong các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hòa bình và an  ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu. | X |  |
| 141 | Hiện nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng phương pháp hòa  bình. | X |  |
| 142 | Các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản và Đức đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trật tự thế  giới mới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 143 | Sự phát triển của các cường quốc ảnh hưởng đến trật tự thế giới  nhưng ~~không~~ liên quan đến cách mạng khoa học - kỹ thuật. |  | X |
| 144 | Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh ~~luôn cố định và không~~  ~~bị thay đổi~~ bởi bất kỳ yếu tố nào. |  | X |
| 145 | ~~Sự sụp đổ của Nhật Bản, Nga~~ và sự chững lại của Liên minh châu  Âu (EU) đã tạo ưu thế cho sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. |  | X |
| 146 | Sự vươn lên của Trung Quốc cho thấy ~~hệ thống xã hội chủ nghĩa~~  vẫn là một trung tâm trong xu thế đa cực. |  | X |
| 147 | Trong thế giới đa cực, các cường quốc vừa hợp tác nhưng cũng  vừa cạnh tranh nhằm vươn lên khẳng định vị trí của mình. | X |  |
| 148 | Việc Mĩ và Liên Xô kí các hiệp ước cắt giảm vũ khí đã mở ra  ~~bước đột phá đầu tiên~~ tấn công vào Trật tự thế giới hai cực I-anta. |  | X |
| 149 | Tất cả các cuộc chiến tranh ở thế kỉ XX ~~đều~~ bị ảnh hưởng, chi  phối bởi cuộc Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 150 | Chiến tranh lạnh chấm dứt, quan hệ quốc tế chuyển từ xu thế “đối  đầu” sang xu thế “đối thoại”. | X |  |
| 151 | Tổ chức Liên Hợp Quốc ra đời là kết quả đấu tranh gay gắt từ các  hội nghị quốc tế ~~sau chiến tranh thế giới thứ hai.~~ |  | X |
| 152 | Năm 2014, Việt Nam bắt đầu cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa  bình Liên hợp quốc. | X |  |
| 153 | Đại hội đồng Liên hợp quốc có thẩm quyền rộng trong các lĩnh vực hợp tác chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, có quyền thảo luận  và đưa ra kiến nghị về các vấn đề thuộc phạm vi Hiến chương. | X |  |
| 154 | Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên Hợp Quốc ~~sau khi đã~~  ~~gia nhập ASEAN~~ và ngày càng có nhiều đóng góp trong các vấn đề chung của thế giới. |  | X |
| 155 | Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong  việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là ~~Ban thư ký~~. |  | X |
| 156 | Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội là ~~một trong~~  ~~những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.~~ |  | X |
| 157 | Hiến chương Liên hợp quốc ~~không được xem là văn kiện quan~~  ~~trọng vì nó được xem là điều ước quốc tế nhằm đảm bảo quyền~~  ~~cơ bản của con người.~~ |  | X |
| 158 | ~~Đại hội đồng~~ là cơ quan quan trọng nhất của Liên Hợp Quốc vì thành viên có quyền phủ quyết các dự thảo nghị quyết của Liên  hợp quốc. |  | X |
| 159 | Hội đồng Bảo an có 15 thành viên, gồm 5 thành viên thường trực (Anh, Mỹ, Nga, Pháp, Trung Quốc) và 10 thành viên không  thường trực với nhiệm kỳ 2 năm. | X |  |
| 160 | Tại Hội nghị Tê-hê-ran ba nước Anh, Mĩ, Liên Xô đã khẳng định  quyết tâm thành lập Liên hợp quốc. | X |  |
| 161 | Các tổ chức IMF, WHO, WTO, FAO, ILO, IMO, UNESCO đều  là tổ chức thuộc Liên hợp quốc. | X |  |
| 162 | Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc là  ~~một trong những vai trò to lớn trong quá trình hoạt động của Liên~~  ~~hợp quốc.~~ |  | X |
| 163 | ~~Vai trò của Liên hợp quốc~~ là trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc, điều phối các nỗ lực quốc tế vì mục  tiêu chung |  | X |
| 164 | Mục tiêu duy trì an ninh hòa bình thế giới là mục tiêu được chú  trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác. | X |  |
| 165 | Hiến chương Liên hợp quốc là điều ước quốc tế, tuyên bố mục  đích, tôn chỉ, cơ cấu tổ chức và các nguyên tắc hoạt động. | X |  |
| 166 | Sau khi giành độc lập từ tay thực dân, đế quốc, các nước Đông  Nam Á ~~đều~~ gia nhập Liên hợp quốc ngay sau đó. |  | X |
| 167 | Mối quan hệ giữa các thành viên của tổ chức Liên hợp quốc được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và quyền tự quyết  của các dân tộc. | X |  |
| 168 | Liên hợp quốc xác định một trong những nguyên tắc hoạt động là “Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình vì mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh thế  giới. | X |  |
| 169 | Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc trong bối cảnh Xu thế  hòa hoãn Đông-Tây đang diễn ra, quan hệ quốc tế dần hòa dịu. | X |  |
| 170 | Sau khi hoàn thành công cuộc đổi mới với phương châm hiện đại  hóa đất nước, Việt Nam đã chính thức gia nhập Liên hợp quốc. | X |  |
| 171 | Tổ chức Liên hợp quốc khi mới thành lập (1945) ***không*** đề ra  mục đích, nhiệm vụ xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. | X |  |
| 172 | Việc phát triển kinh tế, hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế***~~không~~***  ***~~phải~~*** công cụ chủ yếu phát triển kinh tế các nước thành viên. |  | X |
| 173 | Cơ sở pháp lý giải quyết tranh chấp biển đông dựa trên Hiến  chương Liên hợp quốc. | X |  |
| 174 | Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới là ~~cơ quan~~  ~~chuyên môn của Liên hợp quốc~~. |  | X |
| 175 | Kết hợp nội lực dân tộc với những tiềm năng của Liên Hợp Quốc phát huy tối đa hiệu quả hợp tác trên tất cả các lĩnh vực là một trong những lợi thế của Việt Nam ~~trong những năm vận động giải~~  ~~phóng dân tộc~~. |  | X |
| 176 | Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hợp tác với hệ thống Liên  Hợp Quốc nói riêng, với các cơ chế đa phương khu vực và thế giới nói chung. | X |  |
| 177 | Liên hợp quốc là một tổ chức đa phương toàn cầu, nhằm duy trì  hòa bình, an ninh và phát triển bền vững. | X |  |
| 178 | Việc bảo đảm quyền con người và thúc đẩy sự phát triển của Liên  hợp quốc đều có mối liên hệ mật thiết với hòa bình và an ninh thế giới. | X |  |
| 179 | Với vai trò là trụ cột trung tâm của hệ thống đa phương hiện đại,  Liên hợp quốc có sự hiện diện phủ khắp toàn cầu và hoạt động ở cả những địa bàn khó khăn nhất. | X |  |
| 180 | Đoàn sĩ quan Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên  hợp quốc tại Nam Xu-đăng năm 2021 chứng tỏ Việt Nam tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế. | X |  |
| 181 | Bản chất của toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc  và khu vực trên phạm vi toàn cầu | X |  |
| 182 | Sự hình thành trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan. | X |  |
| 183 | Trong xu thế đa cực, thế giới chứng kiến sự nổi lên của các nước Trung Quốc, Nga, Ấn Độ. | X |  |
| 184 | Nhật Bản và các nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng  định vị thế của mình trong xu thế đa cực. | X |  |
| 185 | Sau Chiến tranh lạnh, Ấn Độ với tốc độ tăng trưởng kinh tế ~~cao~~  ~~và nhanh nhất~~ thế giới ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới. |  | X |
| 186 | Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa là ~~điều kiện quyết định~~ sự hình  thành trật tự thế giới đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 187 | Trong xu thế đa cực, quá trình hội nhập quốc tế ~~chỉ~~ diễn ra ở các  nước lớn, các trung tâm kinh tế tài chính lớn. |  | X |
| 188 | Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang xu thế đa  cực với sự vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc. | X |  |
| 189 | Xây dựng sức mạnh tổng hợp của các quốc gia thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh  giữa các cường quốc. | X |  |
| 190 | Sau chiến tranh lạnh, trong sự phát triển của cách mạng khoa học  kĩ thuật xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. |  |  |
| 191 | Sau chiến tranh lạnh, các nước lớn ~~chỉ~~ tập trung phát triển kinh tế nhằm tạo ra môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế  hàng đầu trong trật tự đa cực. |  | X |
| 192 | Sau chiến tranh lạnh, tất cả các quốc gia đều đang ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và tập trung mọi sức lực vào ưu tiên  phát triển kinh tế. | X |  |
| 193 | Sau Chiến tranh lạnh, Các nước ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh của mỗi quốc gia là một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính lành mạnh và một nền công nghệ có trình độ  cao. | X |  |
| 194 | Mối quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh mang tính hai mặt, nổi bật là: ~~mâu thuẫn và hài hòa, cạnh tranh và hợp tác,~~  ~~tiếp xúc và hạn chế...~~ |  | X |
| 195 | Xu thế toàn cầu hóa đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho ~~xu thế đối đầu giữa các nước có cùng chế độ chính trị~~  ~~trong quan hệ quốc tế.~~ |  | X |
| 196 | Cục diện thế giới theo xu thế “đa trung tâm” cũng như sự can dự  của nhiều nước lớn sau Chiến tranh lạnh đặt ra những thách thức đối với các nước vừa và nhỏ trong việc giữ vững độc lập, tự chủ. | X |  |
| 197 | Trong cục diện thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, các nước vừa và nhỏ trong đó có Việt Nam sẽ ~~không bị ảnh hưởng, tác động~~  ~~đến.~~ |  | X |
| 198 | Liên Xô và Mỹ đều suy giảm vị thế trong thời kỳ Chiến tranh  lạnh vì phương thức đối đầu chính trị - quân sự. | X |  |
| 199 | Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh cho tất cả các quốc gia là  ~~không nên~~ tập trung vào phát triển quân sự, quốc phòng đất nước. |  | X |
| 200 | Kinh tế và khoa học – kĩ thuật là hai yếu tố chủ yếu tạo nên sức mạnh tổng hợp của một quốc gia sau khi  chiến tranh lạnh chấm dứt. | X |  |
| 201 | ~~Sau thời kì chiến tranh lạnh~~, Xô - Mỹ lấy đối đầu về chính trị -  quân sự là chủ yếu, trong khi đó Đức và Nhật Bản lại lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chủ yếu. |  | X |
| 202 | Chiến tranh lạnh tuy không diễn ra sự đối đầu trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, nhưng để lại hậu quả nặng nề qua các cuộc chiến  tranh ủy nhiệm tại nhiều khu vực. | X |  |
| 203 | ~~Nguyên nhân trực tiếp~~ dẫn đến sự bùng nổ Chiến tranh lạnh bắt  nguồn từ sự đối lập sâu sắc về mục tiêu, lợi ích và chiến lược giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. |  | X |
| 204 | Trật tự hai cực I-an-ta đã làm cho thế giới bị chia rẽ sâu sắc, hình thành hai phe đối lập về chính trị, kinh tế và quân sự do Mỹ và  Liên Xô đứng đầu. | X |  |
| 204 | Tuyên ngôn đã tạo cơ sở pháp lí để nhân dân Việt Nam tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân  trên cả nước. | X |  |
| 206 | Tuyên ngôn được thông qua là sự kiện đánh dấu chủ nghĩa thực  dân bị thủ tiêu ~~hoàn toàn~~ trên thế giới. |  | X |
| 207 | Đại hội đồng Liên hợp quốc là một diễn đàn hợp tác quốc tế lớn và là cơ quan giữ vai trò ~~chủ yếu~~ trong việc duy trì hòa bình và  an ninh quốc tế. |  | X |
| 208 | Sự tồn tại của trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh đã ảnh hưởng sâu sắc, làm cho cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật trên thế giới  bị ~~chững lại~~. |  | X |
| 209 | Sự ra đời và phát triển của các quốc gia độc lập sau năm 1945 đã  góp phần hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 210 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 buộc ~~Mỹ~~ phải  từ bỏ những đặc quyền ở vùng Đông Bắc nước này. |  | X |
| 211 | Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với  lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 212 | Trong Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Liên Xô giành được nhiều  quyền lợi, qua đó, mở rộng được ~~hệ thống thuộc địa~~ ở châu Âu và châu Á. |  | X |
| 213 | Trật tự hai cực I-an-ta đã tác động và làm biến đổi sâu sắc đến  quan hệ quốc tế, để lại những di chứng ở thời điểm hiện tại. | X |  |
| 214 | Điểm tương đồng của Trật tự đa cực và Trật tự thế giới hai cực I-  an-ta là ~~đều hình thành sau các cuộc chiến tranh thế giới.~~ |  | X |
| 215 | Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Nga và Trung Quốc là những trung tâm quyền lực có vai trò, vị trí quan trọng đối với  thế giới. | X |  |
| 216 | Thế giới phát triển nhanh chóng theo hướng đa cực ~~từ những năm~~  ~~50 của thế kỷ XX.~~ |  | X |
| 217 | Một trong những điểm chung của các trật tự thế giới được hình thành trong và sau Chiến tranh lạnh là đều thiết lập trên cơ sở  thực lực của các nước trên thế giới. | X |  |
| 218 | Hợp tác và cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế - công nghệ là con đường mang lại hiệu quả cao hơn cho sự phát triển của các quốc  gia. | X |  |
| 219 | Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bài học từ Chiến tranh lạnh cho thấy quốc gia nào càng tập trung vào ~~quân sự~~ thì càng dễ có  vị thế cao trên trường quốc tế. |  | X |
| 220 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng  loạt các quốc gia độc lập ~~không phải~~ là nguyên nhân làm suy yếu Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. |  | X |
| 221 | Sự suy yếu của Mỹ và Liên Xô do chạy đua vũ trang là nguyên  nhân dẫn đến việc hai nước phải điều chỉnh chính sách đối ngoại và giảm căng thẳng. | X |  |
| 222 | Xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba ~~chỉ~~ ảnh hưởng đến Liên Xô và Mỹ, ~~không~~ tác  động đến các nước khác. |  | X |
| 223 | Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu làm giảm vai trò  dẫn đầu về kinh tế của Mỹ và Liên Xô trên thế giới. | X |  |
| 224 | Sau Chiến tranh lạnh, xu hướng thế giới chuyển dịch sang cục  diện “đa cực” là cơ sở để nhiều quốc gia theo đuổi chủ nghĩa đa phương, coi trọng đối ngoại đa phương. | X |  |
| 225 | Sự gia tăng sức mạnh trong nhiều lĩnh vực đã đưa Trung Quốc, Liên Bang Nga, Ấn Độ trở thành những trung tâm quyền lực mới  trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 226 | Từ sau Chiến tranh lạnh, sự suy giảm vị thế của Mỹ là ~~nhân tố~~  ~~quyết định~~ hình thành xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. |  | X |
| 227 | Sự hình thành những trung tâm quyền lực mới trong quan hệ quốc tế tạo thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam  hiện nay. | X |  |
| 228 | Ngay sau Chiến tranh lạnh, ~~trật tư đa cực đã được xác lập~~ và trở  thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới. |  | X |
| 229 | Liên hợp quốc đã ~~góp phần chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai~~  và đảm bảo hòa bình bền vừng cho nhân loại. |  | X |
| 230 | Từ khi gia nhập Liên hợp quốc, Việt Nam ~~không dùng~~ bạo lực để  giải quyết vấn đề dân tộc. |  | X |
| 231 | Những hoạt động của Việt Nam đã góp phần phát huy vai trò của Liên hợp quốc trong việc đàm phán để ~~chấm dứt chiến tranh thế~~  ~~giới~~. |  | X |
| 232 | Việt Nam đã vận dụng sáng tạo nguyên tắc của Liên hợp quốc để  ~~xây dựng đường lối đối ngoại ngả về phe xã hội chủ nghĩa~~. |  | X |
| 233 | Sự hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh ~~chỉ~~ chịu tác  động từ đối đầu Đông – Tây. |  | X |
| 234 | Thực tiễn cho thấy các trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới  thứ hai đều chịu sự chi phối bởi lợi ích quốc gia, dân tộc. | X |  |
| 235 | Sau Chiến tranh lạnh, trật tự thế giới được hình thành không dựa  vào so sánh lực lượng giữa hai hệ thống xã hội đối lập nhau | X |  |
| 236 | Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 thể ~~hiện sự suy~~  ~~yếu và sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh lạnh.~~ |  | X |
| 237 | Sự lớn mạnh của các quốc gia không phân biệt thể chế chính trị góp phần dẫn đến sự xói mòn và sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-  ta. | X |  |
| 238 | Sự hình thành và tồn tại của trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh  cho thấy sự phân tuyến triệt để giữa hai hệ thống xã hội đối lập. | X |  |
| 239 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự phát triển của Nhật Bản, Tây Âu góp phần đặt cơ sở để hình thành trật tự thế  giới mới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 240 | Sau Chiến tranh lạnh, ~~đấu tranh về hệ tư tưởng không còn~~, đánh  dấu môi trường an ninh quốc tế phát triển hoà bình, ổn định. |  | X |
| 241 | Mâu thuẫn về lợi ích dân tộc là yếu tố hàng đầu, ~~duy nhất~~ tác  động đến việc hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 242 | Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ, Nga, Trung Quốc là những  cường quốc có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới. | X |  |
| 243 | Quyết định của Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) đã gây nhiều bất lợi  cho phong trào cách mạng thế giới. | X |  |
| 244 | Mối quan hệ giữa tam cường (Liên Xô, Anh, Mỹ) trước và trong  Hội nghị I-an-ta (2 - 1945) là vừa mâu thuẫn, vừa thống nhất. | X |  |
| 245 | Trật cực I-an-ta là ~~nhân tố chủ yếu~~ tác động và chi phối các quan  hệ quốc tế ~~trong thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI~~. |  | X |
| 246 | Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia thành viên là ~~mục~~  ~~tiêu hàng đầu và tổng quát~~ của Liên hợp quốc. |  | X |
| 247 | Vì quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình dựa trên  luật pháp quốc tế nên Liên hợp quốc có thể ~~chi phối chủ yếu~~ các trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai. |  | X |
| 248 | Dựa trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của  các dân tộc nên Liên hợp quốc có thể giải quyết được ~~mọi~~ tranh chấp quốc tế bằng biện pháp phù hợp cùng cổ hoà bình thế giới. |  | X |
| 249 | Hiến chương của Liên hợp quốc bình đẳng chủ quyền ~~chỉ~~ dành  cho các các cường quốc trên thế giới. |  | X |
| 250 | Liên hợp quốc chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ và độc lập chính trị chứng tỏ sự phân tuyến triệt để của trật tự thế giới  hình thành ~~sau Chiến tranh lạnh.~~ |  | X |

# Chủ đề 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, yêu cầu hợp tác để cùng phát triển giữa các nước trong khu vực Đông  Nam Á là yêu cầu tất yếu, phù hợp. | X |  |
| 2 | Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a là những quốc gia sớm có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông  Nam Á | X |  |
| 3 | Tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là tổ chức  hợp tác khu vực ~~ra đời sớm nhất và thành công nhất~~. |  | X |
| 4 | Giải quyết hài hoà lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực là một  thách thức lớn của tổ chức ASEAN. | X |  |
| 5 | Tổ chức ASEAN nhất trí lấy ~~phương tức “tăng cường ảnh hưởng~~  ~~lẫn nhau”~~ để duy trì sự đoàn kết nội bộ. |  | X |
| 6 | Nguyên tắc “không can thiệp” và “đồng thuận” vừa là thuận lợi  vừa là khó khăn đối với ASEAN. | X |  |
| 7 | Nguyên tắc hoạt động của ASEAN là ~~có sự nhất trí và đồng thuận~~  ~~của năm quốc gia sáng lập.~~ |  | X |
| 8 | Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN  năm 1967 là ~~các quốc gia thành viên đều có nền kinh tế phát triển.~~ |  | X |
| 9 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 chứng tỏ sự khác  biệt về ý thức hệ có thể hóa giai. | X |  |
| 10 | Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam  Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại. | X |  |
| 11 | Quá trình phát triển từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đến Cộng đồng ASEAN phản ánh xu thế phát triển tất yếu của quan  hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 12 | Quá trình mở rộng thành viên của ~~Cộng đồng ASEAN~~ diễn ra lâu  dài do tác động của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 13 | Giai đoạn ~~1967-1976~~ (1976-...), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế  hoạch định chính sách cao nhất của ~~Cộng đồng ASEAN~~. ASEAN |  | X |
| 14 | Tổ chức ASEAN có chủ trương mở rộng lĩnh vực hợp tác để tăng  cường sức mạnh nội khối. | X |  |
| 15 | “Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập” khẳng định  nguyên tắc ~~không can thiệp và đa số đồng thuận~~ của ASEAN. |  | X |
| 16 | “Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập” thể hiện quyết  tâm duy trì hòa bình trong khu vực của các nước ASEAN. | X |  |
| 17 | ~~Ngay sau khi đất nước hòa bình~~, độc lập, thống nhất, Việt Nam  đã gia nhập vào tổ chức ASEAN. |  | X |
| 18 | Việt Nam gia nhập ASEAN là mốc đánh dấu sự tham gia của ~~toàn~~  ~~bộ~~ các nước Đông Nam Á vào tổ chức. |  | X |
| 19 | Việt Nam gia nhập ASEAN là một biểu hiện của đường lối đổi  mới toàn diện và đồng bộ do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 - 1995. | X |  |
| 20 | Hiến chương ASEAN là ~~văn kiện pháp lí đầu tiên~~, quan trọng của  Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |  | X |
| 21 | Hiến chương ASEAN là cơ sở pháp lý cho hoạt động của tổ chức  Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). | X |  |
| 22 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN là một tổ chức hợp  tác ở khu vực Đông Nam Á được thành lập năm 1967. | X |  |
| 23 | ~~Ngay từ khi mới thành lập~~, ASEAN đã trở thành một tổ chức có  vị thế và uy tín trên trường quốc tế. |  | X |
| 24 | Sau Chiến tranh lạnh, những chuyển biến phức tạp của thế giới đã buộc các nước ASEAN phải chuyển trọng tâm sang hợp tác ~~an~~  ~~ninh, chính trị~~. |  | X |
| 25 | Vấn đề Biển Đông là ~~nhân tố duy nhất~~ tạo ra nguy cơ chia rẽ  trong quan hệ giữa các nước ASEAN. |  | X |
| 26 | Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh đã tạo những điều kiện thuận  lợi để tổ chức khu vực ở Đông Nam Á phát triển và mở rộng. | X |  |
| 27 | Giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, với nhiều cơ chế hợp tác với, ASEAN dần nâng cao vai trò và sức mạnh của mình, ~~chi phối các~~  ~~quan hệ quốc tế.~~ |  | X |
| 28 | Hiện nay, ASEAN là một trong những tổ chức liên kết khu vực  thành công nhất thế giới. | X |  |
| 29 | Quá trình khu vực hóa của các nước Đông Nam Á được hoàn thành ~~chỉ trong chưa đầy 10 năm~~ kể từ khi tổ chức ASEAN được  thành lập. |  | X |
| 30 | Trong quá trình phát triển, ASEAN đã từng bước xóa bỏ những bất đồng giữa các nước thành viên, gắn kết khu vực và nâng cao  vị thế trên trường quốc tế. | X |  |
| 31 | Quá trình mở rộng thành viên của ASEAN chịu tác động của bối  cảnh Chiến tranh lạnh. | X |  |
| 32 | Cộng đồng ASEAN hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý là ~~Tuyên~~  ~~bố Kuala Lumpur.~~ |  | X |
| 33 | Yếu tố quyết định đến sự hoạt động hiệu quả của tổ chức ASEAN  là sự nỗ lực hoạt động của các thành viên. | X |  |
| 34 | Quá trình phát triển thành viên từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn  ra ~~nhanh chóng và thuận lợi.~~ |  | X |
| 35 | Các trụ cột của Cộng đồng ASEAN đều nhằm đảm bảo hòa bình,  ổn định và thịnh vượng chung của khu vực. | X |  |
| 36 | Hiệp ước Ba-li (1976) đã xác định những nguyên tắc hoạt động,  tạo cơ sở pháp lí cho quan hệ hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN. | X |  |
| 37 | Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN ~~khởi nguồn từ khi Hiến~~  ~~chương ASEAN~~ được thông qua vào năm 2007. |  | X |
| 38 | ~~Khi Việt Nam gia nhập ASEAN~~, các nước Mỹ, Nhật Bản, Nga,  EU lần lượt bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. |  | X |
| 39 | ASEAN được thành lập trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á  muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài. | X |  |
| 40 | Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là ~~cơ sở để đưa tổ chức trở thành một liên minh~~  ~~chính trị - quân sự.~~ |  | X |
| 41 | Việt Nam gia nhập ASEAN trong bối cảnh thế giới đã chấm dứt  Chiến tranh lạnh và xuất hiện các xu thế mới mang tính tích cực. | X |  |
| 42 | Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN đã đóng vai trò là  ~~nhân tố quyết định~~ đối với việc kết nạp các nước còn lại ở Đông Nam Á vào ASEAN. |  | X |
| 43 | Gia nhập ASEAN năm 1995 là sự kiện đánh dấu Việt Nam ~~bắt~~  ~~đầu~~ tiến trình hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện đồng bộ. |  | X |
| 44 | ASEAN mong muốn xây dựng một cộng đồng các nước Đông  Nam Á hòa bình và thịnh vượng. | X |  |
| 45 | Nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có những điểm tuơng đồng với nguyên tắc hoạt động  của Liên hợp quốc. | X |  |
| 46 | Tinh thần hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia Đông Nam Á là nền tảng giúp ASEAN giữ vững ổn định khu vực trong suốt quá  trình phát triển. | X |  |
| 47 | ASEAN hướng đến mục tiêu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong khu vực ~~thông qua cạnh tranh giữa các~~  ~~quốc gia.~~ |  | X |
| 48 | Một trong những mục đích thành lập của của Hiệp hội các quốc  gia Đông Nam Á (ASEAN) là duy trì hòa bình ổn định khu vực. | X |  |
| 49 | Ngay từ khi ra đời Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã hướng đến xây dựng một cộng đồng vì hòa bình và thịnh  vượng. | X |  |
| 50 | Tuyên bố ASEAN được chính thức thông qua tại Băng Cốc (Thái  Lan) trong ~~Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản.~~ |  | X |
| 51 | Tuyên bố ASEAN xác định việc xây dựng một tổ chức khu vực  phát triển toàn diện ~~theo những nguyên tắc riêng~~. |  | X |
| 52 | ~~Tuyên bố ASEAN~~ trở thành ~~khuôn khổ~~ cho những thoả thuận của việc thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột  chính. |  | X |
| 53 | Một trong những nhân tố đưa đến sự thành công của ASEAN là  sự chia sẻ lợi ích, tầm nhìn và quyết tâm của các nước thành viên. | X |  |
| 54 | Các nước thành viên ASEAN ~~không có điểm khác biệt~~ về chính  trị, kinh tế, văn hóa, có sự tương đồng về quá trình đấu tranh giành độc lập. |  | X |
| 55 | Do quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước diễn ra lâu dài đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển, mở rộng thành viên của  ASEAN. | X |  |
| 56 | ~~Ngay sau khi giành được độc lập~~, Việt Nam đã gia nhập ASEAN  và góp phần tạo dựng nên mái nhà chung ASEAN ngày càng ổn định và phát triển. |  | X |
| 57 | Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không tồn tại lâu là do ~~không thống nhất được giá cả~~  ~~và thị trường tiêu thụ hàng hoá.~~ |  | X |
| 58 | Yếu tố ~~thứ yếu~~ để thành lập và mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là các nước phải tôn trọng độc lập, chủ  quyền và lãnh thổ của nhau. |  | X |
| 59 | Quá trình hình thành và phát triển của ASEAN ~~không~~ chịu tác  động bởi cách mạng khoa học công nghệ. |  | X |
| 60 | Hiện nay, các thành viên của ASEAN đều là những quốc gia trong  khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 61 | Là thành viên của ASEAN, Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong  việc xây dựng Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 62 | Sự kiện Cam-pu-chia gia nhập ASEAN năm 1999 đã đưa tổ chức  này trở thành tổ chức ~~“toàn châu Á”.~~ |  | X |
| 63 | Việc gia nhập ASEAN mang lại cho Việt Nam nhiều lợi ích to lớn, giúp Việt Nam hiện thực hóa chủ trương mở rộng và đa dạng  hóa trong quan hệ hợp tác quốc tế. | X |  |
| 64 | Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) đánh dấu sự kết thúc thời kì  đối đầu giữa các nước sáng lập ASEAN với các nước Đông Dương. | X |  |
| 65 | Việc trở thành thành viên của ASEAN đóng vai trò ~~quyết định~~ đối với những thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới  đất nước |  | X |
| 66 | Việc gia nhập ASEAN (1995) mang lại nhiều lợi ích to lớn, là  bước đột phá quan trọng để Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. | X |  |
| 67 | Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) đã đặt cơ sở cho quá trình giải quyết ~~vấn đề xung đột ở Cam-pu-chia~~, đẩy nhanh mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành ngôi nhà chung của các quốc gia Đông  Nam Á. |  | X |
| 68 | ASEAN vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình, thống nhất  và trung lập của Đông Nam Á. | X |  |
| 69 | ASEAN hiện nay là một cộng đồng với mức độ hợp tác, liên kết ngày càng sâu rộng trên cả 3 trụ cột an ninh - chính trị, kinh tế,  văn hóa – xã hội. | X |  |
| 70 | Việc thành lập Cộng đồng ASEAN đã tăng cường sự hợp tác giữa các nước ASEAN, đưa tổ chức này phát triển lên một tầm cao  mới. | X |  |
| 71 | Năm 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập nhằm mục đích ~~thay~~  ~~thế dần cho tổ chức ASEAN.~~ |  | X |
| 72 | ~~Với tư cách là thành viên ASEAN~~, Việt Nam đã bình thường hóa  quan hệ với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản. |  | X |
| 73 | Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN là một trong những  biểu hiện của xu thế ~~toàn cầu hóa~~ trên thế giới. |  | X |
| 74 | Gia nhập ASEAN năm 1995 là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh quá  trình hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực. | X |  |
| 75 | Mục tiêu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh  tranh cao. | X |  |
| 76 | Tuyên bố Bali II đã xác định rõ mục tiêu của việc hình thành  Cộng đồng Kinh tế ASEAN. | X |  |
| 77 | Cộng đồng Kinh tế ASEAN ra đời đã ~~hoàn thành~~ quá trình hội  nhập kinh tế quốc tế của các nước ASEAN. |  | X |
| 78 | Sự gia nhập của các nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam- pu-chia) vào ASEAN ~~không~~ ảnh hưởng đến cục diện chính trị và  kinh tế khu vực. |  | X |
| 79 | Việt Nam có thể tận dụng vai trò thành viên ASEAN để mở rộng  thị trường xuất khẩu trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 80 | Sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam ~~không~~ còn tham gia các tổ chức quốc tế khác vì đã có một khuôn khổ hợp tác khu vực vững  chắc. |  | X |
| 81 | Việt Nam gia nhập ASEAN là ~~sự mốc khởi đầu~~ cho quá trình liên  kết khu vực ở Đông Nam Á sau năm 1945. |  | X |
| 82 | Khi gia nhập tổ chức ASEAN, các nước trong khu vực có nhiều cơ hội để hợp tác, cùng phấn đấu xây dựng một khu vực hòa bình,  ổn định và phát triển. | X |  |
| 83 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu bước phát triển mới, đặt cơ  sở cho quá trình ~~giải quyết vấn đề xung đột ở Cam-pu-chia~~. |  | X |
| 84 | Với việc gia nhập ASEAN năm 1995, Việt Nam đã ~~hoàn thành~~  ~~quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.~~ |  | X |
| 85 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN ~~mở đầu~~ cho quá trình hòa giải giữa nhóm các nước sáng lập ASEAN và ba nước Đông  Dương. |  | X |
| 86 | Việt Nam gia nhập ASEAN đã ~~giải quyết được những bất đồng~~  về chính trị và lợi ích kinh tế trong hợp tác nội khối của ASEAN. |  | X |
| 87 | Việt Nam gia nhập ASEAN là sự kiện ~~quyết định, đưa đến thay~~  ~~đổi căn bản và toàn diện cho ASEAN.~~ |  | X |
| 88 | Việt Nam gia nhập ASEAN là dấu mốc quan trọng của Việt Nam  trong quá trình hội nhập khu virc. | X |  |
| 89 | Việt Nam cần ~~liên minh quân sự~~ chặt chẽ với các nước trong tổ  chức ASEAN để cùng nhau hợp tác và phát triển. |  | X |
| 90 | Nguyên tắc điều phối hoạt động của ASEAN là biểu hiện rõ nét  việc dung hoà lợi ích của các nước thành viên. | X |  |
| 91 | Việc kết nạp thành viên của ASEAN lâu dài và trở ngại do ~~thể~~  ~~chế chính trị các nước có sự khác nhau.~~ |  | X |
| 92 | ASEAN là một tổ chức ~~khu vực lớn nhất thế giới~~, trong đó việc  kết nạp thành viên không có sự phân biệt thể chế chính trị. |  | X |
| 93 | Nguyên tắc hoạt động của ASEAN khá chặt chẽ là cơ sở để thúc  đẩy sự hợp tác, phát triển của tổ chức này. | X |  |
| 94 | Việc Việt Nam gia nhập thành công ASEAN năm 1995 đã chứng minh sự khác biệt về thể chế chính trị không còn là rào cản trong  việc kết nạp thành viên của tổ chức. | X |  |
| 95 | Năm 1967, khi mới thành lập, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam  Á (ASEAN) gồm có 5 thành viên: Xin-ga-po, ~~Mi-an-ma~~, In-đô- nê-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan. |  | X |
| 96 | Năm 1999, việc Cam-pu-chia gia nhập là sự kiện giúp ASEAN trở thành “ngôi nhà chung” của toàn bộ các quốc gia trong khu  vực Đông Nam Á. | X |  |
| 97 | Quá trình mở rộng và kết nạp thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại bởi những tác động của cục diện Chiến tranh  lạnh và “vấn đề Cam-pu-chia”. | X |  |
| 98 | Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á đặt ra nhiều thách thức đối với Cộng đồng ASEAN trong việc  duy trì liên kết nội khối. | X |  |
| 99 | Đầu thế kỉ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của ASEAN góp phần thúc  đẩy xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 100 | Tăng cường hợp tác nội khối sâu sắc và chặt chẽ hơn vì lợi ích chung của Cộng đồng là cơ sở để ASEAN tránh nguy cơ bị lôi  kéo vào “quỹ đạo chi phối” của các cường quốc. | X |  |
| 101 | Cộng đồng ASEAN được ra đời trong bối cảnh các cường quốc trên thế giới đang nỗ lực khẳng định vị thế của quốc gia trên  trường quốc tế. | X |  |
| 102 | Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ở Châu Á – Thái Bình Dương là ~~môi trường thuận lợi~~ để Cộng đồng ASEAN phát  triển. |  | X |
| 103 | Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN là một dấu ấn lịch sử, chuẩn bị nền tảng, định hướng và khuôn khổ cho ASEAN bước vào giai  đoạn mới. | X |  |
| 104 | Cộng đồng ASEAN ra đời là ~~di chứng của quá trình đối đầu Đông~~  ~~– Tây trong trật tự hai cực Ianta từ 1945 đến 1991.~~ |  | X |
| 105 | Cộng đồng ASEAN chú trọng phát triển con người, tiến tới xây  dựng một ~~nền văn hóa chung~~ của tất cả các nước trong khu vực. |  | X |
| 106 | Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN phù hợp với xu thế liên  kết khu vực trong bối cảnh mới. | X |  |
| 107 | Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN phản ánh quy luật tất yếu của  sự hợp tác giữa các nước trong ~~xu thế hòa hoãn Đông - Tây~~. |  | X |
| 108 | ASEAN là một tổ chức liên kết khu vực ~~toàn châu Á, được thành~~  ~~lập vào thập niên 60 của thế kỉ XIX.~~ |  | X |
| 109 | Tổ chức ASEAN được thành lập trong bối cảnh xu thế liên kết  khu vực và ~~xu thế toàn cầu hóa~~ đang diễn ra mạnh mẽ. |  | X |
| 110 | Những nước sáng lập tổ chức ASEAN có trình độ phát triển  tương đối đồng đều ~~nhưng đối lập nhau về thể chế chính trị~~. |  | X |
| 111 | Tổ chức ASEAN được thành lập nhằm đối phó với những thách  thức về an ninh và kinh tế từ bên trong và bên ngoài. | X |  |
| 112 | Trong xu thế đa cực và xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia trong  Cộng đồng ASEAN sẽ có nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc. | X |  |
| 113 | Quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn ra lâu dài và gặp nhiều khó khăn là do có sự can thiệp của các cường quốc  lớn trên thế giới vào công việc nội bộ của khu vực. | X |  |
| 114 | Để đẩy mạnh hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên, ASEAN luôn thực hiện phương châm “Thống nhất trong đa dạng”, vừa phát huy điểm tương đồng vừa khắc phục điểm khác biệt mỗi  nước. | X |  |
| 115 | Đến năm 1999, ASEAN đã trở thành ASEAN toàn Đông Nam Á. | X |  |
| 116 | Tự cường khu vực vừa là mục tiêu và cách thức để các nước  ASEAN hội nhập trong bối cảnh quốc tế có nhiều phức tạp. | X |  |
| 117 | ~~Tự cường, thống nhất trong mục tiêu là đặc điểm chung của Liên~~  ~~hợp quốc, ASEAN và mọi tổ chức trong quá trình phát triển.~~ |  | X |
| 118 | Mục đích thành lập của ASEAN nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp, tuân  thủ *Hiến chương Liên hợp quốc*. | X |  |
| 119 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời xuất phát từ nhu cầu liên kết, hợp tác ~~chống ngoại xâm~~ của các quốc gia  trong khu vực. |  | X |
| 120 | Cam-pu-chia gia nhập ASEAN (4 - 1999) đánh dấu ~~bước ngoặt~~  ~~đầu tiên của khu vực Đông Nam Á~~, vị thế của ASEAN được nâng cao trên trường quốc tế. |  | X |
| 121 | *Tuyên bố Ba-li II (2003)* và *Hiến chương ASEAN (2007)* đã xây  dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho việc thành lập và hoạt động của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 122 | Một trong những mục đích của tổ chức ASEAN là hợp tác, giúp đỡ giữa các nước thành viên nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế,  xã hội và văn hóa. | X |  |
| 123 | Tôn chỉ và mục đích thành lập của tổ chức ASEAN được thể hiện  rõ trong *Tuyên bố ASEAN.* | X |  |
| 124 | ASEAN chủ trương liên kết, hợp tác giữa các nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau và tiến tới ~~nhất thể hóa~~ tất cả các nước thành  viên. |  | X |
| 125 | Mục tiêu thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực của tổ chức ASEAN không chỉ đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của các nước thành viên mà còn là điều kiện ~~thứ yếu~~ cho sự hợp tác và  phát triển. |  | X |
| 126 | Nhận định “quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN đã trải qua những bước thăng trầm" ~~chỉ~~ phù hợp khi nói đến quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN giai đoạn từ năm 1967 đến cuối những năm 80 của  thế kỷ XX. |  | X |
| 127 | Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) được xem là mốc đánh dấu thời điểm ~~hoàn thành~~ mục tiêu “mở rộng thành viên ra tất cả các nước trong khu vực" theo Tuyên bố Băng Cốc năm  1967. |  | X |
| 128 | Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trải qua những bước thăng  trầm là do vấn đề Cam-pu-chia. | X |  |
| 129 | ~~Năm 2020~~, ASEAN chính thức được chuyển thành Cộng đồng  ASEAN. |  | X |
| 130 | Theo văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, các nước Đông Nam Á  phải ~~xóa bỏ bản sắc văn hóa riêng của mình.~~ |  | X |
| 131 | Một trong những mục tiêu được nêu ra trong văn kiện Tầm nhìn  ASEAN 2020 là hiểu rõ di sản văn hóa của mỗi quốc gia. | X |  |
| 132 | Hiệp ước Ba-li (1976) và Hiến chương ASEAN (2007) là những văn kiện đánh dấu bước ngoặt trong quá trình phát triển của Hiệp  hội các quốc gia Đông Nam Á. | X |  |
| 133 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Cộng đồng ASEAN là ~~hai~~  ~~tổ chức riêng biệt.~~ |  | X |
| 134 | Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức ASEAN làm chấm dứt sự đối đầu ở khu vực Đông Nam Á ~~trong thời kì Chiến tranh lạnh~~  ~~và tác động của xu thế toàn cầu hoá.~~ |  | X |
| 135 | Quá trình ra đời và phát triển của ASEAN chịu sự chi phối ~~hoàn~~  ~~toàn~~ của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 136 | Hiện nay, ASEAN là một trong những tổ chức liên kết khu vực  lớn nhất thế giới. | X |  |
| 137 | Kể từ khi thành lập đến nay, ASEAN có nhiều nỗ lực trong việc  kiến tạo hòa bình, thịnh vượng cho khu vực từng bị nô dịch, thống trị của chủ nghĩa thực dân. | X |  |
| 138 | Sự phát triển của ASEAN góp phần kiềm chế ảnh hưởng của các nước lớn vào khu vực Đông Nam Á, nhất là sự trỗi dậy một cách  hòa bình của Trung Quốc. | X |  |
| 139 | ASEAN là một liên minh phát triển đến ~~nhất thể hoá, ít phải đối mặt~~  ~~với các thách thức~~, mang lại hòa bình, thịnh vượng cho người dân sống tại khu vực. |  | X |
| 140 | Lịch sử và văn hoá Đông Nam Á là nhân tố ảnh hưởng đến nguyên tắc hoạt động, mục tiêu, định hướng phát triển của tổ chức liên kết  khu vực ASEAN. | X |  |
| 141 | Các quốc gia thành viên có nhiều đóng góp trong tiến trình hình  thành và phát triển của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 142 | Cộng đồng ASEAN đã ~~thành công~~ ngăn chặn sự ảnh hưởng của  các cường quốc đối với khu vực. |  | X |
| 143 | Tháng 11-2015, cùng với việc tuyên bố thành lập Cộng đồng  ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025. | X |  |
| 144 | Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 nhằm xây dựng ASEAN  thành cộng đồng mạnh về kinh tế và ~~quân sự.~~ |  | X |
| 145 | Trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI, ASEAN sẽ trở thành  một tổ chức khu vực ~~mạnh nhất toàn cầu~~. |  | X |
| 146 | Trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN, Việt Nam tổ chức nhiều hội nghị, góp phần tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế,  từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 147 | Năm 2010, Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN. | X |  |
| 148 | Việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN đã góp phần quan trọng,  ~~chủ yếu~~ để nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của đất nước Việt Nam. |  | X |
| 149 | Trong Năm Chủ tịch ASEAN 2010 của Việt Nam, quan hệ giữa ASEAN với các đối tác theo khuôn khổ ASEAN+1 được đẩy  mạnh và nâng cấp. | X |  |
| 150 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu bước phát triển của quá  trình hòa giải, phát triển của Đông Nam Á. | X |  |
| 151 | Việc Việt Nam gia nhập ASEAN ~~không có~~ ảnh hưởng đến vị trí  và vai trò của ASEAN trong khu vực Đông Nam Á. |  | X |
| 152 | Tư duy của thời kỳ "sau Chiến tranh lạnh" là yếu tố quan trọng  giúp Việt Nam gia nhập ASEAN dù trước đó có nhiều tranh cãi. | X |  |
| 153 | Việt Nam gia nhập ASEAN đã mở ra triển vọng liên kết toàn khu  vực Đông Nam Á. | X |  |
| 154 | Gia nhập ASEAN thể hiện sự chủ động của Việt Nam trong việc chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang vừa đấu tranh  vừa hợp tác cùng tồn tại hòa bình. | X |  |
| 155 | Sau khi hoàn thành quá trình khu vực hóa, ASEAN phát triển thành ~~tổ chức siêu quốc gia~~ dưới hình thức một cộng đồng hợp  tác toàn diện và sâu rộng. |  | X |
| 156 | Việc ASEAN trở thành một “trung tâm quyền lực mới” phản ánh  ~~sự chuyển dịch vai trò từ các cường quốc sang các tổ chức khu~~  ~~vực trong trật tự thế giới đa cực~~. |  | X |
| 157 | Từ Tuyên bố Băng cốc (1967) đến Tuyên bố Ba-li II (2003), tổ chức ASEAN đã xây dựng ~~hoàn thiện~~ cơ sở pháp lý cho sự ra đời  của Cộng đồng ASEAN. |  | X |
| 158 | Các văn kiện từ năm 1997 đến 2015 chọ thấy ASEAN đã hiện thực hóa quá trình xây dựng Cộng đồng từ định hướng đến hành động, thể hiện sự thích ứng kịp thời trước trật tự thế giới mới  đang dần kiến tạo. | X |  |
| 159 | Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập sau quá trình nỗ lực, chuẩn bị lâu dài, phản ánh sự trưởng thành về mặt tổ chức và  tư duy hội nhập của ASEAN. | X |  |
| 160 | Trên cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam đã đề xuất và dẫn dắt ASEAN hoàn thành những văn kiện quan trọng, góp  phần định hướng phát triển tương lai của ASEAN. | X |  |
| 161 | Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN (1995) mở ra triển vọng cho sự kết nạp các nước ở khu vực Đông Nam Á và  ~~châu Á~~. |  | X |
| 162 | Việc thành lập Cộng đồng ASEAN năm 2015 phản ánh xu thế  liên kết khu vực sâu rộng và phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. | X |  |
| 163 | Hiệp ước Bali được kí kết, năm 1976 là sự kiện mở ra bước ngoặt  phát triển của ASEAN. | X |  |
| 164 | Năm 1984, Bru-nây chính thức là ~~thành viên thứ 5~~ của tổ chức  ASEAN. |  | X |
| 165 | Việc 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh  dấu bước phát triển trong ~~liên kết toàn thế giới với nhau~~. |  | X |
| 166 | Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh những bất ổn của khu  vực Đông Nam Á ~~đã được giải quyết~~. |  | X |
| 167 | Mối quan tâm chủ yếu của tổ chức ASEAN trong 25 năm đầu thành lập là ~~hợp tác kinh tế, văn hóa; giúp Việt Nam chống Mỹ~~  ~~xâm lược.~~ |  | X |
| 168 | Mục tiêu hòa bình, hợp tác và phát triển của tổ chức ASEAN là phù hợp với xu thế của thế giới và lợi ích của các nước Đông  Nam Á. | X |  |
| 169 | Năm nước thành viên sáng lập ASEAN có điểm chung là đã giành  được độc lập dân tộc. | X |  |
| 170 | Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết đã tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành  lập Cộng đồng ASEAN. | X |  |
| 171 | Việc mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN diễn ra lâu dài và  nhiều trở ngại do ~~tác động của cuộc cách mạng 4.0.~~ |  | X |
| 172 | Việt Nam là một trong những thành viên tiên phong, tích cực và trách nhiệm với nhiều hành động thể biến ý tưởng thành lập Cộng  đồng ASEAN thành hiện thực. | X |  |
| 173 | Việc ASEAN đóng vai trò trung tâm trong tiến trình liên kết khu vực Đông Nam Á là ~~kết quả trực tiếp từ việc ký Tuyên bố Băng~~  ~~Cốc năm 1967.~~ |  | X |
| 174 | Việc ký kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á đã mở  đường cho quá trình mở rộng thành viên của ASEAN. | X |  |
| 175 | Sau khi Cộng đồng ASEAN được thành lập, tổ chức này đã ~~giảm~~  ~~cường độ hợp tác nội khối~~ để tập trung nhiều hơn vào quan hệ với các đối tác bên ngoài. |  | X |
| 176 | Tăng cường hợp tác nội khối sâu sắc và chặt chẽ hơn vì lợi ích chung của Cộng đồng là cơ sở để ASEAN tránh nguy cơ bị lôi  kéo vào “quỹ đạo chỉ phối” của các cường quốc. | X |  |
| 177 | Đầu thế kỉ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của ASEAN góp phần  thúc đẩy xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. | X |  |
| 178 | Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á đặt ra nhiều thách thức đối với Cộng đồng ASEAN trong việc  duy trì liên kết nội khối. | X |  |
| 179 | Cộng đồng ASEAN được hình thành trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa -  Xã hội. | X |  |
| 180 | Tuyên bố Ba-li II là văn kiện đầu tiên chính thức đặt nền móng  cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột. | X |  |
| 181 | Mục tiêu chung của Cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên  cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN. | X |  |
| 182 | Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực Châu Á- Thái Bình Dương ~~không phải~~ là thách thức lớn nhất từ bên ngoài  đối với ASEAN. |  | X |
| 183 | Các nước thành viên ASEAN có thể gắn kết và vượt qua khác biệt chính trị, kinh tế, văn hóa chủ yếu vì ~~không có sự mâu thuẫn~~  ~~và xung đột về ý thức hệ.~~ |  | X |
| 184 | Để tăng cường sự đoàn kết và hợp tác trong khu vực, các nước ASEAN chú trọng việc phát huy những điểm tương đồng và vượt  qua những điểm khác biệt. | X |  |
| 185 | Việc chia sẻ lợi ích cơ bản, tầm nhìn và quyết tâm là yếu tố quan  trọng dẫn đến thành công của tổ chức ASEAN trong 41 năm qua. | X |  |
| 186 | Nguyện vọng chung về một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác đã góp phần định hướng và thúc đẩy sự hợp tác  giữa các nước thành viên ASEAN. | X |  |
| 187 | ASEAN cần dành ưu tiên cao nhất cho duy trì đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm để cùng nhau vượt qua thách thức, xây  dựng cộng đồng tự cường cho tất cả người dân. | X |  |
| 188 | Việt Nam là một trong những nước thành viên của ASEAN và đã  có những đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển đồng đều trong khu vực. | X |  |
| 189 | Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 là một kế hoạch chiến  lược của ASEAN để thúc đẩy hợp tác và tích hợp trong khu vực. | X |  |
| 190 | ASEAN thúc đẩy vấn đề Biển Đông trong các chương trình nghị sự với các đối tác đối ngoại, nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực và có trách nhiệm của các nước lớn, để duy trì hòa bình, ổn  định, và hợp tác ở Biển Đông. | X |  |
| 191 | Việc tham gia tích cực trong giải quyết vấn đề Biển Đông góp phần thể hiện khả năng quản lý xung đột nói chung ở khu vực  của ASEAN. | X |  |
| 192 | ASEAN đang đàm phán COC với Trung Quốc để tạo ra một khuôn khổ pháp lý và hành vi có ràng buộc cho các bên ở Biển  Đông. | X |  |
| 193 | Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu sự thay đổi cục diện ở Đông  Nam Á sau 50 năm kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. | X |  |
| 194 | Việt Nam đã sử dụng nguyên tắc của Liên hợp quốc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình để giải quyết vấn đề  chủ quyền biên giới, biển, hải đảo. | X |  |
| 195 | Hiến chương ASEAN được công bố vào năm 2007, là văn bản pháp lý cao nhất của ASEAN, quy định các nguyên tắc, mục tiêu,  cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động của ASEAN. | X |  |
| 196 | Chức Chủ tịch ASEAN được luân phiên hằng năm giữa các quốc gia thành viên theo thứ tự bảng chữ cái tên tiếng Anh của các  nước. | X |  |
| 197 | Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN)  được ra vào năm 1971, nhằm khẳng định sự độc lập và chủ quyền của các nước Đông Nam Á trước các cường quốc ngoài khu vực. | X |  |
| 198 | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) khi mới thành lập (1967)***~~không~~*** đề ra mục đích, nhiệm vụ xây dựng một cộng đồng  Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. |  | X |
| 199 | Hội nghị Thượng đỉnh gồm ~~Thủ tướng các quốc gia thành viên~~;  là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN |  | X |
| 200 | Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN là một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại của Việt Nam, mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên và đóng góp vào hòa bình và phát  triển trong khu vực Đông Nam Á. | X |  |

**Chủ đề 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI**

**PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách  mạng giải phóng dân tộc điển hình ở châu Á. | X |  |
| 2 | Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam có ~~điều~~  ~~kiện hòa bình và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội~~. |  | X |
| 3 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đưa đến sự sụp  đổ của ~~chế độ quân chủ lập hiến~~ ở Việt Nam. |  | X |
| 4 | Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng  tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. | X |  |
| 5 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam để lại bài học về chớp thời cơ, tiến hành cách mạng bạo lực bằng lực lượng chính  trị và lực lượng vũ trang. | X |  |
| 6 | Bài học về chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được vận dụng chủ yếu trong việc xây dụng và bảo vệ  Tổ quốc hiện nay. | X |  |
| 7 | Cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra một cách nhanh  gọn, ít đổ máu, ~~bằng phương pháp hòa bình.~~ |  | X |
| 8 | Cách mạng tháng Tám (1945) là một sự kiện lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam, ~~mở ra kỉ nguyên cả nước hòa bình, độc lập,~~  ~~thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 9 | Đảng Cộng sản Đông Dương có vai trò to lớn trong lãnh đạo  Cách mạng tháng Tám thành công. | X |  |
| 10 | Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đã cổ vũ tinh thần đấu tranh chống thực dân của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ  thuộc trên thế giới. | X |  |
| 11 | Trong Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam, lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định, lực lượng vũ trang giữ vai trò quan  trọng đưa cách mạng giành thắng lợi. | X |  |
| 12 | Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám  năm 1945 là ~~thực dân Pháp và phát xít Nhật~~. |  | X |
| 13 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945) là “thời cơ có một không hai” để ~~Đảng Cộng sản Việt Nam~~ phát  động tổng khởi nghĩa giành chính quyền |  | X |
| 14 | Đặc điểm nổi bật về phương thức giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam là cách mạng bạo lực, có kết  hợp đấu tranh chính trị và ~~đấu tranh nghị trường.~~ |  | X |
| 15 | Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời là kết quả của cuộc nổi  dậy trên cả hai địa bàn ở nông thôn và thành thị. | X |  |
| 16 | Cuộc khởi nghĩa toàn dân với ~~lực lượng vũ trang là chủ lực, quyết~~  ~~định~~ đã đưa đến thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. |  | X |
| 17 | Nhân dân Hà Nội, Huế, Sài Gòn giành chính quyền có tác động lớn đến các địa phương trong cả nước, ~~đánh dấu thắng lợi hoàn~~  ~~toàn của Cách mạng tháng Tám.~~ |  | X |
| 18 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang đặc điểm độc đáo là có sự kết hợp giữa sử dụng lực lượng chính trị và ~~lực lượng~~  ~~vũ trang ba thứ quân.~~ |  | X |
| 19 | Tiến trình của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam ~~phát triển từ chiến tranh du kích cục bộ ở địa phương lên~~  ~~chiến tranh chính quy trên phạm vi cả nước~~. |  | X |
| 20 | Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở các địa phương, thắng lợi ở mỗi địa  phương có ~~vai trò, vị trí như nhau~~. |  | X |
| 21 | ~~Phát xít Đức đầu hàng năm 1945~~ đã tạo ra thời cơ thuận lợi "ngàn  năm có một" cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 22 | Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng  lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 23 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò  quyết định) là một nhận thức khoa học. | X |  |
| 24 | Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết phát động toàn  quốc đứng lên ~~chống can thiệp Mĩ.~~ |  | X |
| 25 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là kết quả  của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại. | X |  |
| 26 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ~~đã lật đổ chính~~  ~~quyền thực dân Pháp và phong kiến ở Việt Nam, đưa nhân dân~~  ~~lao động lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.~~ |  | X |
| 27 | Sự đầu hàng của phát xít Nhật (tháng 8-1945) tác động mạnh đến  quân Nhật và tay sai ở Đông Dương. | X |  |
| 28 | Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhận định chính xác thời cơ, kiên quyết phát động nhân dân khởi nghĩa ~~khi quân Đồng minh tiến vào~~  ~~Đông Dương.~~ |  | X |
| 29 | Điều kiện khách quan thuận lợi là ~~yếu tố tiên quyết~~ để một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền có thể bùng nổ và giành được thắng  lợi ở Việt Nam năm 1945. |  | X |
| 30 | Kết hợp tận dụng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là bài học từ thực tiễn Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam cho công cuộc  xây dựng đất nước hiện nay. | X |  |
| 31 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chế độ quân  chủ ở Việt Nam sụp đổ. | X |  |
| 32 | Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị đã tác động tích cực đến tiến trình  giành chính quyền trong ~~Tổng khởi nghĩa tháng Tám.~~ |  | X |
| 33 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã giáng đòn nặng  nề làm suy yếu và dẫn tới ~~sự sụp đổ hoàn toàn~~ của hệ thống đế quốc chủ nghĩa. |  | X |
| 34 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là cuộc cách mạng  giải phóng dân tộc điển hình mang tính chất dân chủ mới. | X |  |
| 35 | Sự kiện Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện đã tác động mạnh đến Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, ~~làm cho Chính~~  ~~phủ này rệu rã, sụp đổ.~~ |  | X |
| 36 | Sự kết hợp giữa điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi đã  đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đến thành công. | X |  |
| 37 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam giành thắng lợi đã khẳng định vai trò lãnh đạo của chính đảng vô sản ~~trong cuộc~~  ~~chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc.~~ |  | X |
| 38 | ~~Đảng Cộng sản Việt Nam~~ trở thành đảng cầm quyền ngay sau khi  Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. |  | X |
| 39 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam chứng minh sức mạnh đoàn kết các lực lượng cách mạng trong Mặt trận Việt Minh  dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 40 | Giai cấp lao động là ~~lực lượng lãnh đạo~~ của cách mạng giải phóng  dân tộc và giải phóng giai cấp trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. |  | X |
| 41 | Vua Bảo Đại thoái vị chứng tỏ chế độ phong kiến Việt Nam hoàn  toàn sụp đổ. | X |  |
| 42 | Thành công của Cách mạng tháng Tám là do Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhanh chóng chớp thời cơ ~~khi Nhật đảo chính~~  ~~Pháp trên toàn cõi Đông Dương.~~ |  | X |
| 43 | Tinh thần đoàn kết của toàn dân là nhân tố quan trọng để giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt  Nam. | X |  |
| 44 | Sự chuẩn bị lực lượng để giành lại độc lập tự do của nhân dân Việt Nam ~~bắt đầu được chuẩn bị từ 4 năm trước khi phát xít Nhật~~  ~~tan rã.~~ |  | X |
| 45 | Tuyên ngôn Độc lập được Hồ Chí Minh viết để kêu gọi nhân dân  toàn quốc tham gia ~~kháng chiến chống Nhật trở lại xâm lược~~. |  | X |
| 46 | Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cách  mạng Việt Nam. | X |  |
| 47 | Mỗi quan hệ biện chứng giữa nội lực và ngoại lực, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đã được Hồ Chí Minh vận dụng  thành công vào thực tiễn cách mạng Việt Nam năm 1945. | X |  |
| 48 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân  Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước. | X |  |
| 49 | Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, ~~Việt Nam là~~  ~~nước đầu tiên ở một chính quốc giành chính quyền với sự lãnh~~  ~~đạo của chính đảng vô sản.~~ |  | X |
| 50 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch chủ động  ~~phản công~~ lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 51 | Các chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, Biên giới thu - đông năm 1950 cho thấy sự chuyển biến về thế và lực của cuộc  kháng chiến. | X |  |
| 52 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã thực hiện được chủ trương “điều địch để đánh địch”, góp phần củng cố và mở rộng  căn cứ địa Việt Bắc. | X |  |
| 53 | Mục tiêu của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là ~~tiêu~~  ~~diệt toàn bộ sinh lực địch~~, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. |  | X |
| 54 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, Việt Nam có trách nhiệm giúp đỡ Miên và Lào ~~hoàn thành cuộc~~  ~~cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.~~ |  | X |
| 55 | Sự đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương là ~~nguyên~~  ~~nhân quyết định~~ đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). |  | X |
| 56 | Trong xây dựng đất nước hiện nay, ba nước Đông Dương cần  phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện nhau. |  | X |
| 57 | Kẻ thù chung của nhân dân Việt, Miên, Lào trong giai đoạn 1945  – 1954 ~~không phải~~ là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. |  | X |
| 58 | Nối tiếp cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945), cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã làm phá sản ~~hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”~~  ~~của Pháp.~~ |  | X |
| 59 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 là thắng lợi quân sự mở đầu của quân dân ta trong cuộc kháng chiến toàn  quốc chống thực dân Pháp. | X |  |
| 60 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 trong năm 1946  – 1947 đã bảo vệ an toàn cơ quan đầu não và ~~những đô thị trọng~~  ~~yếu~~, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. |  | X |
| 61 | Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 trong năm 1946  - 1947 là ~~chiến dịch do quân dân Việt Nam chủ động tiến hành,~~  ~~đạt được tất cả mục tiêu ban đầu đề ra.~~ |  | X |
| 62 | Chế độ dân chủ nhân dân chỉ được xây dựng ~~hoàn chỉnh~~ sau khi  cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) kết thúc. |  | X |
| 63 | Đặc điểm của cách mạng Việt Nam thời kì 1945 – 1954 là thực hiện hai nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc dưới sự lãnh  đạo của ~~Đảng Cộng sản Việt Nam.~~ |  | X |
| 64 | Một trong những nhiệm vụ cơ bản của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là ~~xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa~~  ~~trên phạm vi cả nước.~~ |  | X |
| 65 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô đã tạo điều kiện thuận  lợi cho cả nước đi vào kháng chiến lâu dài, củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 66 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô cuối năm 1946 đầu năm  1947 đã ~~tạo ra cục diện mới có lợi~~ cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. |  | X |
| 67 | Cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô cuối năm 1946 đã làm  ~~thất bại âm mưu~~ mở rộng đánh chiếm miền Bắc của thực dân Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến. |  | X |
| 68 | Với thắng lợi của chiến dịch Biên giới (1950), quân dân Việt Nam  đã thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của kẻ thù. | X |  |
| 69 | Trong chiến dịch Biên giới (1950), lần đầu tiên lực lượng kháng  chiến Việt Nam thực hiện đánh công kiên và có hợp đồng quân binh chủng ở quy mô trận đánh đơn lẻ. | X |  |
| 70 | Với chiến thắng Biên giới (1950), quân dân Việt Nam đã ~~tiêu diệt~~  ~~toàn bộ quân Pháp~~ ở chiến trường chính Bắc Bộ và làm chủ chiến trường chính. |  | X |
| 71 | Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), quân dân Việt Nam chủ động bao vây, đánh lấn, tổ chức tiến công làm sụp đổ hệ thống  ~~các~~ tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. |  | X |
| 72 | Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta về quân sự, ~~chuyển cuộc kháng chiến từ chiến~~  ~~tranh du kích lên chiến tranh chính quy.~~ |  | X |
| 73 | Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã ~~bước đầu~~ làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến  tranh ở Đông Dương. |  | X |
| 74 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” được Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo trong bối cảnh Pháp đã ~~tấn công và đánh chiếm được~~  ~~thủ đô Hà Nội.~~ |  | X |
| 75 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh quyết tâm đầu tranh của nhân dân Việt Nam để giữ vững  nền độc lập non trẻ vừa giành được. | X |  |
| 76 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là ~~văn bản duy nhất~~ xác định nội dung đường lối kháng chiến toàn  quốc chống thực dân Pháp xâm lược. |  | X |
| 77 | “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện khát vọng hòa bình và ~~sự nhân nhượng đến giới hạn cuối~~  ~~cùng của Việt Nam đối với thực dân Pháp~~.   *Sự nhân nhượng đến giới hạn cuối cùng của Việt Nam đối thực dân Pháp: Tạm ước 14/9/1946.* | X |  |
| 78 | Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam khẳng  định sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc. | X |  |
| 79 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống  Pháp ~~làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân trên thế giới~~. |  | X |
| 80 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam  là ~~thắng lợi duy nhất~~ mang tầm vóc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc. |  | X |
| 81 | Với chiến thắng của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, thể bao vây của thực dân Pháp đối với căn cứ Việt Bắc đã bị phá  vỡ. | X |  |
| 82 | Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, quân dân Việt  Nam đã phát huy thành công nghệ thuật "đánh điểm, diệt viện" để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. | X |  |
| 83 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã tạo ra thời cơ cho quân dân Việt Nam ~~chuyền từ tiến công chiến lược sang tổng tiến~~  ~~công chiến lược trên toàn Đông Dương.~~ |  | X |
| 84 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch tiến công có quy mô ~~lớn nhất~~ của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng  chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 85 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, bộ đội chủ lực của Việt Nam đã mở nhiều chiến dịch tiến công quân Pháp và ~~mở màn là chiến~~  ~~dịch Điện Biên Phủ.~~ |  | X |
| 86 | Nghệ thuật lựa chọn trận quyết chiến chiến lược trong Đông -  Xuân 1953 - 1954 là bài học kinh nghiệm đặc sắc, cần được vận dụng sáng tạo trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 87 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, ~~phương châm “đánh nhanh,~~  ~~thắng nhanh”~~ được thực hiện trong tất cả các chiến dịch để đưa tới sự phá sản của Kế hoạch Na-va. |  | X |
| 88 | “Hậu phương tại chỗ” là ~~nhân tố trực tiếp và quyết định hàng đầu~~  làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng thời khẳng định tư tưởng đúng đắn “lấy dân làm gốc” của Đảng. |  | X |
| 89 | Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân, thắng lợi của đường lối xây dựng hậu  phương vững chắc, “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. | X |  |
| 90 | Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ~~lần đầu tiên~~ quân đội Việt Nam  sử dụng lối đánh công kiên và hợp đồng binh chủng. |  | X |
| 91 | Thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954 đã ~~kết thúc cuộc kháng chiến~~  ~~chống Pháp trường kì của quân dân Việt Nam~~. |  | X |
| 92 | Thất bại ở Đông Khê năm 1950 đã buộc Pháp phải ~~chuyển từ kế~~  ~~hoạch Rơve sang kế hoạch Nava.~~ |  | X |
| 93 | Khi quân dân Việt Nam chiếm được Đông Khê năm 1950, quân  Pháp phải cho quân rút khỏi Cao Bằng để bảo toàn lực lượng. | X |  |
| 94 | Chiến thắng Đông Khê năm 1950 đã làm cho hệ thống phòng thủ  trên đường số 4 của Pháp bị chia cắt làm đôi. | X |  |
| 95 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam đã đứng vào hàng ngũ tiên phong trong cuộc đấu tranh vì độc lập, hoà  bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. | X |  |
| 96 | Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt  Nam đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ~~mớ~~i. |  | X |
| 97 | Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là ~~cuộc chiến~~  ~~tranh nhân dân đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam.~~ |  | X |
| 98 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã kế tục nhiệm vụ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 bằng  hình thức mới trong điều kiện lịch sử mới. | X |  |
| 99 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1945 đã ~~chấm dứt hoàn toàn cuộc~~  ~~chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.~~ |  | X |
| 100 | Sự lãnh đạo của ~~Đảng Cộng sản Đông Dương~~ là nhân tố quyết định  dẫn tới thắng lợi ở Điện Biên Phủ năm 1954. |  | X |
| 101 | Nghị quyết 15 (1959) do ~~Đảng Cộng sản Đông Dương~~ đề ra, xác định nhiệm vụ cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ  nhân dân ở miền Nam. |  | X |
| 102 | Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng miền Nam Việt Nam góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chiến  lược của cách mạng hai miền Nam – Bắc. | X |  |
| 103 | Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì ~~lực lượng vũ trang ở miền Nam đã~~  ~~lớn mạnh.~~ |  | X |
| 104 | Từ năm 1961 đến năm 1968, đế quốc Mỹ lần lượt triển khai hai chiến lược chiến tranh ở miền Nam Việt Nam là chiến lược chiến  tranh đặc biệt và chiến tranh cục bộ. | X |  |
| 105 | Nhân dân Việt Nam đánh thắng các bước leo thang chiến tranh của Mỹ (1961-1968) góp phần làm phá sản chiến lược toàn cầu  “phản ứng linh hoạt" dưới thời ~~Tổng thống Truman.~~ |  | X |
| 106 | Các chiến lược chiến tranh Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam  đề nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 107 | ~~Sau năm 1975~~, Mỹ thực hiện âm mưu xâm lược và thống trị miền  Nam Việt Nam bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. |  | X |
| 108 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 có sự kết hợp giữa  chiến tranh cách mạng với khởi nghĩa, trong đó đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định đến thắng lợi cuối cùng. | X |  |
| 109 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 gồm ba chiến dịch:  ~~Buôn Ma Thuột, Huế - Đà Nẵng và Hồ Chí Minh.~~ |  | X |
| 110 | Các chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 có ~~điểm tương đồng~~ về hướng tiến công, đối tượng tiến công, kết  quả cuối cùng. |  | X |
| 111 | Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954), Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là ~~để thực hiện tổng tuyển~~  ~~cử thống nhất đất nước ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 112 | Những chính sách của Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm  là một trong những nguyên nhân dẫn tới phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam. | X |  |
| 113 | Phong trào Đồng khởi, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và Hiệp định Pa-ri được kí kết là những thắng lợi  mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 114 | Đặc điểm lớn nhất và độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam (1954-1975) là dưới sự lãnh đạo của một chính ~~Đảng Cộng sản~~  ~~Việt Nam~~, nhân dân ở hai miền Nam - Bắc thực hiện hai chiến  lược cách mạng khác nhau nhưng cùng chung mục đích cuối cùng. |  | X |
| 115 | Cuộc chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam (1954-1975) không chịu sự  tác động của Chiến tranh lạnh. |  | X |
| 116 | Trong giai đoạn 1965 - 1968, nhân dân miền Nam Việt Nam phải  chiến đấu chống chiến lược ~~“Chiến tranh đặc biệt”~~ của Mỹ. |  | X |
| 117 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ  cứu nước đã làm ~~thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.~~ |  | X |
| 118 | Các chiến lược chiến tranh Mỹ triển khai ở miền Nam phản ánh bản chất ngoan cố trong việc tiến hành chiến tranh xâm lược miền  Nam Việt Nam. | X |  |
| 119 | Việc Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm là biểu  hiện Mỹ đã phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương. | X |  |
| 120 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) thắng lợi không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc Việt Nam mà còn tác  động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới. | X |  |
| 121 | Hiện nay, ~~Mỹ vẫn tìm cách cô lập Việt Nam với thế giới~~; đồng thời lợi dụng vấn đề dân quyền và tự do tôn giáo để can thiệp vào  Việt Nam. |  | X |
| 122 | Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)  đã thực hiện được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam về độc lập, tự do, hòa bình, ~~thống nhất về lãnh thổ và Nhà nước.~~ |  | X |
| 123 | Trong những năm 1954 - 1975, miền Nam Việt Nam là tiền tuyến  lớn, có vai trò trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. | X |  |
| 124 | Từ năm 1954 đến năm 1975, cách mạng hai miền Bắc - Nam có mối quan hệ mật thiết nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc  dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước. | X |  |
| 125 | Mùa xuân năm 1975, quân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi  trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 126 | Cuộc “tổng tiến công và nổi dậy long trời lở đất” đã kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng của Việt Nam trong thế kỉ XX, mở ra  kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. | X |  |
| 127 | Các cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Việt Nam trong  kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đều kết hợp sức mạnh quân sự và chính trị của toàn dân tộc, góp phần bảo vệ miền Bắc. | X |  |
| 128 | Thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, ~~mở đầu công cuộc xây dựng~~  ~~chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 129 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã tạo  nên ~~bước ngoặt đầu tiên~~ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của Việt Nam. |  | X |
| 130 | Ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari là biểu hiện xuống thang chiến tranh của Mỹ sau đòn tiến  công năm 1968 của Việt Nam. | X |  |
| 131 | Kể từ năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt  Nam diễn ra với cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. | X |  |
| 132 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 của  quân dân miền Nam đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. | X |  |
| 133 | Quá trình từ “khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng” của Việt Nam ~~gắn liền với sự thay đổi về quy mô,~~  ~~vai trò của lực lượng chủ yếu và tính chất cơ bản của cuộc kháng~~  ~~chiến.~~ |  | X |
| 134 | Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Việt Nam đã đánh bại nhiều chiến lược chiến tranh của Mỹ, góp phần làm  sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới. | X |  |
| 135 | Kết hợp tiến công địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị,  ngoại giao là đặc điểm nổi bật của cuộc kháng chiến chống Mỹ được phát triển sáng tạo ~~từ đầu cuộc kháng chiến.~~ |  | X |
| 136 | Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), phương  pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh của nhân dân Việt Nam ~~tách rời, độc lập với nhau.~~ |  | X |
| 137 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất, phản ánh rõ nét nhất mâu thuẫn Đông  - Tây trong quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX. | X |  |
| 138 | Với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, Việt Nam đã xoá bỏ sự chia cắt đất nước, hoàn thành trọn vẹn sự  nghiệp ~~thống nhất đất nước cả về mặt lãnh thổ và nhà nước.~~ |  | X |
| 139 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã làm tan rã toàn bộ  chính quyền và quân đội Sài Gòn. | X |  |
| 140 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân Việt Nam (1954 – 1975) ~~đánh dấu sự sụp đổ chế độ thực dân kiểu mới~~  ~~của Mỹ trên toàn thế giới.~~ |  | X |
| 141 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 9175) của nhân  dân Việt Nam là một sự kiện có tính thời đại sâu sắc. | X |  |
| 142 | ~~Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954),~~ phong trào “Đồng khởi” (1959- 1960), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân Việt  Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |  | X |
| 143 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) có tính thời đại sâu sắc vì đã chống lại kẻ thù lớn  nhất của thời đại, kẻ thù chung của cả loài người tiến bộ. | X |  |
| 144 | Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam ~~bước đầu~~  ~~được hình thành~~ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). |  | X |
| 145 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” là minh chứng cho sức mạnh, bản lĩnh và trí tuệ của Việt Nam; tạo cơ sở cho Đảng Lao động Việt Nam đi đến ~~quyết định mở mặt trận ngoại giao để “vừa~~  ~~đánh, vừa đàm” với Mỹ.~~ |  | X |
| 146 | Thực tiễn kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả trong  sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. | X |  |
| 147 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng đã được vận dụng sáng tạo, hiệu quả trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của  dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 148 | Thời cơ chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 chính thức ~~xuất hiện ngay sau phong trào Đồng khởi năm~~  ~~1960.~~ |  | X |
| 149 | Quá trình đề ra và hoàn thiện chủ trương giải phóng miền Nam Việt Nam cho thấy sự kịp thời, đúng đắn, sáng tạo và nhân văn  của Đảng trong việc giải quyết vấn đề thời cơ. | X |  |
| 150 | Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 - 1979) của nhân dân Việt Nam diễn ra ~~trong bối cảnh đất nước bước vào thời~~  ~~kì Đổi mới.~~ |  | X |
| 151 | Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX ~~đã chấm~~  ~~dứt mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.~~ |  | X |
| 152 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm Mậu Thân (1968) của quân và dân Việt Nam đã mở ra khả năng sớm kết thúc chiến tranh  thông qua con đường đàm phán. | X |  |
| 153 | Ngày 17 – 02 – 1979, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới  phía Bắc của nhân dân Việt Nam chính thức bắt đầu. | X |  |
| 154 | Trước sức chiến đấu của quân dân Việt Nam, tháng 3 – 1979,  quân Trung Quốc phải rút quân nhưng tình hình biên giới còn rất phức tạp. | X |  |
| 155 | Ngay sau Đại thắng Xuân 1975, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc,  Việt Nam – Cam-pu-chia xuất hiện một số dấu hiệu bất ổn. | X |  |
| 156 | Chính quyền Pôn Pốt đã phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam dưới sự trợ giúp của ~~quân đội các~~  ~~nước Đồng minh.~~ |  | X |
| 157 | Mặc dù nước Việt Nam cố gắng tận dụng mọi khả năng đàm phán,  nhưng chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc vẫn nổ ra. | X |  |
| 158 | Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của quân  dân Việt Nam ~~nổ ra trong bối cảnh quốc tế hoàn toàn thuận lợi~~. |  | X |
| 159 | Từ thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của Việt Nam, phải nêu cao tinh thần cảnh giác, giải quyết tốt các  mối quan hệ giữa các đối tác và đối tượng. | X |  |
| 160 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc đã bảo  vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ Quốc Việt Nam. | X |  |
| 161 | Hai cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc thể  hiện sự phối hợp chiến đấu của nhân dân Việt Nam và ~~Liên Xô~~. |  | X |
| 162 | Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, nhân dân Việt  Nam còn thực hiện nhiệm vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia. | X |  |
| 163 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc đã góp  phần bảo vệ hòa bình ổn định của khu vực Đông Nam Á. | X |  |
| 164 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” 1972 đã ~~kết thúc cuộc~~  ~~kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.~~ |  | X |
| 165 | Bài học về việc chớp thời cơ từ chiến thắng “Điện Biên Phủ trên  không” của quân dân miền Bắc 1972 vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. | X |  |
| 166 | Ngày 19-12-1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc  kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. | X |  |
| 167 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân  dân Việt Nam là cuộc chiến tranh chính nghĩa. | X |  |
| 168 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ như một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn ~~vì~~  ~~làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân.~~ |  | X |
| 169 | Thuận lợi cơ bản của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau  cách mạng tháng Tám là nhân dân đã giành quyền làm chủ. | X |  |
| 170 | Núp dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội các nước đế  quốc ra sức chống phá cách mạng sau năm 1945. | X |  |
| 171 | Trước khi Nghị Quyết 15 (1959) ra đời, nhân dân miền Nam Việt Nam chủ yếu đấu tranh chống Mỹ - Diệm bằng hình thức chính  trị. | X |  |
| 172 | Nghị quyết 15 (1959) chỉ ra một cách toàn diện con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, thể hiện đúng đắn độc lập, tự chủ  và quyết đoán của ~~Đảng Cộng sản Việt Nam.~~ |  | X |
| 173 | Thực hiện Nghị quyết 15 (1959), quân dân miền Nam phát động  ~~phong trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”.~~ |  | X |
| 174 | Thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” chính là biểu hiện cụ thể, sinh động của sự vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 vào thực tiễn  đấu tranh của các cấp ủy Đảng và nhân dân miền Nam. | X |  |
| 175 | Nghị quyết của Hội nghị 15 BCHTƯ Đảng đã chỉ ra con đường đấu tranh chống Mĩ và chính quyền tay sai của nhân dân miền  Nam. | X |  |
| 176 | Nguyên nhân khách quan dẫn đến phong trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam Việt Nam là ~~nghị quyết của Hội nghị 15~~  ~~BCHTƯ Đảng.~~ |  | X |
| 177 | Phong trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam (1959-1960) là  kết quả của việc tiến hành bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân, trong đó ~~đối tượng chủ yếu phong kiến tay sai~~. |  | X |
| 178 | Nghị quyết 15 (1959) làm xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng miền Nam ~~bước vào giai đoạn Tổng tiến công chiến lược trên~~  ~~toàn miền Nam.~~ |  | X |
| 179 | Việt Nam khởi đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước khi  ~~chưa có được sự công nhận của các nước trên thế giới.~~ |  | X |
| 180 | “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” thể hiện cách mạng  Việt Nam ~~đã hoàn thành triệt để nhiệm vụ dân chủ nhân dân~~. |  | X |
| 181 | Chiến thắng Phước Long là trận trinh sát chiến lược,  ~~đưa kháng~~  ~~chiến chống Mỹ từ tiến công bước sang tổng tiến công chiến lược~~. |  | X |
| 182 | Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 là đòn quân sự quyết  định ~~buộc Mỹ ký Hiệp định~~, chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. |  | X |
| 183 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc năm 1975 đã chấm dứt ~~mọi~~  ~~cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 184 | Ý chí thống nhất đất nước của Việt Nam đã tạo nên chiến công vĩ  đại cho thế giới trong thế kỉ XX. | X |  |
| 185 | Thắng lợi ở Việt Bắc thu – đông năm 1947 là mốc khởi đầu quá  trình chuyển hóa lực lượng giữa ta và Pháp. | X |  |
| 186 | Nhật Bản là kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam trong Tổng khởi  nghĩa Tháng Tám 1945. | X |  |
| 187 | Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra khi kẻ thù của nhân dân  Việt Nam đã suy yếu hoàn toàn. | X |  |
| 188 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã đập tan  hoàn toàn kế hoạch Nava-nỗ lực quân sự cao nhất và cuối cùng của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Duơng. | X |  |
| 189 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã cổ vũ và ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế  giới, nhất là ở châu Phi. | X |  |
| 190 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là minh chứng điển hình cho sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng  chứng minh cho chân lý của thời đại. | X |  |
| 191 | Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện  Biên Phủ năm 1954. | X |  |
| 192 | Thắng lợi của chiến dịch Điên Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi  cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại ~~Hội nghị Pa-ri~~. |  | X |
| 193 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là kết quả của quá trình chuẩn bị lực lượng suốt 15 năm dưới sự lãnh đạo  của Đảng Cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 194 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đã mở ra ~~bước ngoặt vĩ đại đầu tiên~~ trong tiến trình lịch sử của dân tộc  Việt Nam ở thế kỉ XX. |  | X |
| 195 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính chất ~~dân chủ điển~~  ~~hình~~ vì đã chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam. |  | X |
| 196 | Phát huy sức mạnh toàn dân là phát huy sức mạnh nội lực của  dân tộc, nhân tố quyết định thắng lợi của của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 197 | Huy động được sức mạnh toàn dân là cơ sở tiến hành được cuộc  kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp của dân tộc. | X |  |
| 198 | Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp *(1945-1954) ở*  Việt Nam ~~chịu sự tác động của xu thế hòa hoãn Đông – Tây~~. |  | X |
| 199 | “Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh” là nét độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc kháng chiến  chống thực dân Pháp (1945-1954). | X |  |
| 200 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là minh chứng điển hình  cho việc sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu ~~mới~~. |  | X |
| 201 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã đưa ~~Đảng Cộng~~  ~~sản Việt Nam~~ trở thành đảng cầm quyền trên cả nước. |  | X |
| 202 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là điển hình của nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và chủ động trong  mọi tình huống của Đảng Cộng sản Đông Dương. | X |  |
| 203 | Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Mặt trận Việt Minh đã  ~~phối hợp với quân Đồng minh~~ cùng tham gia giành chính quyền. |  | X |
| 204 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam để lại bài học kinh nghiệm về việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân  tộc và giai cấp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 205 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, ~~Đảng Cộng sản Đông Dương~~ chủ trương kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy  trong đó lực lượng chủ yếu là lực lượng vũ trang ba thứ quân. |  | X |
| 206 | Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, quân dân Việt Nam tiến hành  đánh công kiên đồng loạt vào các vị trí quan trọng nhằm thực hiện phương châm ~~“Đánh nhanh giải quyết nhanh”.~~ |  | X |
| 207 | Với thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 -  1954 quân đội Việt Nam đã đập tan ~~kế hoạch Rơ-ve~~. |  | X |
| 208 | Tính “linh hoạt” của phương châm tác chiến trong Đông - Xuân 1953 - 1954 ~~thể hiện ở việc thay đổi chiến lược tiến công của~~  ~~Đảng Cộng sản Việt Nam trước sức mạnh kẻ thù.~~ |  | X |
| 209 | Trong cuộc tiến công Đông - Xuân 1953 - 1954, quân dân Việt  Nam đã sử dụng chiến thuật đánh vận động và kế sách “Điều địch để đánh địch”. | X |  |
| 210 | Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 -  1954 đã làm ~~xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương~~, chuẩn bị những điều kiện cho chiến dịch Điện Biên Phủ. |  | X |
| 211 | Hướng tiến công chủ yếu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là đánh vào chỗ địch mạnh nhất nhưng  đang có sơ hở. | X |  |
| 212 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 chứng tỏ quân dân ta đủ khả năng và thời cơ tiến công ~~liên tục, lâu dài~~ vào  trung tâm đầu não của kẻ thù để giành thắng lợi. |  | X |
| 213 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, ~~buộc Mỹ phải kí Hiệp~~  ~~định Pa-ri về Việt Nam~~ |  | X |
| 214 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là sự kết  hợp đỉnh cao của đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. | X |  |
| 215 | Ngay khi triển khai kế hoạch Na-va, Pháp – Mỹ đã nhận định  ~~Điện Biên Phủ phải là trọng tâm của kế hoạch này.~~ |  | X |
| 216 | Để quay trở lại cai trị Việt Nam lần thứ hai, thực dân Pháp đã nhờ  sự hỗ trợ của quân đội các nước Anh - Ấn và Nhật Bản. | X |  |
| 217 | Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam cho thấy, chúng ta ~~chưa từng đàm phán~~ với kẻ thù mà luôn sử dụng bạo lực cách  mạng. |  | X |
| 218 | Kế sách đánh giặc*“*vườn không nhà trống*”* từ thời phong kiến đã được tiếp tục kế thừa trong cuộc kháng chiến chống thực dân  Pháp. | X |  |
| 219 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã gây ra cơn “địa chấn chính trị” ngay trong lòng nước Mỹ, khiến phong trào phản  chiến ở Mỹ và phương Tây bùng nổ mạnh mẽ. | X |  |
| 220 | Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Mỹ phải  chuyển từ chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” để rút dần quân khỏi Việt Nam. | X |  |
| 221 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là ~~thắng lợi quân sự~~  ~~trọn vẹn~~, là thành công lớn về chính trị và chiến lược, mở ra cục diện mới có lợi cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 222 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã đẩy Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào ~~thế phòng ngự bị động, phải điều chỉnh chiến~~  ~~thuật từ “quét và giữ” sang “tìm và diệt”.~~ |  | X |
| 223 | Căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đều là  nơi có thể bị đối phương bao vây, tiến công. | X |  |
| 224 | Thời kì 1945-1954, hậu phương chiến tranh nhân dân ở Việt Nam là vùng tự do rộng lớn, ~~ổn định về không gian trong suốt cuộc~~  ~~kháng chiến.~~ |  | X |
| 225 | Hậu phương chiến lược trong cuộc kháng chiến chống thực dân  Pháp (1945-1954) ~~không phải~~ là trận địa tiến công của kẻ thù để đạt được mục tiêu quân sự, chính trị. |  | X |
| 226 | Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là ~~chiến dịch quân sự~~  ~~tiến công lớn đầu tiên~~ do Việt Nam chủ động mở ra trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). |  | X |
| 227 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với Hiệp định Giơ- ne-vơ góp phần mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội trên phạm  vi thế giới. | X |  |
| 228 | Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược đông - xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 của quân và dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch chiến tranh cuối cùng của  thực dân Pháp ở Đông Dương. | X |  |
| 229 | Hình thái khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở  Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa. | X |  |
| 230 | Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, lực lượng  vũ trang giữ vai trò xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị. | X |  |
| 231 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam ~~không mang tính chất~~  ~~bạo lực~~ vì diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu. |  | X |
| 232 | Thất bại của thực dân Pháp trong thu - đông năm 1947 đã buộc Chính phủ Pháp phải ~~từ bỏ hoàn toàn âm mưu tấn công lên căn~~  ~~cứ địa Việt Bắc.~~ |  | X |
| 233 | Trong những năm 1954 - 1960, nhân dân miền Bắc Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ trọng tâm là ~~chống chiến~~  ~~tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ.~~ |  | X |
| 234 | Chiến thắng Đường 14 - Phước Long (6 - 1 - 1975) của quân và dân miền Nam Việt Nam cho thấy sự suy yếu, bất lực của quân  đội Sài Gòn. | X |  |
| 235 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1975 là ~~mốc kết thúc cuộc kháng~~  ~~chiến chống thực dân Pháp, khẳng định tính tất thắng của ta.~~ |  | X |
| 236 | Nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là kết hợp lực lượng chính trị và lực  lượng vũ trang. | X |  |
| 237 | Sự kiện Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công ~~đã xoá bỏ~~  ~~mọi tàn dư của chế độ cũ~~ – chủ nghĩa thực dân và phong kiến ở Việt Nam. |  | X |
| 239 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần vào chiến thắng chủ  nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. | X |  |
| 240 | Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang nhiều tính chất khác nhau, trong đó ~~tính chất dân chủ và nhân văn là~~  ~~điển hình.~~ |  | X |
| 241 | Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng là kết hợp  sức mạnh các lực lượng dân tộc và giành chính quyền trên cả hai địa bàn chiến lược. | X |  |
| 242 | Thời cơ của Tổng khởi nghĩa trong cách mạng tháng Tám được tính ~~từ khi Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương~~  ~~(9-3-1945).~~ |  | X |
| 243 | Bối cảnh nổ ra cuộc Tổng khởi nghĩa trong cách mạng tháng Tám  năm 1945 ở Việt Nam có sự đan xen giữa thời cơ và nguy cơ. | X |  |
| 244 | Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945 đã ~~lập nên chính~~  ~~quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo đầu tiên trên thế giới~~. |  | X |
| 245 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công là ~~thắng~~  ~~lợi đầu tiên của một dân tộc bị áp bức, do chính đảng tư sản lãnh~~  ~~đạo đã đứng lên giải phóng.~~ |  | X |
| 246 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 đánh dấu bước nhảy vọt của  cách mạng Việt Nam, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. | X |  |
| 247 | ~~Mặc dù thừa nhận nền độc lập của Việt Nam~~, nhưng thực dân  Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu và hành động quay trở lại xâm lược ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi. |  | X |
| 248 | Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam diễn ra trong bối  cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. | X |  |
| 249 | Việc chuyển phương án từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc" đã góp phần đưa đến thắng lợi của chiến  dịch Điện Biên Phủ năm 1945 ở Việt Nam. | X |  |
| 250 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam  ~~không~~ nhận được sự ủng hộ của nhân dân dân tiến bộ Pháp. |  | X |
| 251 | Rừng núi ~~không phải~~ là địa bàn thực dân Pháp lựa chọn mở các  cuộc tấn công vì lo sợ chiến tranh du kích của Việt Nam. |  | X |
| 252 | Bên cạnh cuộc tấn công quân sự năm 1947, Pháp vẫn ưu tiên thiết  lập sự cai trị ở các vùng đồng bằng, đô thị. | X |  |
| 253 | Vào sáng ngày 30-1-1968, một đơn vị đặc công Việt Cộng đã tấn  công Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn. | X |  |
| 254 | Cuộc tấn công Đại sứ quán Mỹ ngày 30-1-1968 có tác động lớn  đến cuộc chiến tranh Việt Nam. | X |  |
| 255 | Cuộc tấn công vào Đại sứ quán Mỹ trong Tết Mậu Thân 1968  ~~không~~ có tác động gì đến dư luận quốc tế về chiến tranh Việt Nam. |  | X |
| 256 | Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, ~~Pháp~~ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để trì hoãn việc  thống nhất đất nước ở Việt Nam. |  | X |
| 257 | Từ thực tiễn đất nước và sự phá hoại của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu chỉ sử dụng hình thức đấu tranh hoà bình sẽ  không thể thống nhất Tổ quốc. | X |  |
| 258 | Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975 đã hoàn  thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho cả dân tộc. | X |  |
| 259 | Bài học chớp thời cơ trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam ~~chỉ~~ phù hợp trong chiến tranh, không có ý nghĩa đối  với thời đại hòa bình và hội nhập hiện nay. |  | X |
| 260 | Tinh thần dám hy sinh vì độc lập dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở thành bài học quý báu cho thế hệ trẻ ngày nay  trong việc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. | X |  |
| 261 | Những tàn tích của chế độ quân chủ ở Việt Nam đã bị sụp đổ  hoàn toàn vào năm 1945 và ~~không còn để lại hậu quả gì.~~ |  | X |
| 262 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ có ý  nghĩa lớn đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với thế giới. | X |  |
| 263 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính dân tộc và dân chủ,  đã góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân và phát xít. | X |  |
| 264 | Trong thời kì 1954 – 1975 ở Việt Nam, cách mạng miền Bắc có  vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước. | X |  |
| 265 | Cách mạng miền Nam có tác động tích cực đối với cách mạng  miền Bắc trong thời kì 1954 – 1975 ở Việt Nam. | X |  |
| 266 | Trong giai đoạn 1954 – 1975, Việt Nam chủ trương dùng chiến  tranh cách mạng để hoàn thành mục tiêu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước | X |  |
| 267 | Trong giai đoạn 1954 – 1975, cách mạng Việt Nam góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân vì đã ~~ngăn ngừa~~  ~~âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ.~~ |  | X |
| 268 | Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ là minh chứng cho sức mạnh của đoàn kết quốc tế  trong việc hỗ trợ các phong trào giải phóng dân tộc. | X |  |
| 269 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam (1954 – 1975) đã đánh dấu sự ~~sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa~~  ~~thực dân trên phạm vi toàn cầu.~~ |  | X |
| 270 | Bản Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố  sự ra đời của nước ~~xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.~~ |  | X |
| 271 | Hậu phương chiến lược trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là ~~nơi đứng chân an toàn tuyệt đối~~ của cơ quan đầu não chỉ  huy của nhân dân Việt Nam. |  |  |
| 272 | Thực tiễn cho thấy căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám (1945)  và hậu phương trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là nơi tập hợp, xây dựng khối đoàn kết. | X |  |
| 273 | Những thắng lợi quân sự trên cuộc kháng chiến toàn quốc chống  thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam phát triển từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy. | X |  |
| 274 | Chiến dịch Biên giới của quân dân Việt Nam năm 1950 ~~thắng lợi~~  ~~tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán.~~ |  | X |
| 275 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã tạo điều kiện cho ta đẩy mạnh đấu tranh trên mặt  trận chính trị. | X |  |
| 276 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân  năm 1968 buộc Mĩ phải ~~tuyên bố “Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.~~ |  | X |
| 277 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn  mới. | X |  |
| 278 | Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân  năm 1968 ~~buộc Mĩ phải leo thang trở lại chiến tranh xâm lược~~. |  | X |
| 279 | Trong những năm 60 của thế kỉ XX, nhân dân miền Nam Việt  Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. | X |  |
| 280 | Việc đánh phá miền Bắc trong những năm 1964 -1965 ~~chứng tỏ~~  ~~đế quốc Mĩ xuống thang trong chiến tranh Việt Nam.~~ |  | X |
| 281 | ~~Ba sẵn sàng~~ là phong trào của thanh niên Việt Nam mang đậm tinh thần dân tộc vì một miền Bắc Việt Nam độc lập dân chủ và  giàu mạnh, hội nhập với quốc tế. |  | X |
| 282 | Tại lễ thoái vị của cựu hoàng Bảo Đại, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ~~đã quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng là Quốc~~  ~~kì của nước Việt Nam mới.~~ |  | X |
| 283 | Một trong những nhiệm vụ dân chủ của Cách mạng tháng Tám  năm 1945 là lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam. | X |  |
| 284 | Chế độ phong kiến Việt Nam bị sụp đổ, nhưng Bảo Đại không bị tiêu diệt chứng tỏ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã ~~gác lại~~  ~~nhiệm vụ chống phong kiến.~~ |  | X |
| 285 | Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất trong khi đang tiến hành chiến lược*~~Việt Nam hóa~~*  *~~chiến tranh~~*~~.~~ |  | X |
| 286 | Các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ cho thấy  bước phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam, là sự chuyển biến về thế và lực của cuộc kháng chiến. | X |  |
| 287 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 -  1953, quân dân Việt Nam mở các chiến dịch lớn: Hòa Bình, Tây |  | X |
|  | Bắc, Thượng Lào,… ~~nhằm giữ vững quyền chủ động trên toàn~~  ~~chiến trường Đông Dương.~~ |  |  |
| 288 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947, quân dân Việt  Nam mở nhiều chiến dịch tiến công và phản công. | X |  |
| 289 | Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp sang hình thái kết hợp giữa chiến tranh chính quy với  chiến tranh du kích. | X |  |
| 290 | Từ cuối năm 1959 những điều kiện chính trị - xã hội để phong  trào Đồng khởi nổ ra đã xuất hiện. | X |  |
| 291 | Phong trào Đồng khởi diễn ra dựa trên sức mạnh của ~~lực lượng~~  ~~vũ trang~~ tại địa bàn nông thôn là chủ yếu. |  | X |
| 292 | Phong trào Đồng khởi nổ ra khi chính quyền địch ~~không còn khả~~  ~~năng thống trị~~ ở nhiều vùng nông thôn miền Nam. |  | X |
| 293 | Biểu hiện của giai cấp thống trị khi phong trào Đồng khởi diễn  ra ~~tương đồng~~ với biểu hiện của giai cấp thống trị khi Đảng quyết định phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 294 | Chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận” là các chiến thuật mới, được Mỹ sử dụng phổ biến trong chiến lược “Chiến tranh  đặc biệt”. | X |  |
| 295 | Chiến thắng Ấp Bắc năm 1963 đã mở ra khả năng đánh bại chiến  thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận”, dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”. | X |  |
| 296 | Chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” được coi là các  hình thức chiến thuật “át chủ bài” của Mỹ, giúp chính quyền và quân đội Sài Gòn giành ~~ưu thế tuyệt đối~~ trên chiến trường. |  | X |
| 297 | Cuộc chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam (1954-1975) là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất và duy nhất diễn ra trong thời kỳ  chiến tranh Lạnh. |  | X |
| 298 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt  Nam trên phạm vi cả nước. | X |  |
| 299 | Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một sự kiện có tầm  quan trọng quốc tế to lớn vì đã góp phần làm thất bại âm mưu của Mỹ trong chiến lược toàn cầu. | X |  |
| 300 | Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” 1972 và Điện Biên Phủ 1954 đều là những thắng lợi quân sự buộc địch phải kí hiệp định  và ~~kết thúc chiến tranh~~. |  | X |
| 301 | Phong trào Đồng khởi đã mở ra bước phát triển mới của cách  mạng miền Nam, ~~làm sụp đổ chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm~~. |  | X |
| 302 | Thắng lợi của phong trào Đồng khởi năm 1960 đã chứng tỏ được  bản lĩnh, tinh thần đấu tranh anh dũng của quân và dân miền Nam Việt Nam trước sự gia tăng đàn áp từ kẻ thù. | X |  |
| 303 | Phong trào Đồng khởi của quân dân miền Nam thắng lợi là kết  quả đấu tranh của lực lượng chính trị kết hợp với ~~lực lượng vũ~~ ~~trang, trong đó đấu tranh vũ trang là chủ yếu.~~ |  | X |
| 304 | Hai cuộc kháng chiến chống thực dân ở Việt Nam (1945-1954 và 1954-1975) thực chất là một quá trình tiến hành chiến tranh cách  mạng diễn ra lâu dài, phức tạp. | x |  |
| 305 | Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20-12-  1960) là kết quả của thắng lợi của phong trào Đồng khởi. | X |  |
| 306 | Cách mạng tháng Tám thành công là kết quả của sự kết hợp giữa  nhân tố chủ quan và khách quan, trong nhân tố chủ quan giữ vai trò quyết định. | X |  |
| 307 | Khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam ~~bắt đầu hình thành~~ từ khi Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập và phát triển lên  đỉnh cao nhất là trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 308 | Một trong những địa phương giành được chính quyền muộn nhất  trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là ~~Sài Gòn~~. |  | X |
| 309 | Chiến dịch Biên giới không chỉ góp phần khai thông biên giới Việt - Trung, mà còn kết thúc thời kì chiến đấu chống Pháp trong  vòng vây. | X |  |
| 310 | Chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến dịch tiến công lớn nhất, quyết  định kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | X |  |
| 311 | Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 nhằm ~~thăm dò ý chí và~~  ~~ngăn chặn các kế hoạch chống Mỹ của quân dân miền Bắc.~~ |  | X |
| 312 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam, các chiến dịch Việt Bắc thu - đông, Biên giới thu - đông và Điện Biên Phủ có điểm tương đồng là ~~các chiến~~ ~~dịch có tư tưởng chủ động tiến công, đánh vào cứ điểm lớn của~~  ~~Pháp.~~ |  | X |
| 313 | Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 của quân dân Việt Nam giành thắng lợi đã ~~chấm dứt hoàn toàn thế bao vây của quân Pháp~~  ~~đối với căn cứ địa Việt Bắc~~. |  | X |
| 314 | Từ thực tiễn đất nước Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm  1954 về Đông Dương cho thấy con đường duy nhất để thống nhất  đấu nước ~~không ngoài con đường đấu tranh hòa bình, ôn hòa~~. |  | X |
| 315 | Việc chống Mỹ và chính quyền tay sai để thống nhất đất nước là  nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, diễn ra xuyên suốt thời kì (1954-1975). | X |  |
| 316 | Ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở  Pari là biểu hiện xuống thang chiến tranh của Mỹ sau đòn tiến công năm 1968 của quân dân Việt Nam. | X |  |
| 317 | Kể từ năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt  Nam diễn ra với cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. | X |  |
| 318 | Ngày 18 và 19 - 12 - 1946, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngay sau khi ~~cuộc đàm phán ở~~  ~~Phôngtennơblô (Pháp) thất bại.~~ |  | X |
| 319 | Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam đã ~~làm thất bại kế hoạch dồn dân lập “ấp chiến lược"~~  ~~của Mỹ.~~ |  | X |
| 320 | Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã gây ra cơn “địa chấn chính trị” ngay trong lòng nước Mỹ, khiến phong trào phản  chiến ở Mỹ và phương Tây bùng nổ mạnh mẽ. | X |  |
| 321 | Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Mỹ phải chuyển từ chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” sang chiến lược “Việt  Nam hóa chiến tranh” để rút dần quân khỏi Việt Nam. | X |  |
| 322 | Chiến thắng đường 14-Phước Long (6-1-1975) của quân dân  miền Nam cho thấy sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn. | X |  |
| 323 | Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh (1941) và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960) ~~đều~~ có mối liên hệ mật thiết  với Quốc tế Cộng sản và phong trào cách mạng thế giới. |  | X |
| 324 | Tuyên ngôn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai miền đất nước trong bối cảnh cuộc chạy đua vũ trang giữa ~~hai phe đế quốc~~ diễn ra gay  gắt. |  | X |
| 325 | Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trong ~~bối cảnh Mỹ trực tiếp đưa quân Đồng minh tham gia cuộc~~  ~~chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam~~. |  | X |
| 326 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: ~~Kỷ nguyên độc lập, tự do,~~  ~~nhân dân lao động làm chủ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa~~  ~~xã hội.~~ |  | X |
| 327 | Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân  dân ta đã đưa Đảng Lao Động Việt Nam từ ~~một đảng bí mật trở~~  ~~thành đảng cầm quyền.~~ |  | X |
| 328 | Quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam trở nên căng thẳng ngay ~~sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm~~  ~~lược (1954).~~ |  | X |
| 329 | Việc đưa quân tấn công biên giới phía Bắc Việt Nam của Trung Quốc năm 1979 đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền lãnh thổ  Việt Nam. | X |  |
| 330 | Việc Trung Quốc đưa quân tấn công 6 tỉnh biên giới phía Bắc  Việt Nam (1979) ~~được nhận dân thế giới ủng hộ~~. |  | X |
| 331 | Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam hiện nay bài học ~~về hạn~~ ~~chế giao lưu, hợp tác với các nước láng giềng để tránh xảy ra~~  ~~xung đột.~~ |  | X |
| 332 | Đường lối quân sự của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là ~~đường lối khởi nghĩa toàn dân và chiến~~  ~~tranh nhân dân ở cả hai miền đất nước~~. |  | X |
| 333 | Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nền tảng của  lực lượng vũ trang ba thứ quân là sức mạnh chính trị của quần chúng. | X |  |
| 334 | Đường lối quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ bao gồm cả việc bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và làm hậu thuẫn cho  công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. | X |  |
| 335 | Mục tiêu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất  nước. | X |  |
| 336 | Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) cho thấy sự đoàn  kết của nhân dân ba nước Đông Dương ~~là yếu tố quyết định thắng~~ ~~lợi sự nghiệp cách mạng của dân tộc.~~ |  | X |
| 337 | Sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945 là thành  quả chung của sự nghiệp cách mạng thế giới, ~~xây dựng đúng với~~ ~~mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa.~~ |  | X |
| 338 | Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945 đã cho thấy sự thành công của việc  thực hiện hai nhiệm vụ ~~đồng thời, cùng lúc~~. |  | X |
| 339 | Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946 ~~đánh dấu sự khởi~~  ~~đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.~~ |  | X |
| 340 | Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp năm  1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quyết tâm không  khoan nhượng với kẻ thù xâm lược của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 341 | Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hai miền được huy động cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 nhằm giải phóng hoàn  toàn miền Nam. | X |  |
| 342 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 nhằm thực hiện mục  tiêu chủ yếu ~~là đẩy mạnh cải cách kinh tế và tái thiết miền Bắc~~. |  | X |
| 343 | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 chỉ có mục tiêu quân  sự, ~~không có mục tiêu chính trị~~. |  | X |
| 344 | Thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 đã ~~mở~~  ~~ra thời kì đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán ở Giơ-ne-vo.~~ |  | X |
| 345 | Thắng lợi của nhân dân ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là ~~minh chứng của đường lối “lấy lực thắng thế”, “lấy~~  ~~ít địch nhiều".~~ |  | X |
| 346 | Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là thành quả của  Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 347 | Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 phản ánh rõ tư tưởng  chủ động của Đảng Cộng sản Đông Dương trên mặt trận quân sự nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp. | X |  |
| 348 | Thất bại của thực dân Pháp trong thu - đông năm 1947 đã buộc Chính phủ Pháp ~~phải từ bỏ hoàn toàn âm mưu tấn công lên căn~~  ~~cứ địa Việt Bắc.~~ |  | X |
| 349 | Điểm yếu của thực dân Pháp khi mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc trong thu - đông năm 1947 là khâu tiếp tế, vận chuyển, xa hậu phương, khó khăn trong bảo đảm hậu cần, tăng viện, ứng  cứu. | X |  |
| 350 | Giai đoạn 1975 - 1979, nhân dân Việt Nam phải chiến đấu bảo  vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam. | X |  |
| 351 | Trong những năm 1954 - 1975, do đế quốc Mỹ là kẻ thù chính và  ~~gián tiếp~~, nên nhân dân Việt Nam vừa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa phải đấu tranh nhằm đánh đổ chính quyền tay sai. |  | X |
| 352 | Thực tiễn thời kì 1954 - 1975 cho thấy cách mạng là con đường duy nhất để nhân dân miền Nam cứu nước và cứu mình khỏi sự  thống trị của đế quốc và phong kiến. | X |  |
| 353 | Xuất phát từ mong muốn giành độc lập và dân chủ bằng con  đường hòa bình, nên trong những năm đầu sau khi Hiệp định Giơ | X |  |
|  | – ne – vơ được kí kết, Việt Nam luôn tìm cách để cữu vãn hòa  bình, đẩy lùi chiến tranh. |  |  |
| 354 | Tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền trong kháng chiến chống Mĩ là sự kế tục và phát triển đường lối kháng  chiến chống Pháp trong điều kiện lịch sử mới. | X |  |
| 356 | Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa ~~được bắt đầu từ sau khi cuộc~~  ~~kháng chiến chống Mĩ, cứu nước kết thúc.~~ |  | X |
| 357 | Chiến thắng Biên giới thu - đông năm 1950 làm phá sản kế hoạch  Rơ-ve của thực dân Pháp, đánh dấu sự chuyển hoá về quyền chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ) giữa ta và địch. | X |  |
| 358 | Chiến thắng Biên Giới năm 1950 đánh dấu bước tiến nhảy vọt của quân đội Việt Nam về nghệ thuật chiến dịch, ~~từ tiến công cứ~~  ~~điểm chuyển sang tiến công tập đoàn cứ điểm.~~ |  | X |
| 359 | Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 là chiến dịch quân dân  Việt Nam ~~chủ động phản công~~ thực dân Pháp trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc. |  | X |
| 360 | Chiến thắng Biên giới Thu - Đông năm 1950 đã khẳng định tầm nhìn chiến lược, những quyết sách sáng tạo, hiệu quả của ~~Đảng~~  ~~Lao động Việt Nam~~ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. |  | X |
| 361 | ~~Hà Nội~~ là địa phương đầu tiên giành được chính quyền trong  Cách mạng tháng Tám năm 1945 |  | X |
| 362 | Dưới sự lãnh đạo của ~~Đảng Cộng sản Việt Nam~~ và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Việt Nam đã khởi nghĩa giành chính quyền trên  phạm vi cả nước. |  | X |
| 363 | Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra ở cả nông thôn và thành thị,  thắng lợi ở thành thị có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi chung trong cả nước. | X |  |
| 364 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang tính chất cách mạng giải phóng dân tộc, đã ~~giải quyết triệt để~~ cả hai nhiệm vụ dân tộc và  dân chủ. |  | X |
| 365 | ~~Châu Đốc~~ và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành được  chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |  | X |
| 366 | Đảng và Việt Minh căn cứ tình hình cụ thể ở địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa từ ngày 14-8-1945, chứng tỏ sự linh  hoạt trong lãnh đạo cách mạng. | X |  |
| 367 | Trong tiến trình Tổng khởi nghĩa, Đảng Cộng sản Đông Dương  ~~luôn đề cao nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến~~. |  | X |
| 368 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 bùng nổ nhằm ~~chống kẻ~~  ~~thù là phát xít Nhật, bảo vệ nền độc lập dân tộc~~. |  | X |
| 369 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai là yếu tố khách quan thuận lợi ~~để thời kì tiền khởi nghĩa ở~~  ~~Việt Nam bắt đầu.~~ |  | X |
| 370 | Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai là ~~yếu tố chủ quan~~ thuận lợi để Việt Nam Tổng khởi nghĩa  giành chính quyền. |  | X |
| 371 | Chủ trương nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt  Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là ~~tiến hành chiến tranh cách mạng~~. |  | X |
| 372 | ~~Sự ủng hộ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa~~ đã giúp Đảng Cộng sản Đông Dương có thêm quyết tâm để phát động toàn quốc  kháng chiến chống thực dân Pháp. |  | X |
| 373 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần thực hiện mục tiêu  dân tộc và thời đại. | X |  |
| 374 | Thực tiễn cho thấy Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam diễn ra trên quy mô toàn quốc, ~~giải quyết được triệt để mâu thuẫn~~  ~~cơ bản trong xã hội.~~ |  | X |
| 375 | Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của chính đảng vô sản ~~đã lên cầm quyền~~, có sự kết  hợp đấu tranh vũ trang với chính trị. |  | X |
| 376 | Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước miền Bắc thực hiện  nhiệm vụ chủ yếu là ~~gây dựng cơ sở bước đầu cho chủ nghĩa xã~~ ~~hội.~~ |  | X |
| 377 | Trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), Nhân dân Việt Nam phát huy thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua thực hiện nhiệm vụ kiến quốc, phát triển chế độ dân chủ nhân  dân. | X |  |
| 378 | Việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tạo ra nền móng cho công cuộc xây  dựng chủ nghĩa xã hội sau này ở Việt Nam. | X |  |
| 379 | Lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng là một trong những biểu hiệu cho thấy thời cơ của Cách mạng tháng Tám  (1945) đã chín muồi. | X |  |
| 380 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là điển hình của nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và ~~đẩy lùi nguy cơ của Đảng hoàn~~  ~~thành ngay khi cách mạng thành công.~~ |  | X |
| 381 | Điện Biên Phủ là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong  cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | X |  |
| 382 | Đường lối kháng chiến đúng đắn là nguyên nhân quyết định thắng  lợi của ~~các~~ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam. |  | X |
| 383 | ~~Phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc cùng với sự ủng hộ của~~ ~~quốc tế~~ đã giúp Việt Nam đánh bại các thế lực ngoại xâm từ thế  kỉ X đến thế kỉ XX. |  | X |
| 384 | Một trong những kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX được vận dụng thành công vào cuộc kháng chiến chống Pháp thế kỉ XX là ~~thực hiện chiến lược đánh~~  ~~lâu dài.~~ |  | X |
| 385 | Nhờ việc ~~phản công~~ quân Pháp kịp thời mà Việt Nam đã đánh  bại hoàn toàn kế hoạch quân sự Rove của thực dân Pháp. |  | X |
| 386 | Chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đã đưa quân dân Việt Nam ~~nắm quyền chi phối hoàn toàn~~ cục diện chiến tranh trên  chiến trường Đông Dương. |  | X |
| 387 | Chiến thắng Biên giới thu – đông năm có ý nghĩa bản lề quan trọng vì đã làm thất bại ~~hoàn toàn~~ âm mưu của Pháp và đánh dấu  bước phát triển mới của lực lượng kháng chiến |  | X |
| 388 | ~~Chiến dịch Việt Bắc~~ và Biên giới là đều góp phần mở rộng hậu  phương quốc tế trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). |  | X |
| 389 | Vận dụng ~~triệt để~~ kế “thanh dã” trong chiến dịch Điện Biên Phủ  giúp quân dân Việt Nam đập tan hình thức tổ chức phòng ngự cao nhất, mạnh nhất của Pháp trên chiến trường Đông Dương. |  | X |
| 390 | Các chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ cho thấy  bước phát triển về địa bàn trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của quân dân Việt Nam. | X |  |
| 391 | Điểm nổi bật của Cách mạng tháng Tám (1945) và phong trào  Đồng khởi (1959-1960) là tính dân tộc. | X |  |
| 392 | Điểm nổi bật của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) là ~~giữ~~  ~~vững, phát huy~~ thế tiến công trên chiến trường miền Nam. |  | X |
| 393 | Sự chiến đấu anh dũng của đồng bào Nam Bộ năm 1945 góp phần  làm chậm quá trình ~~thực hiện chiến thuật “tằm ăn lá” của Pháp~~. |  | X |
| 394 | Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ năm 1945 đi tiên phong  trong cuộc trường chinh “ba ngàn ngày không nghỉ”, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của đồng bào và chiến sĩ cả nước. | X |  |
| 395 | Cuộc chiến đấu của đồng bào Nam Bộ năm 1945 góp phần tạo  điều kiện cho nhân dân cả nước chuẩn bị lực lượng mọi mặt, chủ động bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. | X |  |
| 396 | Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là đỉnh cao chói lọi, kỳ tích  vẻ vang ~~duy nhất~~ trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 397 | Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là chiến thắng vĩ đại nhất vì đã ~~trực tiếp kết~~  ~~thúc cuộc chiến tranh kéo dài.~~ |  | X |
| 398 | Năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ  đều ~~trực tiếp~~ thể hiện thiện chí hòa bình của dân tộc Việt Nam. |  | X |
| 399 | Đặc điểm nổi bật của chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 ở  Việt Nam là có sự phối hợp giữa tiến công và ~~nổi dậy~~ của quần chúng ở nhiều nơi. |  | X |
| 400 | Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là cuộc chiến tranh giải  phóng và ~~giữ nước~~ của nhân dân Việt Nam góp phần thực hiện nhiệm vụ của thời đại. | X |  |

# Chủ đề 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam từng bước vượt qua khủng hoảng kinh tế-xã hội, ~~được xếp vào nhóm nước~~  ~~có thu nhập cao ở châu Á.~~ |  | X |
| 2 | Giai đoạn 2011 - 2020, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ~~đóng vai trò quyết định~~ đối với sự phát triển nền kinh tế  Việt Nam. |  | X |
| 3 | Công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần tạo ra cơ đồ,  tiềm lực và năng cao vị thế quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 4 | Với việc thực hiện Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế Việt Nam từng bước dịch chuyển theo chiều sâu, ~~tăng tỉ trọng~~  ~~ngành công nghiệp và nông nghiệp.~~ |  | X |
| 5 | Hoàn thành công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện  ~~tiên quyết~~ đề Việt Nam tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế. |  | X |
| 6 | Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Việt Nam đã vượt qua khủng hoảng kinh tế toàn cầu và ~~trở thành nền kinh tế lớn nhất~~  ~~khu vực.~~ |  | X |
| 7 | Việt Nam đã chuyển đổi mô hình kinh tế từ nông nghiệp sang  ~~công nghiệp hiện đại~~ trong thời gian đại dịch COVID-19. |  | X |
| 8 | Thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam có được là do Việt Nam đã có sự học hỏi từ những ~~thành công trong công cuộc cải~~  ~~tổ ở Liên Xô~~ và cải cách ở Trung Quốc. |  | X |
| 9 | Lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được Đảng Cộng sản Việt Nam ~~hoàn thiện ngay từ khi bắt đầu thực hiện đường lối~~  ~~đổi mới.~~ |  | X |
| 10 | Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam sau 35 năm thực hiện là tiền đề để nước ta bước vào “Kỷ nguyên phát triển  mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam". | X |  |
| 11 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là ~~Cương lĩnh chính trị đầu tiên~~ trong lịch sử của Đảng  Cộng sản Việt Nam, đặt cơ sở cho đổi mới đất nước. |  | X |
| 12 | Một trong những bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là ~~vừa mềm dẻo về nguyên tắc và chiến lược~~  ~~cách mạng vừa linh hoạt, sáng tạo trong sách lược.~~ |  | X |
| 13 | Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống thế giới, Việt Nam vẫn giữ vững mục tiêu đi theo  con đường chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 14 | Trước khi tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tuy có những sai lầm, khuyết  điểm nhưng cũng đạt không ít thành tựu to lớn. | X |  |
| 15 | Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, kinh tế - xã hội Việt Nam  đang lâm vào khủng hoảng. | X |  |
| 16 | Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là vấn đề cấp bách có  ý nghĩa sống còn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là phù hợp với xu thế chung của thời đại. | X |  |
| 17 | Trong 10 năm đầu của công cuộc Đổi mới, nông nghiệp giữ vai trò “trụ đỡ” nền kinh tế, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa,  hiện đại hóa ở giai đoạn tiếp theo. | X |  |
| 18 | Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định  theo từng bước gắn với ~~một~~ nhiệm vụ cụ thể trong mỗi giai đoạn. |  | X |
| 19 | ~~Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986)~~ đã đề ra, tiếp tục  bổ sung, phát triển đường lối đổi mới toàn diện đất nước. |  | X |
| 20 | Trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa đóng vai trò người khởi xướng, lãnh đạo  vừa là ~~người sáng tạo và là chủ thể thực hiện.~~ |  | X |
| 21 | Đường lối đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đề ra khi đất nước đang lâm vào tình trạng ~~khủng hoảng~~  ~~trầm trọng về kinh tế - chính trị~~. |  | X |
| 22 | Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, ~~không có thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu~~  ~~tư của nước ngoài.~~ |  | X |
| 23 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế  thị trường có sự quản lí của Nhà nước. | X |  |
| 24 | Sự hình thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là ~~mốc đánh dấu sự hoàn thành công cuộc xây dựng chủ~~  ~~nghĩa xã hội ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 25 | Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, đưa đất nước phát triển  về nhiều mặt. | X |  |
| 26 | Một trong những điểm tương đồng của cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1976) và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) là mở rộng  quan hệ kinh tế đối ngoại. | X |  |
| 27 | Trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986),  ~~trình độ~~  ~~của quan hệ sản xuất sẽ quyết định sự phát triển của lực lượng~~  ~~sản xuất và cơ sở vật chất – kĩ thuật.~~ |  | X |
| 28 | Ở Việt Nam, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản (1986) đã mở  ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 29 | Tình trạng “khủng hoảng kinh tế - xã hội” và “những nhược điểm  của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội” là ~~nguyên nhân khách~~ |  | X |
|  | ~~quan~~ thôi thúc Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới đất  nước. |  |  |
| 30 | Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay có sự bổ sung qua từng thời kì, chịu sự tác động của bối  cảnh trong nước và quốc tế. | X |  |
| 31 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm về việc không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, nhất quán ~~tư tưởng giải phóng dân tộc~~ kết hợp với giải phóng  nhân dân. |  | X |
| 32 | Kể từ Đại hội VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu đề ra chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định  hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 33 | Việc xây dựng cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam ~~đã thay đổi mục tiêu xã hội~~  ~~chủ nghĩa khi tiến hành công cuộc Đổi mới.~~ |  | X |
| 34 | Chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng đã phát huy quyền làm chủ kinh tế, khơi dậy được tiềm năng và sức  sáng tạo của Nhân dân. | X |  |
| 35 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) cần phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế trong đó thành phần kinh tế  nhà nước và ~~kinh tế tập thể đóng vai trò chủ đạo.~~ |  | X |
| 36 | Sau 10 năm đổi mới (1986 – 1996), Việt Nam đã có những tiền  đề cần thiết để chuyển sang thời kì ~~tiếp tục~~ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. |  | X |
| 37 | Việc “đẩy nhanh nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật” đã giúp Việt Nam ~~chủ động hội nhập quốc tế toàn diện trong giai~~  ~~đoạn 1991- 1995.~~ |  | X |
| 38 | Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới và từng  bước làm thay đổi cơ bản tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. | X |  |
| 39 | Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là ~~điểm~~  ~~chung~~ trong công cuộc Đối mới ở Việt Nam, cải cách mở cửa ở Trung Quốc và cải tổ ở Liên Xô. |  | X |
| 40 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) cho thấy quá trình thực hiện nhiệm vụ xuyên suốt độc lập dân tộc  gắn liền với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 41 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) được thực hiện thống nhất bắt đầu từ ~~hành động đến tư duy, quan niệm đúng~~  ~~đắn về chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 42 | Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam thời kì quá độ là kinh tế  thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 43 | Ở Việt Nam, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo có thể giúp điều tiết và định hướng sự phát triển kinh tế theo mục tiêu xã hội chủ  nghĩa. | X |  |
| 44 | Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thừa nhận sự phát triển có tính kế thừa của các hình thái kinh  tế - xã hội đối lập nhau. | X |  |
| 45 | Chủ trương chấp nhận kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là một  bước đi đúng đắn trong tiến trình đổi mới của Việt Nam. |  | X |
| 46 | Từ năm 1986, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam,  nền kinh tế nước ta đã là ~~nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại~~. |  | X |
| 47 | Từ thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến  nay) cho thấy phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm lợi ích của nhân dân là ~~yếu tố quyết định thành công~~. |  | X |
| 48 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh  đạo, ~~Nhà nước làm chủ, Nhân dân quản lý, giám sát~~. |  | X |
| 49 | Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  chứng tỏ công cuộc Đổi mới ở nước ta đã ~~hoàn thành thắng lợi~~. |  | X |
| 50 | Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những  quốc gia giảm tỉ lệ đói nghèo tốt nhất. | X |  |
| 51 | Ngân sách Nhà nước là ~~nguồn lực duy nhất~~ để thực hiện mục tiêu  xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam. |  | X |
| 52 | Kết quả của công tác xóa đói, giảm nghèo đã góp phần đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và vươn  lên trở thành nước phát triển có ~~thu nhập cao.~~ |  | X |
| 53 | Những ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn và sự thay đổi về tư duy lãnh đạo là nguồn gốc hình  thành đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 54 | Thái độ “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” giúp Đảng chỉ đúng những hạn chế, khuyết điểm, sai lầm, từ đó có những đột phá trong đổi mới tư duy, đặc biệt là đổi mới  tư duy về kinh tế. | X |  |
| 55 | Đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay có sự điều chỉnh, bổ sung ~~theo công cuộc cải tổ, cải cách~~  ~~ở Liên Xô và các nước Đông Âu.~~ |  | X |
| 56 | Kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản là ~~điểm tương~~  ~~đồng~~ giữa công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam và công cuộc cải tổ đất nước ở Liên Xô từ những năm 80 của thế kỉ XX. |  | X |
| 57 | Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, Việt Nam ~~coi~~  ~~trọng xây dựng cơ chế quản lí kinh tế tập trung.~~ |  | X |
| 58 | Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là một trong những mục tiêu của công cuộc Đổi mới đất  nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 59 | ~~Giữ vững ổn định chính trị~~ là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác  đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1986 - 1996. |  | X |
| 60 | Từ việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam ~~đã~~  ~~phá bỏ hoàn toàn thế bị bao vây, cấm vận~~. |  | X |
| 61 | Những hoạt động đối ngoại giai đoạn 1986 – 1996 là ~~yếu tố quyết~~  ~~định~~ để Việt Nam thực hiện ngay việc hội nhập quốc tế sâu rộng. |  | X |
| 62 | ~~Từ Đại hội VI (1986)~~ Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá đất nước nhằm thực  hiện chiến lược “đi tắt đón đầu”. |  | X |
| 63 | Khác với mô hình công nghiệp hoá truyền thống, ngày nay công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá trong một nền kinh tế mở, trọng  tâm vào phát triển ~~công nghiệp nặng.~~ |  | X |
| 64 | Đại hội IX (2001) của Đảng xác định mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam ~~cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện~~  ~~đại, có thu nhập trung bình cao.~~ |  | X |
| 65 | Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương “đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” trong bối cảnh đất nước đã vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội,  khống chế được nạn lạm phát. | X |  |
| 66 | Đường lối Đổi mới đất nước được đề ra trong ~~Cương lĩnh chính~~  ~~trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam~~ là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam. |  | X |
| 67 | Trong công cuộc Đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được những  thành tựu quan trọng cả về lí luận và thực tiễn. | X |  |
| 68 | Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã phản ánh  xu thế tất yếu phải đổi mới ở ~~tất cả các quốc gia trên thế giới.~~ |  | X |
| 69 | Phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất là một trong những nội dung của đường lối đổi mới  đất nước ở Việt Nam giai đoạn 1986 - 1995 trên ~~lĩnh vực kinh tế~~. |  | X |
| 70 | Về kinh tế, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đã ~~hoàn thành các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất~~  ~~nước.~~ |  | X |
| 71 | ~~Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa tư bản~~ là bài học  xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam và cũng là kinh nghiệm thành công của công cuộc đổi mới. |  | X |
| 72 | Quá trình đổi mới ở Việt Nam cho thấy có thể hoàn thành các mục tiêu đặt ra ngay cả trong điều kiện nguồn lực hạn chế nếu có nhận thức đúng đắn, có cam kết mạnh mẽ và quyết tâm chính trị  cao. | X |  |
| 73 | Thành công của quá trình thực hiện đường lối đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh  tế khu vực và toàn cầu. | X |  |
| 74 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một quá trình thử nghiệm: ~~vừa đổi mới, vừa nghiên cứu để thay đổi phương hướng~~  ~~chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.~~ |  | X |
| 75 | Cần phê phán quan điểm cho rằng đổi mới phải xoá bỏ những cái cũ có yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ  quốc. | X |  |
| 76 | Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, đồng thời cũng là một trong những nhiệm  vụ trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. | X |  |
| 77 | Thành tựu quan trọng trong công cuộc Đổi mới là sự nghiệp công  nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam ~~hoàn thành trước thời hạn~~. |  | X |
| 78 | Các thành tựu trong quá trình Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một trong những cơ sở đề Đảng Cộng sản  Việt Nam nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 79 | Trong đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định văn  hóa là sức mạnh nội lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. | X |  |
| 80 | Để phát triển văn hóa, ~~chỉ~~ cần chú trọng bảo tồn các di sản truyền  thống mà không cần đầu tư cho sự nghiệp văn hóa. |  | X |
| 81 | Đảng Cộng sản Việt Nam xác định con người là trung tâm, mục  tiêu và động lực của sự phát triển văn hóa, xã hội. | X |  |
| 82 | Chính sách văn hóa đúng định hướng của Đảng góp phần tạo nên  sự ổn định và lành mạnh xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. | X |  |
| 83 | ~~Sự phá hoại của các thế lực thù địch bằng chiến lược “diễn biến~~  ~~hòa bình”~~ là nguyên nhân chủ yếu buộc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới phải tiến hành đổi mới đất nước. |  | X |
| 84 | Việc Liên Xô và các nước Đông Âu rơi vào khủng hoảng toàn diện và trầm trọng đã ~~chứng tỏ hình thái kinh tế cộng sản chủ~~  ~~nghĩa không còn phù hợp.~~ |  | X |
| 85 | Trong công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay), Việt Nam có những biện pháp, bước đi phù hợp và ~~đã xây dựng thành~~  ~~công chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 86 | Để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, Việt Nam  cần đổi mới cơ chế quản lý. | X |  |
| 87 | Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một tất yếu  khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 88 | Không thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản  của đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 89 | Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được tiến hành xuất phát từ ~~yêu~~  ~~cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.~~ |  | X |
| 90 | Thành tựu đạt được trong 10 năm đầu tiến hành công cuộc Đổi mới (1986 – 1996) ở Việt Nam tạo cơ sở cần thiết để đất nước  bước vào giai đoạn tiếp theo toàn diện hơn. | X |  |
| 91 | Những thành tựu to lớn Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi  mới đã trở thành sức mạnh của dân tộc và thế giới hiện nay. | X |  |
| 92 | Đường lối đổi mới ở Việt Nam (từ tháng 12-1986) được tiến hành  một cách toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. | X |  |
| 93 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành một cách kiên  định nhưng không bảo thủ, phát triển và mang tính kế thừa. | X |  |
| 94 | Thành tựu của 15 năm đổi mới (1986-2000) đã đưa Việt Nam  vươn lên trở thành một ~~cường quốc hùng mạnh trên thế giới~~. |  | X |
| 95 | Thành tựu của công cuộc Đổi mới (từ tháng 12-1986) chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, ~~mọi~~  ~~bước đi đều hoàn toàn phù hợp.~~ |  | X |
| 96 | Một trong những ý nghĩa quan trọng về thành tựu của Đổi mới ở  Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là không ngừng nâng cao vị thế và sức mạnh tổng hợp của quốc gia | X |  |
| 97 | Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay, Đảng chủ trương  xây dựng nền kinh tế thị trường theo hướng ~~tư bản chủ nghĩa~~. |  | X |
| 98 | Nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là sự lãnh đạo của ~~Đảng Lao động~~  ~~Việt Nam.~~ |  | X |
| 99 | Trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, ~~việc giữ nguyên cơ chế~~  ~~bao cấp~~ sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam ổn định và phát triển bền vững hơn. |  | X |
| 100 | Trong thời đại chuyển đổi số, những nguyên tắc đổi mới từ năm  1986 ~~không còn phù hợp và không thể vận dụng~~ vào việc phát triển kinh tế hiện nay. |  | X |
| 101 | Sau 10 năm Đổi mới (1986 – 1996), Việt Nam đã bước đầu thoát  khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội. | X |  |
| 102 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được xác định là ~~bỏ qua thời kì~~  ~~quá độ, tiến thẳng lên xã hội cộng sản.~~ |  | X |
| 103 | Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định  theo từng bước, gắn với các nhiệm vụ cụ thể trong mỗi giai đoạn. | X |  |
| 104 | Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu ~~phổ cập~~  ~~cấp trung học phổ thông trên toàn quốc từ năm 2010.~~ |  | X |
| 105 | Việc hoàn thành một số mục tiêu Thiên niên kỉ đã góp phần nâng  cao vị thế, ảnh thưởng của Việt Nam trên trường quốc tế. | X |  |
| 106 | Trong công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam luôn coi trọng sự  phát triển hài hòa về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. | X |  |
| 107 | ~~Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công với~~  ~~cách mạng thể hiện đạo lí và truyền thống tốt đẹp của nhân loại~~. |  | X |
| 108 | Những thành tựu của Việt Nam trong chiến tranh vệ quốc và đổi mới đất nước đã ~~giúp Liên hợp quốc thực hiện thành công mục~~  ~~tiêu thiên niên kỉ.~~ |  | X |
| 109 | Đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được ưu tiên bảo vệ trong chiến tranh và phát  triển trong thời bình. | X |  |
| 110 | Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ  trọng tâm, là điều kiện thuận lợi để đổi mới chính trị. | X |  |
| 111 | Cần ưu tiên đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 chủ yếu vì chỉ có thể đổi mới các lĩnh vực khác sau khi đã ~~xây dựng hoàn~~  ~~thiện điều kiện vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 112 | Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm phải nhận thức và  giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 113 | Thực tiễn cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam có những bước đi phù hợp trong đổi mới chính trị, thận trọng nhưng không bảo thủ,  trì trệ (từ năm 1986 đến nay). | X |  |
| 114 | Cơ chế quản lý của Nhà nước tác động trực tiếp đến kết quả của quá trình phát triển kinh tế trong thực tiễn. | X |  |
| 115 | Quan niệm trước đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều hạn chế với mong muốn tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên chủ  nghĩa xã hội. | X |  |
| 116 | Sự quản lý của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng  xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là ~~không cần thiết~~. |  | X |
| 117 | Các quy luật của kinh tế thị trường có thể ~~không cần áp dụng~~  ~~đồng bộ~~ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 118 | Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1986 đến nay)là yếu tố quan trọng để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa  trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, | X |  |
| 119 | Đưa đất nước vượt qua tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội là  nguyên nhân chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước năm 1986. | X |  |
| 120 | Đổi mới kinh tế (từ năm 1986 đến nay) là trọng tâm đã tạo ra những chuyển biến cơ bản, tạo nền tảng cho đổi mới trên các lĩnh  vực khác. | X |  |
| 121 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là một quá trình tất  yếu để phát hiện những nhân tố mới và sửa chữa những sai lầm trong quá trình phát triển đất nước. | X |  |
| 122 | Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) có thể thực hiện mà  ~~không cần đấu tranh chống lại các thói quen cũ, bảo thủ, trì trệ~~  ~~trong xã hội.~~ |  | X |
| 123 | Để đổi mới thành công, cần phải thường xuyên tự phê bình và đấu tranh chống lại những tư duy bảo thủ và giáo điều, đảm bảo  sự linh hoạt và sáng tạo trong quá trình phát triển. | X |  |
| 124 | Quá trình đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) đòi hỏi một cuộc cách mạng về tư tưởng, nơi mà mỗi cá nhân và tổ chức phải không ngừng tự đổi mới, vượt qua những giới hạn cũ để thích  nghi với tình hình mới, tránh tha hóa biến chất. | X |  |
| 125 | Bài học kinh nghiệm được rút ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước là tôn trọng các quy luật kinh tế  - xã hội, bám sát tình hình thực tiễn để đề ra chủ trương phù hợp. | X |  |
| 126 | Hơn 30 năm sau đổi mới, Việt Nam đạt nhiều thành tựu, trở thành  ~~một trong 20 nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới.~~ |  | X |
| 127 | Nền kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ~~được hình thành và phát triển khi miền Bắc xây dựng~~  ~~chủ nghĩa xã hội (từ năm 1954).~~ |  | X |
| 128 | Việc chuyển đổi mô hình quản lý kinh tế sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa Việt Nam từng bước vươn  lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. | X |  |
| 129 | Bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nhằm phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của nền  kinh tế nhiều thành phần. | X |  |
| 130 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  ~~không có sự khác biệt~~ với nền kinh tế thị trường ở các nước phương Tây. |  | X |
| 131 | Sự thay đổi về mô hình kinh tế ~~đồng nghĩa~~ với sự thay đổi về bản  chất, mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển đất nước. |  | X |
| 132 | Mô hình kinh tế mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XXI là đã thể hiện rõ tính dân chủ, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các  chủ thể kinh tế, các lĩnh vực kinh tế. | X |  |
| 133 | Phát huy vai trò và năng lực của nhiều thành phần kinh tế ở Việt Nam trong cuộc Đổi mới (từ năm 1986) đã tạo nên nguồn lực  tổng hợp để tăng cường sức mạnh nền kinh tế quốc dân. | X |  |
| 134 | Chủ trương xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong  công cuộc đổi mới ở Việt Nam nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 135 | Hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những thành tựu quan trọng có ý nghĩa chiến lược của  công cuộc đổi mới ở Việt Nam. | X |  |
| 136 | Việc xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước tiến về nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời  kì quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 137 | Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nền tảng trong  ~~nền kinh tế thị trường tự do~~ ở Việt Nam từ sau 1986. |  | X |
| 138 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành với những bước  đi vững chắc và biện pháp phù hợp với thực tiễn. | X |  |
| 139 | Thực tiễn quá trình Đổi mới (1986 đến nay) cho thấy cơ chế vận  hành của hệ thống chính trị ở Việt Nam là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. | X |  |
| 140 | Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu  trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 141 | Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa  tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. | X |  |
| 142 | Từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là ~~đặc điểm duy nhất~~ của cách mạng Việt  Nam sau năm 1975. |  | X |
| 143 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  ~~hoàn toàn tách biệt~~ với sự quản lý của nhà nước. |  | X |
| 144 | Trong quá trình đổi mới (từ năm 1986 đến nay), ~~chính trị là lĩnh~~  ~~vực trọng tâm~~, được Việt Nam tập trung đổi mới mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu ấn tượng. |  | X |
| 145 | Thành tựu nổi bật nhất của giai đoạn (2001-2005) là đã ~~triệt để~~  hoàn thành công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. |  | X |
| 146 | Thành tựu trong giai đoạn (2001 – 2005) có được do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành và triển khai  trong thực tiễn. | X |  |
| 147 | Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa và phát triển từ chính sách  Kinh tế mới của Lê nin. | X |  |
| 148 | Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố quan trọng, giúp nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ từ  trước đến nay và ~~chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái~~. |  | X |
| 149 | Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đã làm ~~thay đổi hoàn~~  ~~toàn~~ cơ cấu các ngành trong nền kinh tế của Việt Nam. |  | X |
| 150 | Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986 đến nay) là ~~nhanh chóng đưa Việt Nam trở~~  ~~thành cường quốc công nghiệp hiện đại, thu nhập cao.~~ |  | X |
| 151 | Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường là phương thức để thực  hiện mục tiêu đưa Việt Nam ~~trở thành cường quốc số 1 thế giới~~. |  | X |
| 152 | Trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể luôn bổ sung cho  nhau vì ~~có sự thống nhất về kế hoạch và chương trình phát triển~~. |  | X |
| 153 | Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn khách quan, sáng tạo, ~~phù hợp với xu thế vận động~~  ~~chung của hầu hết các nước trên thế giới.~~ |  | X |
| 154 | Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường  định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | X |  |
| 155 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  phải tuân thủ các nguyên tắc và giá trị của chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 156 | Từ năm 1986, nhà nước cần ~~chỉ huy nền kinh tế bằng hành chính~~  ~~và mệnh lệnh để sử dụng, cải tạo~~ có hiệu quả các thành phần kinh tế khác nhau. |  | X |
| 157 | Việc đổi mới nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là yếu tố quan trọng góp  phần phát huy tiềm lực của đất nước trong thời kỳ quá độ. | X |  |
| 158 | Bảo đảm hài hoà giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển là nguyên tắc để thực hiện thành công sự nghiệp Đổi mới đất  nước. | X |  |
| 159 | So với những năm trước Đổi mới, Việt Nam ngày nay đã có sự  phát triển mạnh mẽ, toàn diện, vị thế quốc tế nâng cao. | X |  |
| 160 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được nhân dân ta thực hiện ~~từ khi bắt đầu công cuộc Đổi~~  ~~mới.~~ |  | X |
| 161 | Đảng Cộng sản Việt Nam xác định kinh tế là nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới từ năm 1986 chủ yếu do ~~hỗ trợ Cam-pu-~~  ~~chia trở thành gánh nặng kinh tế với đất nước.~~ |  | X |
| 162 | Những thành tựu Việt Nam đạt được trong gần 40 năm tiến hành công cuộc Đổi mới (từ 1986 đến nay) đã khẳng định ~~vai trò của~~  ~~Việt Nam với sự phát triển của các nước Đông Dương.~~ |  | X |
| 163 | Việt Nam cần vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp để thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ  nghĩa. | X |  |
| 164 | ~~Kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước~~ là bài học  kinh nghiệm quan trọng hàng đầu trong quá trình Đổi mới. |  | X |
| 165 | Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng  Hồ Chí Minh vào công cuộc Đổi mới đất nước. | X |  |
| 166 | Một đất nước Việt Nam phát triển toàn diện phải đảm bảo quyền lợi về kinh tế, văn hóa xã hội và sự ổn định nền chính trị của nhà  nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. | X |  |
| 167 | Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu,  vừa là động lực của công cuộc đổi mới. | X |  |
| 168 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật, ~~lấy kinh tế~~  ~~đầu tư ngước ngoài làm trọng tâm.~~ |  | X |
| 169 | Trong một đất nước Việt Nam phát triển phải xây dựng một hệ  thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về người lãnh đạo do nhân dân bầu ra và phục vụ lợi ích của nhân dân. | X |  |
| 170 | Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho đất nước Việt Nam trong việc tiến hành công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến  nay là ~~tham gia các liên minh quân sự để tìm kiếm sự ủng hộ~~. |  | X |
| 171 | Thành tựu Việt Nam đạt được trong việc thực hiện kế hoạch nhà  nước 5 năm (1986 - 1990) của công cuộc Đổi mới đất nước đã |  | X |
|  | chứng tỏ ~~Việt Nam đã đổi mới thành công, tăng cường sự lãnh~~  ~~đạo của Đảng.~~ |  |  |
| 172 | Tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được đảm bảo và tăng cường, đó là ~~thành tựu cơ bản của đổi mới về xã~~  ~~hội ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 173 | Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,... được đẩy mạnh, là thành tựu cơ bản của đổi mới  chính trị ở Việt Nam. | X |  |
| 174 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, nền văn hóa tiên tiến, đậm  đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển. | X |  |
| 175 | Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, nhiều vấn đề xã hội được  quan tâm giải quyết ~~triệt để~~ và đạt được những kết quả nổi bật. |  | X |
| 176 | Một trong những mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở Việt Nam (1996 - 2001) là cải thiện và nâng cao đời sống  nhân dân. | X |  |
| 177 | Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng  Cộng sản Việt Nam góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. | X |  |
| 178 | Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thành phần  ~~kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giữ vai trò chủ đạo~~. |  | X |
| 179 | Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nội dung cơ bản trong đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng  sản Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế. | X |  |
| 180 | Trong giai đoạn 1996-2006, công cuộc đổi mới ở Việt Nam tiếp tục được tiến hành đồng bộ toàn diện, trọng tâm ~~không phải~~ là  công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. |  | X |
| 181 | Chủ trương công nghiệp hoá - hiện đại hoá được ~~đề ra ngay từ~~  ~~khởi đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986)~~ |  | X |
| 182 | Đảng cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu đổi mới ở Việt Nam  là xây dựng một nước ~~nông nghiệp hiện đại~~, tiên tiến. |  | X |
| 183 | Đại hội VIII (1996) của Đảng đề ra chủ trương "đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” trong bối cảnh đất nước ~~còn~~  ~~chưa vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội.~~ |  | X |
| 184 | Khác với mô hình công nghiệp hoá truyền thống, ngày nay công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá trong một nền kinh tế mở, ~~trong~~  ~~đó thành phần kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo.~~ |  | X |
| 185 | “Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu và dự trữ ngoại hối tăng mạnh” là ~~biểu hiện thành công trong cải cách thể chế và chủ trương hội~~  ~~nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam được đề ra từ sau năm 1975.~~ |  | X |
| 186 | Thành tựu về kinh tế trong công cuộc Đổi mới chứng tỏ sự vận dụng lí luận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào thực tiễn Việt Nam là đúng đắn, ~~trở thành đường lối phát triển~~  ~~của các quốc gia trên thế giới.~~ |  | X |
| 187 | Năm 2020, hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng, đứng vững trong bối cảnh khủng hoảng thương  mại quốc tế trên toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19. | X |  |
| 188 | Quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội toàn  quốc lần thứ VI (12-1986) là ~~phải thống nhất và tập trung~~. |  | X |
| 189 | Trong quá trình Đổi mới đất nước, Việt Nam đã phát huy cao độ nỗ lực của dân tộc, kiên trì mục tiêu và con đường cách mạng xã  hội chủ nghĩa. | X |  |
| 190 | Trong quá trình Đổi mới đất nước, thế và lực của Việt Nam  ~~vẫn~~  ~~còn yếu nên cần phải tiếp tục thực hiện nền kinh tế bao cấp do~~  ~~nhà nước quản lý.~~ |  | X |
| 191 | Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) tổng kết Việt  Nam ~~hoàn thành việc hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng~~. |  | X |
| 192 | Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay  ~~là quá trình thay đổi mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội trước những~~  ~~biến động của thế giới~~. |  | X |
| 193 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn ~~về việc thay đổi phương hướng chiến~~  ~~lược của cách mạng.~~ |  | X |
| 194 | Thành tựu công cuộc Đổi mới là cơ sở để Việt Nam thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các nước lớn như Pháp, Mỹ,  Nhật Bản... | X |  |
| 195 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới đã bổ sung, phát triển lí luận và mô  hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. | X |  |
| 196 | Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô là ~~yếu tố quyết~~  ~~định~~ để Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới năm 1986. |  | X |
| 197 | Kinh tế tư nhân hiện nay được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia trong nền  kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 198 | Đảng Cộng sản Việt Nam có những chính sách, chủ trương để kinh tế tư nhân được giải phóng, tạo môi trường thuận lợi cho sự  phát triển mạnh mẽ trong quá trình đổi mới. | X |  |
| 199 | Việc điều chỉnh thế đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực sau  khi tiến hành Đổi mới nhằm xây dựng thế phòng thủ hợp lý, vững chắc trên cả nước. | X |  |
| 200 | Phương án, kế hoạch phòng thủ chiến lược của Việt Nam sau khi tiến hành Đổi mới ~~được giữ nguyên, không thay đổi dù tình hình~~  ~~thực tiễn có biến động.~~ |  | X |
| 201 | Sau khi tiến hành Đổi mới, Việt Nam ~~không còn chú trọng đến~~  ~~quốc phòng~~ mà chuyển hoàn toàn sang phát triển kinh tế. |  | X |
| 202 | Sau khi tiến hành Đổi mới, Việt Nam ~~tăng cường mở rộng liên~~  ~~minh quân sự~~ với các nước lớn nhằm củng cố thế trận quốc phòng. |  | X |
| 203 | Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chỉ tuân theo các quy luật kinh tế thị trường, ~~không bị ảnh hưởng~~  ~~bởi bất kỳ nguyên tắc nào khác.~~ |  | X |
| 204 | Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt  Nam, ~~không có sự tồn tại của thành phần kinh tế tập thể~~. |  | X |
| 205 | Kinh tế thị trường ở Việt Nam ~~không có điểm khác biệt~~ so với  mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển. |  | X |
| 206 | Lần đầu tiên trong Nghị quyết số 04-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII, 1993) nhấn mạnh  giáo dục và đào tạo là ~~mặt trận hàng đầu.~~ |  | X |
| 207 | ~~Việc thực hiện nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp~~ là phù hợp  trong thời kì Đổi mới. |  | X |
| 208 | Việc chuyển sang cơ chế thị trường nhằm phát huy tối đa sức mạnh của các tổ chức và cá nhân để ~~phục vụ sự nghiệp kháng~~  ~~chiến và kiến quốc.~~ |  | X |
| 209 | Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt  Nam (2006) xác định yếu tố thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển đất nước là văn hóa. | X |  |
| 210 | Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam hiện nay là ~~xây dựng~~  ~~nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.~~ |  | X |
| 211 | Kinh tế thị trường ở Việt Nam ~~không có điểm tương đồng~~ so với  mô hình kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển. |  | X |
| 212 | ~~Trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hiện~~  ~~nay~~, kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. |  | X |
| 213 | Từ Đại hội VI đến Đại hội IX, quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự nghiệp đổi mới đất nước ngày càng  toàn diện, sâu sắc. | X |  |
| 214 | Sự thay đổi toàn diện của Việt Nam sau năm 1986 chủ yếu là do  Đảng đã đề ra đường lối đúng đắn trong ~~cuộc cách mạng vô sản~~. |  | X |
| 215 | Do thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với đường lối đổi mới nên Việt Nam đã ~~bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước xã hội~~  ~~chủ nghĩa trên thế giới.~~ |  | X |
| 216 | Trong công cuộc đổi mới, việc thực hiện kết hợp đa dạng hóa với xác lập và củng cố quan hệ với các đối tác đã giúp Việt Nam tạo  được thế đối ngoại cân bằng, vững chắc và ổn định. | X |  |
| 217 | Trong tình hình thế giới hiện nay, Việt Nam trở thành nơi thu hút mạnh các nhà đầu tư nước ngoài là do ~~Công cuộc Đổi mới ở Việt~~  ~~Nam tập trung trọng tâm vào đổi mới hệ thống chính trị.~~ |  | X |
| 218 | Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục vận dụng và phát huy một cách sáng tạo chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) trong  tình hình mới. | X |  |
| 219 | Một trong những điểm mới của Đại hội Đảng lần thứ XIII là ~~chủ~~  ~~trương hội nhập kinh tế quốc tế.~~ |  | X |
| 220 | Việt Nam ~~bắt đầu hội nhập quốc tế~~ từ sau Đại hội đại biểu toàn  quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 221 | Lợi ích quốc gia dân tộc là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động  đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 222 | Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh ~~hệ thống xã hội~~  ~~chủ nghĩa~~ sẽ tiếp tục có đột phá về thế và lực. |  | X |
| 223 | Sự nghiệp đổi mới đất nước của Việt Nam đã làm thay đổi cơ  bản, toàn diện tình hình kinh tế, xã hội đất nước. | X |  |
| 224 | Phát huy nội lực, đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và  bền vững trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam. | X |  |
| 225 | Thực tiễn công cuộc Đổi mới ở Việt Nam cho thấy quá trình thực hiện nhiệm vụ xuyên suốt độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa  xã hội. | X |  |
| 226 | Công cuộc Đổi mới thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân đã giúp Việt Nam ~~hoàn thành mục tiêu~~  ~~xây dựng chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 227 | Đảm bảo an ninh xã hội, an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội trong công cuộc Đôi mới đất nước là ~~nhiệm vụ hàng đầu của riêng~~  ~~lực lượng vũ trang Việt Nam.~~ |  | X |
| 228 | Mục đích của công cuộc đổi mới là khắc phục những hạn yếu,  yếu kém trong lãnh đạo của Đảng, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng. | X |  |
| 229 | Đại hội Đảng lần thứ VI của Đảng xác định nhiệm vụ chung của thời kì đầu công cuộc đổi mới là ~~xây dựng thành công cái đích~~  ~~CNCH.~~ |  | X |
| 230 | Đổi mới không thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng  sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. | X |  |
| 231 | Đảm bảo mục tiêu chủ nghĩa xã hội ~~trên cơ sở học tập các bước~~  ~~đi và biện pháp của các nước xây dựng CNXH thành công~~ là một trong những chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam  trong thời kì Đổi mới. | X |  |
| 232 | Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay ~~hướng tới mục~~  ~~tiêu ba chương trình kinh tế lớn (Lương thực, thực phẩm, hàng~~  ~~tiêu dùng, hàng xuất khẩu), thực hiện cơ chế kinh tế thị trường.~~ |  | X |
| 233 | Đổi mới đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực nhằm tạo  đẩy mạnh hội nhập quốc tế cho Việt nam ở giai đoạn tiếp theo. | X |  |
| 234 | Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cần khơi  dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong nhân dân. | X |  |
| 235 | Đổi mới đồng thời trên nhiều lĩnh vực nhằm phát triển đất nước  theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam ~~từ khi ra đời~~. |  | X |
| 236 | Hòa bình, ổn định là khát vọng của dân tộc Việt Nam từ thời trung  đại đến hiện tại và trong tương lai. | X |  |
| 237 | Đường lối xuyên suốt đi lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam qua  các thời kì khác nhau đều hướng tới sự phát triên vì con người. | X |  |
| 238 | Đường lối của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam thực hiện ~~xoá bỏ~~  ~~mọi thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa~~ nhằm phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. |  | X |
| 239 | Mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa lí tường theo nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lê nin đã được Việt Nam ~~xây dựng thành công~~  ~~ngay khi tiến hành công cuộc Đổi mới.~~ |  | X |
| 240 | Hiện tượng “cá lớn nuốt cá bé” ~~không còn~~ trên phạm vi toàn thế  giới khi Việt Nam quyết định đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 241 | Đường lối Đồi mới đất nước được đề ra tại Đại hội Đại biểu toàn  quốc lần thứ ~~XIII~~ của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 242 | Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước là  đã ~~hoàn thiện~~ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 243 | Nhờ thực hiện đường lối đổi mới mà Việt Nam xóa bỏ được ~~tình~~  ~~trạng phân hóa giai cấp và sự bóc lột trong xã hội.~~ |  | X |
| 244 | Đổi mới là một cuộc cách mạng cả về tư duy và thực tiễn, là bước tiến trong nhận thức về con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt  Nam. | X |  |
| 245 | Trong đổi mới về kinh tế, Việt Nam khẳng định sự nhất quán phải  đổi mới về cơ chế chính sách và ~~công tác quản lí xã hội của Đảng~~. |  | X |
| 246 | Đổi mới kinh tế là cơ bản, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là điểm chung trong công cuộc cải cách mở của ở  Trung Quốc, ~~cải tổ ở Liên Xô~~ và Đổi mới ở Việt Nam. |  | X |
| 247 | Thực tiễn quá trình đổi mới ở Việt Nam cho thấy, đồi mới tư duy được xác định trên cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ  nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. | X |  |
| 248 | Đồi mới là ~~sự tiếp nối~~ quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc trong  điều kiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đã hoàn thành. |  | X |
| 249 | Sản xuất hàng hoá là ~~thành tựu của riêng~~ chủ nghĩa tư bản và phù  hợp với quá trình Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. |  | X |
| 250 | Nghị quyết kì Đại hội VII của Đảng góp phần quan trọng vào hoạch định đường lối Đổi mới, làm rõ nhận thức về con đường đi  lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | X |  |

# Chủ đề 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Nguyên tắc cao nhất trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng  sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay là ~~phục vụ lợi ích kinh tế~~. |  | X |
| 2 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1986 đến  nay được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. | X |  |
| 3 | Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới đã giúp Việt Nam  đã vươn lên trở thành một nền kinh tế có độ ~~mở cao nhất thế giới~~, khẳng định vai trò tích cực trong chuỗi giá trị toàn cầu. |  | X |
| 4 | Công tác đối ngoại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn (từ năm 1986) đã góp phần nâng cao hiệu quả của hội nhập, tạo môi  trường hòa bình và thêm nguồn lực cho phát triển đất nước. | X |  |
| 5 | Hiện nay, Việt Nam đã khẳng định được vị thế và có nhiều đóng góp quan trọng đối với các tổ chức quốc tế, là nhân tố quan trọng  đóng góp cho hòa bình, ổn định của khu vực và thế giới. | X |  |
| 6 | Ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau năm  1945 dựa trên nguyên tắc hòa bình, hữu nghị, bình đẳng và hợp tác. | X |  |
| 7 | Trong thực tiễn chiến tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 1945-1975 ngoại giao trở thành mặt trận với sự tham gia  toàn dân và ~~đóng vai trò quyết định đến mọi thắng lợi~~. |  | X |
| 8 | Sau năm 1945, hoạt động ngoại giao của Nhà nước bắt đầu hình  thành và phục vụ công cuộc “kháng chiến, kiến quốc”. | X |  |
| 9 | Đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi ra đời  năm 1945 là “*cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”*. | X |  |
| 10 | Việt Nam hiện nay có quan hệ thương mại với hầu hết các quốc  gia trên thế giới, ~~trừ những nước trước đây là thực dân.~~ |  | X |
| 11 | Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kì có hiệu lực từ ngày 10/12/2001 ~~đã mở ra cơ hội xuất khẩu hàng hóa lớn~~  ~~nhất thế giới cho Việt Nam~~. |  | X |
| 12 | EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ coi Việt Nam là thị trường thương mại  giàu tiềm năng của trong thế kỷ XXI. | X |  |
| 13 | Chương trình của Việt Minh xác định mục tiêu thành lập chính  phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. | X |  |
| 14 | Mặt trận Việt Minh là một chủ thể đối ngoại của Việt Nam ~~trong~~  ~~việc mở rộng quan hệ thương mại với các nước trên thế giới.~~ |  | X |
| 15 | ~~Việc mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong~~  ~~trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới~~ là bước đột phá trong mở rộng và phát triển về ~~chiều sâu~~ các mối quan hệ Đảng. |  | X |
| 16 | Việt Nam đã tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, ~~thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với nhiều~~  ~~nước~~ là những đóng góp của Việt Nam cho Liên hợp quốc. |  | X |
| 17 | Cùng với ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, đối ngoại Đảng là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam hiện  đại từ năm 1945 đến nay). | X |  |
| 18 | Từ năm 1945, đối ngoại Đảng đã khẳng định những đóng góp có  ~~tính quyết định~~ của Việt Nam cho phong trào cách mạng thế giới, cho hoà bình, ổn định của khu vực và toàn cầu. |  | X |
| 19 | Tham gia vào các tổ chức ASEM, APEC, WTO đã góp phần nâng  cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. | X |  |
| 20 | Với vai trò ngày càng to lớn và quan trọng trong các tổ chức quốc tế, Việt Nam sẽ ~~giảm bớt được những áp lực cạnh tranh về thương~~  ~~mại và đầu tư.~~ |  | X |
| 21 | Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra theo từng bước,  từ hội nhập ~~văn hóa, đến hội nhập kinh tế, đối ngoại.~~ |  | X |
| 22 | Một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao Việt Nam từ sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975 là tìm hướng phá thế bị bao vây và  cấm vận. | X |  |
| 23 | Việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia ~~bằng giải pháp quân sự~~ đã tháo gỡ những trở ngại trong các quan hệ song phương và đa phương của  Việt Nam. |  | X |
| 24 | Các hoạt động đối ngoại tích cực của Việt Nam sau năm 1975 đã đưa  Việt Nam ~~thoát khỏi mọi khó khăn~~, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. |  | X |
| 25 | Thành tựu của ngoại giao Việt Nam thời kì Đổi mới cho thấy việc cân bằng mối quan hệ với các nước lớn là vô cùng quan trọng để duy trì  ổn định. | X |  |
| 26 | Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hỏa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, Việt Nam ~~luôn luôn phụ thuộc vào~~  ~~các quốc gia khác.~~ |  | X |
| 27 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1954-1975) có vai trò quyết định  ~~trực tiếp đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.~~ |  | X |
| 28 | Trong 10 năm đầu sau khi thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã cải thiện quan hệ đối ngoại với các nước Đông Nam Á  và Trung Quốc. | X |  |
| 29 | “Vấn đề Campuchia” được giải quyết đã tạo điều kiện thuận lợi  để Việt Nam hoá giải những vướng mắc trong quan hệ khu vực và quốc tế. | X |  |
| 30 | Tháng 7 năm 1995 là ~~thời điểm thành công của ngoại giao Việt~~  ~~Nam khi bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Mỹ.~~ |  | X |
| 31 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay không chỉ nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới mà còn gắn với giao lưu văn hoá,  hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm hoạ… | X |  |
| 32 | Việc kí kết Hiệp định Geneva (7-1954) kết thúc thắng lợi cuộc  kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 33 | ~~Tất cả~~ nước tham dự Hội nghị Geneva đã công nhận nền độc lập,  chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. |  | X |
| 34 | Hiệp định Geneva là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền  dân tộc cơ bản của Việt Nam, đồng thời tạo cơ sở pháp lí quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước sau này. | X |  |
| 35 | So với Hiệp định Sơ bộ, Hiệp định Geneva là một bước tiến lớn, phản ánh trọn vẹn thắng lợi của cuộc kháng chiến, Việt Nam được  giải phóng hoàn toàn tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 36 | Trong thời kì đổi mới (từ năm 1986 đến nay), Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa  dạng hoá quan hệ đối ngoại. | X |  |
| 37 | Gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã ~~mở đầu quá~~  ~~trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam.~~ |  | X |
| 38 | Việt Nam chủ trương huy động nguồn ngoại lực để thúc đẩy quá  trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. | X |  |
| 39 | Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngoại giao đa phương là yếu tố  quyết định để Việt Nam nâng cao vị thế kinh tế. |  | X |
| 40 | Việc thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại đã tạo ra cơ hội để Việt Nam nâng cao vị thế quốc  gia trên trường quốc tế. | X |  |
| 41 | Việc thực hiện chủ trương đối ngoại đa phương là ~~phương thức~~  ~~hữu hiệu nhất~~ để Việt Nam ứng phó với thế giới đầy biến động, đối đầu, chia rẽ. |  | X |
| 42 | Thiện chí của Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên cơ sở tôn trọng  quyền bình đẳng, chủ quyền của Việt Nam. | X |  |
| 43 | Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa trở thành ~~nhân tố quyết định~~ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống  thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954). |  | X |
| 44 | Hiệp định Sơ bộ 6/3, Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Paris  1973 là những bước phát triển trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. | X |  |
| 45 | Việc kí kết Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Paris 1973 chứng tỏ những cuộc thương lượng của các nước lớn không thể  cản trở nguyện vọng thống nhất của một dân tộc. | X |  |
| 46 | Hiệp định Giơnevơ 1954 và ~~Hiệp định Paris 1973~~ là những sự kiện đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và chống  Mỹ của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 47 | Phương châm “lạt mềm buộc chặt” là một đặc điểm của ngoại  giao Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. | X |  |
| 48 | Quan điểm đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay có  sự kế thừa và phát huy tư tưởng đoàn kết quốc tế của chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 49 | Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn hiện nay góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã  hội trên thế giới. | X |  |
| 50 | Từ năm 2007, Việt Nam là thành viên chính thức của WTO. | X |  |
| 51 | Việc gia nhập WTO năm 2007 là ~~nguồn lực quyết định~~ giúp nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng cao như và tương đối  bền vững như hiện nay. |  | X |
| 52 | Chính sách đối ngoại đóng ~~vai trò quyết định~~ trong việc giữ vững nền độc lập dân tộc, ổn định chính trị, đưa Việt Nam trở thành  quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong khu vực. |  | X |
| 53 | Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và ~~triệt~~  ~~để loại trừ đối tượng.~~ |  | X |
| 54 | Đường lối đối ngoại của Việt Nam ngày càng có nhiều biến  chuyển, thay đổi tư duy về “đối tượng” và “đối tác” trong quan hệ đối ngoại. | X |  |
| 55 | Trong những năm 30 của thế kỉ XX, Đảng Cộng sản Đông Dương có sự liên lạc với tổ chức ~~Liên hợp quốc~~ để tìm kiếm sự giúp đỡ  đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam. |  | X |
| 56 | Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc trong 30 năm đầu thế kỉ XX đã ~~góp phần củng cố quan hệ với các~~  ~~nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.~~ |  | X |
| 57 | Những kết quả trong tiến trình hội nhập quốc tế không chỉ giúp phát huy sức mạnh thời đại để phát triển kinh tế mà còn góp phần  nâng cao vị thế chính trị của Việt Nam. | X |  |
| 58 | Trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), hội nhập kinh tế và hội nhập chính trị của Việt Nam luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó ~~hội nhập chính trị là yếu tố tiên phong, hội~~  ~~nhập kinh tế là yếu tố chủ đạo.~~ |  | X |
| 59 | Mở rộng quan hệ với các quốc gia, đối tác; kí kết và triển khai nhiều hiệp định thương mại tự do... là thành tựu nổi bật của Việt  Nam trong lĩnh vực hội nhập quốc tế và ~~mở rộng lãnh thổ.~~ |  | X |
| 60 | Sức mạnh nội lực không ngừng phát triển đã tạo cơ sở vững chắc  để Việt Nam chủ động hội nhập và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế chân chính. | X |  |
| 61 | Trong giai đoạn 1954 – 1964, chính sách đối ngoại của Việt Nam  chỉ là đấu tranh đòi thực dân Pháp thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. |  | X |
| 62 | Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1968  đã vạch trần bản chất xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. | X |  |
| 63 | Một trong những mục tiêu quan trọng của hoạt động đối ngoại Việt Nam (1954-1968) là cô lập Mỹ trên trường quốc tế bằng cách tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, hòa bình, dân  chủ trên thế giới. | X |  |
| 64 | Quan điểm đối ngoại của Đảng là cơ sở quan trọng để bảo vệ lợi ích của dân tộc ta trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ vững độc  lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 65 | ~~Sự cứng rắn về sách lược, mềm dẻo về nguyên tắc~~ trong chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1945 –  1946 đã loại bớt các thế lực chống phá cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 66 | Hoạt động ngoại giao của Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh ~~đã đẩy nhanh công cuộc chuẩn bị và~~  ~~đương đầu với thực dân Pháp.~~ |  | X |
| 67 | Nền tảng của ngoại giao Việt Nam hiện đại ~~không bao gồm~~ chủ  nghĩa yêu nước truyền thống và ý chí vì độc lập, tự do. |  | X |
| 68 | Những hoạt động đối ngoại đầu tiên của dân tộc Việt Nam đều  hướng đến vùng ~~Địa Trung Hải và khu vực Bắc Phi.~~ |  | X |
| 69 | Chủ nghĩa yêu nước và ý chí sắt đá vì độc lập, tự do của dân tộc  đã phát huy bản sắc văn hoá, mở rộng giao lưu với nước ngoài. | X |  |
| 70 | Hoạt động đối ngoại của dân tộc Việt Nam từ thuở dựng nước tập  trung phục vụ cho mục tiêu tối cao là quyền độc lập và tự chủ. | X |  |
| 71 | Sau thất bại trong cuộc tập kích chiến lược đường không bằng  máy bay B52 12 ngày đêm (cuối năm 1972), Hoa kỳ phải kí *Hiệp định Pa-ri.* | X |  |
| 72 | Trong thời gian đàm phán với Hoa Kỳ, Việt Nam vừa đấu tranh  tại hội nghị, vừa tiến công trên chiến trường. | X |  |
| 73 | Thực tiễn lịch sử chứng minh rằng thắng lợi quân sự có ý nghĩa  quyết định đến thắng lợi trên bàn đàm phán. | X |  |
| 74 | Hiệp định Pa-ri được kí kết đã ~~đánh dấu kết thúc~~ cuộc kháng  chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. |  | X |
| 75 | Đấu tranh ngoại giao là một mặt trận khẳng định giá trị những thắng lợi trên mặt trận quân sự để bảo vệ nền độc lập của dân tộc  Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975. | X |  |
| 76 | Nguyên tắc của đấu tranh ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong thời kì 1945 - 1946 đúng với ~~mọi giai đoạn cách mạng Việt~~  ~~Nam sau này.~~ |  | X |
| 77 | Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đấu tranh ngoại giao trong giai đoạn 1945 - 1946 là giữ vững thành quả Cách mạng tháng  Tám năm 1945. | X |  |
| 78 | Sách lược đối ngoại trong giai đoạn 1945 – 1946 xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa  sau ~~hiệp định Giơ-ne-vơ.~~ |  | X |
| 79 | Sự mềm dẻo trong sách lược ngoại giao của Việt Nam trong giai  đoạn 1945 – 1946 đã bảo vệ được chính quyền cách mạng và tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù. | X |  |
| 80 | Hiện nay, sự mềm dẻo trong chính sách đối ngoại trong giai đoạn 1945 – 1946 vẫn còn nguyên giá trị trong hoạt động ngoại giao  của Việt Nam. | X |  |
| 81 | Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam sau năm 1945 là khẳng định Việt Nam là một quốc gia ~~tự do, thuộc khối~~  ~~Liên hiệp Pháp.~~ |  | X |
| 82 | Ngoại giao là một phương thức để thể hiện quyết tâm bảo vệ độc  lập dân tộc Việt Nam ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 83 | Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạt động đối ngoại là phải tích cực, chủ động, theo sát tình hình, tận dụng thời cơ để  nâng cao vị thế. | X |  |
| 84 | Ngoại giao góp phần nâng cao vị thế đất nước, thậm chí có thể đi  trước mở đường cho đấu tranh chính trị và quân sự. | X |  |
| 85 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 là ~~sự thừa nhận nền độc lập của~~  ~~nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.~~ |  | X |
| 86 | Hội nghị Giơ-ne-vơ chỉ công nhận nền độc lập và toàn vẹn lãnh  thổ của Việt Nam, ~~không đề cập đến Lào và Cam-pu-chia.~~ |  | X |
| 87 | Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ năm 1946 và Hội nghị Giơ-ne-vơ đã  giúp củng cố vị thế quốc tế của Việt Nam. | X |  |
| 88 | Hội nghị Giơ-ne-vơ đánh dấu bước chuyển quan trọng trong việc khẳng định vị thế quốc tế của Việt Nam sau Cách mạng tháng  Tám. | X |  |
| 89 | Hiệp định Pa-ri được kí kết là một thắng lợi ngoại giao của nhân  dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | X |  |
| 90 | Hiệp định Pa-ri được kí kết phản ánh thành quả trong cuộc đấu  tranh của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 91 | Việc kí Hiệp định Pa-ri năm 1973 ~~đã mở ra bước ngoặt đầu tiên~~, đưa tới sự chuyển biến về thế và lực có lợi cho cách mạng miền  Nam Việt Nam. |  | X |
| 92 | Về bản chất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân  Việt Nam ~~đã kết thúc bằng thắng lợi của việc kí Hiệp định Pa-ri~~. |  | X |
| 93 | Một trong những thành tựu của ngoại giao Việt Nam sau Đổi mới  là ~~bình thường hoá quan hệ với Cam-pu-chia và Lào.~~ |  | X |
| 94 | Bình thường hoá, thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ (1995) là  cơ sở để Việt Nam giải quyết hài hòa “~~vấn đề Cam-pu-chia”.~~ |  | X |
| 95 | Thành tựu về ngoại giao là một cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh  công cuộc Đổi mới đất nước và vượt qua cuộc khủng hoảng. | X |  |
| 96 | Giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” là chìa khóa để Việt Nam khôi  phục quan hệ với các nước trong khu vực và quốc tế. | X |  |
| 97 | Theo hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở  Việt Nam, Mỹ phải rút quân khỏi Việt Nam. | X |  |
| 98 | ~~Với hiệp định Pa-ri năm 1973~~, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành  cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. |  | X |
| 99 | Từ xưa đến nay, hoạt động ngoại giao trên thực tế ~~chỉ bao gồm~~  các quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực. |  | X |
| 100 | Việt Nam đã thành công trong việc giải quyết vấn đề Cam-pu-  chia bằng giải pháp hoà bình. | X |  |
| 101 | Để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam đã huy động nhiều  nguồn lực bên trong và bên ngoài. | X |  |
| 102 | Các hoạt động đối ngoại tích cực, sáng tạo của Việt Nam từ sau năm 1975 đã phá vỡ thế bị bao vây, cô lập và đưa Việt Nam từng  bước hội nhập quốc tế. | X |  |
| 103 | Để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, Việt Nam luôn giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ, ngọn cờ chính nghĩa và tuyệt đối không  nhân nhượng trong mọi vấn đề. |  | X |
| 104 | Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là ~~điều kiện tiên quyết~~ để các  nước hội nhập với Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay. |  | X |
| 105 | Để phát triển bền vững, Việt Nam cần kết hợp hài hòa các yếu tố  truyền thống và hiện đại. | X |  |
| 106 | Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 20  của thế kỉ XX có mục đích tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc. | X |  |
| 107 | Hoạt động đối ngoại sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917  – 1920) ~~đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một phân~~  ~~bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản.~~ |  | X |
| 108 | Hoạt động đối ngoại song phương trước đa phương ~~đã góp phần~~  ~~thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 109 | Để thực hiện hội nhập và phát triển, Việt Nam cần thực hiện chính  sách ~~đối ngoại chung~~ với các quốc gia trên thế giới. |  | X |
| 110 | Một trong những ~~điểm mới~~ của đường lối đổi mới đất nước ở Việt  Nam là đặt lợi ích của dân tộc và nhân dân lên trên hết. |  | X |
| 111 | Từ ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, Việt Nam thực hiện  chính sách ngoại giao mềm dẻo với Trung Hoa Dân quốc. | X |  |
| 112 | Với việc ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt – Pháp  (14-9-1946), ~~Pháp đã rút hết quân về nước.~~ |  | X |
| 113 | Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên và một số nước Đông Âu đánh  dấu Việt Nam thoát khỏi tình trạng bao vây, cô lập. | X |  |
| 114 | Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) có ~~vai trò quyết định~~ đối với sự nghiệp  bảo vệ độc lập dân tộc. |  | X |
| 115 | Trong quan hệ với Trung Quốc từ sau năm 1975, Việt Nam kiên trì chính sách hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn  lãnh thổ của nhau. | X |  |
| 116 | Liên quan đến các tranh chấp trên đất liền và trên biển với Trung Quốc, Việt Nam chủ trương giải quyết bằng các biện pháp hòa  bình, tránh xung đột. | X |  |
| 117 | Đối với các tranh chấp trên đất liền và trên biển với Trung Quốc, Việt Nam chủ trương giải quyết bằng các ~~biện pháp quân sự,~~  ~~không nhân nhượng.~~ |  | X |
| 118 | Việt Nam chủ trương nhân nhượng Trung Quốc một số lợi ích trên Biển Đông để ~~đổi lấy điều kiện thuận lợi về kinh tế trên đất~~  ~~liền.~~ |  | X |
| 119 | Trong thời đại ngày nay, các quốc gia vừa và nhỏ ~~luôn~~ gặp những  khó khăn khi tham gia các tổ chức quốc tế. |  | X |
| 120 | Sự tan rã của hệ thống chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu  là một yếu tố thúc đẩy Việt Nam điều chỉnh chính sách đối ngoại. | X |  |
| 121 | Từ những năm 80 của thế kỉ XX, ngoại giao Việt Nam chuyển  hẳn từ ~~ngoại giao chính trị sang ngoại giao kinh tế.~~ |  | X |
| 122 | Một trong những bài học từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là phải chủ động, sáng tạo, ~~dựa vào~~  ~~nước ngoài để đưa ra chính sách.~~ |  | X |
| 123 | Với việc Việt Nam là thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế của khu vực và thế giới góp phần huy động các nguồn  lực bên ngoài đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. | X |  |
| 124 | Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc là bước đầu của quá trình hội  nhập khu vực và quốc tế. | X |  |
| 125 | Hiệp định Pari là thành tựu tiêu biểu trong hoạt động đối ngoại  của Việt Nam, đánh bại âm mưu “phân tuyến” của đối phương. | X |  |
| 126 | Thắng lợi của Hiệp định Pari cho thấy Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ ~~“đánh cho Mỹ cút, đánh cho Nguỵ nhào”,~~ tạo thời cơ  mới cho cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 127 | Hiệp định Pari là biểu hiện của việc giải quyết các xung đột quốc tế bằng con đường hòa bình, tác động sâu sắc đến bước đường  tiến lên của nhiều dân tộc. | X |  |
| 128 | Trong việc thực hiện đường lối đối ngoại, Việt Nam không phụ  thuộc vào một quốc gia nào. | X |  |
| 129 | Một trong những điểm xuyên suốt của đường lối đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 là ~~vì quyền lợi dân tộc nên không thể nhân~~  ~~nhượng.~~ |  | X |
| 130 | Đối ngoại là một kênh để tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh là đúng  đắn. | X |  |
| 131 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trước năm 1945 đã đặt nền móng  cho ngoại giao Việt Nam. | X |  |
| 132 | Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu rộng ~~ngay sau khi đất nước~~  ~~được thống nhất.~~ |  | X |
| 133 | Các hoạt động đối ngoại phản ánh giữa Việt Nam và các nước  ~~không có sự tranh chấp.~~ |  | X |
| 134 | Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ~~không~~ gặp phải sự phản  đối, cản trở của bất cứ nước nào. |  | X |
| 135 | Hiệp định Giơ-ne-vơ là cơ sở pháp lý quốc tế để Việt Nam nêu  cao tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ. | X |  |
| 136 | Hiệp định Giơ-ne-vơ đã tạm thời chia cắt Việt Nam ~~làm hai quốc~~  ~~gia~~, buộc Việt Nam tiến hành thống nhất đất nước. |  | X |
| 137 | Hiệp định Giơ-ne-vơ đã góp phần đưa đến đặc điểm độc đáo,  sáng tạo về chiến lược cách mạng trong lịch sử Việt Nam. | X |  |
| 138 | Việt Nam thực hiện hội nhập một cách ~~tuần tự~~ từ hội nhập khu  vực rồi đến hội nhập quốc tế. |  | X |
| 139 | Việc Việt Nam chính thức được kết nạp là thành viên thứ 7 của ASEAN năm 1995 chứng tỏ Việt Nam ~~đã bước đầu “ phá vây”~~  ~~và tham gia vào xu thế toàn cầu hóa.~~ |  | X |
| 140 | Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 là một minh chứng cho sự  thành công trong điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng đa phương trong thời kì Đổi mới. | X |  |
| 141 | Đối ngoại song phương và đa phương từng bước được điều chỉnh  từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 142 | Nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đang khẳng định Việt Nam (từ sau năm 1975 đến nay) là ~~một cực~~  ~~trong trật tự thế giới đa cực.~~ |  | X |
| 143 | Hiện nay Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức  quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng | X |  |
| 144 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 thể hiện sách lược mềm dẻo, linh  hoạt của Đảng và Chính phủ Việt Nam. | X |  |
| 145 | Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đã ~~ngăn cản hoàn toàn hành động~~  ~~xâm lược Việt Nam của các nước đế quốc.~~ |  | X |
| 146 | Trong năm 1946, Việt Nam đã chủ động nhân nhượng về không  gian để có thời gian đưa cách mạng tiến lên. | X |  |
| 147 | Hiệp định Pari là đỉnh cao của nghệ thuật “vừa đánh vừa đàm”,  là minh chứng cho chủtrương “giành thắng lợi từng bước” trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của quân dân ta. | X |  |
| 148 | Với việc ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Pháp công nhận Việt  Nam là một ~~quốc gia độc lập.~~ |  | X |
| 149 | Hiệp định Pari năm 1973 là hiệp định ngoại giao chính thức của  4 bên, nhưng thực chất là hai bên Mĩ và Việt Nam. | X |  |
| 150 | Một trong những thành công của Việt Nam trong việc phá thế bao vây, cấm vận (1995) là ~~gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế~~  ~~(SEV).~~ |  | X |
| 151 | Năm 1995, Việt Nam bình thưởng hoá quan hệ với ~~Trung Quốc~~,  Mĩ và ~~các nước ASEAN~~. |  | X |
| 152 | Đỉnh cao thắng lợi trên mặt trận ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là ~~Hiệp định~~  ~~Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương.~~ |  | X |
| 153 | Thực hiện chủ trương “hòa để tiến”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã  lần lượt kí với phía Pháp Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước. | X |  |
| 154 | Với việc kí Hiệp định Sơ bộ (1946), Việt Nam đã nhân nhượng cho thực dân Pháp và ~~can thiệp Mĩ~~ về không gian để có thời gian  chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài. |  | X |
| 155 | Những giải pháp ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn 1945 – 1946 đã ~~giúp tránh được mọi~~  ~~cuộc xung đột quân sự với thực dân Pháp~~, giữ vững nền hòa bình  của đất nước. |  | X |
| 156 | Trong thời kì hòa bình xây dựng đất nước, hoạt động đối ngoại  của Việt Nam hiện nay đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực. | X |  |
| 157 | Để hội nhập quốc tế vừa có bề rộng, vừa đi vào chiều sâu trong  những năm đầu thế kỉ XXI, Việt Nam phải kết hợp giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa. | X |  |
| 158 | Nhờ hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, Việt Nam ngày càng  có vị thế quốc tế quan trọng, ~~trở thành cường quốc Đông Nam~~ Á. |  | X |
| 159 | Chủ trương hội nhập quốc tế vừa có bề rộng, vừa đi vào chiều sâu, đến tháng 3-2025, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 12 nước, trong đó có những cường quốc quan trọng  như Mỹ, Nga, Trung Quốc. | X |  |
| 160 | Sách lược ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm 1946 ~~đã phá vỡ thế bị~~  ~~bao vây cô lập của cách mạng Việt Nam.~~ |  | X |
| 161 | Hiệp định Sơ bộ (1946) đã chuyển mối quan hệ Việt - Pháp từ đối  đầu sang đối thoại. | X |  |
| 162 | Hoạt động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa trong những năm 1946-1954 đã góp phần buộc thực dân Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông  Dương. | X |  |
| 163 | Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, Việt Nam tham gia vào đời sống chính trị thế giới trong bối cảnh quan hệ quốc tế ~~hoàn toàn~~  ~~thuận lợi.~~ |  | X |
| 164 | Bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm 1980 là cần đa dạng hóa quan hệ và  ~~tham gia vào các liên minh chính trị-quân sự phù hợp~~. |  | X |
| 165 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam ở giai đoạn cuối của Chiến tranh lạnh đ ~~ã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cấm~~  ~~vận và bước đầu hội nhập quốc tế.~~ |  | X |
| 166 | Một trong những nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam những năm 70-80 của thế kỷ XX là tranh thủ đoàn kết với các nước có cùng  chế độ chính trị. | X |  |
| 167 | Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai  đoạn 1930-1945 ~~đã tranh thủ sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa~~. |  | X |
| 168 | Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX nhằm mục tiêu chủ yếu là ~~đuổi thực dân Pháp, giành~~  ~~độc lập.~~ |  | X |
| 169 | Trong giai đoạn 1941-1945, những cuộc tiếp xúc giữa đại diện của Mặt trận Việt Minh với Mỹ có tác dụng đối với cách mạng Việt Nam là ~~góp phần chuẩn bị mọi điều kiện xây dựng khu giải~~  ~~phóng.~~ |  | X |
| 170 | Với Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp (6/3/1946), Chính Phủ Việt  Nam đã mượn bàn tay của Pháp để nhanh chóng đuổi quân Tưởng ra khỏi Việt Nam. | X |  |
| 171 | Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước là nước cờ ngoại giao xuất sắc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm tranh thủ thêm thời gian để  xây dựng thực lực cho cuộc kháng chiến toàn quốc. | X |  |
| 172 | Việc ta ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ là thắng lợi về mặt ngoại giao ~~sau khi ta giành được thắng lợi quyết định trên mặt trận quân~~  ~~sự.~~ |  | X |
| 173 | Hiệp định Sơ bộ năm 1946 là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký kết ~~nhận đầy đủ quyền tộc~~  ~~cơ bản của riêng nhân dân Việt Nam.~~ |  | X |
| 174 | Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khu vực đến toàn cầu là sự khẳng định và phát triển quan điểm về kết hợp sức mạnh dân tộc  với sức mạnh thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 175 | Các hoạt động đối ngoại của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau năm 1945 đến năm 1954 phải tuân thủ  nguyên tắc là ~~giải quyết xung đột bằng thương lượng.~~ |  | X |
| 176 | Củng cố và tăng cường quan hệ ngoại giao với Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa là một chủ trương đối ngoại của  Đảng từ năm 1975 đến nay. | X |  |
| 177 | Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền  thống đối với các nước láng giềng Lào, Cam-pu-chia. | X |  |
| 178 | Mục tiêu cao nhất và nhất quán trong chính sách đối ngoại của  Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay là ~~tự lực và hoà bình~~. |  | X |
| 179 | Từ đầu năm 1945 đến năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và Chính phủ một số nước, nhằm khẳng định ~~mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước~~  ~~dân chủ trên thế giới.~~ |  |  |
| 180 | Từ khi kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 đến Tạm ước ngày 14- 9-1946 là thời gian quý giá để Việt Nam chuẩn bị lực lượng mọi  mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này. | X |  |
| 181 | ~~Từ tháng 11-1946, khi đã có đầy đủ các điều kiện~~, thực dân Pháp trắng trợn tìm cách gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ  Việt Nam. |  | X |
| 182 | Trước khi kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), nước Việt  Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chính sách đối ngoại hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc. | X |  |
| 183 | Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm ~~hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân~~  ~~dân.~~ |  | X |
| 184 | Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương đã ~~đánh dấu sự~~  ~~sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.~~ |  | X |
| 185 | Trọng tâm trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1991 đến nay) là ~~hợp tác toàn diện với Liên Xô để~~  ~~tạo điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 186 | Sự tan vỡ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và xu thế quốc tế  hoá ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1991 - 1996. | X |  |
| 187 | Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn 1991 - 1996 góp  phần ~~hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước.~~ |  | X |
| 188 | Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là ~~trở thành ủy viên thường trực~~  ~~của Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc.~~ |  | X |
| 189 | Việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước Việt - Pháp  (14/9/1946) của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tác dụng là ~~nhận được viện trợ của Trung Quốc và Liên Xô~~. |  | X |
| 190 | Hiện nay, Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế, gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại  góp phần xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia. | X |  |
| 191 | Đường lối ngoại giao “cây tre Việt Nam" thể hiện qua sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, ứng xử tỉnh tế và linh hoạt dựa trên cơ  sở ~~nền tảng lợi ích giai cấp và lực lượng lãnh đạo.~~ |  | X |
| 192 | ~~Đối ngoại độc lập với quân sự~~ là đường lối ngoại giao của cha  ông được kế thừa và phát huy trong nền ngoại giao hiện đại Việt Nam. |  | X |
| 193 | Khẳng định vai trò tiên phong của đối ngoại trong văn kiện Đại hội XIII là sự tiếp nối về tư duy đối ngoại của Việt Nam trên cơ  sở thực tiễn phát triển và hội nhập của đất nước. | X |  |
| 194 | Quan điểm “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” thể hiện sự linh hoạt, chủ động trong đường lối đối ngoại của Việt Nam, ~~đưa đối ngoại~~  ~~nhân dân thành trụ cột quyết định thành công Đổi mới đất nước~~. |  | X |
| 195 | Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân là ba trụ cột ngoại giao có ý nghĩa chiến lược được Đảng Cộng sản  Việt Nam ~~đề ra và thực hiện từ năm 1930 đến nay.~~ |  | X |
| 196 | Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đảm bảo sự lãnh đạo  thống nhất của Đảng và sự quản lí tập trung của Nhà nước. | X |  |
| 197 | Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, Việt Nam ~~chỉ~~ thiết lập quan hệ Đối  tác chiến lược toàn diện với Nhật Bản. |  | X |
| 198 | ~~Năm 1995~~, Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm nhất  của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). |  | X |
| 199 | Những năm 1921 - 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập tổ  chức mang tính quốc tế là ~~Mặt trận Việt Minh~~. |  | X |
| 200 | Từ năm 1986 đến nay, về hoạt động ngoại giao Việt Nam đạt được một trong những kết quả là ~~tăng trưởng kinh tế ở mức khá~~  ~~cao.~~ |  | X |
| 201 | Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1940) nhằm mục đích chủ yếu là ~~thiết lập quan hệ ngoại giao với~~  ~~các nước Liên minh châu Âu.~~ |  | X |
| 202 | Hiệp định Pa-ri là biểu hiện của việc giải quyết các xung đột quốc  tế bằng con đường hòa bình, tác động sâu sắc đến bước đường tiến lên của nhiều dân tộc. | X |  |
| 203 | Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế được Chính phủ ~~đề ra ngay khi cách mạng tháng Tám năm 1945 đang~~  ~~diễn ra.~~ |  | X |
| 204 | Các hoạt động đối ngoại mà Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước 19-12-1946 nhằm ~~mục đích xin gia nhập vào các tổ chức hòa bình~~  ~~quốc tế.~~ |  | X |
| 205 | Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì 1954 – 1975  có ý nghĩa là ~~mở đầu sự đoàn kết giữa ba nước Đông Dương~~. |  | X |
| 206 | Hoạt động đối ngoại thời kì 1945 - 1954 để lại cho công tác đối ngoại Việt Nam hiện nay bài học về ~~hạn chế thiết lập quan hệ~~  ~~ngoại giao với các nước không cùng thể chế chính trị~~. |  | X |
| 207 | Thời kì 1945 - 1954, những hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ~~góp phần đưa cuộc kháng chiến~~  ~~chống Pháp đi đến thắng lợi.~~ |  | X |
| 208 | Sự ra đời của Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào là một thành  tựu về đối ngoại của Việt Nam ~~trong giai đoạn 1954 – 1975~~. |  | X |
| 209 | Nguyên tắc hoà bình, hữu nghị, bình đẳng và hợp tác trong chủ trương đối ngoại của Việt Nam được ~~bắt đầu đề ra từ Đại hội lần~~  ~~thứ VI của Đảng.~~ |  | X |
| 210 | Việc quân đội Việt Nam rút khỏi Campuchia là một bước quan trọng trong việc giải quyết các vướng mắc trong quan hệ đối  ngoại. | X |  |
| 211 | Hoạt động ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ đã tăng cường  hậu phương quốc tế của ta, gắn Việt Nam với thế giới. | X |  |
| 212 | Trong những năm 1967-1973, tính chủ động của ngoại giao Việt Nam thể hiện ở việc vừa tiến công trực tiếp kẻ thù, vừa đoàn kết  và giữ thế cân bằng với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. | X |  |
| 213 | Trong giai đoạn 1945 – 1975, đấu tranh ngoại giao tác động trở lại các mặt trận quân sự và chính trị nhưng ~~không thể góp phần~~  ~~làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường.~~ |  | X |
| 214 | Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (23-  27/1/1967) khẳng định thắng lợi trên mặt trận quân sự có ý nghĩa quyết định, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. | X |  |
| 215 | Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1954 – 1960 là ~~gia nhập Tổ chức Liên hợp~~  ~~quốc và Liên minh châu Âu.~~ |  | X |
| 216 | Đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới dựa trên lợi ích quốc gia- dân tộc với nền tảng xây dựng đối tác chiến lược toàn diện chỉ  với các nước xã hội chủ nghĩa. |  | X |
| 217 | Phương châm chỉ đạo xuyên suốt đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới là nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ,  hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. | X |  |
| 218 | Thực tiễn quá trình đổi mới cho thấy Việt Nam xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng,  ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. | X |  |
| 219 | Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973) đều là những thắng lợi thể hiện sự chủ động, tự chủ, ~~không chịu tác động~~  ~~của các nước lớn trong đấu tranh ngoại giao của Việt Nam~~ |  | X |
| 220 | Hiệp định Pa-ri được kí kết đã tạo ra bước ngoặt mới của cuộc  kháng chiến chống Mỹ cứu nước. | X |  |
| 221 | ~~Với việc ký kết Hiệp định Pa-ri~~ đã tạo ra cục diện “vừa đánh, vừa  đàm” trên chiến trường miền Nam. |  | X |
| 222 | Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946, hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm ~~tranh~~  ~~thủ điều kiện thuận lợi tiến hành công nghiệp hóa đất nước.~~ |  | X |
| 223 | Trên mặt trận ngoại giao, thắng lợi có ý nghĩa cơ bản mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền  Nam là | X |  |
| 224 | Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam đã tạo ra thời cơ thuận  lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng miền Nam. | X |  |
| 225 | Hiệp định Paris năm 1973 là ~~văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên~~ ghi  nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. |  | X |
| 226 | Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam là ~~thắng lợi của sự kết~~  ~~hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.~~ |  | X |
| 227 | Điểm giống nhau giữa Hiệp định Paris (1973) với Hiệp định Genève (1954) ~~đều đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống~~  ~~ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.~~ |  | X |
| 228 | Hiệp định Pari được kí kết sau “hơn 18 năm kiên trì chiến đấu”  là thắng lợi của Việt Nam trên ~~mặt trận nông nghiệp~~. |  | X |
| 229 | Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết “là thắng lợi có ý nghĩa thời đại” vì góp phần đập tan cuộc phản kích lớn nhất của lực  lượng phản cách mạng vào lực lượng cách mạng. | X |  |
| 230 | Một trong những mục tiêu của đối ngoại Việt Nam thời kì chống Mỹ, cứu nước là buộc các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ  bản của Việt Nam. | X |  |
| 231 | Trong đấu tranh ngoại giao với Mỹ, Việt Nam luôn kết hợp  giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ và ngọn cờ dân tộc chính nghĩa. | X |  |
| 232 | Việt Nam là dân tộc yêu chuộng hòa bình, dân chủ ~~nhưng không~~  ~~bao giờ nhân nhượng đối phương trong quá trình đàm phán.~~ |  | X |
| 233 | Phong trào Đông Du do ~~Phan Châu Trinh~~ khởi xướng thể hiện  tinh thần yêu nước. |  | X |
| 234 | Hoạt động đối ngoại của bộ phận thanh niên yêu nước đầu thế kỉ XX thể hiện tính chất cách mạng, góp phần xác lập khuynh hướng  mới trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam. | X |  |
| 235 | Phong trào Đông Du của thanh niên yêu nước đầu thế kỉ XX đã bước đầu xây dựng xây dựng mối liên hệ giữa phong trào yêu  nước Việt Nam với cách mạng các nước châu Á và thế giới. | X |  |
| 236 | Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, cuộc chiến tranh của thực dân Pháp  ở Đông Dương ~~sẽ kết thúc ở một vài nơi~~. |  | X |
| 237 | Hiệp định Giơ-ne-vơ tạo ra thời kì phát triển mới cho cách mạng các nước Đông Dương vì ~~các nước đã giành được độc lập, thống~~  ~~nhất hoàn toàn.~~ |  | X |
| 238 | Hiệp định Giơ-ne vơ phản ánh tính phức tạp trong quan hệ quốc  tế và thắng lợi từng bước của cách mạng Đông Dương. | X |  |
| 239 | Hiệp định Pari về Việt Nam đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử dân tộc vì ~~đã mở ra khả năng giải quyết hòa bình~~  ~~cuộc chiến tranh Việt Nam.~~ |  | X |
| 240 | Hiệp định Pari về Việt Nam làm xoay chuyển cục diện chiến tranh  vì làm cho ~~thời cơ chiến lược giải phóng miền Nam xuất hiện~~. |  | X |
| 241 | Hiệp định Sơ bộ là hiệp định ~~chính thức~~ đầu tiên giữa Việt Nam  và Pháp trên lĩnh vực ngoại giao. |  | X |
| 242 | Việc kí Hiệp định Sơ bộ chứng tỏ Đảng Cộng sản Đông Dương  và Chủ tịch Hồ ChíMinh chủ trương tìm mọi cách đẩy lùi nguy cơ chiến tranh. | X |  |
| 243 | Để tránh cuộc chiến tranh, giữ hòa bình cho cả hai dân tộc, Việt  Nam đã chủ động đàm phán với Pháp. | X |  |
| 244 | Việc ký Hiệp định Sơ bộ là bước nhân nhượng cần thiết và ~~cuối~~  ~~cùng~~ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam để vãn hồi hòa bình. |  | X |
| 245 | Những thành quả của ngoại giao Việt Nam trong những năm 1968  – 1973 góp phần ~~quyết định~~ vào bảo vệ hoà bình, an ninh thế giới. |  | X |
| 246 | Đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước giai đoạn 1968 – 1973 là xuất hiện cục diện vừa đánh, vừa đám, ~~ngoại giao~~  ~~trở thành mặt trận chủ yếu, quyết định.~~ |  | X |
| 247 | Các hoạt động ngoại giao, vận động quốc tế của Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ đã tạo dựng được hoàn cảnh quốc tế thuận  lợi và nguồn lực cả về vật chất, tinh thần | X |  |
| 248 | Với việc kí Hiệp định Sơ bộ năm 1946, Việt Nam và ~~Pháp~~ đã thể hiện rõ ý đồ muốn giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương  bằng biện pháp hoà bình. |  | X |
| 249 | Một trong những ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ năm 1946 là góp  phần giữ vững độc lập chủ quyền của Việt Nam. | X |  |
| 250 | ~~“Buộc thực dân Pháp phải rút quân khỏi Việt Nam ngay lập tức”~~  là một trong những ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ năm 1946. |  | X |

# Chủ đề 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Lênin đã ~~trực tiếp dẫn dắt, truyền bá con đường cứu nước duy~~  nhất, đúng đắn nhất cho Nguyễn Tất Thành. |  | X |
| 2 | Bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của Nguyễn Tất Thành là  tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 3 | Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã khẳng định sự lựa chọn con đường đúng đắn của Nguyễn Tất Thành -  Hồ Chí Minh cho đất nước, cho dân tộc. | X |  |
| 4 | Tư tưởng chủ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt  động cách mạng là không có gì quý hơn độc lập tự do. | X |  |
| 5 | Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các  tổ chức cộng sản của Việt Nam. | X |  |
| 6 | Ở Việt Nam, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản (1929) là biểu hiện phát triển của phong trào yêu nước theo ~~khuynh hướng dân chủ~~  ~~tư sản.~~ |  | X |
| 7 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) đã ~~hóa giải xung đột về~~  ~~hệ tư tưởng~~ giữa các tổ chức cách mạng, phù hợp với nguyên tắc tổ chức của chính đảng Mác - Lênin. |  | X |
| 8 | ~~Kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân~~ là một trong những sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận  động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 9 | “Tâm tâm xã” là ~~tổ chức do Nguyễn Ái Quốc sáng lập~~, đóng vai trò trung gian chuyển tiếp để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản  Việt Nam. |  | X |
| 10 | Thành lập một tổ chức tiền thân, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán  bộ qua lao động thực tiễn là sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng. | X |  |
| 11 | Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là ~~chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra~~  ~~đời của Đảng.~~ |  | X |
| 12 | Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cứu nước mới cho dân tộc - con đường cứu nước theo khuynh hướng cách  mạng vô sản | X |  |
| 13 | Việc Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước cho dân tộc (1920) đã ~~chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu~~  ~~nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.~~ |  | X |
| 14 | Con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc xác định có sự khác biệt hoàn toàn so với các con đường cứu  nước trước đó về mục tiêu và phương hướng tiến lên. | X |  |
| 15 | Việc Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước cho dân tộc (1920) đã mở đường cho việc giải quyết cuộc khủng hoảng về  đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. | X |  |
| 16 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam (7/1920) là ~~sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của~~  ~~các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 17 | Nghị quyết 24C/18.65 của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 đã khuyến nghị các nước thành viên tham gia Kỉ niệm 100 năm ngày  sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. | X |  |
| 18 | Lý do chủ yếu UNESCO vinh danh chủ tịch Hồ Chí Minh là ~~xuất~~  ~~phát từ tình cảm yêu mến của nhân dân ở những nước mà Người~~  ~~đã sống và hoạt động cách mạng.~~ |  | X |
| 19 | Việc nhiều quốc gia vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là một thực tế lịch sử mang ý nghĩa sâu sắc, phản ánh tầm vóc quốc tế và giá  trị tư tưởng mà Người để lại cho nhân loại. | X |  |
| 20 | Lịch sử không chỉ được viết nên bởi sức mạnh của quần chúng mà còn bởi những cá nhân kiệt xuất mang trong mình lý tưởng  lớn, trái tim nhân ái, luôn hành động vì lợi ích chung. | X |  |
| 21 | Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XX đã ~~khẳng định vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh~~  ~~đối với cách mạng thế giới.~~ |  | X |
| 22 | Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có những chuyển biến, việc học tập và phát huy các phẩm chất tốt đẹp của Hồ Chí Minh để xây dựng và bảo vệ tổ quốc là một điều vô cùng cần  thiết. | X |  |
| 23 | Yếu tố quyết định tạo nên tên tuổi của Hồ Chí Minh là do những tư tưởng, quan điểm của Người đã trở thành kim chỉ nam ~~cho các~~  ~~quốc gia độc lập trong quá trình xây dựng đất nước.~~ |  | X |
| 24 | Trong những năm 1921 - 1930, Nguyễn Ái Quốc ~~đã chuẩn bị về~~  ~~lực lượng vũ trang cho cách mạng Việt Nam.~~ |  | X |
| 25 | Hồ Chí Minh được ca ngợi là nhà lãnh đạo kiệt xuất và là tấm  gương sáng về đạo đức và trách nhiệm. | X |  |
| 26 | Tấm gương của Hồ Chí Minh không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân  cụ thể mà còn truyền cảm hứng cho ~~tất cả~~ nhân dân thế giới. |  | X |
| 27 | Trong bối cảnh thế giới phức tạp, nhiều nhà lãnh đạo và chính trị  gia đã noi theo tấm gương của Hồ Chí Minh để thực hiện tốt vai trò của mình. | X |  |
| 28 | Việc học tập tấm gương của Hồ Chí Minh có thể giúp các nhà lãnh đạo ngày nay định hướng đúng đắn trong quản lý đất nước  và phục vụ lợi ích dân tộc. | X |  |
| 29 | Bằng những giải pháp ngoại giao mềm dẻo trong giai đoạn 1954  – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ~~xóa bỏ hoàn toàn mâu thuẫn~~  ~~giữa Liên Xô và Trung Quốc.~~ |  | X |
| 30 | Dưới thời Hồ Chí Minh, ngoại giao đã được nâng lên thành mặt trận và có ~~vai trò quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng~~  ~~chiến chống Mỹ, cứu nước.~~ |  | X |
| 31 | Đến nay tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh  đã có mặt tại khoảng 20 nước trên thế giới. | X |  |
| 32 | Để bày tỏ sự kính ngưỡng sâu sắc dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, ~~tất cả~~ quốc gia trên thế giới đã bắt tay dựng tượng đài, lấy  tên Người đặt cho nhiều công trình. |  | X |
| 33 | Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí vai trò đặc biệt đối với tiến trình  lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ ~~XIX đến đầu thế kỷ XX.~~ |  | X |
| 34 | Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ, ~~dưới sự lãnh đạo~~  ~~của Đảng Cộng sản Việt Nam.~~ |  | X |
| 35 | Nguyễn Ái Quốc đã hướng về phương Tây đi qua nhiều quốc gia  khác nhau và có nhiều hoạt động nổi bật tại Pháp. | X |  |
| 36 | Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước giải phóng  dân tộc Việt Nam theo cách mạng vô sản. | X |  |
| 37 | ~~Hầu hết các nước~~ trên thế giới lúc bấy giờ đều đi theo con đường  cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc truyền bá |  | X |
| 38 | Hồ Chí Minh xác định thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc từ khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến  trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. | X |  |
| 39 | Trong thời quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã không ngừng thiết lập quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với thế  giới. | X |  |
| 40 | Hồ Chí Minh khẳng định con đường giải phóng cho ~~tất cả các~~  ~~dân tộc trên thế giới~~ không có con đường nào khác ngoài con đường chủ nghĩa xã hội. |  | X |
| 41 | Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp quan trọng cho cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, vì hòa bình, dân  chủ và tiến bộ xã hội. | X |  |
| 42 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp  giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 43 | “Đường Kách mệnh” được xuất bản đầu năm 1927 bởi Hội Liên  hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. | X |  |
| 44 | “Đường Kách mệnh” ~~chỉ~~ phản ánh tội ác của thực dân Pháp mà  không đưa ra phương hướng cách mạng. |  | X |
| 45 | “Đường Kách mệnh” cung cấp phương hướng rõ ràng cho việc  giải phóng dân tộc, giúp nâng cao nhận thức về cách mạng. | X |  |
| 46 | “Đường Kách mệnh” cho thấy lý luận cách mạng cần gắn với  thực tiễn dân tộc mới tạo ra chuyển biến thực sự. | X |  |
| 47 | Chính là chủ nghĩa yêu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với  Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. | X |  |
| 48 | Việc Nguyễn Ái Quốc “hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba” đã ~~mở ra cơ hội mới trong cuộc hành trình tìm đường~~  ~~cứu nước.~~ |  | X |
| 49 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc được Luận cương của Lênin diễn  ra trong bối cảnh Người đang học tập và hoạt động tại ~~Liên Xô~~. |  | X |
| 50 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định chiến tranh chống Mỹ sẽ  ~~nhanh chóng~~ kết thúc thắng lợi. |  | X |
| 51 | Hồ Chí Minh là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và  sức mạnh thời đại. | X |  |
| 52 | Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ và hình thức khác  nhau. | X |  |
| 53 | Năm 1976, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành “Thành phố Hồ Chí Minh” là một hình thức vinh danh Chủ tịch Hồ Chí  Minh. | X |  |
| 54 | Không chỉ tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có góp phần quan trọng về nhiều mặt  trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục,… | X |  |
| 55 | UNESCO ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam vào ~~đúng dịp kỉ~~  ~~niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.~~ |  | X |
| 56 | UNESCO ra nghị quyết ~~yêu cầu các nước xây dựng tượng đài~~  ~~Chủ tịch Hồ Chí Minh.~~ |  | X |
| 57 | Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa trong  thời gian hoạt động ở Pháp. | X |  |
| 58 | Năm 1919 với bản *“Yêu sách của nhân dân An Nam”* Nguyễn Ái Quốc đã ~~khẳng định tìm được con đường đúng đắn cho cách~~  ~~mạng Việt Nam.~~ |  | X |
| 59 | Trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc thấy được cần phải có sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời  đại. | X |  |
| 60 | Điểm nổi bật trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là  đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. | X |  |
| 61 | Di chúc của Hồ Chí Minh thể hiện sự trân trọng của Người đối  với Nhân dân Việt Nam trên mọi miền của Tổ quốc. | X |  |
| 62 | Hồ Chí Minh đã góp phần lãnh đạo đồng bào các dân tộc đứng lên đánh đổ ách thống trị của các ~~thế lực phong kiến phương Bắc~~  ~~và thực dân phương Tây.~~ |  | X |
| 63 | Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam vì Người  ~~cho rằng cộng đồng các dân tộc Việt Nam mặc dù toàn sống ở~~  ~~miền núi nhưng luôn tin theo Đảng và giàu lòng yêu nước.~~ |  | X |
| 64 | Theo Hồ Chí Minh từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam, lòng yêu nước của đồng bào các dân tộc ~~được nảy sinh~~ và phát huy  cao độ, nhờ đó, Việt Nam đã giành nhiều thắng lợi lớn. |  | X |
| 65 | Hội nghị VIII (1941) là mốc đánh dấu lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc  trực tiếp chỉ đạo cách mạng tại Việt Nam. | X |  |
| 66 | Sự *“vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin”* thể hiện ở việc hội nghị chủ trương tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất để  tập trung thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. | X |  |
| 67 | Hội nghị VIII (1941) chủ trương tiến hành cuộc cách mạng giải  phóng dân tộc, ~~bỏ qua các nhiệm vụ dân chủ của cách mạng.~~ |  | X |
| 68 | Cách mạng tháng Tám (1945) thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ  cách mạng chủ yếu được đề ra từ Hội nghị VIII (1941). | X |  |
| 69 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc giúp cho nhân dân tiến bộ Pháp  hiểu rõ hơn cuộc chiến tranh của người Pháp ở Việt Nam. | X |  |
| 70 | Nguyễn Ái Quốc là nhà cách mạng Việt Nam có mặt và phát biểu tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp sau đó trở thành người cộng  sản. | X |  |
| 71 | Sự kiện tại Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp ~~đánh dấu~~  ~~Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc ta~~. |  | X |
| 72 | Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định luôn cống hiến trọn đời mình  cho nhân dân và Tổ quốc. | X |  |
| 73 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hoá lớn của nhân loại đã được  UNESCO ghi danh. | X |  |
| 74 | Chủ tịch Hồ Chí Minh ~~chỉ~~ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ mà không tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực  dân mới. |  | X |
| 75 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân  tộc Việt Nam và ~~các thuộc địa.~~ |  | X |
| 76 | Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời chiến đấu không ngừng nghỉ không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn cho cả nhân dân lao động  thế giới. | X |  |
| 77 | Năm 1911, Nguyễn Tất Thành bắt đầu thực hiện quá trình ra đi  tìm đường cứu nước giải phóng đồng bào. | X |  |
| 78 | Điểm tương đồng trong hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các bậc tiền bối đi trước đều là ~~nhận thức được hạn chế của~~  ~~khuynh hướng tư sản.~~ |  | X |
| 79 | Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành ~~song hành~~ việc tìm đường cứu nước với việc chuẩn bị điều kiện cho sự thành lập tổ chức Đảng  Cộng sản Việt Nam. |  | X |
| 80 | Nguyễn Ái Quốc đã đặt cơ sở cho mối liên hệ giữa cách mạng  Việt Nam và thế giới. | X |  |
| 81 | Để tạo dựng mối quan hệ với thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã ~~thành~~  ~~lập Quốc tế cộng sản.~~ |  | X |
| 82 | Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tôc ở Việt Nam và trên  thế giới là ~~nhờ công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh.~~ |  | X |
| 83 | Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, Tư tưởng đạo đức  Hồ Chí Minh rất sâu sắc, phong phú cả về lý luận và thực tiễn. | X |  |
| 84 | Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu  sắc áp dụng cho ~~tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội~~. |  | X |
| 85 | Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp  của dân tộc, trước hết là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. | X |  |
| 86 | Ý nghĩa quan trọng của việc Nguyễn Ái Quốc đọc bản Luận cương của Lê-nin là người đã khẳng định được con đường giải  phóng dân tộc đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 87 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ~~áp dụng nguyên bản chủ nghĩa Mác –~~  ~~Lê-nin~~ vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 88 | Chủ tịch Hồ Chí Minh ~~chỉ~~ có dấu ấn sâu sắc trong lòng nhân dân  các nước thuộc địa. |  | X |
| 89 | Hồ Chí Minh là người soạn thảo và đọc Tuyên ngôn độc lập. | X |  |
| 90 | Trong năm 1945 – 1946, Hồ Chí Minh lực tìm kiếm sự công  nhận, giúp đỡ từ cộng đồng quốc tế. | X |  |
| 91 | Trong năm 1945 – 1946, Hồ Chí Minh tìm cách duy trì độc lập,  tự do của Việt Nam ~~bằng mọi giá.~~ |  | X |
| 92 | Trong năm 1945 – 1946, với những biện pháp ngoại giao tích cực của chủ tịch Hồ Chí Minh, ~~Chính phủ Việt Nam nhận được sự~~  ~~giúp đỡ của nhiều nước trên thế giới.~~ |  | X |
| 93 | Công lao to lớn đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam là ~~lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng~~  ~~Tám 1945.~~ |  | X |
| 94 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam một di  sản vô giá là tư tưởng Hồ Chí Minh. | X |  |
| 95 | Di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh chỉ có giá trị trong thời kỳ  kháng chiến và ~~không còn phù hợp với thời đại hiện nay.~~ |  | X |
| 96 | Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong  cách Hồ Chí Minh đã và đang được lan tỏa đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân. | X |  |
| 97 | Nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng  viên định hướng đúng đắn trong việc đề ra và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội hiện đại. | X |  |
| 98 | Lí luận của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng giải phóng dân tộc là  nền tảng tư tưởng dẫn đến sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 99 | Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX  là đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để tìm cách cứu nước. | X |  |
| 100 | Điểm giống nhau trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành và các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỉ XX  là ~~đều có quá trình khảo sát thực tiễn ở các nước phương Tây.~~ |  | X |
| 101 | Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, cho sự tiến bộ xã hội của nhân dân  thế giới. | X |  |
| 102 | Những cống hiến và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được nhân dân Việt Nam tiếp tục phát huy trong sự nghiệp xây dựng  và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. | X |  |
| 103 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là ~~lãnh tụ vĩ đại~~ của giai cấp công nhân  quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc thế giới và của cả nhân loại tiến bộ. |  | X |
| 104 | Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự kết hợp của nhiều nhân tố,  trong đó truyền thống quân sự Việt Nam là nền tảng. | X |  |
| 105 | Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là tài sản vô giá đối với kho tàng khoa học quân sự Việt Nam và thế giới vì ~~đã giúp tất cả các nước~~  ~~phát triển học thuyết quân sự hiện đại.~~ |  | X |
| 106 | Để đúc kết nên tư tưởng quân sự của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh  ~~từng học ở nhiều trường quân sự danh tiếng~~ và từng trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn của quân đội Việt Nam. |  | X |
| 107 | Những hoạt động đối ngoại Nguyễn Ái Quốc đều hướng đến mục  tiêu cuối cùng là giành độc lập cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 108 | Nguyễn Ái Quốc đã đứng trên ~~lập trường của chiến sĩ cộng sản~~  khi tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. |  | X |
| 109 | Đảng Cộng sản Việt Nam sau khi ra đời đã thành lập nhiều hình thức mặt trận dân tộc thống nhất khác nhau để phát huy khối đại  đoàn kết dân tộc. | X |  |
| 110 | Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là  ~~sách lược quan trọng~~ cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối  cảnh cụ thể. |  | X |
| 111 | Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế  giới ~~khi tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (1920).~~ |  | X |
| 112 | Hồ Chí Minh là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng  dân tộc, ~~làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên thế giới~~. |  | X |
| 113 | Nguyễn Ái Quốc cùng với Tổng Bí thư Trần Phú là ~~những người~~  ~~đồng sáng lập~~, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. |  | X |
| 114 | Việc Hồ Chí Minh trở thành "một bộ phận của huyền thoại khi còn sống" cho thấy tầm vĩ đại và ngưỡng mộ đặc biệt của nhiều  người đối với Người. | X |  |
| 115 | Các hoạt động tôn vinh Bác Hồ của nước ta đối với bạn bè thế giới nhằm củng cố lòng tin và tình hữu nghị, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, ~~trong đó có hoạt động xây lăng ở~~  ~~tiêu biểu nhất.~~ |  | X |
| 116 | Nội dung phản ánh đúng vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) là ~~tìm kiếm~~  ~~được sự giúp đỡ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.~~ |  | X |
| 117 | Nguyễn Ái Quốc đã đứng trên ~~lập trường dân chủ tư sản~~ khi tham  gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. |  | X |
| 118 | Hồ Chí Minh lựa chọn tham gia các tổ chức chính trị mang tính quốc tế trong quá trình tìm đường cứu nước vì ~~Người tin rằng chỉ~~  ~~liên minh với các nước tư bản mới có thể giành lại độc lập cho~~  ~~dân tộc.~~ |  | X |
| 119 | Đầu thế kỉ XX, tình trạng khủng hoảng, bế tắc về con đường cứu nước ở Việt Nam đã ~~làm cho Nguyễn Tất Thành ít tin tưởng vào~~  ~~tinh thần yêu nước của nhân dân.~~ |  | X |
| 120 | Sau khi tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị những tiền đề cho sự ra đời của một chính đảng cách  mạng của giai cấp công nhân Việt Nam. | X |  |
| 121 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đánh dấu nhân dân lao  động Việt Nam ~~đã lên nắm chính quyền, làm chủ đất nước~~. |  | X |
| 122 | Ở Việt Nam, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) và đường lối Đổi mới đất nước (từ năm 1986) ~~đều hướng đến thay~~  ~~đổi đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam~~. |  | X |
| 123 | Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin của Nguyễn Ái Quốc vào một nước thuộc  địa nửa phong kiến. | X |  |
| 124 | Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức  cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. | X |  |
| 125 | Nguyễn Ái Quốc đã chính thức xác lập và củng cố mối quan hệ  giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. | X |  |
| 126 | Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã trở  thành người chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt Nam. | X |  |
| 127 | Hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã đưa Đảng Cộng sản Việt Nam ~~trở thành phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng~~  ~~sản.~~ |  | X |
| 128 | Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì đã để  lại di sản to lớn trên lĩnh vực khoa học – kĩ thuật. | X |  |
| 129 | Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh dựa trên nguồn gốc lý luận là Chủ nghĩa Mác -  Lênin. | X |  |
| 130 | Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, Hồ Chí Minh đã ~~hoàn thiện lí luận xây dựng nền kinh tế thị trường định~~  ~~hướng xã hội chủ nghĩa.~~ |  | X |
| 131 | Thắng lợi của quân dân Việt Nam trong Chiến tranh phá hoại miền Bắc cho thấy sự đúng đắn về chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí  Minh với tư tưởng Cách mạng không ngừng. | X |  |
| 132 | Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của  Nguyễn Tất Thành là ~~Anh~~. |  | X |
| 133 | Tại đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản  Pháp. | X |  |
| 134 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, đánh dấu bước ngoặt về trong  tư duy và hành động của Nguyễn Ái Quốc. | X |  |
| 135 | Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp ~~chỉ~~ có ý nghĩa đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ~~không~~ tác động đến cách  cách mạng Việt Nam. |  | X |
| 136 | Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc ở trong  ~~Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam~~. |  | X |
| 137 | Con đường giải phóng dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc tìm ra và lựa  chọn là ~~dân chủ tư sản~~. |  | X |
| 138 | Việc Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam đã ~~mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do, đưa cả nước đi lên~~  ~~chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 139 | Năm 2016, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để phát huy giá trị to  lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | X |  |
| 140 | Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu và châu Phi ~~để truyền bá lí luận cách mạng~~  ~~giải phóng dân tộc.~~ |  | X |
| 141 | Quyết định sang phương Tây trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành được lịch sử chứng minh là quyết  định sáng suốt và phi thường. | X |  |
| 142 | Khi ra đi tìm đường cứu nước, ~~Nguyễn Tất Thành đã hiểu rõ thế~~  ~~nào là tự do, bình đẳng, bác ái.~~ Vì vậy, Người muốn đấu tranh giải phóng dân tộc. |  | X |
| 143 | Sự thất bại của các khuynh hướng cứu nước ở Việt Nam cuối thế  kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành phải tìm con đường cứu nước mới. | X |  |
| 144 | ~~Những hiểu biết sâu sắc về phương Tây~~ đã giúp Nguyễn Tất Thành thấu hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và quyết định  hướng đi đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước. |  | X |
| 145 | Cuộc đời cao thượng, trong sáng và đẹp đẽ của Hồ Chí Minh được ~~khởi đầu từ khi Người tìm thấy con đường giải phóng cho~~  ~~dân tộc Việt Nam.~~ |  | X |
| 146 | Từ khi đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin, chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh có bước phát triển nhảy vọt: ~~Người xác định gắn~~  ~~cứu nước đồng thời với cứu dân.~~ |  | X |
| 147 | Một trong những ~~sáng tạo điển hình~~ của Hồ Chí Minh là nhận thức đúng vai trò lãnh đạo của chính đảng vô sản trong sự nghiệp  cách mạng. |  | X |
| 148 | Việc Nguyễn Ái Quốc tham gia Quốc tế Cộng sản (12-1920) đã  ~~Chấm dứt thời kỳ bị cô lập của cách mạng Việt Nam với cách~~  ~~mạng thế giới.~~ |  | X |
| 149 | Bước đi chiến lược của Nguyễn Ái Quốc nhằm chuẩn bị về tổ  chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sáng lập Hội Việt Nam Cách mang Thanh niên. | X |  |
| 150 | Việc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã ~~đánh dấu Nguyễn Ái Quốc~~  ~~tìm ra con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc Việt Nam~~. |  | X |
| 151 | Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách đúng đắn nhất để giải quyết vấn đề Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và  rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam. | X |  |
| 152 | Sự kết hợp giữa lòng yêu nước với ~~chủ nghĩa dân tộc vô sản~~ đã  tạo nên nhân cách cao đẹp của Hồ Chí Minh. |  | X |
| 153 | ~~Bằng việc khi nghiêng sang “tả”, lúc thiên về “hữu”,~~ Hồ Chí  Minh đã thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình chỉ đạo cách mạng. |  | X |
| 154 | Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây để tìm hiểu về ~~những tiến~~  ~~bộ của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ.~~ |  | X |
| 155 | Tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vừa chịu ảnh hưởng của  cách mạng Pháp, vừa chịu ảnh hưởng của cách mạng Nga. | X |  |
| 156 | Nguyễn Ái Quốc đã chuyển từ lập trường yêu nước sang ~~lập~~  ~~trường tư sản~~ và đi đến chủ nghĩa cộng sản. |  | X |
| 157 | Hồ Chí Minh là hình ảnh đẹp về một chiến sĩ cộng sản quốc tế  đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và con người. | X |  |
| 158 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh là anh hùng giải phóng  dân tộc và ~~di sản văn hoá thế giới~~. |  | X |
| 159 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh là nhà văn hoá kiệt xuất vì Tư tưởng của Người là tài sản chung của nhân loại, có giá trị  vĩnh hằng, là niềm tự hào của các dân tộc. | X |  |
| 160 | Hồ Chí Minh trở thành danh nhân văn hóa thế giới vì ~~Người đã~~  ~~khai sinh ra nền văn hóa Việt Nam.~~ |  | X |
| 161 | Một trong những cống hiến lớn của Hồ Chí Minh là ~~xóa bỏ được~~  ~~nạn dốt và phổ cập giáo dục tiểu học ở Việt Nam.~~ |  | X |
| 162 | Sau khi lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, ~~với việc xác định~~  ~~đúng vai trò của giáo dục~~, Hồ Chí Minh đã trở thành danh nhân văn hóa thế giới. |  | X |
| 163 | Nguyễn Ái Quốc cùng Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã biến thời cơ thành hành động cách mạng khi điều kiện thuận  lợi ảnh hưởng tới vận mệnh dân tộc đến. | X |  |
| 164 | Sự chỉ đạo và hiệu triệu của Nguyễn Ái Quốc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần ~~giúp nhân dân các nước Đông~~  ~~Dương giành độc lập.~~ |  | X |
| 165 | Sự đúng đắn, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là giải quyết linh  hoạt mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong điều kiện cụ thể của Việt Nam vào tháng Tám năm 1945. | X |  |
| 166 | Là người sáng lập báo Thanh Niên, Nguyễn Ái Quốc đã khơi  nguồn cho dòng báo chí cách mạng Việt Nam. | X |  |
| 167 | Qua nội dung của báo Thanh niên cho thấy vai trò của Nguyễn  Ái Quốc trong việc định hướng con đường giải phóng đất nước cho dân tộc Việt Nam. | X |  |
| 168 | Những giá trị, tư tưởng của Hồ Chí Minh được thể hiện qua các bài báo cách mạng mang tính phổ quát, vượt thời đại như vấn đề  giải phóng con người. | X |  |
| 169 | Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 có ảnh hưởng đến sự lựa  chọn con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. | X |  |
| 170 | Nguyễn Ái Quốc chọn con đường cách mạng vô sản vì đây là con  đường ~~duy nhất~~ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. |  | X |
| 171 | Năm 1920, việc Nguyễn Ái Quốc lựa chọn được con đường cứu nước đúng đắn đã ~~mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt~~  ~~Nam.~~ |  | X |
| 172 | Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam và chủ nghĩa Cộng sản đều thống nhất trong quan điểm ~~xóa bỏ sự phân chia giai cấp~~ và  áp bức trong xã hội. |  | X |
| 173 | Nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ chủ nghĩa yêu  nước. | X |  |
| 174 | Chủ nghĩa Mác – Lênin là ~~học thuyết duy nhất~~ mà Hồ Chí Minh  tiếp xúc trong hành trình tìm đường cứu nước. |  | X |
| 175 | Cứu nước gắn liền với cứu dân là ~~điểm mới và sáng tạo~~ trong tư tường yêu nước của Hồ Chí Minh so với Phan Bội Châu và Phan  Châu Trinh. |  | X |
| 176 | Khẳng định Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin có nghĩa là Hồ Chí Minh đã ~~bổ sung và hoàn thiện học~~  ~~thuyết về chủ nghĩa xã hội.~~ |  | X |
| 177 | Cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là ~~đề ra~~  ~~đường lối của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa~~. |  | X |
| 178 | Hồ Chí Minh được vinh danh anh hùng giải phóng dân tộc và ~~một~~  ~~trong các vị tướng đại tài của thế giới~~ vì những cống hiến của Người trong thế kỉ XX. |  | X |
| 179 | Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử với vai trò một nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế, một lãnh tụ vĩ  đại của nhân dân Việt Nam. | X |  |
| 180 | Hồ Chí Minh được UNESCO vinh danh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam vì Người đã ~~loại bỏ được~~  ~~mọi bất công, bất bình đẳng ở Việt Nam và trên thế giới.~~ |  | X |
| 181 | Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại vì giá trị tư tưởng, văn hoá của Người là sự kết tinh của giá trị văn hoá Việt Nam và sự hội  tụ những giá trị văn hoá cao đẹp của các dân tộc trên thế giới. | X |  |
| 182 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc chân chính vì Người  đã đấu tranh không ngừng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. | X |  |
| 183 | Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử vẻ  vang của dân tộc Việt Nam và thời đại chống chủ nghĩa thực dân. | X |  |
| 184 | Hồ Chí Minh được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc là bởi  vì Người đã ~~lật đổ chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam~~. |  | X |
| 185 | Nhân dân thế giới ngưỡng mộ Hồ Chí Minh trước hết vì Người  đã hiến dâng cuộc đời để ~~mở đường~~ cho sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động trên toàn thế giới. |  | X |
| 186 | Tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải  phóng dân tộc. | X |  |
| 187 | Thực tiễn kháng chiến chống Mĩ (1954–1975) cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả trong  sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. | X |  |
| 188 | Vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên Hồ Chí Minh đã xác định bạo lực cách mạng ~~chỉ là bạo lực của Đảng Cộng sản,~~  ~~Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu giành và giữ chính quyền~~. |  | X |
| 189 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc ~~đầu tiên~~ của Việt Nam |  | X |
| 190 | Do thắng lợi của cách mạng Việt Nam gắn với công lao của Hồ Chí Minh nên dân tộc Việt Nam luôn khắc ghi cống hiến của  Người. | X |  |
| 191 | Vì thực hiện ~~đồng thời~~ ngọn cờ độc lập dân tộc và xã hội chủ  nghĩa nên Việt Nam đã lật đổ được phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. |  | X |
| 192 | Hồ Chí Minh đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa, vì đây là ~~con~~  ~~đường duy nhất hướng tới giành độc lập dân tộc.~~ |  | X |
| 193 | Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước khi ~~Việt Nam vừa~~  ~~mới bị thực dân Pháp xâm lược.~~ |  | X |
| 194 | Động lực lớn nhất đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác-  Lênin là lòng yêu nước. | X |  |
| 195 | So với thế hệ tiền nhân, Nguyễn Ái Quốc có ~~điểm khác biệt~~ là  tìm cách để lật đồ kẻ thù xâm lược. |  | X |
| 196 | Một trong những điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là đi đến  sào huyệt của chủ nghĩa đế quốc để tìm cách đánh đổ chúng. | X |  |
| 197 | Cống hiến mang tính đột phá lý luận về cách mạng Việt Nam của chủ tịch Hồ ChíMinh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã  hội. | X |  |
| 198 | Nhờ chọn việc khẩn trương xây dựng ~~chế độ xã hội chủ nghĩa~~ nên Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công  năm 1945. |  | X |
| 199 | Chủ nghĩa xã hội phát triển, mở rộng liên tục từ khi cách mạng tháng Mười Nga (1917) thành công đã thúc đẩy sự phát triển của  cách mạng thế giới. |  | X |
| 200 | Học thuyết Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh thống nhất với nhau ở  điểm đặt vấn đề ~~giải phóng dân tộc lên hàng đầu~~. |  | X |